

KIỂM KÊ DI SẢN MƠ MƯỜNG
INVENTORY OF THE MO MƯỜNG

2023

VIỆN ÂM NHẠC
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH HÒA BÌNH

KIỂM KÊ DI SẢN MŨI MỜ
2023

Đơn vị phối hợp thực hiện

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk
- Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình
- Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Ninh Bình
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Thọ
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sơn La
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thanh Hóa

Departments to Cooperate for Implementation

- Department of Culture, Sports and Tourism of Đắk Lắk province
- Hà Nội Department of Culture and Sports
- Department of Culture, Sports and Tourism of Hòa Bình province
- Department of Culture and Sports of Ninh Bình province
- Department of Culture, Sports and Tourism of Phú Thọ province
- Department of Culture, Sports and Tourism of Sơn La province
- Department of Culture, Sports and Tourism of Thanh Hóa province

VIETNAMESE INSTITUTE FOR MUSICOLOGY
DEPARTMENT OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM OF HÒA BÌNH PROVINCE

INVENTORY OF THE MÔ MƯỜNG
2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ DI SẢN MO MƯỜNG NĂM 2023

Căn cứ vào tờ trình số 74/Ttr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và công văn số 3056/BVHTTDL-DSVH về việc xây dựng hồ sơ Mo Mường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình giao cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hòa Bình phối hợp với Viện Âm nhạc thuộc Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam (đơn vị tư vấn lập hồ sơ) cùng các cơ quan chức năng, các địa phương có di sản Mo Mường tổ chức xây dựng Hồ sơ quốc gia Mo Mường Việt Nam đệ trình UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản Văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.

Một trong những mảng nội dung quan trọng, cần thiết cho việc xây dựng hồ sơ chính là kết quả kiểm kê Di sản Mo Mường tại 07 tỉnh có di sản, đó là¹:

- Đắk Lắk
- Hà Nội
- Hòa Bình
- Ninh Bình
- Phú Thọ
- Sơn La
- Thanh Hóa

Để tiến hành công tác kiểm kê một cách có hiệu quả, Viện Âm nhạc đã thực hiện các công việc chuẩn bị cần thiết, bao gồm:

- Sau khi tham gia tìm hiểu, tổng hợp ý kiến của một số nghệ nhân đang thực hành di sản tại cộng đồng, các chuyên gia nghiên cứu về văn hóa Mo Mường, Viện Âm nhạc đã xây dựng bộ phiếu kiểm kê gồm 7 mẫu biểu.
- Tổ chức tập huấn cho cán bộ nghiệp vụ của các tỉnh về nội dung cũng như phương cách kiểm kê di sản Mo Mường tại địa phương.

¹. Danh sách các tỉnh được xếp theo thứ tự ABC.

Toàn bộ số liệu kết quả kiểm kê di sản Mo Mường tại các địa phương đều được gửi về Tiểu ban Kiểm kê Di sản Mo Mường của Viện Âm nhạc thẩm định và tổng hợp số liệu cuối cùng để báo cáo.

I. Nội dung kiểm kê di sản Mo Mường

Sau quá trình, Viện Âm nhạc đã xây dựng 06 mẫu biểu kiểm kê di sản Mo Mường tại các địa phương và 01 mẫu biểu kiểm kê tại kho lưu trữ Viện Âm nhạc như sau:

1. Mẫu 1: “Nghệ nhân Mo Mường”

Đối tượng kiểm kê của mẫu 1 là các nghệ nhân Mo Mường (thầy Mo) - những người có căn số, được người dân địa phương tin tưởng trao cho nhiệm vụ thực hành các nghi lễ tín ngưỡng có tên gọi “Mo” (đặc biệt quan tâm đến các thầy Mo có thể thuộc và thực hiện được đầy đủ các Rooney Mo trong nghi lễ Mo tang ma và có truyền thống gia đình nhiều đời làm Mo).

Nội dung cần kê khai trong mẫu 1 bao gồm: tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, truyền thống làm Mo của gia đình (có hay không, nếu có thì có bao nhiêu nỏ Thánh Thư/Thiên Thư), số năm làm nghề Mo, số lượng nghi lễ Mo tang ma đã thực hiện, số lượng và tên các Rooney Mo biết, thuộc và thực hành được, hiện vật trong túi khốt được thầy Mo hay dùng khi thực hành lễ (miêu tả, lý do, câu chuyện xung quanh các hiện vật đó...), số lượng học trò theo học....

- Mẫu 1A: “Các nghệ nhân Mo Mường bậc thầy”:

Về nội dung, mẫu 1A tương tự như Mẫu 1 “Nghệ nhân Mo Mường”. Đây là mẫu xác định lại danh xưng “bậc thầy”, do cộng đồng lựa chọn dựa trên tiêu chí dành cho các nghệ nhân Mo hiện nay còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/ hoặc gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần Mo trong một lễ tang truyền thống xưa.

2. Mẫu 2 - “Người tham gia thực hành nghi lễ tang ma của dân tộc Mường” (không phải là thầy Mo)

Trong quá trình thực hành nghi lễ tang ma của dân tộc Mường, ngoài thầy Mo, còn có sự tham gia của đội nhạc, đôi khi có cả thầy Clượng (Clượng còn gọi là thầy Trượng) hoặc đội múa chuyên trách (không phải là con gái hay con dâu của nhà tang chủ). Đây chính là những đối tượng kiểm kê của mẫu 2.

Nội dung cần kê khai trong mẫu 2 - “Người tham gia thực hành nghi lễ tang ma của dân tộc Mường” bao gồm: tên, tuổi, giới tính, địa chỉ, vai trò gì khi thực hành nghi lễ, gia đình có truyền thống làm nghề không, số năm làm nghề, số lượng nghi lễ đã thực hành, số lượng học trò....

3. Mẫu 3 - “Các nghi lễ tín ngưỡng có tên gọi ‘Mo’ tại địa phương”

Ngoài tang ma là nghi lễ do thầy Mo thực hiện chính, ở một số địa phương, nhiều nghi lễ tín ngưỡng khác trong đời sống cũng được người dân gọi là “Mo” như Mo vía, Mo Mát nhà... Các nghi lễ này có thể do thầy Mo hoặc không phải thầy Mo mà là thầy Clượng thực hiện hoặc là thầy Mo thực hiện trong vai trò của thầy Clượng do có cả 2 nổ Mo và Clượng... Do đó, đối tượng kiểm kê của mẫu 3 là những nghi lễ tín ngưỡng (bao gồm cả tang ma) được người dân trong cộng đồng gọi là “Mo” đã từng/vẫn đang được thực hành tại địa phương.

Nội dung cần kê khai trong mẫu 3 - “Các nghi lễ tín ngưỡng có tên gọi ‘Mo’ tại địa phương” bao gồm: tên nghi lễ, địa phương thực hành lễ, mục đích làm lễ, thời điểm/thời gian làm lễ (làm lễ khi nào/dịp nào?, nghi lễ được diễn ra trong bao nhiêu lâu?), không gian làm lễ, người thực hiện nghi lễ (thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Clượng hay thầy Mỡi), nghi lễ có vẫn đang được thực hành thường xuyên không? Hay ít được thực hành/có được thực hành nhưng không còn đầy đủ nội dung? Hoặc đã từng được thực hành nhưng nay không còn nữa...

4. Mẫu 4 - “Hiện vật liên quan đến Mo Mường”

Đối tượng kiểm kê của mẫu 4 là các hiện vật có liên quan đến thầy Mo và được sử dụng trong nghi lễ tang ma của người Mường hiện tìm được tại địa phương.

Nội dung kê khai của mẫu 4 - “Hiện vật liên quan đến di sản Mo Mường” bao gồm: tên/địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân đang lưu trữ các hiện vật, nguồn gốc các hiện vật, tên gọi/loại hình/số lượng các hiện vật.

5. Mẫu 5 - “Tư liệu liên quan đến Mo Mường”

Đối tượng của mẫu 5 là các tư liệu liên quan đến di sản Mo Mường, bao gồm cả dạng tư liệu văn bản (sách, báo, tạp chí, kỷ yếu hội thảo, các tài liệu chép tay, v.v..) và dạng tư liệu nghe nhìn (băng, đĩa, file mềm, ảnh...).

Nội dung kê khai của mẫu 5 - “Tư liệu liên quan đến Mo Mường” bao gồm: tên tư liệu, tên tác giả, dạng tư liệu, số trang/dung lượng tư liệu, năm xuất bản/ấn hành, nhà xuất bản/nơi ấn hành (nếu có), nơi lưu giữ, người lưu giữ, địa chỉ/số điện thoại.

6. Mẫu 06: “Kiểm kê các tư liệu có liên quan đến di sản Mo Mường tại kho lưu trữ Viện Âm nhạc”

Ngoài các phần kiểm kê do các tỉnh thành thực hiện, Viện Âm nhạc cũng tiến hành kiểm kê các tư liệu âm thanh, hình ảnh, tư liệu viết liên quan đến di sản Mo Mường hiện đang lưu trữ tại kho tư liệu Viện Âm nhạc. Mẫu biểu này được xây dựng dành cho việc kiểm kê hệ thống tư liệu của Viện bao gồm băng đĩa âm thanh, hình ảnh, tư liệu sách và các bài báo viết về Mo Mường.

II. Kết quả kiểm kê

1. Về số liệu kiểm kê tại các địa phương

Việc kiểm kê di sản Mo Mường được một số tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2021, tiếp tục cập nhật số liệu năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023. Các số liệu kiểm kê di sản Mo Mường của các tỉnh được tiểu ban Kiểm kê của Viện Âm nhạc hệ thống lại trong bảng "*Tổng hợp kiểm kê di sản Mo Mường*" sau khi đã rà soát lại và loại trừ những phần kê khai thiếu nhiều thông tin, sai cột mục và không hợp lý.

Mặc dù Viện Âm nhạc cũng như các địa phương đã có những nỗ lực trong việc thực hiện công tác kiểm kê di sản Mo Mường, song vì những nguyên do khách quan cũng như chủ quan, chất lượng kiểm kê di sản ở các tỉnh không được đồng đều và đạt hiệu quả như mong đợi. Mẫu 2 của tỉnh Hòa Bình chỉ gửi kết quả kiểm kê của 03 huyện Tân Lạc, Lạc Sơn, Yên Thủy; Hà Nội không gửi kết quả kiểm kê của Mẫu 2, Đắk Lắk không có kết quả kiểm kê của mẫu 5. Kết quả kiểm kê được đưa ra ở đây là những tổng kết bước đầu để nhận diện một cách tổng thể diện mạo thực trạng của di sản Mo Mường hiện nay đều dựa trên số liệu do các địa phương cung cấp.

• Mẫu 1: "Nghệ nhân Mo Mường" và mẫu 1A "Các nghệ nhân Mo Mường bậc thầy"

* Tỉnh ĐẮK LẮK:

Theo báo cáo, Đắk Lắk triển khai công tác kiểm kê di sản Mo Mường tại: thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Ea H'leo, huyện Ea Kar, huyện Krông Năng, huyện Krông Bông.

Tổng số nghệ nhân làm Mo ở Đắk Lắk có 12 người.

- Nam: 12 người

- Độ tuổi:

+ Dưới 60 tuổi: 04 người

+ Từ 60 - 80 tuổi: 08 người

Trong số 12 người có 01 nghệ nhân bậc thầy uy tín và được cộng đồng công nhận là ông Bùi Văn Thành sinh năm 1971 ở thôn 2 xã Hòa Thắng có 32 năm thực hành, ông thuộc hầu hết các bài Mo và ước tính thực hiện được 200 lễ.

*** Thành phố HÀ NỘI:**

Theo báo cáo, Hà Nội triển khai công tác kiểm kê di sản Mo Mường tại 3 huyện: Quốc Oai, Thạch Thất và Ba Vì.

Tổng số nghệ nhân làm Mo ở Hà Nội có 06 người.

- Nam: 05 người

- Nữ: 01 người

- Độ tuổi:

+ Dưới 60 tuổi: 03 người

+ Từ 60 - 80 tuổi: 01 người

+ Trên 80 tuổi: 02 người

Trong số 06 nghệ nhân, có 2 thầy Mo được cộng đồng công nhận là Nghệ nhân Mo bậc thầy đó là :

+ Thầy Mo Bùi Phát Tường (sinh năm 1940), ở thôn Đồng Chay, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì là người cao tuổi nhất, gia đình có 9 đời làm Mo và có 15 năm thực hành nghề Mo và là thầy Mo được cộng đồng công nhận là Mo bậc thầy.

+ Bà Mo Nguyễn Thị Bí (sinh năm 1951) là một trong hai thầy Mo duy nhất trên cả nước là nữ giới. Trong cộng đồng Mường ở Hà Nội, bà đã tham gia làm Mo cho 2400 đám tang.

*** Tỉnh HÒA BÌNH:**

Tỉnh Hòa Bình tiến hành kiểm kê di sản Mo tại thành phố Hòa Bình và các huyện Cao Phong, Đà Bắc, Kim Bôi, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Lương Sơn, Mai Châu, Tân Lạc và Yên Thủy.

Tổng số nghệ nhân làm Mo trên toàn tỉnh có 191 người, trong đó:

- Giới tính:

+ Nam: 190 người

+ Nữ: 1 người

- Độ tuổi:

+ Dưới 60 tuổi: 75 người

+ Từ 60 - 80 tuổi: 102 người

+ Trên 80 tuổi: 11 người

+ 01 người không kê khai năm sinh

Trong số 191 nghệ nhân, có 06 nghệ nhân (chiếm 2.9%) số nghệ nhân được cộng đồng công nhận là ông Mo bậc thầy trong đó:

+ Thầy Mo Bùi Văn Phin, sinh năm 1934, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc có 60 năm làm nghề Mo và gia đình có 9 đời làm Mo.

+ Thầy Mo Quách Văn Đào, sinh năm 1951, ở xã Sào Báy, huyện Kim Bôi, gia đình có 04 đời làm Mo và 54 năm làm nghề Mo.

+ Bùi Văn Rùm sinh năm 1957 ở Xóm Rậm Cọ, xã Thượng Cốc, gia đình có 08 đời làm Mo và 22 năm làm nghề Mo.

+ Đinh Công Ninh 1947 ở Xóm Thôi Láo, Xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc, gia đình có 05 đời làm Mo và 50 năm làm nghề Mo.

+ Bùi Văn Lụng 1957 ở Xóm Mường Lắm, xã Phong Phú Tân Lạc, gia đình có 07 đời làm Mo và 39 năm làm nghề Mo.

+ Xa Tiến Thọ 1969 Xóm Dưng, xã Hiền Lương, huyện Đà Bắc, gia đình có 03 đời làm Mo và 25 năm làm nghề Mo.

* **Tỉnh NINH BÌNH:**

Theo báo cáo của tỉnh Ninh Bình, công tác kiểm kê Di sản Mo Mường được thực hiện tại 9 xã có người Mường sinh sống ở huyện Nho Quan.

Tổng số nghệ nhân làm Mo trên toàn tỉnh có 09 người, trong đó:

- Nam: 09 người

- Độ tuổi:

+ Dưới 60 tuổi: 03 người

+ Từ 60 - 80 tuổi: 05 người

+ Trên 80 tuổi: 01 người

Trong số 09 nghệ nhân, có 02 nghệ nhân được cộng đồng công nhận là ông Mo bậc thầy:

+ Thầy Mo Đình Văn Nếu, sinh năm 1937, bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan có 40 năm làm nghề Mo và gia đình có 12 đời làm Mo.

+Đình Xuân Tân sinh năm 1965 ở xã Cúc Phương gia đình có truyền thống 09 đời làm Mo và thực hành được 15 năm.

*** Tỉnh PHÚ THỌ:**

Ở tỉnh Phú Thọ, công tác kiểm kê di sản Mo Mường được tiến hành tại hai huyện Tân Sơn và Yên Lập.

Tổng số nghệ nhân làm Mo trên toàn tỉnh có 17 người, trong đó:

- Nam: 17 người

- Độ tuổi:

+ Dưới 60 tuổi: 04 người

+ Từ 60 - 80 tuổi: 11 người

+ Trên 80 tuổi: 02 người

Trong số các nghệ nhân Mo Mường ở Phú Thọ chỉ có 01 nghệ nhân Mo được cộng đồng công nhận là ông Mo bậc thầy và ông đã được nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú đó là:

+ Thầy Mo Nguyễn Đình Thường, sinh năm 1958, ở xã Ngọc Đông, huyện Yên Lập đã làm nghề Mo 36 năm và gia đình có 3 đời làm Mo.

*** Tỉnh SƠN LA:**

Tỉnh Sơn La triển khai công tác kiểm kê di sản Mo Mường tại các huyện Bắc Yên, Mộc Châu, Phù Yên và Vân Hồ.

Tổng số nghệ nhân làm Mo trên toàn tỉnh có 21 người, trong đó:

- Nam: 21 người
- Độ tuổi:
 - + Dưới 60 tuổi: 7 người
 - + Từ 60 - 80 tuổi: 10 người
 - + Trên 80 tuổi: 4 người

Theo thống kê, những nghệ nhân trên 80 tuổi ở Sơn La hiện đã già yếu, không đi Mo tang ma được nên hiện nay cộng đồng công nhận 01 ông Mo bậc thầy là ông Đinh Văn Sơ, sinh năm 1953 ở xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên có hơn 20 năm làm nghề Mo và ước tính được hơn 100 đám tang và ông Đinh Xuân Ngoan có 03 đời làm Mo và thực hiện hàng nghìn lễ.

*** Tỉnh THANH HÓA:**

Theo báo cáo, tỉnh Thanh Hóa tiến hành kiểm kê di sản Mo Mường tại 11 huyện, gồm: Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Mường Lát, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Thạch Thành, Thường Xuân.

Tổng số nghệ nhân Mo Mường trên toàn tỉnh có 165 người trong đó:

- Nam: 165 người
- Độ tuổi:
 - + Dưới 60 tuổi: 61 người
 - + Từ 60 - 80 tuổi: 85 người
 - + Trên 80 tuổi: 19 người

Trong số 165 nghệ nhân chỉ có 04 nghệ nhân (khoảng 2,5%) được cộng đồng công nhận là nghệ nhân Mo bậc thầy, đó là :

+ Thầy Mo Nguyễn Đình Dương, sinh năm 1942, xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc có 60 năm làm Mo - số năm thực hành nghề nhiều nhất so với các thầy Mo khác trong tỉnh.

+ Thầy Mo Bùi Ngọc Dĩnh, sinh năm 1954 ở xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành gia đình có 7 đời là Mo và ông đã thực hiện Mo cho hơn 2300 đám tang tại địa phương.

+Thầy Bùi Văn Kiên 1965, gia đình có 15 có truyền thống 05 đời làm Mo và 30 năm làm nghề.

+ Thầy Trương Ngọc Đình 1967, gia đình có truyền thống 05 đời làm Mo và 30 năm hành nghề, ông đã thực hiện khoảng 900 nghi lễ.

• **Mẫu 2: "Người tham gia thực hành nghi lễ tang ma của dân tộc Mường" (không phải là thầy Mo)**

* **Tỉnh ĐẮK LẮK:**

Trong mẫu này, tỉnh Đắk Lắk chỉ đưa ra số liệu kiểm kê của huyện Ea Kar. Những người tham gia thực hành nghi lễ tang ma của dân tộc Mường ngoài thầy Mo còn có 03 người sử dụng nhạc cụ để phục vụ trong đám tang.

- Nam: 3 người

- Độ tuổi:

+ Từ 60 - 80 tuổi: 02 người

+ Một người không kê khai độ tuổi

* **Thành phố HÀ NỘI:**

Thành phố Hà Nội là địa phương duy nhất không kê khai mẫu biểu này

* **Tỉnh HÒA BÌNH:**

Trong mẫu này, tỉnh Hoà Bình đã đưa ra số liệu kiểm kê tại 3 huyện Lạc Sơn, Tân Lạc, Yên Thủy gồm có 71 người trong đó:

- Người giúp việc (bao gồm chí chước 28 người và mẹ mụ 11 người): 39 người

- Nhạc cụ: 32 người

- Giới tính:

+ Nam: 60 người

+ Nữ: 11 người

- Độ tuổi:

- + Dưới 60 tuổi: 36 người
- + Từ 60 – 80 tuổi: 32 người
- + Trên 80 tuổi: 2 người
- + 01 người không kê khai năm sinh

* **Tỉnh NINH BÌNH:**

Những người được kê khai trong mẫu này của tỉnh Ninh Bình gồm có 24 người trong đó:

- Thầy Trưởng: 01 người
- Thầy cúng: 06 người
- Những người giúp việc trong lễ: 03 người
- Những người sử dụng nhạc cụ trong đám tang: 14 người

Trong số 24 người có:

- Nam: 24 người
- Độ tuổi:
 - + Dưới 60 tuổi: 13 người
 - + Từ 60 - 80 tuổi: 03 người
 - + Trên 80 tuổi: 02 người
 - + Có 06 người không kê khai năm sinh

* **Tỉnh PHÚ THỌ:**

Những người được kê khai trong mẫu này ở Phú Thọ bao gồm có:

- Thầy cúng: 8 người

- Người trợ giúp thầy Mo sắp lễ: 1 người

Trong số 9 người có:

- Nam: 09 người

- Độ tuổi:

+ Từ 50 - 80 tuổi: 07 người

+ Trên 80 tuổi: 02 người

Trong số 07 thầy cúng có những thầy làm nghề từ 40 – 50 năm như:

+ Thầy cúng Hà Đức Sơn, sinh năm 1933, ở khu Đồng, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn có số năm làm thầy cúng lâu nhất là 50 năm.

+ Thầy cúng Đinh Kim Liên, sinh năm 1933, ở khu Đoàn, xã Lai Đồng, huyện Tân Sơn có số năm làm thầy cúng 40 năm.

*** Tỉnh SƠN LA:**

Tỉnh Sơn La có 48 người tham gia với các vai trò:

+ Thầy Trượng: 10 người

+ Người chơi nhạc cụ: 30 người

+ Người múa: 8 người

- Giới tính:

+ Nam: 40 nam

+ Nữ: 8 nữ

- Độ tuổi:

+ Dưới 60 tuổi: 30 người

+ Từ 60 – 80 tuổi: 16 người

+ Trên 80 tuổi: 02 người

*** Tỉnh THANH HÓA:**

Có 10/11 huyện ở Thanh Hóa gửi số liệu kê khai ở mẫu biểu này (tỉnh Thường Xuân không có thông tin). Tổng số những người tham gia thực hành nghi lễ mà không phải là thầy Mo của tỉnh Thanh Hóa kê khai có 120 người trong đó:

- Thầy Clượng: 22 người
- Các thầy giúp việc: 6 người
- Những người sử dụng nhạc cụ: 87 người
- Múa dao: 1 người
- 4 người không kê thông tin vai trò trong lễ
- Giới tính:
 - + Nam: 120 người
- Độ tuổi:
 - + Dưới 60 tuổi: 62 người
 - + Từ 60 - 80 tuổi: 54 người
 - + Trên 80 tuổi: 04 người

• Mẫu 3: Các nghi lễ tín ngưỡng có tên gọi 'Mo' tại địa phương

*** Tỉnh ĐẮK LẮK**

Ngoài nghi lễ cúng cho linh hồn người chết trong nghi lễ Mo tang ma, theo kết quả kiểm kê tỉnh Đắk Lắk còn có 10 nghi lễ khác có tên gọi là Mo như sau:

- Mo giải hạn (Mo cúng để giải hạn)
- Mo xin số, Mo làm vía nối số (Mo xin khổ - Mo để kéo dài tuổi thọ)

- Mo thượng thọ, Mo cúng vía thượng thọ
- Mo kéo si
- Mo vía
- Mo mach nhà (Mo mát nhà), Mo cúng khôôn nhà
- Mo cơm mới
- Mo ngày Sết (Mo ngày Tết)
- Mo sô công (Mo cúng Thổ công thổ địa)
- Mo mũ (cúng mũ cho trẻ em)
- Độ tuổi:

*** Thành phố HÀ NỘI**

Ngoài nghi lễ cúng cho linh hồn người chết trong nghi lễ Mo tang ma, theo kết quả kiểm kê ở Hà Nội còn có 04 nghi lễ khác có tên gọi là Mo như sau:

- Mo vía
- Mo mát nhà
- Mo cơm mới
- Mo lễ cầu mùa

*** Tỉnh HÒA BÌNH**

Ngoài nghi lễ cúng cho linh hồn người chết trong nghi lễ Mo tang ma, theo kết quả kiểm kê tỉnh Hòa Bình còn có 3 nghi lễ khác có tên gọi là Mo như sau:

- Mo tạ mộ

- Mo gọi vía
- Mo cúng trừ tà

Trong đó *Mo tạ mộ*, *Mo gọi vía* có thể do thầy Mo hoặc thầy Clượng thực hiện. Riêng *Mo cúng trừ tà* do thầy Clượng làm lễ.

* **Tỉnh NINH BÌNH**

Tỉnh Ninh Bình chỉ có Mo trong tang ma mà không có Mo trong các lễ cúng khác.

* **Tỉnh PHÚ THỌ**

Ngoài nghi lễ cúng cho linh hồn người chết trong nghi lễ Mo tang ma, theo kết quả kiểm kê tỉnh Phú Thọ còn có 08 nghi lễ khác có tên gọi là Mo như sau:

- Mo giải hạn
- Mo cầu thọ
- Mo vía
- Mo về nhà mới
- Mo đám cưới
- Mo đồng thọ
- Mo cúng mụ
- Mo cúng mộ

Các lễ đều do thầy Mo thực hiện.

* **Tỉnh SƠN LA**

Ngoài nghi lễ cúng cho linh hồn người chết trong nghi lễ Mo tang ma, theo kết quả kiểm kê tỉnh Sơn La còn có 08 nghi lễ khác có tên gọi là Mo như sau:

- Mo giải hạn (Mo giải hạn)
- Mo xin khỏ (Mo xin số)
- Mo ngày Tết (Mo ngày sết)
- Mo vía (Mo Voái)
- Mo mach nhà (Mo mát nhà)
- Mo Sô Công (Mo Thổ công, Thổ địa)
- Mo đôi đũa
- Mo Mũ (Mo Mụ)

Hầu hết các lễ đều do thầy Mo hay thầy Mo trong vai trò thầy Clượng thực hiện.

Tại huyện Phù Yên, thầy Clượng thực hành lễ:

- Mo vía
- Mo mụ
- Mo ngày tết

Tại huyện Mộc Châu, thầy Clượng thực hành lễ

- Mo giải hạn
- Mo xin số
- Mo vía
- Mo mát nhà
- Mo thổ công

*** Tỉnh THANH HÓA:**

Tỉnh Thanh Hóa là một trong những tỉnh có nhiều nghi lễ tín ngưỡng có tên gọi là Mo. Ngoài nghi lễ cúng cho linh hồn người chết trong nghi lễ Mo tang ma, theo kết quả kiểm kê tỉnh Thanh Hoá còn có 21 nghi lễ khác có tên gọi là Mo như sau:

- Mo đắp mả (khi người trong nhà ốm đau)
- Mo vía
- Mo mừng cơm mới
- Mo trong các lễ hội (Ví dụ như lễ cầu yên, lễ hội đèn Páo, lễ hội Thành Hoàng Làng, lễ hội thần thiêng, lễ hội Bàn Bù, lễ hội Mường Đòn)
- Mo mời gia tiên về ăn năm mới
- Mo trả nợ
- Mo kéo si
- Mo tơm ma (đuổi tà ma để người ốm khỏe lại)
- Mo đổi số
- Mo Pồn Pông
- Mo về nhà mới
- Mo đám cưới, Mo dâu (khi đón dâu về nhà)
- Mo cúng thổ địa
- Mo giải hạn
- Mo kênh cốc
- Mo tết
- Mo Cau tấu (trừ tà cho người ốm, đau)
- Mo cúng gia tiên
- Mo cúng ốm đau
- Mo cúng về nhà
- Mo mát nhà

Trong các lễ Mo của cả 7 tỉnh kể trên, nhiều lễ Mo có cùng một mục đích lễ nhưng tên gọi khác nhau, chúng tôi vẫn tôn trọng địa phương, giữ nguyên tên gọi đó và tính đó là một lễ riêng ví dụ như:

Mo đắp mộ (ở Thanh Hóa) có cùng mục đích sử dụng lễ trùng với *Mo vía*, *Mo cúng ốm đau*, *Mo kéo si*.

• **Mẫu 4: “Hiện vật liên quan đến Mo Mường”**

Các hiện vật liên quan tới di sản Mo Mường vô cùng phong phú. Trong mẫu biểu này chúng tôi chỉ tập trung kiểm kê những hiện vật phổ biến như kiếm, chuông, chiêng, trang phục, tranh ảnh. Ngoài ra trong túi khốt của các thầy Mo còn có rất nhiều những vật mang tính thiêng như nanh hổ, sừng, hòn đá, quẻ xin âm dương, đồng xu, vòng bạc... chúng tôi sẽ không kiểm kê số lượng cụ thể.

* *Tỉnh Đắk Lắk*: có 60 hiện vật (trong đó kiếm có: 19 chiếc, chiêng: 01 chiếc, chuông: 29 chiếc, trang phục: 11 bộ)

* *Hà Nội*: có 18 hiện vật (trong đó kiếm có: 4 chiếc, chuông: 8 chiếc, trang phục: 06 bộ)

* *Tỉnh Hòa Bình*: có 874 hiện vật (trong đó kiếm có: 299 chiếc, chiêng: 17 chiếc, chuông: 341 chiếc, trang phục: 217 bộ)

* *Tỉnh Ninh Bình*: có 39 hiện vật (trong đó kiếm có: 12 chiếc, chiêng: 01 chiếc, chuông 12 chiếc, trang phục: 14 bộ)

* *Tỉnh Phú Thọ*: có 20 hiện vật (trong đó kiếm có: 1 chiếc, chiêng: 02 chiếc, chuông 10 chiếc, trang phục: 07 bộ)

* *Tỉnh Sơn La*: có 82 hiện vật (trong đó kiếm có: 24 chiếc, chuông: 41 chiếc, trang phục: 16 bộ, tranh ảnh: 01 bộ)

* *Tỉnh Thanh Hóa*: có 764 hiện vật (trong đó có kiếm: 208 chiếc, chuông 282 chiếc, chiêng 71 chiếc, trang phục 153 bộ và tranh ảnh 50 bộ)

• **Mẫu 5: “Tư liệu liên quan đến Mo Mường”**

Các tư liệu văn bản liên quan đến di sản Mo Mường được kiểm kê gồm các tài liệu đã xuất bản (sách, báo, tạp chí), các thư tịch cổ và các tư liệu chép tay. Số lượng các tư liệu này được thống kê ở các tỉnh như sau:

* *Tỉnh Đắk Lắk*: không kiểm kê mẫu này

* *Hà Nội*: có 03 tư liệu (trong đó có 02 tư liệu viết tay và 01 tư liệu photo)

* *Tỉnh Hòa Bình*: có 19 cuốn tên tư liệu sách nhưng không kê khai thông tin sách (số trang, nơi lưu giữ)

* *Tỉnh Ninh Bình*: có 09 tư liệu trong đó có 1 tư liệu xuất bản (690 trang), 7 tư liệu chép tay (270 trang), 01 tư liệu đánh máy (227 trang)

* *Tỉnh Phú Thọ*: có 01 tư liệu viết tay (17 trang)

* *Tỉnh Sơn La*: có 18 tư liệu trong đó có 12 tư liệu xuất bản, 4 tư liệu chép tay, 01 bản photo, 01 tư liệu đánh máy. Tổng số trang tư liệu là 4730 trang trong đó có 3 cuốn sách xuất bản không rõ số trang.

* *Tỉnh Thanh Hóa*: có 22 tư liệu xuất bản (14.474 trang)

2.2. Kết quả kiểm kê tại kho lưu trữ của Viện Âm nhạc:

Các tư liệu liên quan đến di sản Then hiện đang lưu trữ tại Viện Âm nhạc được thống kê trong mẫu 06 “*Kiểm kê các tư liệu có liên quan đến di sản Mo Mường tại kho lưu trữ Viện Âm nhạc*”. Các số liệu được thống kê như sau:

- **Về “Băng đĩa âm thanh sưu tầm điển dã”:**

Viện Âm nhạc hiện lưu giữ 08 băng cassettes (1997) và 224GB được thu thanh, sưu tầm vào năm 1999, 2002, và những năm 2021, 2022, 2023

Phần Audio điển dã 292 GB (1998-2002) và 89,9 GB năm 2020, 1.360 MB năm 2022,2023.

- **Về “Băng đĩa hình ảnh sưu tầm điển dã”:**

Tại kho lưu trữ của Viện Âm nhạc hiện có 32 băng hình SVHS và 6TB đã được quay phim và sưu tầm liên quan đến di sản nghệ thuật Mo Mường vào năm 1999, 2002, 2021, 2022.

- **Về “Tư liệu ảnh di sản Mo Mường”:**

Cho đến nay, Viện Âm nhạc có 342 ảnh; 22,9 GB và 424 MB ảnh chụp liên quan đến Mo Mường tại các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa, Ninh Bình, Phú Thọ, Đắk Lắk, Sơn La và Hà Nội từ những năm 1998, 2020, 2021, 2022 cho đến nay.

- **Về “Tư liệu sách về Mo Mường”:**

Trong thư mục kho lưu trữ của Viện Âm nhạc có 08 tài liệu chép tay (bản ký âm nhạc không có năm chép), 02 bản báo cáo điển dã đánh máy liên quan đến di sản Mo Mường (1997 và 2006), 08 tài liệu đã được xuất bản (1996- 2019).

- **Về “Tư liệu bài viết về Mo Mường trên các tạp chí, báo”:**

Trong kho lưu trữ của Viện Âm nhạc hiện có 11 bài viết liên quan đến Mo Mường đăng trên các tờ Thông báo khoa học số 65 và 66.

III. Một vài nhận xét:

Căn cứ vào kết quả kiểm kê di sản Mo Mường do 07 tỉnh thực hiện, chúng tôi xin đưa ra một vài ý kiến nhận xét như sau:

Do một số hoàn cảnh khách quan cũng như chủ quan, nên có một số thông tin trong một vài mẫu biểu không được kê khai đầy đủ. Song có thể nói, sự nỗ lực của các cán bộ địa phương trong quá trình đi kiểm kê rất đáng được ghi nhận. Những số liệu kiểm kê mà chúng tôi đưa ra sẽ là cơ sở để có được một cái nhìn tổng thể dưới góc độ định lượng về thực trạng di sản Mo Mường hiện nay. Đó là:

** Về những nghệ nhân Mo và nghệ nhân Mo bạc thầy:*

Theo số liệu được tổng hợp lại, tổng số nghệ nhân làm Mo hiện nay ở 07 tỉnh là 421 nghệ nhân, tập trung đông nhất ở hai tỉnh Hòa Bình (191 người chiếm 45%) và Thanh Hóa (165 người chiếm 39%). Tuy nhiên số lượng nghệ nhân Mo bạc thầy do địa phương lựa chọn chỉ có 18 người chiếm 4,2% tổng nghệ nhân Mo ở cả nước

Về giới tính, nam giới 419 người, chiếm 99,5% và nữ giới chỉ có 02 người chiếm 0,5%

Những người có độ tuổi dưới 60 chiếm khoảng 37,3% (157/421 người), từ 60-80 tuổi chiếm khoảng 53% (222/421 người), trên 80 tuổi chiếm khoảng 9% (39/421 người), có 03 người không kê khai tuổi.

** Về những người tham gia các nghi lễ Mo nhưng không phải thầy Mo:*

Những người tham gia các nghi lễ Mo nhưng không phải thầy Mo có ở 6 tỉnh (trừ Hà Nội không gửi kiểm kê của mẫu này) có 275 người bao gồm:

- thầy Clượng, thầy cúng: 47 người
- những người giúp việc cho thầy Mo: 47 người
- những người sử dụng nhạc cụ trong các nghi lễ Mo: 166 người
- những người múa: 11 người
- 04 người không kê khai công việc của mình

Trong số những người kể trên, nam giới chiếm tỷ lệ hơn 93% (255/275 người), trong khi nữ giới chỉ chiếm 7% (20/275 người).

Về độ tuổi, ngoại trừ 08 người không kê khai tuổi, những người dưới 60 tuổi chiếm khoảng 51% (141/275 người), tuổi từ 60-80 chiếm khoảng 41% (114/275 người), tuổi trên 80 chiếm khoảng 4.3% (12/275 người).

** Về các nghi lễ có tên gọi là Mo ở các địa phương:*

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu, trước đây người Mường phân biệt rất rõ giữa nghi lễ Mo (chủ yếu là Mo trong tang ma) và nghi lễ cúng thông thường (như cúng giải hạn, cúng trong các lễ hội...). Tuy nhiên, trải qua nhiều biến đổi, quan niệm Mo chỉ diễn ra chủ yếu trong nghi lễ tang ma đã không còn. Người Mường giờ đây gọi chung những nghi lễ do thầy Mo hoặc thầy Clượng đảm trách đều là Mo. Theo thống kê, ngoài Mo tang ma, ở 6 tỉnh thành (ngoại trừ Ninh Bình) hiện có 30 nghi lễ cúng đều được người Mường gọi là nghi lễ Mo.

** Về Tư liệu văn bản liên quan đến di sản Mo:*

Tổng số tư liệu của 07 tỉnh là 71 tư liệu, bao gồm cả tư liệu đã xuất bản, thư tịch cổ và tư liệu chép tay của các thầy Mo.

** Về Hiện vật liên quan tới di sản Mo*

Tổng số các hiện vật được kiểm kê ở 07 tỉnh thành là 1.857 hiện vật, trong đó tỉnh Hoà Bình là nơi lưu giữ nhiều hiện vật nhất (874/1.857) hiện vật chiếm khoảng 49% tổng số hiện vật trên cả nước).

Với việc đưa ra các số liệu kiểm kê di sản Mo Mường, chúng tôi cũng hy vọng rằng, đây là một tài liệu có giá trị để giúp cho việc nhìn nhận, đánh giá đúng thực trạng và đưa ra những định hướng trong công tác bảo tồn và phát triển di sản Mo Mường ở Việt Nam.

***Tiểu ban Kiểm kê Di sản Mo Mường
Viện Âm nhạc***

SUMMARY OF INVENTORY RESULTS ON THE MO MƯỜNG IN 2023

On the basis of the Statement No. 74/Ttr-UBND dated August 06, 2020 by the People's Committee of Hòa Bình province and Document No. 3056/ BVHTTDL-DSVH on the building of the Mo Mường National File, the Ministry of Culture, Sports and Tourism of Vietnam assigned the People's Committee of Hòa Bình province in collaboration with Vietnamese Institute for Musicology (under the Vietnam National Academy of Music) – the consultation organization of the Mo Mường National File, the appropriate authorities and localities having the Mo Mường heritage. They coordinated to build the Mo Mường National File of Vietnam and submitted to UNESCO for the recognition in the List of Intangible Cultural Heritage in Need of Urgent Safeguarding.

One of the important and necessary contents for the building of the Mo Mường National File is the inventory results on the Mo Mường in seven provinces as follows¹:

- Đắk Lắk
- Hà Nội
- Hòa Bình
- Ninh Bình
- Phú Thọ
- Sơn La
- Thanh Hóa

In order to make the inventory efficiently, the Vietnamese Institute for Musicology carried out the necessary preparation below:

¹. Provinces are arranged in alphabetical order

- After research and summings-up of the folk artists' opinions who are practicing the heritage in their communities, experts and researchers on the Mo Mường heritage, and Vietnamese Institute for Musicology built a set of inventory including seven forms:

- Organize training for professional staff in provinces on the content and method of inventory of Mo Mường heritage in localities.

The inventory results and figures of the Mo Mường in localities were submitted to the Subcommittee of Mo Mường Heritage's Inventory of the Vietnamese Institute for Musicology for appraisal and summings-up of last figures for the report.

I. Contents of the Mo Mường heritage's inventory

Vietnamese Institute for Musicology has created six Mo Muong inventory forms in localities and one form at the archiving library of Vietnamese Institute for Musicology as follows:

1. Form 1: "Mo practitioners"

The subjects for the Form 1 are comprised of the Mo practitioners who have fate for the Mo profession. Local people believe the practice of Mo rituals by the Mo practitioners, in particular those who know by heart, perform fully all *roóng Mo* (Mo chapters) in Mo funeral ceremonies, and have the tradition that many of their family generations practice the Mo profession.

The content in Form 1 is comprised of: full name, age, address, phone number. How many Mo generations (*nổ Thánh thu/Thiên thu*) do they have?, number of years practicing the Mo profession, number of Mo rituals they have practiced, number and names of *roóng Mo* (Mo chapters) they know, know by heart and practice, objects in the bag that the Mo practitioners use in the Mo rituals (description, reason, stories relating to those objects, et cetera), number of people who study the Mo practitioners.

- Form 1A: "Mo Master":

With regard to the content, Form 1A is similar to Form 1 "Mo practitioners". This form re-defines the appellation of "master". The community select on the basis of criteria reserved for the Mo practitioners who know by heart and can practice fully or almost fully the entire process and content of the Mo parts in a traditional funeral ceremony in the past.

2. Form 2 - "People who participate in funeral rituals of the Mường people" (they are not the Mo practitioners)

During the practice of funeral ceremonies of the Mường people, in addition to the Mo practitioners, the music ensemble and even the Clượng sorcerer (so called the Trượng sorcerer) and dance group who are daughters or daughters-in-law of the deceased and the bereaved also perform the practice. They are objects for the Form 2.

The content of Form 2 - "People who participate in the funeral rituals of the Mường people": full name, age, address, phone number, the role to practice rituals, does their family have a tradition practicing this profession or not?, number of years in the profession, number of Mo rituals they have practiced, number of people who study from a Mo master/practitioner, et cetera.

3. Form 3 - "The Mo rituals and beliefs in localities"

In addition to funeral ceremonies practiced by the Mo practitioners, many other belief rituals in some localities are also called "Mo", for instance "Mo for souls", "Mo Mát nhà - Mo chanted in a ceremony taking place at the beginning of a new year, to wash away last year's misfortune, and to appeal for good luck and plentiful harvest in the coming year", et cetera. These rituals are performed by either the Mo practitioners (performing worship for the dead) or the Clượng sorcerers (performing worship for the living). A Mo practitioner in the role of a Clượng sorcerer also performs this rituals since he has both nỏ Mo and Clượng. The objects for inventory of Form 3 are comprised of rituals and beliefs (including obsequies) that are called "Mo" by local communities. These rituals and beliefs have ever been / are practiced in localities.

The content of Form 3 - "The Mo rituals and beliefs in localities" are comprised of: name of the rituals and localities to practice rituals, purpose of the rituals, time and duration of the rituals, space of the rituals, performers of the rituals (the Mo practitioners/ the Mo practitioners who play a role as the Clượng sorcerers / the Clượng sorcerers or the Mỏi sorcerers). Are these rituals still practiced regularly or little? Are these rituals practiced with enough content or not? Or, these rituals used to be practiced but no longer exist.

4. Form 4 - "Relevant objects of the Mo Mường"

The subjects for inventory of Form 4 are comprised of objects related to the Mo practitioners. These objects are used in funeral ceremonies of the Mường ethnic group in localities.

The content of Form 4 - "Relevant objects of the Mo Mường heritage": name and address of organizations or individuals who are archiving objects, origin of the objects, name/type /number of the objects.

5. Form 5 - “Relevant materials and documents of the Mo Mường”

The subjects for inventory of Form 5 are comprised of documentation related to the Mo Mường heritage, including such documents as books, newspapers, magazines, conferences’ proceedings, and handwritten documents. Documentation also includes such audio-visual materials as tapes, soft files, and photos.

The content of Form 5 - “Relevant materials and documents of the Mo Mường” including name of documentation, name of authors, documentation’s format, number of pages / capacity of materials and documents, year of publication, Publishing Houses (if any), place for archive, archivists, address/phone number.

6. Form 06: “Inventory of materials related to the Mo Mường heritage at the archiving library of the Vietnamese Institute for Musicology”

In addition to the inventories made by local provinces and cities, Vietnamese Institute for Musicology also made an inventory of the audio and visual materials, and written documents related to the Mo heritage which has been archiving at the library of the Vietnamese Institute for Musicology. This form is reserved for the inventories of materials and documents at the library of Vietnamese Institute for Musicology, including tapes, recording, images, photos, books and articles about the Mo Mường.

II. The inventory results

1. The data inventory of the Mo Mường at localities

Some provinces carried out inventory work on the Mo Mường in the year 2021, continued to update data in 2022 and the first six months of the year 2023. The Vietnamese Institute for Musicology systematized the inventory data on the Mo Mường conducted by local provinces. After checking and excluding the Forms that lacked a lot of information, and were completed wrongly and inappropriately, the figures were systematized in a Table entitled “Data inventory of the Mo Mường”

Despite the best endeavors made by Vietnamese Institute for Musicology and localities as well for the inventory work of the Mo Mường, the quality of inventory in provinces were not as equal and efficient as expected due to objective and subjective reasons. Form 2 of Hòa Bình province just included the inventory results in three districts of Tân Lạc, Lạc Sơn, and Yên Thủy; Hà Nội capital city did not

provide the inventory result of Form 2; and Đắk Lắk province did not have the inventory result of Form 5. The inventory results were the initial summings-up for the current reality of the Mo Mường heritage that based on localities' figures.

• **Form 1: "Mo practitioners" and Form 1A "Mo masters"**

* **ĐẮK LẮK province:**

According to the report, Đắk Lắk province made the inventory work of the Mo Mường in Buôn Ma Thuột city, Ea H'leo district, Ea Kar district, Krông Năng district, and Krông Bông district.

The total Mo practitioners in Đắk Lắk: 12 people:

- Male: 12 people

- Age:

+ Under 60 years old: 04 people

+ From 60 - 80 years old: 08 people

Among 12 Mo practitioners of Đắk Lắk province, Mr. Bùi Văn Thành who was born in 1971 is a prestigious Mo master and recognized by communities. He lives in hamlet No. 2 of Hòa Thắng commune, and has practiced this profession for 32 years. He knows by heart almost all Mo pieces and has performed 200 Mo rituals.

* **HÀ NỘI city:**

According to the report, Hà Nội made the inventory work of the Mo Mường in three districts of Quốc Oai, Thạch Thất, and Ba Vì. The total Mo practitioners in Hà Nội: 06 people

- Male: 05 people

- Female: 01 people

- Age:

+ Under 60 years old: 03 people

+ From 60 - 80 years old: 01 people

+ Over 80 years old: 02 people

Amongst 06 Mo practitioners, 02 Mo people are recognized by their communities as the Mo master

+ The Mo master Bùi Phát Tường (born in 1940) live in Đồng Chay hamlet, Vân Hòa commune, Ba Vì district. He is the oldest Mo Master. Nine generations of his family have been working with the Mo profession. He has practiced the Mo rituals for 15 years, and the community recognizes him as the Mo Master.

+ The female Mo practitioner named Nguyễn Thị Bí (born in 1951) is one of only two female Mo practitioners in Vietnam. She has practiced the Mo rituals in 2,400 funerals for the Mường community in Hà Nội.

* **HÒA BÌNH province:**

Hòa Bình province made the inventory work of the Mo Mường in Hòa Bình City and districts of Cao Phong, Đà Bắc, Kim Bôi, Lạc Sơn, Lạc Thủy, Lương Sơn, Mai Châu, Tân Lạc, and Yên Thủy.

The total number in this province is 191 Mo practitioners.

- Gender:

+ Male: 190 people

+ Female: 1 people

- Age:

+ Under 60 years old: 75 people

+ From 60 - 80 years old: 102 people

+ Over 80 years old: 11 people

+ 01 person did not write the year of birth

Six amongst 191 people (making up 2.9 %) are recognized by their communities as the Mo master:

+ The Mo master Bùi Văn Phin was born in 1934. He lives in Phong Phú commune of Tân Lạc district. He has practiced the Mo rituals for 60 years. Nine generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Quách Văn Đào was born in 1951. He lives in Sào Báy commune of Kim Bôi district. He has practiced the Mo rituals for 54 years. Four generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Bùi Văn Rủm was born in 1957. He lives in Rậm Cọ hamlet of Thượng Cốc commune. He has practiced the Mo rituals for 22 years. Eight generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Đinh Công Ninh was born in 1947. He lives in Thỏi Láo hamlet, Phú Vinh commune of Tân Lạc district. He has practiced the Mo rituals for 50 years. Five generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Bùi Văn Lụng was born in 1957. He lives in Mường Lắm hamlet of Phong Phú Tân Lạc commune. He has practiced the Mo rituals for 39 years. Seven generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Xa Tiến Thọ was born in 1969. He lives in Dững hamlet, Hiền Lương commune of Đà Bắc district. He has practiced the Mo rituals for 25 years. Three generations of his family have been working with the Mo profession.

*** NINH BÌNH province:**

According to the report, Ninh Bình province made the inventory work of the Mo Mường in nine communes of Nho Quan district where the Mường people live.

The total Mo practitioners in Ninh Bình province: 09 people

- Male: 09 people

- Age:

+ Under 60 years old: 03 people

+ From 60 - 80 years old: 05 people

+ Over 80 years old: 01 people

Two among nine Mo practitioners are recognized by their communities as the Mo master.

+ The Mo master Đinh Văn Nểu was born in 1937. He lives in the Sau village, Kỳ Phú commune of Nho Quan district. He has practiced the Mo rituals for 40 years. Twelve generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Đinh Xuân Tân was born in 1965. He lives in Cúc Phương commune. He has practiced the Mo rituals for 15 years. Nine generations of his family have been working with the Mo profession.

* ***PHÚ THỌ province:***

Phú Thọ province made the inventory work of the Mo Mường in two districts of Tân Sơn and Yên Lập.

The total number of Mo practitioners in this province is 17 people

- Male: 17 people

- Age:

+ Under 60 years old: 04 people

+ From 60 - 80 years old: 11 people

+ Over 80 years old: 02 people

In Phú Thọ province, only one Mo practitioner Nguyễn Đình Thường is recognized by their communities as the Mo master. Vietnamese government awarded him the title of “Meritorious Folk Artist”:

+ The Mo master Nguyễn Đình Thường was born in 1958. He lives in Ngọc Đồng commune of Yên Lập district. He has practiced the Mo rituals for 36 years. Three generations of his family have been working with the Mo profession.

* **SƠN LA province:**

Sơn La province made inventories of the Mo Mường heritage in districts of Bắc Yên, Mộc Châu, Phù Yên, and Vân Hồ.

The total number of Mo practitioners in this province is 21 people:

- Male: 21 people

- Age:

+ Under 60 years old: 7 people

+ From 60 - 80 years old: 10 people

+ Over 80 years old: 4 people

According to statistics, the Mo practitioners who are more than 80 years old are weak and cannot perform the funeral Mo. Currently, the communities in this province recognize two people as the Mo masters. Firstly, Mr. Đinh Văn Sơ was born in 1953. He lives in Phiêng Ban commune of Bắc Yên district. He has practiced the Mo rituals in more than 100 funerals and has been working with the Mo profession for more than 20 years. Secondly, Mr. Đinh Xuân Ngoan has practiced thousands of Mo rituals. Three generations of his family have been working with the Mo profession.

* **THANH HÓA province:**

Thanh Hóa province made the inventory work of the Mo Mường in 11 districts: Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Mường Lát, Ngọc Lặc, Như Thanh, Như Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Thạch Thành, and Thường Xuân.

The total number of Mo practitioners in the province is 165 Mo people:

- Male: 165 people

- Age:

+ Under 60 years old: 61 people

+ From 60 - 80 years old: 85 people

+ Over 80 years old: 19 people

Among 165 people, only four people (accounting for 2.5%) are recognized by their communities as the Mo master:

+ The Mo master Nguyễn Đình Dương was born in 1942. He lives in Ngọc Trung commune of Ngọc Lặc district. He has practiced the Mo rituals for 60 years. This is the greatest number of ritual practice in comparison with other Mo sorcerers in Thanh Hóa province.

+ The Mo master Bùi Ngọc Dĩnh was born in 1954. He lives in Ngọc Trạo commune of Thạch Thành district. He has practiced the Mo rituals in more than 2300 funerals of this region. Seven generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Bùi Văn Kiên was born in 1965. He has practiced the Mo rituals for 30 years. Five generations of his family have been working with the Mo profession.

+ The Mo master Trương Ngọc Đĩnh was born in 1967. He has practiced the Mo rituals for 30 years. Five generations of his family have been working with the Mo profession. He has practiced around 900 rituals.

• **Form 2: “People who participate in funeral rituals of the Mường people” (they are not the Mo practitioners)**

* **ĐẮK LẮK province:**

In this form, Đắk Lắk province provided the inventory figures of Ea Kar district only. In addition to a Mo practitioner, performers also included three people who played the musical instruments in local funeral ceremonies.

- Male: 3 people

- Age:

+ From 60 - 80 years old: 02 people

+ One person did not write the age

* **HÀ NỘI city:**

Only Hà Nội city did not complete this Form.

* **HÒA BÌNH province:**

In this form, Hòa Bình province provided the inventory figures in three districts of Lạc Sơn, Tân Lạc, and Yên Thủy. The total number for inventory is 71 people.

- Assistants (including 28 chí chức and 11 mẹ mụ): 39 people
- People playing the musical instruments: 32 people
- Gender:
 - + Male: 60 people
 - + Female: 11 people
- Age:
 - + Under 60 years old: 36 people
 - + Từ 60 – 80 tuổi: 32 people
 - + Over 80 years old: 2 people
 - + 01 person did not write the date of birth

* **NINH BÌNH province:**

This Form of Ninh Bình province enumerated 24 people below:

- The Trưởng sorcerer: 01 person
- The sorcerers: 06 people

- Assistants in rituals: 03 people
- People playing the musical instruments at funerals: 14 people

These 24 people in the Form include:

- Male: 24 people
- Age:
 - + Under 60 years old: 13 people
 - + From 60 - 80 years old: 03 people
 - + Over 80 years old: 02 people
 - + 06 people did not write the date of birth

* ***PHÚ THỌ province:***

This Form of Phú Thọ province enumerated people as followed:

- The sorcerers: 8 sorcerers
- Assistants for the Mo practitioners to prepare the offerings: 1 person
- These 09 people in the Form include:
 - Male: 09 people
 - Age:
 - + From 50 - 80 years old: 07 people
 - + Over 80 years old: 02 people

As for 7 sorcerers, some of them have been working with this profession for 40 – 50 years.

+ The sorcerer Hà Đức Sơn was born in 1933. He lives in Đồng village, Lai Đồng commune of Tân Sơn district. He has been working with this profession for 50 years.

+ The sorcerer Đinh Kim Liên was born in 1933. He lives in Đoàn village, Lai Đồng commune of Tân Sơn district. He has been working with this profession for 40 years..

*** SƠN LA province:**

This Form of Sơn La province enumerated 48 people below:

- + The Trượng sorcerers: 10 people
- + People playing the musical instruments: 30 people
- + Dancers: 8 people

- Gender:

- + Male: 40 people
- + Female: 8 people

- Age:

- + Under 60 years old: 30 people
- + From 60 - 80 years old: 16 people
- + Over 80 years old: 02 people

*** THANH HÓA province:**

Except Thường Xuân district, ten districts of Thanh Hóa province were enumerated in this Form. The total number of ritual performers who are not the Mo practitioners in Thanh Hóa province is 120 people below:

- The Clượng sorcerers: 22 people
- Assistants: 6 people
- People playing the musical instruments: 87 people

- Dance with knives: 1 person
- 4 people did not enumerate their role in rituals
- Gender:
 - + Male: 120 people
- Age:
 - + Under 60 years old: 62 people
 - + From 60 - 80 years old: 54 people
 - + Over 80 years old: 04 people

• **Form 3: “The Mo rituals and beliefs in localities”**

* **ĐẮK LẮK province:**

In addition to the rituals worshipping the deceased’s soul in the funeral Mo, according to inventory results, in Đắk Lắk province there are ten other Mo rituals as follows:

- Mo giải hạn (This ritual is organized to worship for the purpose of relieving somebody of his run of bad luck)
- Mo xin số, Mo làm vía nổi số (Mo xin khổ - Mo để kéo dài tuổi thọ) [The ritual of Mo xin số or Mo xin khổ is held at the sick person’s house. This ritual is only organized for the sick people and those who are over sixty years old to wish for longevity]
- Mo thượng thọ, Mo cúng vía thượng thọ (This ritual is organized to wish for longevity)
- Mo kéo si [When someone is in their old age and poor health, the Mo practitioner will perform the “kéo si” (pulling the banyan tree, a symbol of divine creation, vitality and longevity ceremony to wish for health, lucidity and longevity)]
- Mo vía (This ritual is organized to worship for the dead’s soul)
- Mo mach nhà (Mo mát nhà), Mo cúng khỗn nhà (This ritual is held to relieve somebody of his run of bad luck, and to pray for people, houses, plants and domestic animals in the family. Therefore, people will be healthy and have good luck, crops are bumper, et cetera.)

- Mo cơm mới (This ritual is held to worship for the new rice)
- Mo ngày Sết (Mo ngày Tết) (This ritual is held in New Year's Festival)
- Mo sô công (Mo cúng Thổ công thổ địa) [Mo to worship the Gods of the soil]
- Mo nữ (cúng mẹ cho trẻ em) [Mo to worship the midwives]
- Age:

* **HÀ NỘI city:**

In addition to the rituals worshipping the deceased's soul in the funeral Mo, according to inventory results, in Hà Nội there are four other Mo rituals as follows:

- Mo vía (This ritual is organized to worship for the dead's soul)
- Mo mát nhà (This ritual is held to relieve somebody of his run of bad luck, and to pray for people, houses, plants and domestic animals in the family. Therefore, people will be healthy and have good luck, crops are bumper, et cetera.)
- Mo cơm mới (This ritual is held to worship for the new rice)
- Mo lễ cầu mùa (This ritual is held to worship for a good harvest)

* **HÒA BÌNH province**

In addition to the rituals worshipping the deceased's soul in the funeral Mo, according to inventory results, in Hòa Bình province there are three other Mo rituals as follows:

- Mo tạ mộ (paying respect to the ancestors)
- Mo gọi vía (When a child is sick or gets his/her soul lost, the Mo sorcerer will conjure up the spirits of the midwives so that the child may regain health and become agile and bright. As for the adults and the old, when someone is sick, a Mo practitioner will invoke the spirit to relieve him of his run of bad luck and perform exorcism)

- Mo cúng trừ tà (This ritual is organized to worship and expel demons, evil spirits)

The Mo practitioners or the Clượng sorcerers perform the rituals of Mo tạ mộ and Mo gọi vía. The Clượng sorcerers (also called the Trưởng sorcerers) perform the ritual of Mo cúng trừ tà.

* ***NINH BÌNH province***

People in Ninh Bình province practice only rituals in the Mo funeral:

* ***PHÚ THỌ province***

In addition to the rituals worshipping the deceased's soul in the funeral Mo, according to inventory results, in Phú Thọ province there are eight other Mo rituals as follows:

- Mo giải hạn (This ritual is organized to worship for the purpose of relieving somebody of his run of bad luck)
- Mo cầu thọ (This ritual is organized to wish for longevity)
- Mo vía (This ritual is organized to worship for the dead's soul)
- Mo về nhà mới (This ritual is organized when a family starts living in a new house)
- Mo đám cưới (This ritual is practiced in wedding ceremonies)
- Mo đồng thộ
- Mo cúng mụ (Mo to worship the midwives)
- Mo cúng mộ (Mo to worship at a grave)

The Mo practitioners perform all of these Mo rituals.

* ***SƠN LA province***

In addition to the rituals worshipping the deceased's soul in the funeral Mo, according to inventory results, in Sơn La province there are eight other Mo rituals as follows:

- Mo giải hạn (Mo giải hạn) [This ritual is organized to worship for the purpose of relieving somebody of his run of bad luck]
- Mo xin khổ (Mo xin số) [This ritual is organized to cure the sick people and those who are over sixty years old to wish for longevity].
- Mo thượng thọ, Mo cúng vía thượng thọ (This ritual is organized to wish for longevity)
- Mo ngày Tết (Mo ngày sết) [This ritual is held in New Year's Festival]
- Mo vía (Mo Voái) [This ritual is organized to worship for the dead's soul]
- Mo mach nhà (Mo mát nhà) [This ritual is held to relieve somebody of his run of bad luck, and to pray for people, houses, plants and domestic animals in the family. Therefore, people will be healthy and have good luck, crops are bumper, et cetera.]
- Mo Sô Công (Mo Thổ công, Thổ địa) [Mo to worship the Gods of the soil]
- Mo đôi đũa (Mo to tell the stories about the heroes of the Mường people)
- Mo Mũ (Mo Mụ) [Mo to worship the midwives]

The Mo practitioner, or the Mo practitioner in the role of a Clượng sorcerer performs almost rituals. The Clượng sorcerers practice some rituals below.

In Phù Yên district, the Clượng sorcerers practice the following rituals:

- Mo vía (This ritual is organized to worship for the dead's soul)
- Mo mụ (Mo to worship the midwives)
- Mo ngày tết (This ritual is held in New Year's Festival)

In Mộc Châu district, the Clượng sorcerers practice the following rituals:

- Mo giải hạn (This ritual is organized to worship for the purpose of relieving somebody of his run of bad luck)
- Mo xin số (This ritual is organized to cure the sick people and those who are over sixty years old to wish for longevity)
- Mo vía (This ritual is organized to worship for the dead's soul)

- Mo mát nhà (This ritual is held to relieve somebody of his run of bad luck, and to pray for people, houses, plants and domestic animals in the family)

- Mo thổ công (Mo to worship the Gods of the soil)

* **Thanh Hóa province:**

Thanh Hóa is one of the provinces with many Mo rituals and beliefs. In addition to the ritual worshipping the dead's soul in funeral Mo, according to inventory results in Thanh Hóa province, there are 21 other Mo rituals as follows:

- Mo đắp mả (khi người trong nhà ốm đau) [Mo building a grave. This ritual is held when a family's member is ill]

- Mo vía (This ritual is organized to worship for the dead's soul)

- Mo mừng cơm mới (This ritual is held to worship for the new rice)

- Mo trong các lễ hội (Mo rituals performed in festivals, for example the worship for peace, Páu-temple festival, festival for the village's tutelary god, the deities' festival, Bàn Bù festival, and Mường Đòn festival).

- Mo mời gia tiên về ăn năm mới (Mo to invite ancestors to celebrate the new year)

- Mo trả nợ (Mo to clear one's debt)

- Mo kéo si [When someone is in their old age and poor health, the Mo practitioner will perform the “kéo si” (pulling the banyan tree, a symbol of divine creation, vitality and longevity ceremony to wish for health, lucidity and longevity)].

- Mo tơm ma (đuổi tà ma để người ốm khỏe lại) [Mo to expel demons and evil spirits, therefore the sick person will recover his/her strength]

- Mo đổi số (Mo to change the death number)

- Mo Pồn Pông

- Mo về nhà mới (Mo to start living in a new house)

- Mo đám cưới, Mo dâu (khi đón dâu về nhà) [Mo ritual is held for wedding ceremonies]

- Mo cúng thổ địa (Mo to worship the Gods of the soil)
- Mo giải hạn (Mo to relieve somebody of his run of bad luck)
- Mo kênh cốc
- Mo tết (This ritual is held in New Year's Festival)
- Mo Cau tấu (trừ tà cho người ốm, đau) [Mo to expel demons and evil spirits, therefore the sick person will recover his/ her strength]
- Mo cúng gia tiên (Mo to worship the family ancestors)
- Mo cúng ốm đau (This Mo ritual is performed to worship when a family's member is sick)
- Mo cúng về nhà (This Mo ritual is performed to worship while returning home)
- Mo mát nhà (This ritual is held to relieve somebody of his run of bad luck, and to pray for people, houses, plants and domestic animals in the family)

For the Mo rituals of seven provinces as mentioned above, many Mo rituals have different names but serve the same purpose, we still respect and keep the same name, and include them as separate rituals.

For instance, the ritual of Mo đắp mộ - Mo building a grave (in Thanh Hóa province) serve the same purpose as the rituals of Mo vía, Mo cúng ốm đau, and Mo kéo si.

• **Form 4: “Relevant objects of the Mo Muồng”**

Relevant objects of the Mo Muồng are extremely rich and diverse. In this Form, we just focus the inventories on such popular objects as swords, bells, gongs, costumes, and pictures. Besides, there are many sacred objects in the khót bag of the Mo practitioners, for example tiger fangs, horns, stones, yin and yang lots, coins, silver circles, and so on. We did not make inventories with specific number of those sacred objects.

* Đắk Lắk province: 60 objects (19 swords, 01 gong, 29 bells, and 11 costumes)

* Hà Nội: 18 objects (04 swords, 08 bells, and 06 costumes)

* Hòa Bình province: 874 objects (299 swords, 17 gongs, 341 bells, and 217 costumes)

- * Ninh Bình province: 39 objects (12 swords, 01 gong, 12 bells, and 14 costumes)
- * Phú Thọ province: 20 objects (01 sword, 02 gongs, 10 bells, and 07 costumes)
- * Sơn La province: 82 objects (24 swords, 41 bells, 16 costumes, and 01 picture)
- * Thanh Hóa province: 764 objects (208 swords, 282 bells, 71 gongs, 153 costumes and 50 pictures)

• **Form 5: “*Relevant materials of the Mo Mường*”**

Relevant materials and documents of the Mo Mường heritage that were made inventories are comprised of the published documents (books, newspapers, and magazines), ancient bibliographies and handwritten materials. Statistics show the number of these materials and documents in provinces as follows:

- * Đắk Lắk province: did not make inventories for this Form
- * Hà Nội: 03 documents (02 handwritten document and 01 photocopy of document)
- * Hòa Bình province: 19 books. However, they did not enumerate the books’ information such as number of pages, place of archive.
- * Ninh Bình province: 09 documents including 01 published document (690 pages), 07 handwritten documents (270 pages), 01 typewritten document (227 pages)
- * Phú Thọ province: 01 handwritten document (17 pages)
- * Sơn La province: 18 documents including 12 published documents, 4 handwritten documents, 01 photocopy of document, and 01 typewritten document. The total number of pages is 4,730 pages, including 3 published books with unknown page numbers.
- * Thanh Hóa province: 22 published documents (14,474 pages)

2.2. Inventory results in the archiving library of the Vietnamese Institute for Musicology:

The relevant documents of Mo Mường heritage are now archived at the Vietnamese Institute for Musicology. The Vietnamese Institute for Musicology made inventories in Form 06 “Inventory of materials related to the Mo Mường heritage at the archiving library of the Vietnamese Institute for Musicology”. The statistics are as follows:

- ***“The audio tapes collected in the fieldwork”:***

Currently, Vietnamese Institute for Musicology archives 08 cassettes (1997) and 224GB that were recorded and collected in the years 1999, 2002, and 2021, 2022, 2023.

The Audio collected in the fieldwork: 292 GB (1998-2002) and 89.9 GB in 2020; 1,360 MB in 2022 and 2023.

- ***“Tapes, images and photos from fieldwork and collection”***

Currently, in the library of the Vietnamese Institute for Musicology, there are 32 S-VHS tapes, 06 TB that were recorded, collected and related to the Mo Mường heritage in the years 1999, 2002, 2021, 2022.

- ***“Photos of the Mo Mường heritage”***

Vietnamese Institute for Musicology has taken 342 photos; 22.9 GB and 424 MB of photos related to Mo Mường in provinces of Hòa Bình, Thanh Hóa, Ninh Bình, Phú Thọ, Đắk Lắk, Ninh Bình and Hà Nội in the years 1998, 2020, 2021, 2022 and up to now.

- ***“Mo Mường books”:***

In the library of the Vietnamese Institute for Musicology, there are 08 handwritten documents (the musical notations do not record the years of writing), 02 typewritten fieldwork reports related to Mo Mường heritage (1997 and 2006), 08 published documents (1996- 2019).

- ***“Articles about Mo Mường in magazines and newspapers”:***

Currently, in the library of the Vietnamese Institute for Musicology, there are 11 articles related to Mo Mường which have been published in Bulletin (Music and Studies) No. 65 and No. 66.

III. Comments:

Basing on the inventory results of the Mo Mường heritage in 07 provinces, we present comments below:

Some information in several Forms were not enumerated enough due to objective and subjective reasons and circumstances. However, the efforts of local officials during the inventory were worthy of recognition. The figures of inventory that we present will be a basis for a general view of real situation of Mo Mường heritage today.

** Mo practitioners and Mo Masters:*

According to the summings-up of figures, the total number in 07 provinces is 421 Mo practitioners. Most of them live in Hòa Bình province (191 people accounting for 45%) and Thanh Hóa province (165 people accounting for 39%). However, only 18 people are recognized as the Mo masters which make up 4.2% of the total Mo practitioners in Vietnam.

As for gender, there are 419 males (making up 99.5%) and only 02 females (making up 0.5%).

People who are under 60 years old make up about 37.3% (157/421 people). People who are from 60 - 80 years old make up about 53% (222/421 people). People who are over 80 years old make up about 9% (39/421 people). Three people did not enumerate their age.

** People who participate in the Mo rituals (but they are not Mo practitioners):*

Hà Nội did not provide the inventory of this Form. 275 performers of the Mo rituals (but they are not Mo practitioners) live in six other provinces are:

- The Clượng sorcerers, the practitioners: 47 people
- Assistants for the Mo sorcerers: 47 people
- People playing the musical instruments in the Mo rituals: 166 people
- Dancers: 11 people
- 04 people did not enumerate their work.

Among people mentioned above, the male makes up more than 93% (255/275 people), and the female makes up 7% only (20/275 people).

As for the age, except 08 people who did not enumerate their age, people who are under 60 years old make up about 51% (141/275 people). People who are from 60 - 80 years old make up about 41% (114/275 people). People who are over 80 years old make up about 4.3%. (12/275 people).

** The Mo rituals in localities:*

According to many research documents, in the past, the Mường people distinguished clearly between the Mo rituals (mostly funeral Mo) and normal worship (for instance the worship to relieve somebody of his run of bad luck, worship in festivals, and so on).

However, the conception that Mo is mainly performed in funeral ceremonies no longer exists. Nowadays, Mường people call all rituals performed by the Mo practitioners or Clượng sorcerers as Mo. According to statistics, besides funeral Mo, 30 worship rituals in 6 provinces and cities (except Ninh Binh province) are called the Mo rituals.

** Relevant documents of the Mo heritage:*

The total number in 07 provinces is 71 documents, including published documents, ancient bibliographies and handwritten documents of the Mo practitioner.

** Relevant objects of the Mo heritage:*

The total number for inventories in 07 provinces is 1,857 objects. Hòa Bình province archives the most objects (874/1,857) which make up 49% of the total number of objects in Vietnam.

Hopefully, the figures of Mo Mường heritage inventories will be a valuable material for the assessment of reality and orientation with regard to the preservation and development of the Mo Mường heritage in Vietnam.

Subcommittee of the Mo Mường Heritage Inventory

Vietnamese Institute for Musicology

**SỐ LIỆU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ DI SẢN MO MUỜNG
NĂM 2023**

**SUMMARY DATA INVENTORY RESULTS
OF THE MO MUỜNG IN 2023**

SUMMARY TABLE OF THE INVENTORY RESULTS ON THE MO MUỜNG

No.	Province / City	Number of the Mo Mường heritage practitioners		Number of ages of the Mo practitioners			The number of the Mo rituals	The number of assistants in Mo rituals	The number of objects in the Mo rituals	The number of materials in the Mo rituals	Notes
		The Mo master	The Mo practitioners	Under 60 years old	From 60 - 80 years old	Over 80 years old					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đắk Lắk	01	12	04	08	0	11	03	60	0	
2	Hà Nội	02	06	03	01	02	05	0	18	03	
3	Hòa Bình	06	191	75	102	11	04	71	874	19	
4	Ninh Bình	02	09	03	05	01	01	24	39	08	
5	Phú Thọ	01	17	04	11	02	09	09	20	01	
6	Sơn La	02	21	07	10	04	09	48	82	18	
7	Thanh Hóa	04	165	61	85	19	22	120	764	22	
Total		18	421	157	222	39	61	275	1.857	71	The Mo Master Folk Artists have been selected by the community from the Mo practitioners

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾT QUẢ KIỂM KÊ DI SẢN MỒ MƯỜNG

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng thầy Mo		Độ tuổi tham gia của các nghệ nhân			Số lượng các nghi lễ có tên gọi là Mo	Số lượng người phụ giúp trong nghi lễ Mo	Số lượng hiện vật trong nghi lễ Mo	Số lượng tư liệu liên quan đến di sản Mo	Ghi chú
		Nghệ nhân Mo bậc thầy	Nghệ nhân Mo	Dưới 60	trên 60 tuổi	trên 80 tuổi					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đắk Lắk	01	12	04	08	0	11	03	60	0	
2	Hà Nội	02	06	03	01	02	05	0	18	03	
3	Hòa Bình	06	191	75	102	11	04	71	874	19	
4	Ninh Bình	02	09	03	05	01	01	24	39	08	
5	Phú Thọ	01	17	04	11	02	09	09	20	01	
6	Sơn La	02	21	07	10	04	09	48	82	18	
7	Thanh Hóa	04	165	61	85	19	22	120	764	22	
Tổng		18	421	157	222	39	61	275	1.857	71	Số lượng Nghệ nhân Mo bậc thầy được cộng đồng lựa chọn từ số lượng nghệ nhân Mo

SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF THE MO MASTERS

No.	Province / City	Number of the Mo Mường heritage practitioners		Age			Gender		The longest family tradition of working with the Mo profession	Notes
		Number of Mo master	Number of people who study the Mo profession	Under 60 years old	From 60 - 80 years old	Over 80 years old	Male	Female		
1	Đắk Lắk	01	02	x			x		12	
2	Hà Nội	02	0		x	x	x	x	09	
3	Hòa Bình	06	19	x	x	x	x		09	
4	Ninh Bình	02	04	x		x	x		12	
5	Phú Thọ	01	0		x		x		03	
6	Sơn La	02	0	x	x		x		3	
7	Thanh Hóa	04	06		x	x	x		15	
Total		18	27	05	09	04	17	01		

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ VỀ NGHỆ NHÂN MO MƯỜNG “BẠC THẦY”

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng người tham gia thực hành di sản Mo Mường		Độ tuổi của người tham gia thực hành di sản Mo Mường			Giới tính		Gia đình có truyền thống làm Mo lâu đời nhất	Ghi chú
		Số lượng nghệ nhân làm Mo	Số lượng học trò theo học nghề Mo	Dưới 60	Từ 60 - 80	Từ 80 trở lên	Nam	Nữ		
1	Đắk Lắk	01	02	x			x		12	
2	Hà Nội	02	0		x	x	x	x	09	
3	Hòa Bình	06	19	x	x	x	x		09	
4	Ninh Bình	02	04	x		x	x		12	
5	Phú Thọ	01	0		x		x		03	
6	Sơn La	02	0	x	x		x		3	
7	Thanh Hóa	04	06		x	x	x		15	
Tổng		18	27	05	09	04	17	01		

SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF THE MO PRACTITIONERS

No.	Province / City	Number of the Mo practitioners		Number of ages of the Mo practitioners			Gender		Notes
		Number of Mo practitioners	Number of people who study the Mo profession	Under 60 years old	From 60 - 80 years old	Over 80 years old	Male	Female	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đắk Lắk	12	04	04	08	0	12	0	
2	Hà Nội	06	0	03	01	02	05	01	
3	Hòa Bình	191	204	75	102	11	190	01	
4	Ninh Bình	09	06	03	05	01	09	0	
5	Phú Thọ	17	03	04	11	02	17	0	
6	Sơn La	21	06	07	10	04	21	0	
7	Thanh Hóa	165	139	61	85	19	165	0	
Total		421	362	157	222	39	419	02	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ VỀ NGHỆ NHÂN MO MƯỜNG

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng người tham gia thực hành di sản Mo Mường		Độ tuổi của người tham gia thực hành di sản Mo Mường			Giới tính		Ghi chú
		Số lượng nghệ nhân làm Mo	Số lượng học trò theo học nghề Mo	Dưới 60	Từ 60 - 80	Từ 80 trở lên	Nam	Nữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đắk Lắk	12	04	04	08	0	12	0	
2	Hà Nội	06	0	03	01	02	05	01	
3	Hòa Bình	191	204	75	102	11	190	01	
4	Ninh Bình	09	06	03	05	01	09	0	
5	Phú Thọ	17	03	04	11	02	17	0	
6	Sơn La	21	06	07	10	04	21	0	
7	Thanh Hóa	165	139	61	85	19	165	0	
Tổng		421	362	157	222	39	419	02	

**SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF THE PEOPLE
WHO PARTICIPATE IN FUNERAL RITUALS OF THE MUỜNG PEOPLE
(WHO ARE NOT THE MO PRACTITIONERS)**

No.	Province / City	Number of the Mo Mường ritual practitioners				Number of ages of the Mo Mường heritage practitioners			Gender		Notes
		Number of the Clượng/ Trượng sorcerers/ sorcerers	Number of the ritual assistants	Number of people playing the musical instruments	Number of dancers	Under 60 years old	From 60 - 80 years old	Over 80 years old	Male	Female	
1	Đắk Lắk		3				02		03		01 person did not enumerate their age
2	Hà Nội										Did not enumerate
3	Hòa Bình		- 28 Chí chuốc performers - 11 Mê mụ performers	32		36	32	02	60	11	Total: 71 people (01 person did not enumerate the year of birth). 02 mê mụ can dance with fans
4	Ninh Bình	08	02 [Trùm làng (village's authorities), Khán]	14		13	03	02	24		06 sorcerers, 01 Trượng sorcerer, 01 village's sorcerer who only worships at funerals
5	Phú Thọ	08	01				07	02	09		08 sorcerers [01 sorcerer can play the wind instrument, and 01 assistant can play the đàn nhị (the 2-string vertical fiddle)]
6	Sơn La	10		30	08		30	16	02		
7	Thanh Hóa	22	06	87	01	62	54	04	120		
Total		48	48	163	09	111	101	26	218	11	

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ VỀ
NGƯỜI THAM GIA THỰC HÀNH NGHI LỄ TANG MA CỦA
DÂN TỘC MƯỜNG (KHÔNG PHẢI LÀ THẦY MO)**

STT	Tỉnh, thành phố	Số lượng người tham gia thực hành di sản Mo Mường				Số lượng độ tuổi của người tham gia thực hành di sản Mo Mường			Giới tính		Ghi chú
		Số lượng thầy Clượng/ Trưởng/ Thầy Cúng	Số lượng người phụ lễ	Số lượng người chơi nhạc cụ	Số lượng người Múa	Dưới 60	Từ 60 - 80	Từ 80 trở lên	Nam	Nữ	
1	Đắk Lắk		3				02		03		01 người không có năm sinh
2	Hà Nội										Không kê khai
3	Hòa Bình		- 28 Chí chuốc - 11 Mế mụ	32		36	32	02	60	11	Tổng 71 người (01 người không năm sinh), 02 mế mụ biết múa quạt
4	Ninh Bình	08	02 (Trùm làng, Khán)	14		13	03	02	24		06 Thầy cúng, 01 Trưởng, 01 thầy làng
5	Phú Thọ	08	01				07	02	09		08 thầy cúng có một người biết chơi kèn và 01 phụ lễ biết chơi nhị
6	Sơn La	10		30	08		30	16	02		
7	Thanh Hóa	22	06	87	01	62	54	04	120		
Tổng		48	48	163	09	111	101	26	218	11	

SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF THE MO RITUALS AND BELIEFS IN LOCALITIES

No.	Provinces/Cities	Funeral Mo	The Mo rituals (apart from Funeral Mo)	Total number of rituals	Notes
1	Đắk Lắk	x	Relieve the bad luck. Ask for the number of death. Pulling the banyan tree. Mo for the souls. House-cooling Mo. Mo for new rice. Mo in New Year's festivals. Worship the soil's Gods.	11	
2	Hà Nội	x	House-cooling Mo. Mo for new rice. Worship for bumper crops. Mo for the souls.	05	
3	Hòa Bình	x	Showing gratitude at a grave. Mo for the souls. Mo to expel evil spirits.	04	
4	Ninh Bình	x		01	
5	Phú Thọ	x	Mo for longevity. Mo for the souls. Start living in a new house. Mo for ground breaking. Worship the midwife. Worship at a grave. Relieve the bad luck. Mo for weddings.	09	
6	Sơn La	x	Relieve the bad luck. Ask for the number of death. Mo in New Year's festivals. Mo for the souls. House-cooling Mo. Worship the soil's Gods. Mo for telling the stories of the Muong's heroes. Worship the midwife.	09	
7	Thanh Hóa	x	Covering a grave. Mo for the souls. Mo for new rice. Mo in festivals. Invite ancestors in New Year's festival. Clear one's debt. Pulling the banyan tree. Expel evil spirits. Change the number. Mo Pồn Pông. Start living in a new house. Worship the kitchen's Gods. Relieve the bad luck. Worship the ancestors. House-cooling Mo. Mo for weddings.	22	The Mo for festivals (the peace-worship festival, the Páu-temple festival, festivals for the village's tutelary gods, festivals for deities, the Bù-village festival, and the Mường Đòn festival)
Total				61	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ VỀ NGHI LỄ TÍN NGƯỠNG CÓ TÊN GỌI MO TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên Tỉnh/thành	Mo tang ma	Tên các nghi lễ có tên gọi Mo (ngoài Mo tang ma)	Tổng số nghi lễ	Ghi chú
1	Đắk Lắk	x	Mo giải hạn. Mo xin số. Mo thượng thọ. Mo kéo Si. Mo vía (Mo voái). Mo mát nhà (Mo mach nhà). Mo côm mới. Mo ngày Tết (Mo ngày Sết). Mo xô công (mo cúng thổ công thổ địa). Mo mụ (cúng mụ cho trẻ em).	11	
2	Hà Nội	x	Mo mát nhà. Mo côm mới. Mo lễ cầu mùa. Mo vía	05	
3	Hòa Bình	x	Mo tạ mộ. Mo vía. Mo cúng trừ tà.	04	
4	Ninh Bình	x		01	
5	Phú Thọ	x	Mo cầu thọ. Mo vía. Mo về nhà mới. Mo động thổ. Mo cúng mụ. Mo cúng mộ. Mo giải hạn. Mo đám cưới.	09	
6	Sơn La	x	Mo giải hạn. Mo xin số (Mo xin khố). Mo ngày Tết (Mo ngày Sết). Mo vía (Mo Voái). Mo mát nhà. Mo thổ công, thổ địa (Mo xô công). Mo đôi đũa. Mo Mụ (Mo mữ)	09	
7	Thanh Hóa	x	Mo đắp mả. Mo vía. Mo mừng côm mới. Mo trong lễ hội. Mo mời gia tiên về ăn năm mới. Mo trả nợ. Mo kéo si. Mo tơm ma (đuổi tà ma để người ốm khoẻ lại). Mo đổi số. Mo Pồn Pông. Mo về nhà mới. Mo cúng thổ địa. Mo giải hạn. Mo kênh cốc. Mo tết. Mo Cau tấu (trừ tà cho người ốm đau). Mo cúng gia tiên. Mo cúng ốm đau. Mo mát nhà. Mo đám cưới, Mo dẫu. Mo cúng về nhà	22	Mo lễ hội (lễ cầu yên, lễ hội đèn Páo, Lễ hội Thành Hoàng Làng, lễ hội thần thiêng, lễ hội Bản Bù, lễ hội Mường Đôn..)
Tổng				61	

**SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF
THE RELEVANT OBJECTS OF THE MO MƯỜNG**

No.	Province	OBJECTS' NAME						Notes
		Sword (quantity)	Bell (quantity)	Gong (quantity)	Costume (quantity)	Pictures and photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đắk Lắk	19	29	01	11			
2	Hà Nội	04	08		06			
3	Hòa Bình	299	341	17	217			
4	Ninh Bình	12	12	01	14			
5	Phú Thọ	01	10	02	07			
6	Sơn La	24	41		16	01		
7	Thanh Hóa	208	282	71	153	50		
Total		567	723	92	424	51		

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ VỀ HIỆN VẬT LIÊN QUAN ĐẾN MO MƯỜNG

STT	TỈNH	TÊN HIỆN VẬT						Ghi chú
		Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh ảnh (số lượng)	Hiện vật khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đắk Lắk	19	29	01	11			
2	Hà Nội	04	08		06			
3	Hòa Bình	299	341	17	217			
4	Ninh Bình	12	12	01	14			
5	Phú Thọ	01	10	02	07			
6	Sơn La	24	41		16	01		
7	Thanh Hóa	208	282	71	153	50		
Tổng cộng		567	723	92	424	51		

SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF RELEVANT MATERIALS AND DOCUMENTS OF THE MO MUỜNG RITUAL

No.	Province / City of Archive	Number of published books	Handwritten / Typewritten / Photocopy	Number of pages	Notes
1	Đắk Lắk	0	0	0	
2	Hà Nội		03	No information	
3	Hòa Bình	19			
4	Ninh Bình	01	07	1.187	
5	Phú Thọ		01	17	
6	Sơn La	12	06	4.730	
7	Thanh Hóa	22		14.474	
Total		44	17	20.408	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ VỀ TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN MO MƯỜNG

STT	TỈNH / THÀNH PHỐ LƯU GIỮ	SỐ LƯỢNG SÁCH XUẤT BẢN	CHÉP TAY/ ĐÁNH MÁY/ PHôtô	SỐ TRANG	GHI CHÚ
1	Đắk Lắk	0	0	0	
2	Hà Nội		03	Không có thông tin	
3	Hòa Bình	19			
4	Ninh Bình	01	07	1.187	
5	Phú Thọ		01	17	
6	Sơn La	12	06	4.730	
7	Thanh Hóa	22		14.474	
Tổng cộng		44	17	20.408	

**SUMMARY DATA INVENTORY TABLE OF THE MO MƯỜNG
MATERIALS AND DOCUMENTS
AT VIETNAMESE INSTITUTE FOR MUSICOLOGY**

No.	SOUNDS	IMAGES			TEXTS			NOTES
	DC/S 90' tapes (cassette)	The number of S.VHS/OC tapes	Hard disk size/ OC	Photos	Publications	Musical notations	Fieldwork report	
1	08	32 (S.VHS)	120 minutes (S.VHS)	342	08	08 handwritten documents	02	
2	292 GB (1998- 2020), the fieldwork audio documentation	05 (OC)	06 TB	22,9 MB (1998-2023)	11 articles of Bulletin (Music & Studies) No. 65 & 66			OC to refer to hard disks TB to refer to Terabyte TBKH to refer to Bulletin (Music and Studies)

BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU KIỂM KÊ TƯ LIỆU VỀ MO MƯỜNG TẠI KHO LƯU TRỮ CỦA VIỆN ÂM NHẠC

STT	TƯ LIỆU ÂM THANH	TƯ LIỆU HÌNH ẢNH			TƯ LIỆU VĂN BẢN			GHI CHÚ
	DC/S 90' băng cassette	Số lượng băng S.VHS/OC	Dung lượng băng/OC	Tư liệu ảnh	Sách xuất bản	Ký âm	Báo cáo điện tử	
1	08	32 (S.VHS)	120 phút (S.VHS)	342	08	08 (chép tay)	02	
2	292 GB (1998- 2020) Audio điện tử	05 (OC)	06 TB	22,9 MB (1998-2023)	11 bài viết (TBKH 65,66)			OC: Là ổ cứng TB (Terabyte): Là dung lượng ổ cứng TBKH: Thông báo khoa học

**SỐ LIỆU KIỂM KÊ DI SẢN MƠ MƯỜNG TẠI 7 TỈNH, THÀNH PHỐ
NĂM 2023**

**THE INVENTORY DATA OF THE MO MƯỜNG IN
SEVEN PROVINCES AND CITIES IN 2023**

TỈNH ĐẮK LẮK
ĐẮK LẮK PROVINCE

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the <i>roóng/ràng</i> (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the <i>Khót</i> bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mơ		Số năm làm nghề Mơ	Số lượng Lễ Mơ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các Rooney/ rỗng/ phần Mơ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mơ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			Mơ lên trời	Mơ nhìn họ	Mơ kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Văn Thành	1971	Thôn 2 xã Hòa Thắng, Tp Buôn Ma Thuột	12		32	Khoảng 200	x	x	x	Đá hũ sắt (01), đá nham thạch (04), răng voi (02), nanh heo rừng (02), sò, ốc, răng của các sư phụ (04), móng vuốt heo rừng (03), đá thiêng (07), trứng ông Mơ (02), ễnh ương (04), tiền xu cổ (18)	02	Thuộc nhiều bài Mơ Mường

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân Mơ còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần Mơ trong một lễ tang truyền thống xưa.

DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Rống/rảng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN EA H'LEO

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mơ không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề Mơ	Số lượng Lễ Mơ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các róng/ràng/phần Mơ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mơ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Văn Ngòi	1952	Thôn 8, xã Ea Nam	7		0		6	Không nhớ	1. Mơ quét vĩa nhập quan 2. Mơ kẹ 3. Mơ bữa cơm 4. Mơ nhìn 5. Mơ kể chuyện cho người mất 6. Mơ lên trời 7. Mơ xuống đất 8. Mơ kiện 9. Mơ đi lấy lửa trên Mường trời 10. Mơ dặn dò con cháu 11. Mơ mát nhà 12. Mơ lễ 3 đêm (mở cửa mã) 13. Mơ vĩa	Kiểm, dao, đồng âm dương, củ gừng	1	

2. HUYỆN EA KAR

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Phạm Bá Mong	1948	Thôn 9, xã Ea Pal	04					Không nhớ	1. Nhập quan (Mo gọi vía) 2. Mo gọi hồn người chết ra ngồi bàn thờ riêng 3. Mo đi xin đất ở nghĩa địa 4. Mo dọn đồ (chia đồ cho người chết) 5. Mo đón người chết về ăn cơm bữa (04 bữa) 6. Mo nhìn họ 7. Mo kể chuyện 8. Mo về nơi người chết được sinh ra 9. Mo lên trời 10. Mo trở về nhà 11. Mo đi chơi 12. Mo dọn đồ 13. Mo ra nghĩa địa			Chưa được trực tiếp làm Mo tang ma mà chỉ làm Mo phụ trong tang ma với ông Phạm Văn Nhường
2	Bùi Văn Trinh	1949	Thôn 1, xã Ea Ô	11				33	467	Thuộc tất cả các bài Mo Mường (với 115 róng mo hơn 5 vạn câu chữ)	Chuông, kiếm, mũ, khăn, phất trần, đồ tế khí, túi khót: đá đồ chu, rìu đồng, nanh heo rừng, nanh hổ, lưới tầm sét, tiền xu âm dương và một số loại đá khác	02	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
3	Phạm Văn Nhuông	1955	Thôn 9, xã Ea Pal	04				53	Không nhớ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập quan (mơ gọi vía) 2. Mơ đón người chết về ăn cơm bữa (04 bữa) 3. Mơ nhìn họ 4. Mơ lên trời 5. Mơ đi chơi (tung còn, ném còn) 6. Mơ bữa cuối 7. Mơ dặn dò 8. Mơ ra nghĩa địa, mời người chết về gia đình để tổ chức 03 ngày 				

3. HUYỆN KRÔNG BÔNG

1	Bùi Văn Chớng	1950	Thôn Chung Knung, xã Cư Pui	14				25	36	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mời Nổ (các thầy/thiên thư, tổ tiên của thầy Mơ) 2. Mơ Nhập quan: <ul style="list-style-type: none"> - Quét vía (thực hiện lễ mức vía/quét vía tất cả những người sống ra khỏi quan tài) - Nhập người chết vào trong quan tài 3. Mơ gọi hồn vía về (mời người chết về dùng mâm cơm cúng) 4. Cúng tạ ơn thầy (người đã truyền nghề cho thầy Mơ) 5. Đánh thức hồn người chết dạy, kể chuyện cho người chết <ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện vì sao có cây đèn, về các hiện vật trong bộ khốt của thầy Mơ - Kể chuyện về con cháu sắm các mâm cúng, kể về tại sao lại có các món trong mâm cúng - Kể chuyện lý do tại sao bị chết - Kể chuyện về cái trống, cái chiêng, cái chiếu... 	Túi khốt có: đá, đồng (dao đồng, rìu đồng, dao sấm sét, đầu con hổ bằng đồng)		
---	---------------	------	-----------------------------------	----	--	--	--	----	----	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>6. Mo Nương ăn/ Tống nước</p> <p>7. Đê đất, đê nước</p> <p>8. Nhìn họ, đưa người chết đi thăm họ hàng bên âm (những người bà con đã chết trước)</p> <p>09. Thực hiện các bài Mo dẫn người chết lên trời (mượn thuyền, đi thuyền, xuống sông ...)</p> <p>10. Kiện cáo trên trời</p> <p>11. Mo xuống (đưa người chết về lại nhà)</p> <p>12. Mo nhóm Mường</p> <p>13. Mo đi chơi (nếu còn thời gian)</p> <p>14. Mời người chết ăn bữa cơm cuối</p> <p>15. Mo dặn dò con cháu, họ hàng ở lại</p> <p>16. Mo đưa người chết ra chỗ chôn</p> <p>17. Giao đồ cho người chết ngoài chỗ chôn</p> <p>18. Mo quay về nhà (mời người chết về nhà để con cháu cúng cơm)</p>			
2	Len Văn Huân	1964	Thôn Nao Huh, xã Cư Đrăm	05		05		23	98	<p>1. Mời Nổ (các thầy/thiên thư, tổ tiên của thầy Mo)</p> <p>2. Mo Nhập quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quét vía (thực hiện lễ mức vía/quét vía tất cả những người sống ra khỏi quan tài) - Nhập người chết vào trong quan tài 			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>3. Mời gọi hồn vía về (mời người chết về dùng mâm cơm cúng)</p> <p>4. Cúng tạ ơn thầy (người đã truyền nghề cho thầy Mo)</p> <p>5. Đánh thức hồn người chết dạy, kể chuyện cho người chết</p> <ul style="list-style-type: none"> - kể chuyện vì sao có cây đèn, về các hiện vật trong bộ khốt của thầy Mo - Kể chuyện về con cháu sắm các mâm cúng, kể về tại sao lại có các món trong mâm cúng - Kể chuyện lý do tại sao bị chết - Kể chuyện về cái trống, cái chiêng, cái chiếu... <p>6. Mời ăn/ Tổng nước</p> <p>7. Đền đất, đền nước</p> <p>8. Nhìn họ, đưa người chết đi thăm họ hàng bên âm (những người bà con đã chết trước)</p> <p>09. Thực hiện các bài Mo dẫn người chết lên trời (mượn thuyền, đi thuyền, xuống sông ...)</p> <p>10. Kiện cáo trên trời</p> <p>11. Mời xuống (đưa người chết về lại nhà)</p> <p>12. Mời nhóm Mường</p> <p>13. Mời đi chơi (nếu còn thời gian)</p> <p>14. Mời người chết ăn bữa cơm cuối</p> <p>15. Mời dặn dò con cháu, họ hàng ở lại</p> <p>16. Mời đưa người chết ra chỗ chôn</p> <p>17. Giao đồ cho người chết ngoài chỗ chôn</p> <p>18. Mời quay về nhà (mời người chết về nhà để con cháu cúng cơm)</p>	Túi khốt, có: móng gấu, nanh heo rừng, riêu thach sanh, đá đen, đá trắng, búa thach sanh, nanh cạp.	1	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Ngân Văn An	1968	Thôn Chung Knung, xã Cư Pui	3		3			10	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo nhập quan 2. Mo kể chuyện về con vật, đẻ đất, đẻ nước, đi chặt cây, săn bắn... 3. Mo lên trời kể về đường đi lên trời, qua đò, qua sông, qua công trời, qua cầu trơn... 4. Mo nhìn họ dẫn người chết đi tìm họ hàng, dòng họ 5. Mo đi đường, dẫn người chết đến những đoạn đường đi về với tổ tiên 6. Mo kiện, đưa người chết lên trời kiện với ông trời vì sao lại phải chết 7. Mo mâm cỗ 8. Mo bữa 9. Mo đi chơi 10. Mo nhắn (dặn dò con, cháu) 11. Mo bỏ mã (dặn dò người chết ở lại nghĩa địa) 	Túi khốt có: viên đá lạ, riu đá, nanh heo rừng, củ gừng, đồng xu, dao.		

4. HUYỆN KRÔNG NĂNG

1	Ngân Văn Thạch	1957	Thôn Giang Thành, xã Ea Dăh	2		2			20	<ol style="list-style-type: none"> 1. Xin các thầy (thánh sư, tổ tiên) để đi làm Mo 2. Mo đưa hồn người chết vào quan tài 3. Mo xin đất trong nghĩa địa cho người chết (nhìn họ) 4. Mo chay 5. Mo lên trời 6. Mo đưa hồn ma về nghĩa địa, gọi hồn về ở bàn thờ 	Mũ, quạt, kiếm, nam châm, chân điều hâu, tiền xu; vòng chuỗi, dao răng thời xưa		
---	----------------	------	-----------------------------	---	--	---	--	--	----	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Vi Văn Liên	1966	Thôn Giang Thành, xã Ea Dăh	4		4		17	0	Thực hiện được một số bài đơn giản	Móng vuốt cọp, gấu, đại bàng, gà rừng, nam châm, đá thân sét, đồng xu, nanh thú, nanh rồng		Do chưa được sự cho phép của Thầy/ tổ tiên nên chủ yếu làm các lễ Mo đơn giản

5. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

1	Bùi Văn Nghị	1954		5		5			27	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khấn thầy (nỗ) 2. Kể chuyện đề cây (để làm áo quan) 3. Quét Khăng (quét vía), nhập quan 4. Phát tang 5. Mo bữa (Nước bữa) 6. Mo kể chuyện đề đất, đề nước (sử thi) 7. Mo kẹ 8. Mo nhìn họ dẫn người chết đi tìm ông bà, họ hàng. 9. Nhòm cừ Tóong (cửa âm phủ) 10. Mo lên trời 11. Mo đi chơi 11. Mo bữa 12. Mo mâm cỗ 13. Mo nhấn (dặn dò con, cháu) 14. Mo ra nghĩa địa 	Răng đười ươi, váy tê tê, móng cọp, móng gấu, nanh heo rừng, sừng mạng tự rưng, đá nam châm được truyền lại từ đời trước.		
2	Bùi Văn Minh	1962	Thôn 3 xã Hòa Thắng	4		4		13		<ol style="list-style-type: none"> 1. Khấn xin thầy (thánh sư) của thầy mo để được đi mo 2. Thực hiện mo quét sân (vào áo quan) 3. Phát tang; mở nài (dây buộc chân tay) 			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>4. Cúng cơm bữa (Nước cơm bữa)</p> <p>5. Mo kể chuyện về các dụng cụ trong túi Khót của thầy Mo</p> <p>6. Mo kể chuyện đêm khuya</p> <p>7. Mo nhìn họ (đưa đi, đón về)</p> <p>8. Mo kể chuyện về cỗ bánh, trái cây mà con cháu người chuẩn bị cho người chết</p> <p>9. Mo xin tước nhà (xin đất, đào huyệt)</p> <p>10. Mo đưa về tống (về nghĩa trang)</p>	Mũ (01), quạt (01), trang phục (01), đá khót (7 viên), tiền xu (05), nanh lợn nòi (01),		
3	Bùi Văn Thành	1971	Thôn 2, xã Hoà Thắng,	12		12		32	Khoảng 200	<p>1. Cúng thánh thư</p> <p>2. Làm lễ nhập quan (quét khăng)</p> <p>3. Cúng ông bà tổ tiên (vãi ông bà, tổ tiên, thành hoàng, bản thổ)</p> <p>4. Mo Vãi bữa trước, chạ ơn (cảm ơn)</p> <p>5. Mo kể Kun (kể chuyện sử thi: đắp đất, đắp nước, làm nhà cửa (thường đục làm nhà), mở đầm phá (làm ruộng, xin kun củi (cửa), dựng vợ, gả chồng, kun sinh, luôn để (để ra người, để lang kun cần, lang tà cái)</p> <p>6. Mo cuỗi con cuỗi cháu, cuỗi trâu, cuỗi bò, mở đầm chà nà...</p> <p>7. Mo nhìn họ</p> <p>8. Mo dọn đồ</p> <p>9. Mo ra cửa</p> <p>10. Mo nhóm Mường, cây đa chà tống, nhóm lễ bắt còn, ném đúm</p> <p>11. Mo lên trời (qua các cửa)</p> <p>12. Mo kiện</p> <p>13. Mo xuống đất</p>	Đá hủy sắt (01), đá nham thạch (04), răng voi (02), nanh heo rừng (02), sò, ốc, răng của các sư phụ (04), móng vuốt heo rừng (03), đá thiêng (07), trứng ông Mo (02), ếch ương (04), tiền xu cổ (18)		



DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Gender		Address/ Phone number	The role during the ritual practice				Does the family have a tradition of working with the profession		Number of years working with the profession	Number of the rituals practiced in funerals (estimated)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
			Male	Female		The Clượng sorcerer	Performers of the musical instruments		Dancers (if any)	How many generations	No				
							Type of the musical instruments	Number/Title of the practiced repertoires							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															

HUYỆN EA KAR

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Giới tính		Địa chỉ/Số điện thoại	Vai trò khi thực hành lễ				Gia đình có truyền thống làm nghề không		Số năm làm nghề	Số lượng Nghi lễ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Thầy Tư/Trưởng/ Chỉ đuốc/ Bà Mẹ Mụ/ Nghề làm nhà xe/ Nghề giúp làm Áo phủ quan tài	Người chơi nhạc cụ		Người múa chuyên trách (nếu có)	mấy đời	không				
							Loại nhạc cụ	Số lượng/Tên bài bản thực hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Bùi Văn Tết				Xã Cư Ni		Kèn	03			x	20	80		
2	Bùi Văn Thử	1961	x		Thôn 9 xã Ea Pal		Trống, chiêng	03			x	27	70		
3	Phạm Văn Việt	1957	x		Thôn 9 xã Ea Pal		Trống	03			x	20	80		

DISTRICT...

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN EA H'LEO

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mơ/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng/ thầy Mỡi)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo vía (làm vại)	Xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo	Cầu cho con người được khoẻ mạnh, may mắn	Lễ làm vía cho trẻ con, người già thường diễn ra đầu năm hoặc cuối năm	Tại gia đình	thầy Clượng		x		
2	Mo mát nhà	Xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo	Mời gia tiên về nhà mới; mời ông bà, tổ tiên về ăn cơm, phù hộ cho gia đình mạnh khỏe, mọi điều may mắn	Khi làm nhà xong. Thời gian Mo khoảng từ 3 đến 4 tiếng	Tại gia đình	thầy Clượng		x		
3	Mo xin số/ Mo làm vía nổi số	Xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo	Xin kéo dài sự sống, tuổi thọ	Khi nhà có người ốm đau, người già. Thời gian tùy vào yêu cầu gia đình	Tại gia đình	thầy Clượng		x		

2. HUYỆN EA KAR

1	Mo cơm mới	Xã Ea Pal, huyện Ea Kar	Cảm ơn gia tiên, thần linh đã phù hộ cho mùa màng bội thu	Hàng năm, thường vào thời điểm kết thúc mùa vụ tháng 10, 12 dương lịch Thời gian Mo kéo dài từ 1 đến 2 tiếng	Tại nhà và ngay khu vực trồng trọt	Thầy Mo	x			
---	------------	-------------------------	---	---	------------------------------------	---------	---	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo Vía/ Cúng vía	Xã Ea Pal, huyện Ea Kar Các xã: Ea Pal, Ea Ô huyện Ea Kar	Cầu bình an, cầu sức khoẻ, những điều tốt đẹp cho người thân trong gia đình	Khi gia đình có người lạc vía, anh em lâu ngày không gặp, con gái đi lấy chồng, khi gia đình có người mất, đặt tên cho trẻ mới sinh, người già ốm đau. Thời gian Mo kéo dài khoảng 2 tiếng đồng hồ.	Tại gia đình, bàn thờ tổ tiên	Thầy Mo/ thầy Mo trong vai thầy Clượng		x		Tại xã Ea Ô huyện Ea Kar, thời gian Mo thường kéo dài 2 ngày 1 đêm. Trước đây tối đa 23 đêm
3	Mo Thượng thọ/ Mo cúng vía thượng thọ	Các xã: Ea Pal, Ea Ô huyện Ea Kar	Cầu chúc sức khoẻ cho những người lớn tuổi, xin kéo dài tuổi thọ	Khi trong gia đình có người trên 65 tuổi. Thời gian Mo tùy thuộc vào gia đình yêu cầu, khoảng từ 2 đến 4 ngày	Tại gia đình	Thầy Mo trong vai thầy Clượng	x	Tại huyện Ea Ô, lễ Mo thượng thọ ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ		
4	Mo mát nhà/ Mo cúng Khôn nhà	Các xã: Ea Pal, Ea Ô huyện Ea Kar	Xua đuổi mộc ma. Giải những xui xẻo trong gia đình	Khi gia đình vào nhà mới. Thời gian Mo thường thực hiện khoảng 1 đến 2 tiếng	Tại nhà	Thầy Mo/ thầy Mo trong vai thầy Clượng		x		Tại xã Ea Ô, huyện Ea Kar, thời gian Mo kéo dài từ trưa đến 8, 9 giờ tối
5	Mo kéo si	Xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Cầu sức khoẻ cho người già khi bị ốm đau	Con dâu của người được kéo si đến 3 hoặc 7 đến 9 nhà xin gạo muối để về làm lễ tại nhà. Thời gian Mo thường làm từ 3 đến 4 tiếng, tối đa 12 tiếng.		Thầy Mo trong vai thầy Clượng		x		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Mơ ngày tết	Xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Mời gia tiên về ăn năm mới (ăn tết) phù hộ độ trì cho con cháu trong gia đình luôn bình an, may mắn, mạnh khỏe, làm ăn phát đạt, hạn xấu xua đi, may mắn tới đến.	Tổ chức vào ngày 30 tết, mùng 1, 2, 3, 4 tết Thời gian Mơ kéo dài từ 20 đến 30 phút.	Trước bàn thờ gia tiên	Thầy Mơ trong vai thầy Clượng	x			
7	Mơ cúng thổ công, thổ địa (Mơ Sô Công)	Xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Mơ để báo cáo thần thổ công, thổ địa cho gia đình nhập khẩu vào mảnh đất mới và xin các vị thần linh cai quản mảnh đất phù hộ cho gia đình khỏe mạnh, làm ăn tốt đẹp.	Tổ chức khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mơ kéo dài từ 30 đến 50 phút.	Được tổ chức tại mảnh đất nơi gia đình đang sinh sống, làm việc hoặc mới mua	Thầy Mơ trong vai thầy Clượng	x			
8	Mơ giải hạn (Mơ giải hạn)	Xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Nhằm xua đuổi những điều xấu, đem những điều may mắn đến cho người được giải hạn, cầu cho họ và gia đình có sức khỏe, may mắn, bình an trong cuộc sống.	Thường tổ chức đầu năm mới, hoặc khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mơ kéo dài nửa ngày	Tại gia đình nhà tổ chức lễ giải hạn	Thầy Mơ trong vai thầy Clượng				
9	Mơ mụ (Mơ mụ)	Xã Ea Ô, huyện Ea Kar	Mơ cho con trẻ mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn	Thời điểm: Khi gia đình có em bé mới sinh, trẻ em hay khóc hoặc ốm đau. Thời gian Mơ kéo dài 30 phút	Tổ chức khi gia đình có trẻ mới sinh và có nhu cầu cúng mụ cho bé	Thầy Mơ trong vai thầy Clượng				

3. HUYỆN KRÔNG BÔNG

1	Mơ tang ma (Mơ kẹ)	Xã Cư Pui, huyện Krông Bông	Cầu cho linh hồn người chết được siêu thoát	Thường thực hiện khi gia đình có người chết vì tai nạn, chết sông suối... Thời gian do gia đình yêu cầu.	Thường thực hiện Mơ tại nơi bị tai nạn và nghĩa trang	Thầy Mơ		x		
---	--------------------	-----------------------------	---	---	---	---------	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo giải hạn (Mo giải hạn)	Các xã: Cư Đrăm, Cư Pui huyện Krông Bông	Giải hạn cho người bị ốm đau, tai nạn..	Thường tổ chức đầu năm mới, hoặc khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng.	Tại trong nhà, nơi gia đình nhà tổ chức lễ giải hạn	Thầy Mo trong vai thầy Clượng	x			Đối với một số trường hợp hạn nặng gia đình thường tổ chức Mo tại sông, suối, ngã ba đường, sau đó chuyển về nhà người tổ chức giải hạn Mo tiếp.
3	Mo xin số/Mo kéo si (kéo dài tuổi thọ)	Các xã: Cư Đrăm, Cư Pui huyện Krông Bông	Mo xin số là nghi lễ xin thần linh cho tăng tuổi thọ của người sống.	Nghi lễ được tổ chức khi gia đình có người già bị ốm đau, bệnh tật, người cao tuổi cần làm lễ xin số mới để kéo dài tuổi thọ. Thời gian Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng.	Tại gia đình nhà tổ chức lễ		x			
4	Mo vía	Các xã: Cư Đrăm, Cư Pui huyện Krông Bông	Động viên tinh thần cầu tai qua nạn khỏi, cầu vía cho người chết	Trẻ mới sinh, khi bị tai nạn, ốm đau, người ốm nặng, hết năm... Thời gian Mo kéo dài khoảng 2 tiếng	Tại gia đình tổ chức lễ			x		
5	Mo mát nhà	Các xã: Cư Đrăm, Cư Pui huyện Krông Bông	Mo Mát nhà như là một lễ giải hạn, để xua đuổi hóa giải những điều xấu, cầu cho con người, nhà cửa, cây trồng vật nuôi trong gia đình luôn luôn mạnh khỏe, tốt tươi, mọi điều may mắn.	Thường được tổ chức vào dịp đầu năm tại các gia đình có nhu cầu, khi là nhà mới xong hoặc mua nhà mới, khi gia đình có người mất. Thời gian Mo kéo dài khoảng 3 tiếng	Tại hộ gia đình		x			
6	Mo cơm mới	Xã Cư Pui, Huyện Krông Bông	Cảm ơn gia tiên phù hộ cho mùa màng bội thu	Hàng năm, thường vào thời điểm kết thúc mùa vụ tháng 9, 10 dương lịch Thời gian Mo kéo dài từ 30 đến 45 phút	Nhà gia chủ hoặc đình làng	Thầy Mo trong vai thầy Clượng	x			

4. HUYỆN KRÔNG NĂNG

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo vía (Mo voái)	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Gọi hồn, gọi vía người sống, người ốm đau bệnh tật trở về, cầu mong vía bảo vệ thân chủ được mạnh khỏe. Trẻ con còn nhỏ thì hay bị lạc vía, bay mất vía, vía mãi chơi không biết về từ đó đưa trẻ ốm yếu thì làm Mo để ốm vía, gọi vía về	Tổ chức khi gia đình có nhu cầu Thời gian Mo kéo dài từ 9 đến 10 tiếng.	Tại gia đình nhà tổ chức Mo	Thầy Mo / Clượng	x			
2	Mo cơm mới	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Cảm ơn gia tiên đã phù hộ cho mùa màng bội thu	Hàng năm, thường vào thời điểm kết thúc mùa vụ tháng 10, 12 dương lịch Thời gian Mo kéo dài từ 30 đến 45 phút	Nhà gia chủ hoặc đình làng	Thầy Mo / Clượng	x			
3	Mo mát nhà (Mo Cốt nhà)	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Mo cốt nhà để xua đuổi những điều xấu, cầu cho những người trong gia đình luôn luôn mạnh khỏe, tốt tươi, mọi điều may mắn.	Thường được tổ khi về nhà mới (tân gia), khi trong nhà có người không khỏe mạnh, khi gia đình mới có người mất. Thời gian Mo kéo dài khoảng 3 tiếng.	Tại hộ gia đình	Thầy Mo / Clượng		x		
4	Mo giải hạn (Mo giải hạn)	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Nhằm xua đuổi những điều xấu, đem những điều may mắn đến cho người được giải hạn, cầu cho họ và gia đình có sức khỏe, may mắn, bình an trong cuộc sống.	Thường tổ chức đầu năm mới, hoặc khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng.	Tại gia đình nhà tổ chức lễ giải hạn	Thầy Mo/ Clượng		x		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Mo xin số (Mo xin khố)	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Mo xin được tổ chức khi gia đình có người già bị ốm đau, bệnh tật, người cao tuổi cần làm lễ xin số mới để kéo dài tuổi thọ	Tổ chức khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng.	Tại gia đình	Thầy Mo/ Clượng		x		
6	Mo ngày tết (Mo ngày sết)	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Mời ông bà, tổ tiên về ăn cơm, phù hộ cho gia đình mạnh khỏe, mọi điều may mắn	Tổ chức tại nhà. Thời gian Mo kéo dài khoảng 60 phút	Tại gia đình	Thầy Mo/ Clượng	x			
7	Mo thổ công thổ địa (Mo Sô Công)	Xã Ea Dah, huyện Krông Năng	Mời thần linh về phù hộ cho gia đình khỏe mạnh, làm ăn tốt đẹp	Cúng khi làm nhà mới, lấy chồng lấy vợ	Tại gia đình	Thầy Mo/ Clượng	x			

5. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

1	Mo vía	Các xã: Hòa Thắng, Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột	Gọi hồn, goivía người sống, người ốm đau bệnh tật, tai nạn trở về; con nít đi chơi bị nhiều người nựng hoặc ngã bị mất hồn vía... cầu vía bảo vệ cho bản mệnh được mạnh khỏe. Cầu chúc con cháu đạt được những điều tốt đẹp.	Khi con gái đi lấy chồng, khi có người ốm, đặt tên cho con... Thời gian một lễ Mo kéo dài 2 tiếng đồng hồ.	Tại gia đình	Thầy Mo/ Thầy Clượng	x			
2	Mo xin số	Xã Hòa Thắng, TP. Buôn Ma Thuột	Khi có người già ốm đau thì gia đình tổ chức để cầu mong sức khỏe và nhanh khỏi bệnh	Thời điểm: Khi gia đình có người lớn tuổi bị ốm đau, có người trên 65 tuổi trở lên. Thời gian, tùy theo yêu cầu của gia đình	Tại gia đình	Thầy Mo/ Thầy Clượng		x		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Mo kéo si/ kê số	Các xã Hòa Thắng, Ea Kao, TP. Buôn Ma Thuột	Kéo dài tuổi thọ và chúc thọ	Khi gia đình có người lớn tuổi bị ốm đau, có người trên 65 tuổi trở lên. Thời gian, tùy theo yêu cầu của gia đình		Thầy Mo/ Thầy Clượng	x			
4	Mo giải hạn (Mo giải hạn)	Xã Hòa Thắng, TP. Buôn Ma Thuột	Giải hạn cho người bị ốm đau, tai nạn..	Thường tổ chức đầu năm mới, hoặc khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng	Tại trong nhà, nơi gia đình nhà tổ chức lễ giải hạn	Thầy Mo/ Thầy Clượng		x		
5	Mo mụ	Các xã: Hòa Thắng, Ea Kao TP. Buôn Ma Thuột	Mo trả công cho bà mụ và cầu cho con trẻ mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn.	Thời điểm: Khi gia đình có em bé mới sinh, hay khóc hoặc ốm đau Thời gian Mo kéo dài 30 phút	Trong nhà (chỗ em bé nằm)		x			
6	Mát nhà (Khôn nhà)	Các xã: Hòa Thắng, Ea Kao TP. Buôn Ma Thuột	Là một lễ giải hạn, để xua đuổi hóa giải những điều xấu, cầu cho con người, nhà cửa, cây trồng vật nuôi trong gia đình luôn luôn mạnh khỏe, tốt tươi, mọi điều may mắn.	Thường được tổ chức vào dịp đầu năm tại nhà có nhu cầu, hoặc khi dựng/muanhà mới. Thời gian Mo kéo dài từ sáng đến chiều tối	Tại gia đình nhà tổ chức mo	Thầy Mo/ Thầy Clượng	x			

DISTRICT...

No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN EA H'LEO

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Bùi Văn Ngòi	Thôn 8, xã Ea Nam		1	2	1	0	0	Kiểm, dao, đồng âm dương, củ gừng, đàn nhị, sáo.	

2. HUYỆN EA KAR

1	Phạm Văn Nhường	Thôn 9, xã Ea Pal		1	3	0	1	0	Túi khót hiện nay vẫn để ở Thanh Hoá. Hiện nay đi Mo chủ yếu dùng quạt, dao, mũ sắc, cây nghệ rừng để yếm bùa.	
2	Bùi Văn Trinh	Thôn 1, xã Ea Ô	Được truyền lại từ Thầy Lê Phi Phẩm	2	2	0	2	0	Dao (02), mũ (02), khăn (01), phát trần (01), đồ tế khí (01), túi khót: đá đồ chu (01), riu đồng (01), nanh heo rừng (01), nanh hổ (01), lưỡi tầm sét (01), tiền xu âm dương (04) và một số loại đá khác.	

3. HUYỆN KRÔNG NĂNG

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Vi Văn Liên	Thôn Giang Thành, xã Ea Dăh		1	1	0	1	0	Mũ (1), quạt (1), dao (02), túi khốt (1), riêu đá (1), đồng xu (03), vòng bạc (03).	
2	Ngân Văn Thạch		Được truyền từ bố đẻ	1	1	0	1	0	quạt (01), nam châm (02), chân điều hâu (02), đồng xu (05).	

4. THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

1	Bùi Văn Minh	Thôn 3 xã Hòa Thắng	Đời trước để lại. Một số mua mới	1	1	0	1	0	Mũ (01), quạt (01), trang phục (01), đá Khốt (7 viên), tiền xu (05), nanh lợn nòi (01).	
2	Ngân Văn Thạch	Thôn 3 xã Hòa Thắng	Do gia đình truyền lại	6	4	0	1	0	Mũ thường (02), mũ nhà quan (01), sừng nai (02), nanh heo rừng lớn, nhỏ (03), vỏ sò (02), đồng âm dương, răng đười ươi (02), vẩy tê tê, móng cạp (01), móng gấu (01), sừng mạng tự rụng (01), đá nam châm.	
3	Bùi Văn Thành	Thôn 2, xã Hoà Thắng	Được truyền lại từ nhiều đời và có tự làm thêm 1 số	3	11		1		Dao lù (02), quạt (03), trang phục (01) mũ sừng (01), mũ thường (03) trống (02), đá huỷ sắt (01), đá nham thạch (04), răng voi (02), nanh heo rừng (02), sò, ốc, răng của các sù phụ (04), móng vuốt heo rừng (03), đá thiêng (07), trứng ông mo (02), ến ương (04), tiền xu cổ (18).	

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
HÀ NỘI CITY

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the roóng/rằng (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mo		Số năm làm nghề Mo	Số lượng Lễ Mo tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các Rooney/ rỗng/ phần Mo trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khốt mà thầy Mo hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			Mo lên trời	Mo nhìn họ	Mo kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Phát Tường	1940	Thôn Đồng Chay, xã Vân Hòa, huyện Ba Vì	Khoảng 9 đời		15 năm		x	x	x	Chuông (còn gọi là khếng), quạt, hòn khốt, cảo	Không	
2	Nguyễn Thị Bí	1951	Thôn Đồng Ràng, Đông Xuân, huyện Quốc Oai		05	16 năm	2.400	x		x	Chuông (khếng), dao (kiếm), quạt, nanh hổ, hòn khốt, mâm đài		

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân Mo còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần Mo trong một lễ tang truyền thống xưa.

DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Rống/rảng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN BA VÌ

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mộ không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề Mộ	Số lượng Lễ Mộ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các ruộng/ràng/ phân Mộ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mộ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Phát Tường	1940	Thôn Đồng Chay, xã Vân Hòa	Khoảng 9 đời			x	15 năm	Trung bình khoảng 2 đám/ tháng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mộ nhập quan 2. Mộ Kẹ 3. Mộ cúng cơm 4. Mộ nhìn họ 5. Mộ cời lia 6. Mộ kể chuyện (Đề đất để nước) 7. Mộ lên trời 8. Mộ ké đái 09. Mộ Tuông 10. Mộ dâng mã 	<p>Chuông (còn gọi là khếng): làm bằng đồng, bên trong có quả lấc, phía trên có cán nhỏ để ông Mộ cầm rung lấc khi diễn xướng. Thầy Mộ khua chuông để vong biết khi làm lễ.</p> <p>Quạt: Thể hiện sự uy nghiêm, khi cần thì để Thánh Sư giáng lời</p> <p>Hòn khốt: là những hòn đá có hình thù kỳ lạ. Đây là vật thiêng mang theo phù trợ</p> <p>Cáo (gồm 2 đồng tiền xu hoặc 3 mảnh tre âm - dương): dùng để xin âm.</p>	Không	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Đình Công Phục	1963	Thôn 9, xã Ba Trại	04		1 đời		7 năm	160	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo vào áo quan, phát tang 2. Mo kẹ 3. Mo mượn nỏ 4. Mo cúng cơm 5. Mo để đất để nước 6. Róng tuồng mặc (trồng dâu nuôi tằm) 7. Mo lên trời 8. Mo nhìn (nhìn họ bên nội, bên ngoại) 9. Mo nhập mộ, vá long mạch, đóng cửa mã 	<p>Chuông: làm bằng đồng, bên trong có quả lắc, phía trên có cán nhỏ. Dùng để thỉnh hồn người chết khi làm lễ cúng.</p> <p>Dao găm (thay cho kiếm): Con dao thể hiện cho quyền năng của ông Mo thực thi thuật pháp.</p> <p>Quạt giấy: Tốc độ cúng nhanh hay chậm sẽ phụ thuộc vào việc thầy Mo quạt nhanh hay là chậm.</p> <p>Vòng cổ có nanh con hổ, vòng tay huyết long: Dùng để thị uy với người chết.</p> <p>02 đồng tiền âm dương: Dùng tiền âm dương để gieo quẻ. Người Mường lấy hai đồng tiền này để làm tín, để chứng minh rằng ông bà, ông Vải, ông Vong, bà Vong đã về đến trường thờ.</p>	Không	
3	Đình Văn Hoà	1968	Thôn 7, xã Ba Trại	04		04		10 năm	400	<ol style="list-style-type: none"> 1. Róng nỏ Mo 2. Róng vào áo quan, nhập quan 3. Róng kẹ 4. Róng Mo cơm 5. Róng đưa vong đi chơi 	<p>Chuông (khéng): Chuông làm bằng đồng, bên trong có quả lắc, phía trên có cán nhỏ để ông Mo cầm rung lắc khi diễn xướng.</p> <p>Chuông dùng để gọi, báo cho phần âm biết khi thầy Mo làm lễ.</p> <p>Quạt: Thể hiện sự uy nghiêm, khi cần thì để Thánh Sư giáng lời.</p> <p>Túi khốt: gồm rất nhiều đá thạch anh, dao găm: để bảo vệ cho thầy Mo và gia đình thầy Mo.</p> <p>Gậy trúc, phía trên có gắn một chiếc sừng hươu: thể hiện sự uy nghiêm của thầy Mo.</p>		

2. HUYỆN QUỐC OAI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Thị Bí	1951	Thôn Đồng Ràng, Đông Xuân	05			0	16 năm	2.400	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bài Mo kẹ 2. Mo cúng cơm 3. Mo về cối âm 4. Mo lên vườn hoa ở Hòa Bình 5. Mo lên trời 6. Mo kiện 7. Mo để đất để nước 	<p>Chuông (khéng): dùng để đánh thức vong.</p> <p>Dao (Kiếm): thể hiện cho quyền năng của thầy Mo thực thi thuật pháp.</p> <p>Quạt (làm bằng giấy hoặc vải): được ông Mo dùng để phát theo lời Mo, có vai trò gọi vía lại.</p> <p>Nanh hổ: Thể hiện sức mạnh, quyền uy của thầy Mo.</p> <p>Hòn khốt: vật thiêng có ý nghĩa phù trợ thầy Mo.</p> <p>Mâm dài và 2 đồng xu: xin âm dương.</p>		

3. HUYỆN THẠCH THẮT

1	Hoàng Xuân Thiệp	1941	Thôn Hội - Hương, xã Yên Trung,	03		0		30 năm	240	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo cúng cơm 2. Mo lia 3. Mo lên trời (Mo đi chơi) 4. Mo kiện 5. Mo để đất để nước 6. Mo Mã 	<p>Chuông (khéng): làm bằng đồng, bên trong có quả lắc, phía trên có cán nhỏ để ông Mo cầm rung lắc khi diễn xướng. Chuông dùng để đánh thức vong. Thầy Mo lắc chuông để đánh thức vong, đưa đi chơi.</p> <p>Dao con: làm bằng thép dài khoảng 15cm có vỏ bọc bằng nhựa. Dao thể hiện quyền năng của thầy Mo.</p> <p>Quạt (làm bằng vải): Thể hiện sự uy nghiêm, khi cần thì để Thánh Sư giáng lời.</p> <p>Nanh hổ và hòn khốt: mang lại sức mạnh</p> <p>02 đồng xu: để xin âm dương.</p>		
---	------------------	------	---------------------------------	----	--	---	--	--------	-----	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Đình Xuân Nam	1994	Thôn 2, xã Tiên Xuân	07		07		15 năm	420	1. Mo nhập quan (vào quan) 1. Mo mượn thầy 2. Mo kẹ 3. Mo cúng cơm 4. Mo nhìn họ 5. Mo cời lia 6. Mo kể chuyện (Đề đất để nước, Út lốt với chàng Huy Nga, Nàng Nga 2 mối, Mo đề trứng điếng) 7. Mo lên trời (đi chơi cửa mụ) 8. Mo Mạ 9. Mo ké đá 10. Mo Tuông	Chuông: Chuông dùng để đánh thức vong. Quạt: Thể hiện sự uy nghiêm. Kiếm (dao): Con dao thể hiện cho quyền năng của ông Mo thực thi thuật pháp. Đá khốt, sừng nai, nanh lợn lòi, nanh hổ: dùng để thị uy.		



DISTRICT...

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN BA VÌ

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng/ thầy Môi)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng thực hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Các xã: Yên Bài, Vân Hòa, Ba Trại, Minh Quang, Khánh Thượng, Tân Lĩnh	Làm đám tang cho người chết, đưa vong hồn người chết về bên tổ tiên	Khi có người chết	Nhà người mất và ở nghĩa trang	Thầy Mo	X			
2	Mo vía	Các xã: Yên Bài, Vân Hòa, Ba Trại, Minh Quang, Khánh Thượng, Tân Lĩnh	Người già ốm yếu, trẻ con còn nhỏ thì hay bị lạc vía, bay mất vía, vía mãi chơi không biết về từ đó đưa trẻ ốm yếu thì làm Mo để vớt vía, gọi vía về	Khi có người ốm	Nhà gia chủ, hoặc chỗ đưa trẻ đi chơi	Thầy Mo	X			
3	Mo mát nhà	Các xã: Yên Bài, Vân Hòa, Ba Trại, Minh Quang, Khánh Thượng, Tân Lĩnh	Trần trạch nhà, tẩy uế, khai quang cho nhà ở mát mẻ, không có yêu ma tà khí	Thời điểm xây dựng xong nhà mới, hoặc gia đình sau khi xong tang lễ	Nhà gia chủ	Thầy Mo	x			

2. HUYỆN QUỐC OAI

1	Mo tang ma	Xã Đông Xuân	Làm đám tang cho người chết, đưa vong hồn người chết về bên tổ tiên	Khi có người chết	Nhà người mất và ở nghĩa trang.	Thầy Mo	x			
---	------------	--------------	---	-------------------	---------------------------------	---------	---	--	--	--

3. HUYỆN THẠCH THẤT

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Các xã: Yên Trung, Yên Bình, Tiến Xuân	Làm đám tang cho người chết, đưa vong hồn người chết về bên tổ tiên	Khi có người chết	Tại nhà người mất và ở nghĩa trang	Thầy Mo	x			
2	Mo vía	Xã Tiến Xuân	Người già ốm yếu, trẻ con còn nhỏ thì hay bị lạc vía, bay mất vía, vía mãi chơi không biết về từ đó đưa trẻ ốm yếu thì làm Mo để vớt vía, gọi vía về	Khi có người ốm	Ở nhà, hoặc tại chỗ đưa trẻ đi chơi	Thầy Mo	x			
3	Mo mát nhà	Xã Tiến Xuân	Trần trạch nhà, thầy uế, khai quang cho nhà ở mát mẻ, không có yêu ma tà khí	Thời điểm xây dựng xong nhà mới, hoặc gia đình sau khi xong tang lễ	Nhà gia chủ	Thầy Mo	x			
4	Mo cơm mới	Xã Tiến Xuân	Cảm ơn gia tiên đã phù hộ cho mùa màng bội thu	Đầu năm, thường vào ngày 10/10 và ngày 5/5 hàng năm là thời điểm kết thúc mùa vụ	Nhà gia chủ hoặc đình làng	Thầy Mo, thầy Clượng	x			
5	Mo lễ cầu mùa	Xã Tiến Xuân	Cầu cho mùa màng bội thu, cây lúa tốt tươi	Đầu năm	Đình làng	Thầy Mo, thầy Clượng	X			



DISTRICT...

No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN BA VÌ

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Bùi Phát Tường	Thôn Đồng Chay, xã Văn Hòa	Đời trước để lại	0	1	0	1	0	Tiền xu cổ: 02 đồng Quạt: 01 Mảnh tre (mảnh nứa): 03	
2	Đình Công Phục	Thôn 9, xã Ba Trại	Đời trước để lại Một số sưu tầm	0	01	0	1	0	Tiền xu âm dương: 02 đồng Quạt: 01 cái Nanh con hổ: 01 Vòng tay huyết long: 01	
3	Đình Văn Hòa	Thôn 7, xã Ba Trại	Đời trước để lại Một số sưu tầm	1	2	0	1	0	Quạt: 01 Đá thạch anh: 10 Dao găm: 01 Rìu đá: 03 Rìu đồng: 01 Nanh lợn: 01 Gậy trúc: 01	

2. HUYỆN QUỐC OAI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nguyễn Thị Bí	Thôn Đồng Ràng, Đông Xuân	Đời trước để lại. Một số mua mới	1	1	0	1	0	Nanh hổ: 02 Hòn khót: 01 Tiền đài: 01 đôi Quạt: 01	01 bộ trang phục người Mường

3. HUYỆN THẠCH THẮT

1	Đình Xuân Nam	Thôn 2, xã Tiến Xuân	Đời trước để lại	01	01	0	01	0	Quạt: 01 Đá khót: 7 viên 01 Cặp sừng nai. 01 Nanh lợn nòi. 01 Nanh hổ	
5	Hoàng Xuân Thiệp	Thôn Hội - Hương, xã Yên Trung	Đời trước để lại, một số mua mới	01	02	0	01	0	Nanh hổ: 02 Hòn khót: 01 Tiền đài: 01 đôi Quạt: 01 cái	



No.	Titles of the materials and documents	Name of authors	Types of the materials and documents	Number of pages/ Capacity of the materials and documents	Year of Publication (if any)	Publisher/Place of Publication (if any)	Archive location; Archivists; Address; Phone number	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

STT	Tên tư liệu	Tên tác giả	Dạng tư liệu	Số trang/ Dung lượng tư liệu	Năm xuất bản/ấn hành (nếu có)	Nhà xuất bản/ Nơi ấn hành (nếu có)	Nơi lưu trữ, người lưu trữ, địa chỉ, số điện thoại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Các bài Mui	Đình Công Phục	Tài liệu chép tay	1 quyển			Ông Đình Công Phục, thôn 9, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, Hà Nội	
2	Các bài Mui	Bùi Phát Tường	Tài liệu chép tay	1 quyển			Ông Bùi Phát Tường, thôn Đồng Chay, xã Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	
3	Mui Hòa Bình	Sưu tầm	Photo	1 quyển			Ông Đình Văn Hòa, thôn 7, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, Hà Nội	

TỈNH HÒA BÌNH
HÒA BÌNH PROVINCE

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the roóng/ràng (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm MŌ		Số năm làm nghề MŌ	Số lượng Lễ MŌ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các rŏng/ rŏng/ phần MŌ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khŏt mà thấy MŌ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			MŌ lên trời	MŌ nhìn họ	MŌ kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Văn Phin	1934	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú, Tân Lạc	09		60	Trên 300	x	x	x	Đồ đá, nanh lợn lòi, răng hổ, hạt vòng cổ, sừng thú bằng đá, răng gấu, sừng hoẵng, vỏ sò biển, hạt chàm 3 chạc, đá cuội sỏi, tổ tò vò.	02	
2	Đình Công Ninh	01/01/1947	Xóm Thôi Láo, xã Phú Vinh, huyện Tân Lạc	05		50	44	x	x	x	Túi khŏt hiện có: hạt vòng cổ Thời nguyên thủy, sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú rừng, răng lợn rừng, đá cuội, riêu đá, riêu đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng	04	
3	Quách Văn Đào	10/12/1951	Xóm Sào Bắc, xã Sào Báy, Kim Bôi		04	54 năm	350	x	x	x	04 kiếm, 04 chuông, 02 bộ trang phục, 01 cái giáo, 02 quạt giấy riêu đồng, đá, mũi giáo, đá cuội, thạch anh, đồng tiền xu, vòng đá (bị vỡ ¼), nanh lợn rừng, răng cá đuối, răng voi.	04	

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân MŌ còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần MŌ trong một lễ tang truyền thống xưa.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4	Bùi Văn Lựng	1957	Xóm Mường Lằm, xã Phong Phú Tân Lạc	07		39	400	x	x	x	Hiện vật bằng đồng, sừng hoẵng, sừng sơn dương, đá thạch anh, nanh gấu.	07	
5	Bùi Văn Rừm	01/01/ 1957	Xóm Rậm Cọ, Xã Thượng Cốc	08		22	200	x	x	x	Sừng hoẵng 02, nanh lợn lòi 02, Lưỡi rìu đá 03, đá cuội 16, mảnh công cụ đá 08, mảnh trang sức đá 04, mũi giáo sắt 01, lưỡi rìu đồng 01, chuông đồng		
6	Xa Tiến Thọ	2/2/1969	Xóm Dưng, xã Hiền Lương, Đà Bắc		03	25	Trên 200	x	x	x	Túi khót hiện có: Nanh hổ, nanh lợn rừng, xương gà rừng, chân gà rừng, đồ đá thời nguyên thủy, viên đá xanh.	02 (cháu ruột và em họ)	



DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Roóng/ràng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN CAO PHONG

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mo không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề Mo	Số lượng Lễ Mo tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các roóng/ràng/ phần Mo trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mo hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Văn Kệnh	03/3/1942	Xóm Đùng Thá, xã Thu Phong	12		12		50	300	1. Mo kể chuyện: Đê Tá Cài, đê Tá Càn, xin lửa, đê bát, đê dầu đèn, đê đuông/tuông vải, đê sanh ninh, (đê tống thơm), làm nhà cho lang Cun Càn, đê gà 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đê Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị (đi chợ), Mo đi về mộ địa	02 sừng sơn dương, 02 nanh lợn lòi, 01 răng gấu, 20 nanh các loại, 10 riu, bôn đá, 10 viên đá cuội, 03 sừng hoẵng, 02 chân đại bàng	01	
2	Bùi Văn Đình	01/01/1956	Xóm Má 1, xã Bắc Phong	04		05		16	100	1. Mo kể chuyện: Đê Tá Cài, đê Tá Càn, xin lửa, đê bát, đê sanh ninh, đê dầu đèn, đê đuông/tuông vải (đê tống thơm), làm nhà cho lang Cun Càn, đê gà 2. Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đê Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	02 mũi giáo, 02 nanh lợn lòi, 01 sừng hoẵng, 01 riu đồng, 01 vuốt gấu, 04 viên đá các loại	03	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Bùi Xuân Điền	25/5/1956	Xóm Rú Mới, xã Hợp Phong	03		03		20	150	1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cản, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cản, đẻ gà 2. Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	Không có hiện vật khốt	0	
4	Bùi Xuân Trường	01/01/1956	Xóm Trọ Ngoài 1, xã Nam Phong	04		04		23	150	1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cản, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cản, đẻ gà 2. Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	7 cái riu đồng, 3 cái riu đá	0	
5	Bùi Văn Đông	01/01/1957	Xóm Quả, xã Thạch Yên	03		06		45	300	1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cản, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (Đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cản, đẻ gà 2. Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	02 riu đá, 01 viên đá có lỗ, 07 viên đá cuội các loại, 01 nanh lợn rừng, 01 nanh hổ, 1/2 vòng tay đá, 02 đồng tiền xu	0	
6	Bùi Trung Thành	09/5/1957	Xóm Rú Giữa, xã Hợp Phong	06		06		20	120	1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cản, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cản, đẻ gà 2. Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	03 nanh hổ, 02 viên vàng sống, 01 riu đồng, 01 riu đá, 05 viên đá các loại, 02 răng lợn lòi, 02 răng chó ma, 04 đồng tiền xu, 12 xương ống chân gà	04	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Bùi Quang Đạo	13/9/1958	Xóm Rú Mới, xã Hợp Phong	09		09		23	150	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, đẻ gà</p> <p>2. Cuối lia</p> <p>3. Mo nghi lễ: Mo thầy, Thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa</p>	01 nanh lợn lòi 01 nanh chó sói, 01 riu đồng, 01 riu đá, 01 viên thạch anh, 01 viên vàng sống, 10 viên đá cuội	03	
8	Bùi Văn Nhân	01/02/1959	Xóm Lãi, xã Tây Phong	03		02		35	250	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần và đẻ Dịt Dàng, sản muông, đẻ gà</p> <p>2. Cuối lia</p> <p>3. Mo nghi lễ: Mo thầy, Thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện (tạ ơn vua trời, xin tuông/đuông, trả nợ, về lại nhà, đi sông Tì. Mo đi về mộ địa</p>	02 mũi giáo đồng, 01 riu đồng, 01 mai đá, 01 sừng hoẵng, 02 chân cú mèo, 01 mũi cày, 01 viên vàng sống (thiên thạch), 01 nanh lợn lòi, 01 cắt tút đạn, 05 viên đá cuội các loại, ½ vòng đá, 01 viên thạch anh	03	
9	Đình Công Huỳnh	08/9/1960	Xóm Lãi, xã Tây Phong	01		0		34	280	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, đẻ gà</p> <p>2. Cuối lia</p> <p>3. Mo nghi lễ: Mo thầy, Thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa</p>	01 riu đồng, 01 riu đá, 15 viên đá cuội các loại, 03 khâu dao, 02 nanh hổ, 01 sừng hươu, 01 bộ cảo (03 thanh tre)		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
10	Bùi Văn Bàng	02/02/1964	Xóm Đồng Mới, xã Dũng Phong	04		03		36	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vãi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, đẻ gà</p> <p>2. Cuối lia</p> <p>3. Mo nghi lễ: Mo thầy, Thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	01 riu đá, 03 viên đá các loại, 01 răng nanh hổ, 01 sừng Sơn dương, 01 riu đồng	01	
11	Bùi Văn Chiển	10/8/1971	Xóm Rú Mới, xã Hợp Phong	10		10		27	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vãi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm mường Bi, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt cò, nghìn họ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện (tạ ơn vua Trời, xin tuông/ đuông, trả nợ, về lại nhà đi sông Tị (đi chợ), Mo đi về mộ địa</p>	01 mũi giáo, 04 viên sỏi, 01 bộ cảo (03 thanh tre)	0	
12	Bùi Văn Vượt	01/01/1972	Xóm Đai, xã Thạch Yên	03		05		29	230	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vãi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, đẻ gà</p> <p>2. Cuối lia</p> <p>3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 riu đá, 02 sừng hươu, 01 sừng nai, 01 răng nanh hổ, nanh đá, đá cuội các loại, 02 khâu dao, 01 bộ cảo, 01 riu đồng	0	

2. HUYỆN ĐÀ BẮC

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Hồng Kiên	05/04/1942	Tiểu khu Mu, thị trấn Đà Bắc	4		4		50	Hàng trăm đám tang lễ	1. Mo nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, ngấm đất nhìn nương 2. Mo Cuối lia 3. Phần Mo nghi thức tại gia đình 4. Mo vào Chiêng chạ bắt còn, nghìn họ			Không còn thực hành các phần mo Lên trời, Đi sông Tị
2	Hà Viết Lơ	04/04/1944	Xóm Mái, xã Hiền Lương	3		3		40	Trên 30	1. Đạp ma, dâng ăn, kẹ, cắt dây			
3	Đình Công Lệnh	04/05/1947	Xóm Vây Ang, xã Vây Nưa	2		2		54	Hàng trăm lễ	1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cắn, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vải (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cắn, đẻ gà, đẻ nhà xe, vườn hoa núi cối 2. Mo nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, nhòm nương Bi, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc Thè, nhòm bến Rậm, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thè, chào kiện (tạ ơn vua trời) xin tuông/ đuông, trả nợ, về lại nhà, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	Khăn dao, nanh lợn lòi, đá thạch anh hòn cuội sỏi, sừng hoẵng, đồ đá công cụ ghè dẻo thời nguyên thủy, riu đồng	01 con trai, Xa Văn Yêm	Phần Mo nhòm còn lại một số bài còn nhớ được ½ bài Mo. Phần Mo kể chuyện đẻ gà, Vườn hoa Núi Cối và đẻ Nhà xe; Phần Mo Lên trời; Đi sông Tị không còn thực hành

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4	Bùi Văn Huệ	1964	Xóm Hào Phú, xã Tú Lý	5		5		33	165	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, Tim muông, góp gươm giáo săn muông, bắn chết con muông, đẻ gà, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm nhà ông Keo Renh</p> <p>3. Mo Cuối ìa: Mo Táy, mo ìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo Thầy</p> <p>5. Mo nghi thức tại gia đình</p> <p>6. Mo vào Chiêng Chạ, Mo đi sông Tị</p>	Sừng hươu, nanh hổ, nanh lợn rừng, riu đá, đá thạch anh, nhũ đá, ¼ vòng đá, vỏ sò, dao nhọn	03	Một phần của Mo kể chuyện và phần lớn phần Mo nhóm bị cắt đoạn. Không còn thực hành phần Mo lên trời
5	Bùi Văn Huệ	1968	Xóm Nà Chiếu, xã Cao Sơn	4		4		5	70	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng tìm Chu, tìm lồi, chặt cây Chu đồng, đẻ gà, kể chuyện Vườn hoa Núi Cối, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, ngấm đất nhìn mường, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè</p> <p>3. Mo táy, Mo ìa</p> <p>4. Mo Nghi lễ: Mo Thầy</p> <p>5. Mo nghi thức tại gia đình</p> <p>6. Mo vào Chiêng Chạ</p>	Sừng hươu, răng nanh lợn rừng, sừng sơn dương, răng nanh các loại thú rừng khác, móng thú, chân gà, tổ tò vò, hòn bi, đá cuội sỏi, đồ riu đá, tiền đồng	03	Một phần của Mo kể chuyện và Mo nhóm bị cắt đoạn. Không còn thực hành phần Mo lên trời và phần Mo Đi Sông Tị
6	Xa Tiến Thọ	2/2/1969	Xóm Dưng, xã Hiền Lương	3		3		25	Trên 200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ Tá Cái, đẻ Tá Cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh ninh, đẻ dầu đèn, đẻ đuông/ tuông vãi (đẻ tổng thôm), làm nhà cho lang Cun Cần, đẻ gà, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm Mường Bi, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối ìa</p>	Nanh hổ, nanh lợn rừng, xương gà rừng, chân gà rừng, đồ đá thời nguyên thủy, viên đá xanh	02 Cháu ruột và em họ	Phần Mo đẻ Nhà xe thì tùy từng gia đình yêu cầu thực hành

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, để Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, ke, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thè, chào kiện (tạ ơn vua trời), xin tuông/ đuong, trả nợ, về lại nhà, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa			

3. HUYỆN KIM BÔI

1	Bùi Văn Rôm	02/12/1938	Xóm Cháo, xã Kim Bôi	05		05		45	300	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Điếng, đẻ đuong/tuong vải (để tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, ke, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	02 kiếm, 07 chuông, 02 bộ trang phục, 02 quạt giấy sừng hoẵng, riu đồng, riu đá, đã các loại, nam chàm	02	
2	Bùi Văn Chích	10/10/1947	Xóm Thung Mường, xã Tú Sơn	04		04		38	260	1. Mo kể chuyện: Đẻ sanh ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ gà, đẻ nhà xe 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, ngắm nhìn đất Mường 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, để Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, ke, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ 4. Mo táy 5. Mo cuối lia	03 kiếm 05 chuông, 01 bộ trang phục, 02 quạt giấy, riu đồng, đá, nôi khót (đá có lỗ), vàng sổng, đá cuội, thạch anh, sừng hoẵng, hươu nanh hổ, răng voi, chân gà rừng, tiền xu	01	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Quách Văn Đào	10/12/1951	Xóm Sào Bắc, xã Sào Báy	04		04		54	350	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá Cài, đẻ Tá Càn, xin lửa, đẻ bát, đẻ đuông/tuông vải (để tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn, lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dịt Dàng, đẻ gà, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, ngấm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh</p> <p>3. Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chunh Khe, vào áo, nhòm nhà ông Keo Renh, kẹ, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt cò, nghìn họ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thè, chào kiện (tạ ơn vua trời), xin tuông/đuông, trả nợ, về lại nhà, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	04 kiểm, 04 chuông, 02 bộ trang phục, 01 cái giáo, 02 quạt giấy riu đồng, đá, mũi giáo, đá cuội, thạch anh, đồng tiền xu, vòng đá (bị vỡ ¼), nanh lợn rừng, răng cá đuối, răng voi	04	
4	Bùi Văn Chính	05/5/1952	Khu Bãi, thị trấn Bo	04		04		29	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đuông/tuông vải (để tống thôm) làm nhà cho lang Cun Càn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngấm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 kiểm, 05 chuông, 02 bộ trang phục, 01 quạt giấy, mũi giáo đồng, trầm khét, riu đá, đá cuội, thạch anh, sừng hươu, nanh gấu, hổ, vuốt hổ, răng hàm thú, nanh lợn lòi, mảnh răng voi	04	
5	Bùi Trung Hiếu	31/01/1952	Xóm Ba Bị, xã Hùng Sơn	08		07		38	300	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đuông/tuông vải (để tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngấm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p>	01 kiểm, 03 chuông, 01 bộ trang phục, 01 cái giáo, 02 quạt giấy		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										3. Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa			
6	Bùi Văn Trúc	19/5/1952	Xóm Sáng Trong, xã Đú Sáng	05		05		32	200	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đuông/tuông vải (để tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	02 kiếm, 05 chuông, 01 bộ trang phục, 01 quạt giấy, răng lợn lòi, nanh hổ, chân con cheo cheo, ngà voi, đá cuội, thạch anh	02	
7	Bùi Văn Khui	08/3/1953	Xóm Rộc, xã Hùng Sơn	05		05		15	120	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đuông/tuông vải (để tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	01 kiếm, 02 chuông, 01 bộ trang phục, 01 quạt giấy đá cuội, Trảm khét, nanh chó ma, vỏ sò, nam châm		
8	Bùi Xuân Tươi	19/8/1955	Xóm Bưa Cầu, xã Hùng Sơn	07		07		10	100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đuông/tuông vải (để tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	02 kiếm, 02 chuông, 01 bộ trang phục, 01 cái giáo, 01 quạt giấy, 01 mũi giáo, đá các loại, rìu đồng, tiền xu đồng, sừng hoẵng, nanh chó sói, răng lợn lòi, hàm hổ, vuốt gấu nanh hổ, vẩy tê tê, cảo	01	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
9	Bùi Văn Lệnh	02/6/1956	Xóm Gò Khánh, xã Kim Bôi	06		06		40	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đường/tuông vãi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 kiếm, 05 chuông, 01 bộ trang phục, 01 quạt giấy đá cuội, nanh lợn rừng, mảnh xương hóa thạch, đá thạch anh	01	
10	Bùi Văn Rệu	06/8/1957	Xóm Vọ, xã Cuối Hạ	03		03		46	150	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đường/tuông vãi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn.</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	01 riêu đá, 01 viên thạch anh, 01 quả trứng đá, 01 viên đá đánh lửa	03	
11	Quách Xuân Lợi	03/01/1958	Xóm Gò Mu, xã Kim Bôi	07		07		34	300	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đường/tuông vãi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 kiếm, 05 chuông, 01 bộ trang phục, 02 cái giáo, 01 quạt giấy, răng nanh voi hóa thạch, sừng nai, tiền xu Việt Nam, viên đá cuội, răng nanh hổ		
12	Bùi Văn Hưng	17/7/1960	Xóm Dứng Ồi, xã Kim Bôi	04		04		44	500	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đường/tuông vãi (Đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Càn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	05 kiếm, 03 chuông, 03 bộ trang phục, 02 quạt giấy, xương ống chân gà rừng, xương mặt hổ, răng nanh voi, xương đầu và sừng cheo cheo, xương hổ, đá các loại	04	
13	Bùi Văn Thanh	29/10/1960	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	15		15		42	300	1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diểng, đẽ đuông/tuông vải (đẽ tổng thơm), làm nhà cho lang Cun Cản 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	02 kiếm, 03 chuông, 02 bộ trang phục, 01 quạt giấy, rìu đá, 01 nanh hổ, đá cuội, bộ Cáo (03 thanh tre)	01	
14	Bùi Văn Chung	01/01/1961	Xóm Gò Mu, xã Kim Bôi	03		03		42	150	1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diểng, đẽ đuông/tuông vải (đẽ tổng thơm), làm nhà cho lang Cun Cản 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	01 kiếm, 03 chuông, 01 bộ trang phục, 01 cái giáo, 02 quạt giấy, xương ống chân gà rừng, đá cuội, trầm khét, đồng xu, mảnh vàng non, nanh lợn rừng, đá thạch anh, nam châm, rìu đá có vai		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
15	Nguyễn Văn Dân	10/7/1962	Khu Sào, thị trấn Bo	02		02		35	250	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đũa/đũa vôi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cẩn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 kiếm, 04 chuông, 01 bộ trang phục, 01 cái giáo, 01 quạt giấy, mũi giáo, trầm khét, vỏ sò, sừng nai, nanh và vuốt hổ	02	
16	Bùi Văn Ươm	08/12/1965	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	06		06		23	150	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đũa/đũa vôi (đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cẩn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	04 kiếm, 03 chuông, 02 bộ trang phục, 02 quạt giấy, mũi giáo, xương ống chân gà rừng, vòng đá, đá cuội, trầm khét, đồng xu, mảnh vàng non, nanh hổ	02	
17	Bùi Văn Hải	15/9/1971	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	07		07		06	30	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ đũa/đũa vôi (Đẻ tống thôm), làm nhà cho lang Cun Cẩn</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	01 kiếm, 02 chuông, 01 bộ trang phục, 01 quạt giấy, răng nanh hổ, lợn rừng, chó sói, hoẵng, đá cuội, mảnh vàng sống, trầm khét, đồng tiền xu, con dao nhỏ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
18	Hà Công Quyên	07/12/1973	Xóm Pang, xã Cuối Hạ	03				10	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, đẻ đuông/tuông vải (đẻ tổng thôm), làm nhà cho lang Cun Cản</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 riu đồng, 05 sừng nai, 02 nanh hổ, 01 sừng sơn dương		
19	Quách Công Thương	20/8/1973	Thôn Nam Bải, xã Nam Thương	05		05		33	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, đẻ đuông/tuông vải (đẻ tổng thôm), làm nhà cho lang Cun Cản</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	10 kiếm, 10 chuông, 06 bộ trang phục, 03 cái giáo, 05 quạt giấy, sừng hoẵng, sơn dương, hươu, răng nanh hổ, voi, lợn lòi, chó sói, hàm đười ươi, hàm rái cá, xương ống chân gà rừng, váy tê tê, xương bị sét đánh	04	
20	Bùi Văn Ài	20/11/1974	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	07		07		22	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, đẻ đuông/tuông vải (đẻ tổng thôm), làm nhà cho lang Cun Cản</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	02 kiếm, 02 chuông, 03 bộ trang phục, 02 quạt giấy sừng hoẵng, hươu, trâm khét, xương gà rừng	06	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
21	Bùi Văn Thường	16/10/1987	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	08		08		04	40	<p>1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diếng, đẽ đường/tuông vải (đẽ tổng thôm), làm nhà cho lang Cun Cần</p> <p>2. Mo nhòm: Ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa</p>	02 nanh hổ, các loại đá cuội, trầm khết (riu đồng)		

4. HUYỆN LẠC SƠN

1	Bùi Văn Bờn	1931	Xóm Yên Kim, xã Yên Nghiệp	04				35	230	<p>1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diếng, chia năm tháng, đẽ pèl, nước lặt, nước cạn, đẽ Tá cái, đẽ Tá cần, xin lửa, đẽ bát, đẽ sanh, ninh, đẽ dầu, đèn, đẽ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẽ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, Mường Bi, rành Cọng, Mường Thành, nhòm đình ngang bến Lọng, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhòm sông ngang bến Lọng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc Thế, nhòm bến Rậm, nhòm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p>	Nanh lợn lòi (02), răng các loại, đồ đá, đồ đồng, nanh chó sói, đá thạch anh, riu đồng, răng hổ, sừng nai, vàng sống, mũi tên đồng, đá cuội sỏi, xương bánh chè hổ, hén, sò		
---	-------------	------	----------------------------	----	--	--	--	----	-----	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo (Mo thầy) + Nghi thức tại gia đình: (Thiên thần, để Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây) + Vào chiêng chạ, bắt còn, nghin họ + Lên trời: hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị + Mo đi về mộ địa</p>			
2	Bùi Văn Hờm	05/10/1941	Xóm Dồng Cài, xã quyết Thắng	03		03		62	300	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Điếng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đen, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Càn, lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mường Bì, rãnh cọng, Mường Thàng, nhóm đĩnh ngang bến Tặl, Chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: (Mo thầy) + Nghi thức tại gia đình: (thiên thần, để Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, Kẹ, cắt dây)</p>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>+ Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tướng, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị</p>			
3	Bùi Văn Bài	01/01/1953	Xóm Bán , xã Định Cư	04				25	120	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm Chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm Mưong Bi, nhóm nhà ông Keo Renh 3. Mo Cuối lìa: Mo táy, Mo lìa 4. Mo nghỉ lễ: + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần/quét Khăng (Mo Khăng), đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây 5. Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ. 6. Lên trời: hành trình từ Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tướng, trả nợ, về lại nhà 7. Đi sông Tị</p>	Sùng nai 05, nanh động vật 01, xương động vật 01, mảnh đồ trang sức bằng mã não 05, lưỡi rìu sắt 03, chuông 01...		
4	Bùi Văn Bích	03/12/1954	Xóm Khặng Vát, xã Thượng Cốc	08			0	33	250	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm Chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, tìm mưong, góp gươm giáo săn mưong, săn mưong, bắn chết con mưong til wil tọng vọng, đẻ gà 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm Keo Renh, nhóm Cháo rẹ</p>		02 gồm Bùi Chí Hưng và Bùi Đình Khang, xóm Khặng Vát, xã Thượng Cốc	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ:</p> <p>+ Nghi thức tại gia đình: Thiên thần quét khăng (Mo Khăng), dâng ăn uống, kẹ</p> <p>+ Vào chiêng chạ, bắt cò, nghìn họ</p> <p>+ Lên trời: hành trình Bông boi (lên trời), hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà.</p> <p>+ Đi sông Tị</p>			
5	Bùi Thế Ngưỡng	27/9/1955	Xóm Chum, xã Hương Nhượng	06				24	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đینگ, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lồi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng</p> <p>2. Mo nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, Mưong Thàng, nhòm đình ngang bến Tặl, chùa ông Chúc ông Chá, ngấm nhìn đất Mưong, nhòm thang đồng, nhòm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhòm sông ngang bến Lọng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ:</p> <p>+ Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy</p> <p>+ Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây</p>	<p>Riu đồng: 03 cái, đồ đá: 10 cái, nanh hổ: 02 cái, nanh lợn lòi: 02 cái, chân gà, xương gà: 01 bó, hòn cuội súi, hạt cườm, chu đồng, sừng hoẵng, sừng sơn dương, tổ tò vò</p>		săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng giờ chỉ còn làm 1 nửa

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										+ Vào chiêm chạ, bắt cò, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà			
6	Bùi Văn Dớt	08/02/1956	Xóm Đôm, xã Định Cư	02		03		30	200	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lồi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo sản muông, sản muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà 2. Mo nhóm: ngắm nhìn đất Mưong, nhóm nhà ông Keo Renh 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây + Vào chiêm chạ, bắt cò, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị	Vỏ hạt rừng 01, nanh lợn rừng, xương động vật 03, đá thạch anh 01, mảnh công cụ sắt 01,....		
7	Bùi Văn Mẹo	07/01/1956	Xóm Mưong, xã Định Cư	5		5		38	250	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong til wil tọng wọng, đẻ gà (trừ phần kể chuyện vườn hoa núi cối và đẻ nhà xe)	Sừng động vật 03, nanh động vật 08, lưỡi rìu đá 07, mảnh trang sức đá 03,....	02 Gồm Bùi Văn Sơ (Anh trai) và Bùi Văn Quyền (cháu)	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>2. Mo Nhóm: Nhóm Mường Vang, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh</p> <p>3. Mo Cuối lia, nghi thức tại gia đình</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức gia đình: Thiên thần, để Chum Khenh, vào áo, kẹp, cắt dây + Vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ +. Lên trời: hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị</p>			
8	Bùi Văn Nhan	14/7/1956	Xóm Be Ngoài, xã Chí Đạo	06				20	180	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ tá cái, đẻ tá cần, xin lửa, đẻ sanh, ninh đẻ dầu, đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, ngắm nhìn đất Mường, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Kẹ</p>	Sừng động vật 03, nanh động vật 02, xương răng động vật 02, lưới riu đá 03,...	03 gồm Bùi Khánh Hùng (sn 1989) Bùi Văn Cù (sn 1982) Bùi Văn Lán (sn 1972)	
9	Bùi Văn Rừm	01/01/1957	Xóm Rậm Cọ, xã Thượng Cốc	08			0	22	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng</p>	Sừng hoẵng 02, nanh lợn nòi 02, lưới riu đá 03, đá cuội 16, mảnh công cụ đá 08,		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>2. Mo nhóm: Nhóm nhà ông Keo Renh 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Đẻ Chum Khenh, vào áo (cuồng cỡ), dâng ăn uống, kẹ + Vào chiêng chạ, bắt cọn, nghìn họ + Lên trời: hành trình từ nhà lên Thenh Mư, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà</p>	mảnh trang sức đá 04, mũi giáo sắt 01, ...		
10	Bùi Văn Von	05/01/1958	Xóm Trung Sơn, xã Ngọc Sơn	07				37 (năm 1984)	250	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lồi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gưom giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi Cối 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mưòng Bi, rãnh cộng, Mưòng Thành, nhóm đình ngang bến Tặi, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mưòng, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vẻ Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thẻ, nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiền thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây</p>	Nanh hổ, sừng hoẵng, xương người bị sét đánh, đồ trang sức, đồ đồng, đồ đá, xương, chân gà, vuốt hổ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										+ Vào chiêm chạ, bắt cò, nghìn họ + Lên trời: hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị			
11	Bùi Văn Xồng	1958	Xóm Vó Cỏ, xã Mỹ Thành	05				27	150	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá Cài, đẻ Tá Cản, xin lửa, đẻ gà 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mưòng Bì, rãnh Cộng, Mưòng Thàng. 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy 5. Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, quét khăng, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây 6. Vào chiêm chạ, bắt cò, nghìn họ	Sùng hoẵng 03, nanh lợn lòi 05, lưới riu đá 08, đá cuội...		
12	Quách Tự Lực	25/6/1959	Xóm Răng Thiển, xã Văn Sơn	02			0	19	150	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ Tá cài, đẻ Tá cản, xin lửa, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu đèn, làm nhà cho lang Cun Cản, lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng tìm Chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông tìl wil tọng vọng, đẻ gà 2. Mo nhóm: nhóm đình ngang bên Tặl, nhóm Chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mưòng, nhóm sông ngang bên Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thế 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ	Lưới riu đá 03, đá cuội 08, mảnh thiên thạch 02, lưới riu sắt 01, mũi giáo sắt 02,...		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>+ Vào chiều chạ, bắt cò, nghìn họ. + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà. + Đi sông Tì/ đi sông Bôi</p>			
13	Bùi Văn Quý	05/9/1961	Xóm Chum, xã Hương Nhượng	04				44	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bán chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mưong Bi, rãnh cọng, Mưong Thàng, nhóm đình ngang bến Lọng, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mưong, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa độc Thé, nhóm bến Rậ, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây + Vào chiều chạ, bắt cò, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tì</p>	<p>Đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, đá thạch anh, sừng hoẵng, răng voi, sừng nai, xương ống chân người, đá thiên thạch, cục đồng, riu đá, vàng sống, răng hổ, nanh lợn lòi</p>		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
14	Bùi Văn Bè	03/9/1962	Xóm Chiềng Vang 1, xã Tân Lập	03				40	120	<p>1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đióng, đè Tá cái, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, ninh, đè dầu, đèn, đè tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dịt Dàng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đè gà (Mo trâu), đè nhà xe.</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mường Bi, Mường Thành, nhóm đình ngang bên Tặi, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm sông ngang bên Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm bên Rậm</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ:</p> <p>+ Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy</p> <p>+ Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đè Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>+ Vào chiềng chạ, bắt cò, nghìn họ</p> <p>+ Lên trời: hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tống, trả nợ, về lại nhà</p>	Mảnh đồ trang sức 03, lưỡi rìu đá 06, đá thiên thạch, đá cuội 14, sừng động vật,...		
15	Bùi Văn Hải	10/6/1962	Xóm Thượng Bàu, xã Xuất Hóa	8		8		25	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đióng, chia năm tháng, đè pèl, đè Tá cái, đè Tá cần, xin lửa, đè tống thơm (kẻ xống áo)</p> <p>2. Phàn Mo Nhóm: Còn nhóm Mường Vang, nhóm nhà ông Keo Renh còn lại là không còn thực hành</p> <p>3 Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ</p> <p>+ Nghi thức tại gia đình: Thiên thần (kẻ khót), đè Chum Khenh, vào áo (kẻ cờ), dâng ăn uống, kẹ, cắt dây (nhà trùng tang)</p>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>5. Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ</p> <p>6. Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà</p>	<p>Mảnh thiên thạch: 07, mảnh trang sức đá cổ: 16, đá cuội: 37, thạch anh: 2, riu đá: 37, mảnh đất nung: 03, răng voi: 01, chân thú nhỏ: 01, mảnh đồ đồng: 05, chuông cổ: 03, chuông mới đang dùng: 02</p>		
16	Bùi Văn Sinh	25/8/1963	Xóm Trắng Đá, xã Yên Phú	04		03		31	200	<p>1. Mò kể chuyện: Chia năm tháng, để pèl, nước lụt, nước cạn, để Tá cần, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, để Dịt Dàng tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bán chết con muông tìl wil tọng wọng, để gà</p> <p>2. Mò nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, nhòm Mưong Bi, ngấm nhìn đất Mưong, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa đốc Thé.</p> <p>3. Mò Cuối lia: Mò táy, Mò lia</p> <p>4. Mò nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mò: Mò thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, để Chum Khenh, vào áo, dâng ăn uống, kệ</p>		<p>03 gồm Bùi Văn Quynh (1964) xóm Đồi, xã Yên Phú; Bùi Văn Chính (1968) xóm Nhụn, xã Yên Phú; Bùi Văn Ninh (1962) xóm Trắng Cát, xã Yên Phú</p>	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<ul style="list-style-type: none"> + Vào chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ. + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị 			
17	Bùi Văn Hoàn	05/1/1964	Xóm Đàng, xã Quyết Thắng	4		3		27	180	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà 2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm Mường Bi, nhóm đình ngang bến Tãi, nhóm Chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm Đạo Chẹ Vê Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thê, nhóm bến Rậm, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây 5. Vào chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ 6. Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà 7. Đi sông Tị/ đi sông Bôi 	Lưới riu đá 02, xương thú 02, nanh thú 01, đá cuội 08, riu sắt...		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
18	Bùi Văn Thành	8/1966	Xóm Chum, xã Hương Nhượng	03		03		25	150	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi cối</p> <p>2. Mo nhóm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, Mưòng Bi, rãnh cọng, Mưòng Thành, nhòm đình ngang bến Tặi, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mưòng, nhòm thang đồng, nhòm Đạo Chệ Vè Mu đánh giặc, nhòm sông ngang bến Lọng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc Thè nhòm bến Rậm, nhòm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây + Vào chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị</p>	Lưới riu sắt 03, chuông đồng, lưới riu đá 03, mảnh trang sức đá 05, đá cuội...		
19	Bùi Văn Tiền	1963	Xóm Cóc 1, xã Ngọc Mỹ	03				16	20	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt</p>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>Dàng, tìm Chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bán chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi cối</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mường Bì, rãnh cộng, Mường Thàng, nhóm đình ngang bên Tãi, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vẻ Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bên Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây + Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị</p>	Riu đồng, nanh hoẵng, chân gà rừng, gà lồi, mỏ cày, cáo (âm dương) vàng rông đá, khót đá, xương voi, hạt vòng cổ đá	02 gồm Bùi Văn Thiện và Bùi Văn Ngành (cùng xóm)	
20	Bùi Văn Minh	08/3/1970	Xóm Mận Bùi, xã Văn Sơn	7		7		34	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, đẻ tá cái, đẻ tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm Mường Vang</p> <p>3. Mo nghi lễ: + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, kẹ, cắt dây + Đi sông Tị</p>		01	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
21	Bùi Văn Khoan	1971	Xóm Tre, xã Thượng Cốc	03			0	15	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mừng Bi, rành cộng, nhóm đình ngang bến Tặ, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mừng, nhóm thang đồng, nhóm sông ngang bến Tặ, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lìa: Mo táy, Mo lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ + Vào chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị</p>	Răng nanh hổ, nanh lợn rừng, riu đá (02), sừng hoẵng, đá thạch anh, răng voi, vàng sổng, đá cuội suối, chuông đồng		
22	Bùi Văn Thơm	03/10/1971	Xóm Đồi Đông, xã Tân Lập	11				13	130	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần</p> <p>2. Mo nghi lễ + Nghi thức tại gia đình: Kẹ, cắt dây</p>	Sừng động vật 02, nanh động vật 03, lười riu đá 05, mảnh trang sức,...		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
23	Bùi Văn Biền	29/10/1973	Xóm Đất, xã Tân Lập	03				26	120	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mừng Vang, Mừng Khụ</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cất dây</p> <p>5. Vào chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ</p> <p>6. Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà</p> <p>7. Đi sông Tị</p> <p>8. Mo đi về mộ địa</p>	Lưỡi rìu sắt 01, mũi giáo sắt, chuông đồng 04, lưỡi đá 08, mảnh trang sức 02....		<p>Đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gưom giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng (có biết nhưng không được thực hành) + Lên trời: hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, Xin tuông, trả nợ, về lại nhà (biết làm nhưng không thực hành)</p>

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
24	Bùi Văn Kiên	01/11/1974	Xóm Kháy Mòn, xã Tự Do	08				26	90	<p>1. Mộ kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Diêng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mộ nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mường Bi, rãnh công, Mường Thàng, nhóm đình ngang bên Tặt, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ chàng Khò chàng Khen</p>	Nanh lợn lòi, nanh hổ, sừng hoẵng, đồ đồng, đồ đá nguyên thủy, vòng đeo tay bằng đá, riêu sắt đá thạch anh, mũi tên đồng, chuông đồng		Mo Lên trời đang học được một nửa
25	Bùi Văn Cẩm	17/11/1976	Phố Chiềng Chạo, thị trấn Vụ Bản	07		07		08	400	<p>1. Mộ kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Diêng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ dầu, đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mộ nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm đình ngang bên Tặt, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bên Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mộ Cuối lia: Mộ táy, Mộ lia</p> <p>4. Mộ nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, ke, cắt dây</p> <p>5. Vào chiềng chạ, bắt cò, nghìn họ</p> <p>6. Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thè, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà</p> <p>7. Đi sông Tị</p>		03 gồm Bùi Văn Khánh (2003), Bùi Văn Đức (1976), Bùi Văn Hà (2002), phố Chiềng Chạo, thị trấn Vụ Bản	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
26	Bùi Văn Thành	11/8/1977	Xóm Trung Sơn, xã Ngọc Sơn	09				17	80	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Diếng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, Mưong Bi, rãnh cộng</p>	Nanh lợn lòi, nanh hổ, sừng hoẵng, đồ đồng, đồ đá nguyên thủy, vòng đeo tay bằng đá, rìu sắt đá thạch anh, mũi tên đồng, chuông đồng		
27	Bùi Văn Thừn	1974	Xóm Ráy, xã Văn Sơn	02				20	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Diếng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, nhòm đình ngang bên Tãi, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mưong, nhòm thang đồng, nhòm sông ngang bên Lọng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc Thê, nhòm bến Rậm, nhòm chợ chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mọ thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ + Vào chiêng chạ, bắt cò, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị + Mo đi về mộ đạ</p>	Đồ đồng, rìu đá, hòn cuội suối, mũi tên đồng, mũi rìu đồng, đá thiên thạch, nanh lợn rừng, sừng hoẵng, chuông đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
28	Bùi Văn Vịnh	05/10/1980	Xóm Xê, xã Ngọc Lâu	06				29	250	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dị Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà nhóm cây khi chàng Á, nhóm Mường Khương, Mường Khổng, ngắm nhìn đất Mường, Nhóm Keo Renh</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, quét khăng, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ</p> <p>6. Lên trời: Hành trình từ nhà lên bến bụi, bến đạch, hang hoa, chèo rẹ, cửa trời, xin lửa, đồng chịu, thiên mưa, chín đồng, đồ ly, cầu kỳ liêm la, Keo Renh, xin tuông, trả nợ, đi sông Tị, Mo về mộ địa</p>	Riú đồng: 01, riú đá: 02, nanh lợn lòi: 01, sừng sơn dương: 01, đã cuội các loại, vòng đá		
29	Bùi Văn Nòn	06/8/1982	Xóm Khương, xã Bình Hêm	03		07		17	80	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ sanh, ninh, đẻ dàu, đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm Chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, vườn hoa núi cối</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm đá, mông, chà đồng</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, quét khăng (Mo Khăng), đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ</p> <p>6. Lên trời: Hành trình từ Thên Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuông, trả nợ, về lại nhà</p> <p>7. Đi sông Tị, Mo đi về mộ địa</p>	Sừng: 02, ngà voi: 01, nanh lợn rừng: 01, răng ma ươi: 01, riú đồng: 03, riú đá: 01, vỏ ốc: 01, sừng sơn dương: 03, sừng hoẵng: 02, đá cuội các loại...		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
30	Bùi Văn Huế	06/2/1984	Xóm Tre, xã Thượng Cốc	03				5	20	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm Mường Bi, rãnh cộng, nhóm Mường Thàng, nhóm đình ngang bến Tặt, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thè, nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: + Nghi thức tại gia đình: Thiễn thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p>	Nanh lợn rừng, riu đồng, nanh hổ, móng hổ, chân gà rừng, đồ đồng, cảo âm dương, vỏ hén biển, nanh động vật 03, xương động vật 03, đá thạch anh 03, mảnh trang sức đá 03,...		
31	Bùi Văn Lương	11/11/1985	Xóm Bái, xã Tuân Đạo, huyện Lạc Sơn	04				07	60	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm Chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, nhóm đình ngang bến Tặt, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vè Mu đánh</p>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										giặc, nhòm sông ngang bến Lọng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc Thê, nhòm bến Rậm, nhòm chợ Chàng Khò chàng Khen 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đê Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây 5. Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ 6. Đi sông Tị 7. Mo đi về mộ địa	Đồ đá, đồ đồng, mũi giáo, đá quý, xương gà, vỏ sò, nanh lợn lòi, chông, xương mai rùa		Hành trình từ Thanh Mư lên Keo Renh giờ chỉ còn làm một nửa thời gian
32	Bùi Văn Chung	26/3/1988	Phó Mường Cháy, thị trấn Vụ Bản					20	250	1. Mo kể chuyện: Đê đất, đê trứng Diếng, chia năm tháng, đê pèl, nước lụt, nước cạn, đê Tá cái, đê Tá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đê Dịt Dàng, tìm chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đê gà 2. Mo nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, nhòm đình ngang bến Tặt, ngắm nhìn đất Mường, nhòm thang đồng, nhòm Đạo Chẹ Vè Mu đánh giặc, nhòm sông ngang bến Lọng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc Thê, nhòm bến Rậm 3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia 4. Mo nghi lễ: + Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đê Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây + Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ	Lưới riu đá 04, xương thú 02, nanh thú 03, đá cuội 15, riu sắt 05,...		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										+ Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà. + Đi sông Tị			
33	Bùi Văn Toán	08/9/1988	Xóm Đông Khú, xã Ngọc Sơn	09				18	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Diếng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, ninh, đẻ dầu, đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, xuất hiện con muông til wil tọng wọng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bán chết con muông til wil tọng wọng, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe</p> <p>2. Mo nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, Mừng Thàng, nhóm đình ngang bến Tật, chùa ông Chúc ông Chá, ngắm nhìn đất Mừng, nhóm thang đồng, nhóm Đạo Chẹ Vê Mu đánh giặc, nhóm sông ngang bến Lọng, nhóm nhà ông Keo Renh, nhóm cây đa dốc Thề, nhóm bến Rậm, nhóm chợ Chàng Khò chàng Khen</p> <p>3. Mo Cuối lia: Mo táy, Mo lia</p> <p>4. Mo nghi lễ:</p> <p>+ Nghi thức dành cho ông Mo: Mo thầy + Nghi thức tại gia đình: Thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây + Vào chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ + Lên trời: Hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thề, chào kiện, xin tuồng, trả nợ, về lại nhà + Đi sông Tị</p>	Ngà voi, răng cá biển, sừng nai, đồ đá, đồ đồng, mũi tên đồng, xương bánh chè người bị sét đánh, hòn đá cuội suối, nanh hổ, xương gà...		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
34	Bùi Văn Thương	17/4/1989	Xóm Chuông Bấp, xã Xuất Hóa			08		09		Mo nghi lễ: Dâng ăn, kẹ, cắt dây, vào chiêng chạ, bắt cò, nghìn họ			
35	Bùi Văn Vinh	07/10/1989	Xóm Mận Bùi, xã Văn Sơn			09		09		Đề gà, dâng ăn			
36	Bùi Văn Hùng	09/04/1992	Xóm Khao, xã Tân Mỹ	04				09	20	Mo kể chuyện: Đề đất, đề trứng Đięng, chia năm tháng, đề pèl, nước lựt, nước cạ, đề Tá cái, đề Tá cần, xin lửa, đề bát, đề sanh, ninh, đề dầu, đèn, đề tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đề Dịt Dàng, tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng, đề gà	Sừng hoẵng, trầm sét bằng đá và sắt, nanh lợn lòi, nanh gấu, đá cuội các loại, đá thạch anh tím, vàng sống...		

5. HUYỆN LẠC THỦY

1	Lê Đình Dương	10/10/1938	Thắng Lợi, An Bình, Lạc Thủy	3			x	20	400	<p>1. Mo kể chuyện: Đề đất, đề nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đề tá cái, đề đá cần, đề sanh, đề ninh, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đề Dịt Dàng</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm Mường, nhòm đống bố, đống mẹ</p> <p>3 Mo Cuồi lìa</p> <p>4.Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Nghìn họ</p> <p>6. Lên trời</p> <p>7. Đi sông Tị</p>	Riêu đá, trụ đá thạch anh, nanh lợn lòi		
---	---------------	------------	------------------------------	---	--	--	---	----	-----	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Bùi Văn Xuất	5/10/1947	Thống Nhất	3		2		30	600	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, đẻ lọ, đẻ ninh, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm quan lang đất rác, nhòm đồng ông cổ đá, đồng cũ, đồng mộng</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây.</p> <p>5. Nghìn họ</p>	Nanh hổ, răng hổ, đá cuội, dùi sắt		
3	Bùi Thanh Toàn	15/3/1950	Minh Thành, Thống Nhất, Lạc Thủy		x		x	11	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, đẻ lọ, đẻ ninh, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm Mường, nhòm đồng mộng, đồng đá, chú đá</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Nghìn họ</p> <p>6. Lên trời</p> <p>7. Đi sông Tị</p>	Cảo		Phần Mo lên trời nhớ nhưng giờ không thực hành
4	Bùi Đức Diễn	05/10/1964	Ninh Ngoại, An Bình	7		7		34	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, đẻ sanh, đẻ ninh, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng;</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm Mường, nhòm đồng bố, đồng mẹ.</p> <p>3. Mo Cuối lia.</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Nghìn họ</p> <p>6. Lên trời</p> <p>7. Đi sông Tị</p>	Đá cuội, riu đá, trụ đá bằng thạch anh, mũi giáo bằng đồng		Lên trời, đi sông Tị còn nhớ nhưng không thực hành

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5	Quách Tất Pháp	01/8/1968	Ninh Nội, An Bình	7		7		11	1100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá càn, đẻ lọ, đẻ ninh, làm nhà cho lang Cun Càn, lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dị Dàng</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm quan lang đất rác, nhòm đồng ông cổ đá, động cũ, động mộng</p> <p>3. Mo Cuối lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Nghìn họ</p> <p>6. Lên trời</p> <p>7. Đi sông Tị</p>	Nanh cú, sừng hoẵng, đá cuội		Phần Mo lên trời nhớ nhưng giờ không thực hành
6	Bùi Văn Chiển	12/3/1969	Cú Đẻ, Thống Nhất	4		4		23	1000	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá càn, đẻ lọ, đẻ ninh, làm nhà cho lang Cun Càn, lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dị Dàng</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm quan lang đất rác, nhòm đồng ông cổ đá, động cũ, động mộng</p> <p>3. Mo Cuối lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Nghìn họ</p>	Riêu đồng, trụ đá bằng thạch anh trắng, đá cuội, trầm sét, sừng hoẵng, xương động vật, riêu đá, mũi giáo bằng sắt		
7	Bùi Văn Cường	17/2/1975	Liên Phú, Thống Nhất	4			x	11	300	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá càn, đẻ lọ, đẻ ninh, làm nhà cho lang Cun Càn, lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dị Dàng</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm nhà, nhòm quan lang đất rác, nhòm đồng ông cổ đá, động cũ, động mộng</p> <p>3. Mo Cuối lìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây</p> <p>5. Nghìn họ</p>	Riêu đồng, nanh lợn lòi, sừng hoẵng, nanh hổ		

6. HUYỆN LƯƠNG SƠN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Thị Hinh	29/03/1944	Rồng Cánh, Lâm Sơn	6		6		64	100	1. Mo Nhom: Nhom nhà, nhòm đất, nhòm Mường Moil, nhòm Hóil 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, đi sông Tị	Nanh lợn lòi, đá cuội, trụ đá bằng thạch anh trắng, riu đồng, riu đá, mũi tên bằng sắt, một số hòn cuội có hình thù kỳ lạ		
2	Bùi Văn Nhu	22/6/1948	Vai Đào, Cao Sơn	4			x	14	300	1. Mo Nhom: Nhom nhà, nhòm đất Mường, nhòm cây chuối 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, Mo về	Nanh lợn lòi, nanh hổ, mũi giáo bằng đồng		
3	Bùi Ngọc Bằng	20/2/1957	Thành Sơn, Cao Sơn	5			x	32	300	1. Mo Nhom: Nhom nhà, nhòm đất Mường, nhòm cây chuối 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời	Nanh lợn lòi		
4	Bùi Văn Linh	10/5/1957	Bến Cuối, Liên Sơn	7			x	40	400	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, xin lửa, xin lúa, đẻ bát, đẻ khi, đẻ kheng, đẻ dầu, đẻ đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng, tìm muông, săn muông, đẻ gà, đẻ nhà xe	Đá cuội, riu đá, trụ đá bằng thạch anh, mũi dao bằng đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhóm: Nhóm nhà, nhóm Mường, nhóm cây đa, cây đồng 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời, đi sông Tĩ			
5	Nguyễn Văn Ân	28/01/1960	Yên Lịch, Thanh Sơn	4		4		35	3500	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lúa, đẻ bát, đẻ khi, đẻ kheng, đẻ dầu, đẻ đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cản, tìm chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng, đẻ gà 2. Mo Nhóm: Nhóm nhà, nhóm Mường, nhóm rừng, nhóm Đằm cá, nà cư 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời (từ Mường lên Chồng Mâm đến khoang ô, đến Đò Lụ Lạ, đến trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin đường) đi sông Tĩ	Riêu đồng, mũi giáo đồng, xương hổ, móng hổ, đá cuội		

7. HUYỆN MAI CHÂU

1	Đình Công Từa	1949	Xóm Khan Hạ, xã Sơn Thủy	2		2		30	150	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lúa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cản, lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Phần Mo Nhóm: Nhóm thả thả, nhóm nhà, ngắm nhìn đất Mường 3. Mo Cuối lia 4. Nghi thức tại gia đình 4. Mo nghi lễ 5. Mo vào Chiêng chạ	Nanh thú rừng, sừng hoẵng, đá cuội, công cụ nguyên thủy bằng đồ đồng, mũi tên bằng đồng	1	Phần Mo nhóm thả thả, nhóm nhà và phần nhóm ngắm nhìn đất Mường là không còn thực hành
---	---------------	------	--------------------------	---	--	---	--	----	-----	--	---	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Nguyễn Quốc Dy	1952	Xóm Khan Hạ, xã Sơn Thủy	3		3		30	Trên 30	1. Vào áo, đập ma, dâng ăn, kẹ, cắt dây 2. Vào chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ			
3	Đình Công Náy	1961	Xóm Khan Thượng, xã Sơn Thủy	3		3		40	120	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Cuồi lia 3. Mo nghi lễ 4. Vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa	Sừng hoẵng, nanh lợn rừng, răng ma khó, công cụ nguyên thủy bằng đồ đồng, mũi tên bằng đồng	Đang truyền cho cháu trai	Phần Mo nhòm thả, nhòm nhà và phần nhòm ngấm nhìn đất Mường là không còn thực hành
4	Đình Công Vinh	26/5/1961	Xóm Mượng, xã Cun Pheo	7		7		45	200	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm 3. Mo Cuồi lia 4. Nghi thức tại gia đình 5. Mo nghi lễ 6. Vào Chiềng chạ 7. Lên trời 8. Đi sông Tì 9. Mo đi về mộ địa	Túi khốt hiện có: sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú lợn rừng, đá cuội, rìu đá, rìu đồng, cối giã trầu bằng đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng	01 Cháu ruột Đình Công Muôn	Phần Mo kể chuyện vườn hoa núi Cối và đẻ nhà xe thì không còn thực hành

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5	Bùi Văn Dung	26/07/1970	Xóm Pạnh, xã Bao La	8		8		25	70	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm 3. Mo Cuối lia, nghi thức tại gia đình 4. Mo nghi lễ 5. Mo vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa	Sùng hoẵng, đồ đá công cụ ghè đẽo thời nguyên thủy, nanh thú rừng, đồ đồng	05 (gồm con trai, con chú, các bác ruột trong gia đình)	Phần Mo kể chuyện vườn hoa núi Cối và đẻ nhà xe, phần Mo lên trời, đi sông Tị thì không còn thực hành

8. HUYỆN TÂN LẠC

1	Bùi Văn Phin	1934	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú	9		9		60	Trên 300	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, Đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cất dây	Đồ đá, nanh lợn lòi, răng hổ, hạt vòng cổ, sừng thú bằng đá, răng gấu, sùng hoẵng, vỏ sò biển, hạt chàm	2	
2	Đình Công Ach	1939	Xóm Cá, xã Quyết Chiến	8		8		40	180	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gưom giáo sãn muông, sãn muông bán chết con muông, đẽ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngãm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cười lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiền thả, dâng ăn, đẽ chum khe, vào áo, vào chiềng chạ...</p> <p>5. Vào chiềng chạ bắt con nghìn họ</p> <p>6. Đi sông Tị</p>	Sùng hoăng, nanh hổ, nanh gấu, riu đồng, đồ đá, tổ ve, răng ma rừng, đá thạch anh, đá con rồng, vòng đeo tay bằng đá nguyên thủy	3	
3	Bùi Văn Cưa	1940	Xóm Mè, xã Suối Hoa	5		5		42	Trên 100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diềng, chia năm tháng, đẽ pèl, nước lựt, nước cạ, đẽ Tá cài, đẽ Tá cần, xin lửa, đẽ bát, đẽ sanh, đẽ ninh, đẽ dầu đèn, đẽ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẽ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gưom giáo sãn muông, sãn muông bán chết con muông, đẽ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngãm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cười lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: vào chiềng chạ bắt con nghìn họ, Đi sông Tị, Mo lên trời</p>	Chân gà rừng, đồ đá, đồ đồng, vỏ hến, đá thạch anh, riu đồng, tổ tò vò, hạt vòng	4	
4	Bùi Văn Khấn	1943	Xóm Lũy Ái, xã Phú Cường	5		5		40	Trên 100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diềng, chia năm tháng, đẽ pèl, nước lựt, nước cạ, đẽ Tá cài, đẽ Tá cần, xin lửa, đẽ bát, đẽ sanh, đẽ ninh, đẽ dầu đèn, đẽ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẽ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gưom giáo sãn muông, sãn muông bán chết con muông, đẽ gà</p>	Chân gà rừng, đá thạch anh, riu đồng, đồ đá, riu đá, mũi tên đồng, vỏ ốc	5	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, Đi sông Tì, Mo lên trời			
5	Đình Công Nhót	1946	Xóm Chùa Bụa, Mỹ Hòa	5		5		12	Trên 80	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lựt, nước cạ, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh... 5. Mo nghi lễ 6. Mo vào Chiêng chạ	Chuông đồng, mũi giáo bằng đồng, nanh hổ, vàng đen, riu đồng, đồ đá thời nguyên thủy, răng gấu, tổ chim tò vò		
6	Bùi Văn Nịch	1946	Xóm Bận Rọi, xã Nhân Mỹ	3		3		20	Trên 100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lựt, nước cạ, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà và phàn nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ 5. Vào chiêng chạ bắt con nghìn họ 6. Đi sông Tì, Mo đi về mộ địa	Chân móng vuốt điều hầu, sừng hoẵng, ngà lợn lòi, răng hổ, đồ đá, xương hươu, cườm đá, mỏ điều hầu, xương gà rừng, mũi dao cổ, đá sỏi	5	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Đình Công Tỉnh	1946	Xóm Đon, xã Mỹ Hòa	5		5		15	120	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà.</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và phần nhòm ngấm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối ìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần,...</p> <p>5. Mo vào Chiếng chạ</p>	Sừng nai cái, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, vuốt gấu, sừng hoẵng	6	Trừ phần kể chuyện đẻ gà, vườn hoa Núi Cối và đẻ nhà xe không thực hành nữa
8	Đình Công Banh	1947	Xóm Khạng, xã Phong Phú	4		4		30	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà</p> <p>3. Ngấm nhìn đất Mường</p> <p>4. Mo nghi lễ: vào chiếng chạ, bắt còn, nghìn họ, đi sông Tì, Mo về mộ địa...</p>	Đồ đá thời nguyên thủy, đồ đồng, vàng đen, nanh hổ, sừng hươu đỏ, sừng hoẵng, vỏ hén, sò biển	4	
9	Đình Công Ninh	01/01/1947	Xóm Thôi Láo, xã Phú Vinh	5		5		50	44	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p>		04	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>2. Mo Nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, nhòm Mường Bi, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc thế,...</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo vào Chiềng chạ, Lên trời, Đi sông Tì, Mo về mộ địa,...</p>	<p>Túi khót hiện có: hạt vòng cổ thời nguyên thủy, sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú rừng, rặng lợn rừng, đá cuội, rìu đá, rìu đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng</p>		
10	Đình Thanh Nhím	1947	Xóm Giác, xã Phú Vinh	5		5		35	70	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà.</p> <p>2. Mo Nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà, nhòm Mường Bi, nhòm thang đồng, nhòm nhà ông Keo Renh, nhòm cây đa dốc thế,...</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo vào Chiềng chạ, Đi sông Tì, Lên trời</p>	<p>Hạt vòng cổ thời nguyên thủy, sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú rừng, rặng lợn rừng, đá cuội, rìu đá, rìu đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng</p>	3	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
11	Đình Công Phóng	1948	Xóm Cò, xã Nhân Mỹ	5		5		20	50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào chiêm chạ bát con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời</p>	Sừng nhung, hươu, đồ đá, đồ đồng, nanh hổ, nanh gấu, đá thạch anh, hòn cuội suối, vòng cườm đeo cổ	1	
12	Bùi Văn Ươm	1948	Xóm Bậy, xã Phong Phú	5		5		40	Trên 100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần,...</p>	Sừng hoẵng, vàng đen, nanh gấu, riu đồng, đồ đá, vỏ ốc biển, chân gà rừng, đá cuội suối	3	
13	Bùi Văn Léch	1949	Xóm Bận Rọi, xã Nhân Mỹ	4		4		37	Trên 80	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p>	Ngà lợn lòi, sừng hoẵng, đồ đá, răng hổ, xương gà rừng, đá suối		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị			
14	Quách Văn Khon	1950	Khu Mường Bui, thị trấn Mãn Đức	5		6		25	135	1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đĩnh, chia năm tháng, đè pèi, nước lụt, nước cạn, đè Tá cài, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, đè ninh, đè dầu đèn, đè tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo,...	Đồ đồng, rìu đá, ngà lợn lòi, khuyên vòng cổ, đá cuội suối, vàng đen, sừng hoẵng	1	
15	Bùi Văn Nía	1950	Xóm Áo U, xã Nhân Mỹ	5		5		30	67	1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đĩnh, chia năm tháng, đè pèi, nước lụt, nước cạn, đè Tá cài, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, đè ninh, đè dầu đèn, đè tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: dâng ăn uống, vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời	Sừng hoẵng ba chạc, tổ tò vò, hàm răng động vật, hạt vòng, vỏ hến, đá suối, đồ đồng, chân gà, vỏ ốc		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
16	Bùi Văn Nhậu	1952	Xóm Khiềng, xã Phú Cường	4		4		32	Trên 80	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: nhòm thả thả, nhòm nhà nhòm Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: vào chiềng chạ bắt con nghin họ, đi sông Tì, Mo lên trời</p>	Nanh hổ, đồ đá, đồ đồng, đá thạch anh, vàng đen, chân gà rừng	2	
17	Bùi Văn Niễn	1952	Xóm Mường Cộn, thị trấn Mãn Đức	1				4	5	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà.</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ</p>	Riêu đồng, đồ đá, công cụ đồng, sừng hoẵng, nanh hổ, vỏ ốc, đá cuội, đồng xu		
18	Bùi Văn Cộn	1953	Xóm Bắc Thung, xã Quyết Chiến	4				20	60	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p>	Tổ tò vò, đá cuội, đồ ghè đeo bằng đá, hạt vòng, vuốt hổ, răng gấu, đồ đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà, ngấm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa			
19	Bùi Văn Dán	1953	Xóm Đay, xã Suối Hoa	5		5		30	80	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngấm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời	Đồ đá thời nguyên thủy, đồ đồng, rìu đồng, tổ tò vò, nanh hổ, chân gà, vỏ ốc, đá suối	3	
20	Bùi Văn Nội	1953	Xóm Ong, xã Suối Hoa	5		5		30	75	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngấm nhìn đất Mường. 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời	Đồng đồng, đá suối, sừng hoẵng, sừng nai, nanh hổ, tổ tò vò, chân gà rừng, vỏ hến biển, đá thạch anh, vàng đen	2	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
21	Bùi Văn Ớm	1953	Khu Mường Định, thị trấn Mãn Đức	5		5		25	300	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉêng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo phần nhòm thả thả, nhòm nhà và phần nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi lia</p> <p>4. Mo nghi lễ</p>	Đồ đồng, đồ đá, sừng hoẵng ba chạc, răng ma uoi, răng hổ, chân gà rừng	1	
22	Bùi Hồng Thanh	1953	Vìn Vìn Bái, xã Phú Cường	4		4		40	50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉêng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tì</p>	Mũi tên đồng, đá thạch anh, công cụ ghè đẽo bằng đá, răng hổ, nanh lợn lòi	1	
23	Đình Công Chính	1954	Xóm Đung, xã Phú Vinh	5		5		40	Trên 50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đỉêng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p>	Răng lợn lòi, răng lợn nước, sừng hoẵng, hạt vòng gỗ, nanh hổ, vàng đen	1	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Từ nhà lên Thenh Mur, từ Thenh Mur lên keo Renh 5. Mo nghi lễ 6. Mo vào Chiềng chạ			
24	Bùi Văn Doanh	1954	Xóm Nhót, Thanh Hối	4		4		30	Trên 80	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông 2. Mo Nhòm: Mo nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: đi sông Tị, Mo về mộ địa, vào chiềng chạ bắt con nghìn họ	Đồ đồng, đồ đá, đá cuội, răng hổ, vuốt hổ, sừng hoẵng, tổ tò vò, riu đồng		
25	Cao Viết Nhảy	1954	Xóm Rên, xã Gia Mô							1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: đi sông Tị, Mo về mộ địa, vào chiềng chạ bắt con nghìn họ	Đồ đồng, đồ đá, đá thạch anh, riu đồng, nanh hổ, chân gà rừng		
26	Đình Công Kiên	26/07/1955	Xóm Mường Kè, xã Phú Vinh	14		14		60	Trên 100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà	Ngà con lợn lòi, nanh hổ, tổ ve, hiện vật đá, hiện vật đồng, hạt cườm ma rươi, mũi tên đồng	6	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo vào Chiềng chạ, lên trời, đi sông Tì			
27	Bùi Văn Chiến	1956	Xóm Áo U, xã Nhân Mỹ	4		4		24	Trên 45	1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đięng, chia năm tháng, đè pèi, nước lựt, nước cạ, đè Tá cài, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, đè ninh, đè dầu đèn, đè tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đè gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: vào chiềng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tì, kẹ, cắt dây, dâng ăn uống,...	Dụng cụ đá thời nguyên thủy, nanh hổ, sừng hoẵng, đá thạch anh, giáo đồng		
28	Đình Công Dực	1956	Xóm Mường Kè, xã Phú Vinh	3		3		45	Trên 70	1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đięng, chia năm tháng, đè pèi, nước lựt, nước cạ, đè Tá cài, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, đè ninh, đè dầu đèn, đè tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đè gà 2. Mo Nhòm: Nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ 5. Mo vào Chiềng chạ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, từ Thenh Mư lên Keo Renh,...	Rìu đồng, vòng gỗ thời nguyên thủy, vỏ ốc súi, đồ đá, sừng hoẵng, vuốt hổ	1	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
29	Bùi Văn Ọ	1956	Xóm Tân Lập, xã Lỗ Sơn	2		2		13	35	<p>1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đięng, chia năm tháng, đè pèi, nước lự, nước cạ, đè Tá cái, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè dầu đèn, đè tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, đè gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà, ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối ìa</p> <p>4. Mo nghi lễ: đi sông Tị, Mo về mộ địa, vào chiêng chạ bắt con nghìn họ</p>	Sùng hoẵng, đá, nanh hổ, nanh sói, các loại đá cuội	1	
30	Bùi Văn Ục	1956	Xóm Bơ, xã Phú Cường	3		3		30	Trên 80	<p>1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đięng, chia năm tháng, đè pèi, nước lự, nước cạ, đè Tá cái, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, đè ninh, đè dầu đèn, đè tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đè gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà, ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối ìa</p> <p>4. Mo nghi lễ</p> <p>5. Vào chiêng chạ bắt con nghìn họ</p> <p>6. Đi sông Tị</p> <p>7. Mo lên trời</p>	Nanh hổ, sùng hoẵng, đá sỏi có hình thù lạ, chân gà rừng, đồ đá ghè đèo, đồ đồng		
31	Đình Công Văn	1956	Xóm Mường Kè, xã Phú Vinh	4		4		40	Trên 60	<p>1. Mo kể chuyện: Đè đất, đè trứng Đięng, chia năm tháng, đè pèi, nước lự, nước cạ, đè Tá cái, đè Tá cần, xin lửa, đè bát, đè sanh, đè ninh, đè dầu đèn, đè tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đè Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đè gà</p>			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 5. Mo nghi lễ 6. Mo vào Chiềng chạ, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện,...	Chân gà rừng, đồ đá thời nguyên thủy, riu đồng, ốc chỗ rừng		
32	Bùi Văn Xiêm	1956	Khu Chiềng Khén, thị trấn Mãn Đức	3		3		21	180	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, đẻ Chum Khenh	Răng nanh lợn lòi, răng hổ, đồ đồng, đồ đá ghè đéo, răng gấu, chằm sét, chân con bang, sừng hoẵng, khốt chân, chân gà rừng, đuôi cá đuối, vàng đen, sừng hoẵng năm trạng, mũi tên đồng, áp hồ, vuốt gấu, nanh chó rừng, viên đá thạch anh, chuông cổ	6	
33	Bùi Văn Sung	1956	Xóm Mường Bui, thị trấn Mãn Đức	5				3	15	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, đẻ Chum Khenh	Công cụ đá thời nguyên thủy, đồ đồng, đồng xu, nanh hổ, nanh gấu, vuốt hổ, gà rừng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
34	Đình Công Soạn	1956	Xóm Khạng, xã Phong Phú	4		4		25	55	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà.</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào áo, kẹt cắt dây</p>	Đá thạch anh, sừng hoẵng, nanh hổ, đồ đá, đồng đồng, đá suối, vàng đen, nghệ đen	3	
35	Bùi Văn Biểu	1957	Xóm Thung, xã Suối Hoa	5		5		8	20	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị. Mo về mộ địa</p>	Đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, riu đồng, đá cuội, đá suối, mũi tên đồng, tổ tò vò, đá thạch anh, đá ngọc, hạt cườm vòng cổ, vỏ ốc	2	
36	Bùi Văn Chiền	1957	Xóm Chuông, xã Mỹ Hòa	4		4		35	60	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ</p>	Vòng gỗ, riu đồng, nanh hổ, răng thú, đồ đá thời nguyên thủy, vòng gỗ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
37	Bùi Văn Lỵng	1957	Xóm Mường Lâm, xã Phong Phú	7		7		39	400	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi lia</p> <p>4. Mo nghi lễ</p>	Hiện vật bằng đồng, sừng hoẵng, sừng sơn dương, đá thạch anh, nanh gấu, sừng nai, đồ đá	7	
38	Đình Thế Linh	1957	Xóm Sóng, xã Nhân Mỹ	3		3		48	67	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ bắt con nghin họ, đi sông Tì, Mo về mộ địa,....</p>	Xương gà rừng, đồ đá, đồ uống, sừng hoẵng rừng, đá cuội, răng hổ, răng người bị sét đánh, rìu đồng, nghệ đen, váy tê tê, vòng đeo tay bằng đá, đá thạch anh, xương sọ hổ	7	
39	Bùi Văn Nậy	1957	Xóm Ngay, xã Mỹ Hòa	4		4		30	Trên 50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p>	Rìu đồng, giáo đồng, đồ ghè đeo bằng đá, nanh hổ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bì 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ			
40	Bùi Văn Đạt	1958	Xóm Đá, xã Lỗ Sơn	3		3		35	40	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bì 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào áo, cắt dây, ke,... 5. Vào chiêm chạ bắt con nghìn họ	Trầm khét, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, nanh lợn lòi, nam châm	2	
41	Bùi Quốc Trượng	1958	Xóm Đứng, xã Gia Mô	5		5		27	100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bì 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ bắt con nghìn họ....	Đồ đồng, đồ đá, sừng hoẵng, ngà lợn lòi, sừng gà rừng, cuội suối, mũi tên đồng	5	
42	Bùi Văn Kinh	1959	Xóm Cò, xã Nhân Mỹ	5		5		30	Trên 65	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiều chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời	Nanh hổ, sừng hoẵng, đồ uống, đồ đá, đá suối, vỏ ốc, răng chó sói	1	
43	Bùi Văn Sầu	1959	Xóm Khởi, xã Phú Cường	3		3		30	100	1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diểng, chia năm tháng, đẽ pèl, nước lựt, nước cạ, đẽ Tá cài, đẽ Tá cần, xin lửa, đẽ bát, đẽ sanh, đẽ ninh, đẽ dầu đèn, đẽ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẽ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẽ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiều chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời	Đồ đá, riu đồng, vỏ sò biển, nanh hổ		
44	Bùi Văn Xiên	1959	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú	4		4		35	70	1. Mo kể chuyện: Đẽ đất, đẽ trứng Diểng, chia năm tháng, đẽ pèl, nước lựt, nước cạ, đẽ Tá cài, đẽ Tá cần, xin lửa, đẽ bát, đẽ sanh, đẽ ninh, đẽ dầu đèn, đẽ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẽ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẽ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, kẹ, cắt dây,...	Răng thú, đá cuội riu đồng, chuông đồng, giáo đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
45	Bùi Văn Thăng	1960	Xóm Bùi Nước, xã Nhân Mỹ	1		1		20	40	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ bắt con nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời, về mộ địa</p>	Đồ đá, đồ đồng, nanh hổ, nanh gấu, đá thạch anh, hòn cuội suối, vòng cườm đeo cổ		
46	Bùi Văn Thực	1961	Xóm Rên, xã Gia Mô	2		2		21	50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: đi sông Tị, Mo về mộ địa, vào chiêng chạ, nghìn họ</p>	Trầm khét, riu trời, nanh hổ, nanh hoẵng, nanh lợn lòi chết sặc, công cụ bằng đá, bằng đồng	1	
47	Bùi Văn Năng	1965	Xóm Nhót, Thanh Hối	3		3		20	50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, cắt dây, dâng ăn,...</p>	Đá thạch anh, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, răng hoẵng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
48	Đình Công Nhin	1965	Xóm Cá, xã Quyết Chiến	4		4		5	20	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp grom giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa,...</p>	Đá thạch anh, đá cuội suối, nanh hổ, sừng hoẵng, riu đồng		
49	Bùi Tân Bình	1966	Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú	3		3		20	Trên 40	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ gà</p> <p>2. Mo nghi lễ: Dàng ăn uống, vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị</p>	Vòng gỗ đeo tay, nanh hổ, xương hươu, sừng hoẵng, đá thạch anh, chân gà, đá cuội, tổ tò vò		
50	Đình Văn Chững	1966	Xóm Bệ, xã Lỗ Sơn	4		4		25	Trên 60	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp grom giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị,...</p>	Đá trắng, vàng đen, đồ đá thời nguyên thủy, vỏ ốc, đá thạch anh, sừng hoẵng đỏ, nanh hổ, chân gà rừng, riu đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
51	Bùi Văn Khuya	1966	Xóm Đá, xã Lỗ Sơn	3		3		27	51	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên Thần, đẻ Chum Khenh, vào chiêm chạ, nghìn họ</p>	Sừng hoẵng, đá thạch anh, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, xương gà rừng, cựa gà, nanh chó sói	5	
52	Bùi Văn Lương	1967	Xóm Rên, xã Gia Mô	5		5		27	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tì, Mo lên trời</p>	Nêm đá, đá cuội, sừng hoẵng, nanh hổ, răng hổ, răng lợn rừng, công cụ đá, đồng, củ nghệ đen, củ gừng	6	
53	Bùi Thanh Tiên	1968	Xóm Cóc 1, xã Ngọc Mỹ	5		5		30	70	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đĩnh, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p>	Đồ ghè đeo bằng đá, đồ đồng, nanh hổ, sừng hoẵng, riu đồng, đá cuội, vỏ sò biển		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, vào chiêm chạ, nghìn họ			
54	Đình Văn Diệu	1969	Xóm Bò, xã Văn Sơn	7		7		30	Trên 100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia n ăm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, kẹ,... 5. Vào chiêm chạ, nghìn họ 6. Đi sông Tị	Đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, mũi tên đồng, đá thạch anh, hòn cuội suối		
55	Bùi Văn Hưng	1969	Xóm Bụa, xã Mỹ Hòa	3		3		20	30	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, kẹ, cắt dây, đi sông Tị, Mo về mộ địa,...	Chân gà rừng, đá cuội, móng hổ, chuông đồng, giáo đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
56	Bùi Văn Hiền	1969	Xóm Đay, xã Suối Hoa	4		4		4	30	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tì, ke, cắt dây, Mo về mộ địa,...</p>	Hiện vật đá, nanh lợn rừng, sừng hoẵng nhặt được trong rừng, xương đầu hoẵng, đồ đồng, nam châm, đạn súng, răng nanh gấu, răng voi, đá thạch anh, đá cuội suối, xương cổ của con hổ, con hén bằng đá, răng cá sấu, răng chó sói, đá cặng cầm làm vĩa, vàng đen, đá trắng, viên đạn bằng chì		
57	Bùi Văn San	1969	Xóm Rọi, xã Nhân Mỹ	3		3		4	15	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tì, Mo về mộ địa</p>	Đá cuội, nanh hổ, chiêng đồng, riu đồng, vỏ sò, riu đá		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
58	Bùi Văn Dân	1970	Xóm Úi, xã Lỗ Sơn	3		3		10	30	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, kẹ, cắt dây, đi sông Tị,...</p>	Nanh hổ, nanh hoẵng, ốc, chỏ, đồ đồng, đồ đá	1	
59	Bùi Văn Hải	1970	Xóm Vìn Vìn Bái, xã Phú Cường	5		5		10	15	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và nhòm ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: 5. Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị, kẹ, cắt dây,...</p>	Đá ghè đẻo, đồ đồng, đá thạch anh, nanh hổ		
60	Bùi Văn Móc	1970	Xóm Đá, Lỗ Sơn	2		2		10	18	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo về mộ địa,...</p>	Nanh hổ, nanh gấu, đá thạch anh, đồ đá hình rùa	3	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
61	Bùi Văn Nhân	1971	Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú	4		4		24	200	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, bắt còn, nghìn họ, đi sông Tì, Mo về mộ địa,...</p>	Tổ tò vò, vò sò, đồ đá, công cụ đồ đồng, nanh lợn rừng, nanh hổ, răng mèo rừng, răng lợn lòi, hạt vòng cổ, nanh hoẵng, đá biển, cuội sỏi	2	
62	Bùi Văn Phìa	1971	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú	9		9		10	40	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khênh, đi sông Tì,...</p>	Đồ đá, răng hổ, vòng cổ thời đồ đá, củ ngái, răng gấu, sừng hoẵng, vò sò biển, tổ tò vò		
63	Bùi Văn Thọ	1971	Xóm Bùi Nước, xã Nhân Mỹ	4		4		18	50	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèi, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p>	Đá thạch anh, tổ vè, sừng hoẵng, đá cuội		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời			
64	Bùi Văn Don	1972	Xóm Bãi Bệ, xã Lỗ Sơn	3		3		20	100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đینگ, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo về mộ địa,...	Nanh hổ, ngà voi, sừng hoẵng đồ, trầm khét, công cụ bằng đá, đồng, dao, đá cuội	10	
65	Bùi Văn Can	1973	Xóm Thăm, xã Suối Hoa	5		5		10	10	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đینگ, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà 2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời	Hiện vật đồng, nanh hổ, ngà voi, chân gà rừng, nanh mèo, vuốt mèo, hòn óc chó suối, tổ tò vò, sừng hoẵng, mũi tên đồng, đồ đồng, đồ đá	4	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
66	Bùi Văn Kiên	1973	Xóm Bó, xã Phú Cường	5		5		6	60	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời</p>	Đồ đá, đồ đồng, sừng hoẵng	3	
67	Bùi Văn Nghĩa	1973	Xóm Bái Trang, Đông Lai	2		2		29	Trên 100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời</p>	Đồ đá, đồ đồng, nanh lợn rừng, sừng hoẵng, chân gà, mũi tên đồng, đá thạch anh		
68	Bùi Văn Nậu	1973	Xóm Đay, xã Suối Hoa, Tân Lạc	3		3		10	20	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p>	Rìu đồng, vỏ ốc, chân gà, công cụ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, đá thạch anh, hạt vòng cổ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										3. Mo Cuối lia, nghi thức tại gia đình 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời			
69	Bùi Văn Quyến	1973	Xóm Cự, xã Thanh Hối	4		4		20	Trên 100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông 2. Mo Nhòm: Mo ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ	Nanh hổ, đồ đá, răng hoẵng, nanh lợn lòi, chân gà rừng vuốt hổ, vuốt gấu, đá thạch anh, hạt cườm, mũi tên đồng	1	
70	Bùi Văn Bằng	1976	Xóm Chùa, xã Tử Nê	7		7		15	Trên 100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông 2. Mo Nhòm: Mo ngắm nhìn đất Mường Bi 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Vào chiêm chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo về mộ địa,...	Sừng hoẵng, nanh lợn lòi, xương đười ươi, vảy tê tê, ốc chó, đồ đá, đồ đồng, sừng nai, chân gà rừng		
71	Bùi Văn Giảng	1976	Xóm Quy Bái, Đông Lai	4		4		21	Trên 100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đióng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thơm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Tìl wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bán chết con muông, đẻ gà	Sừng hoẵng, nanh lợn lòi, đồ đá, đồ đồng, nanh lợn rừng, chân gà, mũi tên đồng		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										<p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi ỉa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị , Mo lên trời</p>			
72	Bùi Duy Thiểm	1979	Xóm Bái Trông Bạch, Đông Lai	3		3		20	54	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lựt, nước cạ, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi ỉa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị , Mo lên trời</p>			
73	Cao Viêt Trường	1982	Xóm Rên, xã Gia Mô	3		3		15	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đięng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lựt, nước cạ, đẻ Tá cài, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng xuất hiện con Moong Til wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuồi ỉa</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo về mộ đạ,..</p>	Trầm khét, đồ đá, đồ đồng, nanh hổ, nanh gấu, nanh lợn rừng, xương người xét đánh, dao, chân gà rừng, chân gà rừng gấn mũi tên đồng, đá cuội		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
74	Cao Viết Cồng	1984	Xóm Rên, xã Gia Mô	3		3		15	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị, Mo lên trời</p>	Sừng hoẵng, nanh hổ, chân gà rừng, đồ đồng, đồ đá, xương cột sống người, nanh gấu, đá thạch anh, bạc bọc nanh hổ	1	
75	Bùi Văn Lương	1967	Xóm Rên, xã Gia Mô	5		5		27	100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị,...</p>	Nêm đá, đá cuội, sừng hoẵng, nanh hổ, răng hổ, răng lợn rừng, công cụ đá, đồng, củ nghệ đen, củ gừng	6	
76	Bùi Đức Cả		Xóm Khi, xã Nhân Mỹ	6		6		36	Trên 100	<p>1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ trứng Đổng, chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn, đẻ Tá cái, đẻ Tá cần, xin lửa, đẻ bát, đẻ sanh, đẻ ninh, đẻ dầu đèn, đẻ tổng thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng xuất hiện con Moong Tì wil tượng wượng, tìm muông, góp gươm giáo săn muông, săn muông bắn chết con muông, đẻ gà</p> <p>2. Mo Nhòm: Mo nhòm thả thả, nhòm nhà và ngắm nhìn đất Mường Bi</p> <p>3. Mo Cuối lia</p> <p>4. Mo nghi lễ: Vào chiêng chạ, nghìn họ, đi sông Tị,...</p>	Nanh hổ, mũi tên đồng, sừng hoẵng, đồ đá, xương gà rừng, tổ ve	3	

9. THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Văn Chiền	02/6/1934	Đoàn Kết 1, Quang Tiến		x	3		15	150	1. Mo Nhóm: Nhóm Mường 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, nghìn họ	Mũi giáo bằng đồng, một số mảnh vỡ có chất liệu bằng đồng	01	
2	Nguyễn Văn Tiệp	01/4/1939	Tổ 1, Phường Dân Chủ	03			x	16	160	1. Mo kể chuyện: Chia năm tháng, chia đất, chia nước 2. Mo Nhóm: Nhóm nhà nhóm Mường 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, cần dây, nghìn họ	Đá cuội các loại, sừng hoẵng, nanh động vật, trụ bằng đá thạch anh trắng	0	
3	Nguyễn Trọng Kính	27/10/1942	Mè, Quang Tiến	3			x	25	1000	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, xin lửa, xin lọ, đẻ bát, đẻ ninh, sanh, đẻ khi kheng, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, kéo cây chu đồng làm nhà, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe 2. Mo Nhóm: Nhóm nhà, nhóm Mường 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, cần dây, nghìn họ, lên trời, đi sông Tì	Các loại đá cuội		
4	Nguyễn Văn Thọ	28/12/1944	Sòng, Độc lập	7		7		50	350	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, xin củi, đẻ dầu, đẻ đèn, đẻ khi, tống tiếng, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dịt Dàng, tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, tìm muông, săn muông, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe	Nanh lợn lòi, mũi giáo, nanh động vật, đá cuội, đá thạch anh		Mo lên trời còn nhớ nhưng giờ không còn thực hành

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời			
5	Nguyễn Văn Sự	25/6/1954	Tổ 3, Phường Quỳnh Lâm		x		x	08	100	1. Mo Cuối lia 2. Mo nghi lễ: Mo thầy thiên thần, đập ma, bao khăng, vào á, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ			Được học trong mơ, tự thuộc
6	Nguyễn Hữu Ích	10/10/1956	Nội, Độc lập	03		03		10	100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, tuồng củi, đẻ dầu, đẻ đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, tìm ruộng, săn ruộng 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy (đầy thầy), thiên thần, đập ma, bao khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ	Nanh lợn lòi, sừng sơn dương, riu đá, sừng hoẵng, hàm răng rái cá, se sợi, mũi cày, đá thạch anh tím và trắng, quả cân đồng, xương hổ, móng và mỏ chim trèo, vảy tê tê, sừng hoẵng, đá cuội các loại		
7	Nguyễn Văn Quê	01/01/1957	Tổ 4, Phường Quỳnh Lâm	2		01		11	400	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dị Dàng, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe 2. Mo Cuối lia 3. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào á, Mo dâng ăn, uống, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời (từ Mường lên Chông Mâm đến khoang ô, đến Đò Lụ Lạ, đến trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin đường)	Riu đá, xe chỉ, vỏ ốc, sừng hoẵng, nanh, vuốt động vật		Mo kể chuyện, Mo lên trời còn nhớ nhưng không thực hành nữa

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
8	Đình Tiến Dũng	03/9/1959	Tổ 2, Phường Quỳnh Lâm		x	2		04	80	1. Mo Cuối lia 2. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào á, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ			
9	Lê Văn Ân	9/7/1961	Vân Nam, Quang Tiến	3			x	27	1350	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, đẻ gà, đẻ nhà xe 2. Mo Nhóm: Nhóm nhà, nhóm Mường. 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào á, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời (từ nhà lên núi Vua Bà đến Suối Cau, đền trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, xin đuông), Mo về, đi sông Tị			
10	Bạch Văn Liên	15/9/1962	Tổ 8, Phường Thống Nhất	3		2		36	8640	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, xin lửa, làm nhà cho lang Cun Cần, tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dị Dàng, đẻ gà, vườn hoa núi cối, đẻ nhà xe 2. Mo Nhóm: Nhóm nhà, nhóm Mường 3. Mo Cuối lia 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào á, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời (từ Mường lên Chồng Mâm đến khoang ô, đến Đò Lụ Lạ, đền trời, hầu kiện, ăn thẻ, chào kiện, Xin đuông), đi sông Tị	Đá cuội, đánh lửa, sừng hoẵng, nanh động vật	01	
11	Bùi Văn Thanh	15/7/1965	Tổ 7, Phường Thái Bình	4		4		40	350	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, đẻ bát, đẻ khi, đẻ kheng, đẻ dầu, đẻ đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng, kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dị Dàng, săn muông, đẻ gà, đẻ nhà xe			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										2. Mo Nhom: Nhom nhà, nhóm Mường, nhóm cây đa, cửa đóng, cun pi lý, trường vị thành 3. Mo Cuối lìa 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, quét khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời, đi sông Tị	Đá cuội, riu đá, mũi cây bằng sắt, khâu dao, nam châm, sừng hoẵng, nanh lợn rừng, nanh báo, nanh hổ		
12	Quách Văn Nhất	24/1/1966	Tổ 4, Phường Thái Bình	02		03		10	100	1. Mo kể chuyện: Đẻ đất, đẻ nước, chia năm tháng, chia đất, chia nước, đẻ tá cái, đẻ đá cần, xin lửa, xin lọ, đẻ dầu, đẻ đèn, đẻ tống thôm, làm nhà cho lang Cun Cần, lấy vợ cho lang Cun Cần, đẻ Dị Dàng, tìm chu, tìm lợn, chặt cây chu đồng, tìm muông, săn muông, đẻ gà 2. Mo Nhom: Nhom nhà, nhóm Mường 3. Mo Cuối lìa 4. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đập ma, bao khăng, vào áo, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ, lên trời, đi sông Tị	Riêu đồng, đá cuội các loại, sừng hoẵng, nam châm, nanh lợn lòi, nanh động vật		Mo lên trời còn nhớ nhưng hiện nay không thực hành nữa
13	Nguyễn Văn Bận	3/9/1971	Mường Dao, Độc Lập	5		5		5	100	1. Mo Cuối lìa 2. Mo nghi lễ: Mo thầy (dấu thầy), thiên thần, đập ma, bao khăng, Mo dâng ăn, kẹ, cắt dây, nghìn họ	Nanh hổ, nanh cú, đá cuội, đá thạch anh		

10. HUYỆN YÊN THỦY

1	Bùi Văn Bông	1946	Xóm Lương Cao, xã Lạc Lương	5	x			35	200	Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẻ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây Ngắm nhìn đất Mường Bi Vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ Mo thầy Đi sông Tị Mo đi về mộ địa Cuối lìa	Lưới riu đá: 3, xương thú: 5, nanh thú: 2, đá cuội: 31, đá thiên thạch: 1, lưới riu sắt: 2, lưới riu đồng: 1		
---	--------------	------	-----------------------------	---	---	--	--	----	-----	---	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Bùi Văn Đừ	1949	Xóm Hợp Nhất, xã Bảo Hiệu	5	x			36	280	Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẽ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây Ngắm nhìn đất Mường, vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ Mo thầy Đi sông Tị, Mo đi về mộ địa Mo cuối lìa	Lưới riu đá: 1, xương thú: 0, nanh thú: 0, đá cuội: 19, đá thiên thạch: 0, lưới riu sắt: 1, lưới riu đồng: 0		
3	Trương Đức Xếch	1956	Xóm Hóm, xã Đa Phúc	6	x			30	150	1. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, kẹ, cắt dây, đẽ Chum Khenh, vào áo, vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ, dâng ăn, ảnh trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thè, chào kiện tạ ơn Vua Trời, xin tuông (đuông), trả nợ, về lại nhà, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh 3. Mo Cuối lìa	Lưới riu đá: 5, xương thú: 4, nanh thú: 2, đá cuội: 26, đá thiên thạch: 5, lưới riu sắt: 2, lưới riu đồng: 0		
4	Bùi Văn Tiền	1958	Xóm Lương Thành, xã Lạc Lương	5	x			30	230	1. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẽ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ, hành trình từ nhà lên Thenh Mư, hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh, từ nhà Keo Renh lên vua trời, hầu kiện, ăn thè, chào kiện (tạ ơn vua Trời, xin tuông/đuông, trả nợ, về lại nhà, đi sông Tị, Mo đi về mộ địa 2. Mo nhóm: Ngắm nhìn đất Mường, nhóm thang đồng, nhóm nhà ông Keo Renh 3. Mo Cuối lìa	Lưới riu đá: 2, xương thú: 2, nanh thú: 1, đá cuội: 12, đá thiên thạch: 0, lưới riu sắt: 2, lưới riu đồng: 1		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5	Bùi Văn Thập	1962	Xóm Cương, xã Hữu Lợi	3	x			25	150	1. Mo nghi lễ: Mo thầy, thiên thần, đẽ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa 2. Ngắm nhìn đất Mường 3. Mo Cuối lia	Lưới riu đá: 0, xương thú: 2, nanh thú: 1, đá cuội: 12, đá thiên thạch: 0, lưới riu sắt: 0, lưới riu đồng: 0		
6	Bùi Văn Môn	1964	Xóm Đầm Bai, xã Đoàn Kết	4	x			12	80	1. Mo nghi lễ: thiên thần, đẽ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, ngắm nhìn đất Mường, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, Mo thầy, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa 2. Mo Cuối lia	Lưới riu đá: 1, xương thú: 1, nanh thú: 2, đá cuội: 10, đá thiên thạch: 1, lưới riu sắt: 1, lưới riu đồng: 0		
7	Trương Đức Him	1971	Xóm Hòm, xã Đa Phúc	7	x			14	100	1. Ngắm nhìn đất Mường 2. Mo nghi lễ: thiên thần, đẽ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, Mo thầy, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa 3. Mo nhòm 4. Cuối lia	Lưới riu đá: 3, xương thú: 5, nanh thú: 2, đá cuội: 23, đá thiên thạch: 2, riu sắt: 1		
8	Bùi Văn Tiệu	1972	Xóm Lương Cao, xã Lạc Lương	5	x			15	100	1. Mo nghi lễ: thiên thần, đẽ Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, ngắm nhìn đất Mường, vào Chiêng chạ, bắt còn, nghìn họ, Mo thầy, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa 2. Mo Cuối lia	Lưới riu đá: 1, xương thú: 1, nanh thú: 3, đá cuội: 39, đá thiên thạch: 0, lưới riu sắt: 1, lưới riu đồng: 0		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
9	Trương Đức Dành	1975	Xóm Hòm, Đa Phúc	7	x			10	20	1. Mo nghi lễ: thiên thần, dề Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ, Mo thầy, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa 2. Mo nhòm, ngắm nhìn đất Mường 3. Mo Cuối lia	Lưỡi rìu đá: 3, xương thú: 6, nanh thú: 2, đá cuội: 18, đá thiên thạch: 0, rìu sắt: 3		
7	Trương Đức Min	1977	Xóm Hòm, xã Đa Phúc	7	x			7	15	1. Mo nghi lễ: thiên thần, dề Chum Khenh, vào áo, dâng ăn, kẹ, cắt dây, vào Chiềng chạ, bắt còn, nghìn họ, Mo thầy, đi sông Tì, Mo đi về mộ địa 2. Mo nhòm, ngắm nhìn đất Mường 3. Mo Cuối lia	Lưỡi rìu đá: 1, xương thú: 3, nanh thú: 0, đá cuội: 15, đá thiên thạch: 1, lưỡi rìu sắt: 0, lưỡi rìu đồng: 1		



DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Gender		Address/ Phone number	The role during the ritual practice				Does the family have a tradition of working with the profession		Number of years working with the profession	Number of the rituals practiced in funerals (estimated)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
			Male	Female		The Clượng sorcerer	Performers of the musical instruments		Dancers (if any)	How many generations	No				
							Type of the musical instruments	Number/Title of the practiced repertoires							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															

1. HUYỆN LẠC SƠN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Giới tính		Địa chỉ/Số điện thoại	Vai trò khi thực hành lễ				Gia đình có truyền thống làm nghề không		Số năm làm nghề	Số lượng Nghi lễ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Thầy Trưởng/ Chí chuốc/ Bà Mẹ Mụ/ Nghề làm nhà xe/ Nghề giúp làm Áo phủ quan tài	Người chơi nhạc cụ		Người múa chuyên trách (nếu có)	mấy đời	không				
							Loại nhạc cụ	Số lượng/Tên bài bản thực hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Bùi Văn Dị	1977	x		Xóm Mận Bùi, xã Thượng Cốc	Đánh trống	Trống					20	200		
2	Bùi Văn Diệu	1980	x		Xóm Mận Bùi, xã Thượng Cốc	Đánh trống	Trống bộc bặt					20	200		
3	Bùi Văn Dư	1959	x		Xóm Chiềng, xã Tân Lập	Đánh trống	Trống					30	250		
4	Bùi Văn Hành	1959	x		Xóm Vín, xã Hương Nhượng	Chí Chuốc						35	300		
5	Bùi Văn Khán	1965	x		Xóm Mường trong, xã Định Cư	Kèn	Kèn					25	120		
6	Bùi Văn Khoan	1972	x		Xã Định Cư	Kèn	Kèn					20	150		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
7	Bùi Văn Kin	1960	x		Xóm Mận Bùi, xã Thượng Cốc	Chí Chuốc				+		30	200		
8	Bùi Văn Mùi	1953	x		Xóm Trường Sơn, xã Ngọc Sơn	Chí Chuốc				7		45	300		
9	Bùi Thị Nễnh	1944		x	Xã Ngọc Lâu	Mé Mụ						30	300		
10	Bùi Văn Như	1966	x		Xóm Mái, xã Tân Lập	Thổi sáo, kéo nhị	Sáo, nhị								
11	Bùi Văn Phúc	1981			Xóm Mận Bùi, xã Thượng Cốc	Đánh trống	Trống					20	200		
12	Bùi Thị Riễn	1932		x	Xóm Mận Bùi, xã Thượng Cốc	Mé Mụ						50	300		
13	Bùi Văn Sơ	1951	x		Xóm Mương, xã Định Cư	Chí Chuốc						30	150		
14	Bùi Văn Tầy	1952	x		Xã Tân Lập	Chí Chuốc				2		45	350		
15	Bùi Văn Trùng	1958	x		Xã Ngọc Sơn		Kèn, sáo, nhị					35	300		
16	Bùi Văn Ừm	1957	x		Xóm Chum, xã Hương Nhượng	Chí Chuốc						35	300		
17	Bùi Văn Xiên	1966	x		Xóm Bầu, xã Xuất Hóa	Kèn	Kèn					30	100		

2. HUYỆN TÂN LẠC

1	Bùi Văn A	1959	x		Xóm Thăm, xã Suối Hoa	Chơi cờ ke, ống sáo, kèn	cờ ke, ống sáo, kèn			2		30	100		
2	Đình Công Ảnh	1989	x		Xóm Cá, xã Quyết Chiến	Đánh trống, chiêng	Trống, chiêng			3		10	30		
3	Đình Công Ấp	1938	x		Xóm Cá, xã Quyết Chiến	Chí chuốc				3		40	200		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Đinh Thị Ban	1958		x	Xóm Đồi Bệ, xã Lỗ Sơn	Mé Mụ				2		17	90		
5	Bùi Thị Bình	1961		x	Xóm Thung, xã Suối Hoa	Mé Mụ			Múa Quạt ma	1		10	60		
6	Bùi Văn Bình	1967	x		Xóm Khi, xã Nhân Mỹ	Chí chuốc				1		20	200		
7	Bùi Thị Bội	1957		x	Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú	Mé Mụ				1		20	70		
8	Bùi Văn Bura	1963	x		Xóm Đồi Bệ, xã Lỗ Sơn	Chí chuốc				3		15	90		
9	Bùi Văn Chiêm	1949	x		Xóm Chùa, xã Tử Nê	Chí chuốc				3		40	300		
10	Đinh Công Diên	1977	x		Xóm Đay, xã Suối Hoa	Chí chuốc				1		10	30		
11	Bùi Văn Duyên	1963	x		Xóm Tạng, xã Suối Hoa	Chí chuốc				1		15	50		
12	Bùi Văn Dưng	1959			Xóm Chiềng, xã Nhân Mỹ	Chí chuốc				1		20	200		
13	Bùi Văn Dừng	1970	x		Xóm Bò, xã Phú Cường	Đánh trống	Trống			3		10	40		
14	Bùi Văn Đày	1983	x		Xóm Chùa, xã Tử Nê	Đánh Trống	Trống					20	200		
15	Bùi Văn Hãnh	1975			Xóm Cự, xã Thanh Hối	Chí chuốc				1		8	15		
16	Bùi Văn Hin	1975	x		Xóm Đay, xã Suối Hoa	Đánh Trống	Trống			2		15	40		
17	Bùi Văn Hiền	1963	x		Xóm Cự, xã Thanh Hối	Chí chuốc, thổi kèn, trống	Kèn, trống			2		10	30		
18	Đinh Công Hội	1971	x		Xóm Đay, xã Suối Hoa	Chơi Cờ kê, ống sáo	Cờ kê, ống sáo			3		10	30		
19	Bùi Văn Hùng	1962	x		Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú	Chí chuốc	Đánh trống, chiềng			1		20	150		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
20	Bùi Văn Huy	1970	x		Xóm Thung, xã Suối Hoa		Trống, chiêng			2		15	100		
21	Bùi Văn Huy	1972			Xóm Chù, xã Mỹ Hòa	Đánh trống	Trống			3		20	80		
22	Bùi Văn Hường	1973	x		Xóm Bò, xã Phú Cường	chơi cò ke, ống sáo	Cò ke, ống sáo			3		10	40		
23	Bùi Văn Kinh	1959	x		Xóm Cò, xã Nhân Mỹ	Chí đuốc				2		30	230		
24	Bùi Thị Khuyết	1955		x	Xóm Rên, xã Gia Mô	Mé Mụ				3		20	200		
25	Bùi Văn Lâm	1976	x		Xóm Bực, xã Tứ Nê	Thổi kèn, sáo, đánh chiêng	Kèn, sáo, chiêng			2		15	300		
26	Đình Công Lượng	1974	x		Xóm Mương Kè, xã Phú Vinh	Chí đuốc				2		5	10		
27	Bùi Văn Nan	1972	x		Xóm Bò, xã Phú Cường	Đánh chiêng	Chiêng			3		10	40		
28	Bùi Thị Nhài	1960		x	Xóm Thung, xã Suối Hoa	Mé Mụ			Múa Quạt ma	1		15	60		
29	Đình Công Nguyên	1959	x		Xóm Chù, xã Mỹ Hòa	chơi Cò ke, ống sáo	Cò ke, ống sáo			4		30	100		
30	Bùi Văn Nguyên	1973	x		Xóm Chiêng, xã Nhân Mỹ	Đánh Trống	Trống			1		20	200		
31	Bùi Thị Nhôi	1954		x	Xóm Ong, xã Suối Hoa	Mé Mụ				1		20	60		
32	Bùi Văn Nhụn	1955	x		Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú	Chí đuốc				1		30	200		
33	Bùi Thị Nửn	1955		x	Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú	Mé Mụ				1		20	100		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
34	Bùi Văn Nướm	1946	x		Xóm Thung, xã Suối Hoa	Chơi cờ ke, ống sáo	Cờ ke, ống sáo			3		20	100		
35	Bùi Văn Phích	1961	x		Xóm Đùng, xã Gia Mô	Thổi kèn									
36	Bùi Văn Quyền	1965	x		Xóm Nhót, xã Thanh Hối	Chí đuốc				1		20	60		
37	Bùi Văn Sự	1965	x		Xóm Đạy, xã Suối Hoa	Đánh Chiêng	Chiêng			2		20	50		
38	Bùi Văn Thảo	1958	x		Xóm Lò Mặn, xã Phong Phú	Đánh trống	Trống			2		30	250		
39	Bùi Thị Thành	1958		x	Xóm Lò Mặn, xã Phong Phú	Mé mụ				1		20	200		
40	Đình Công Thâm	1945	x		Xóm Chù, xã Mỹ Hòa	Thổi kèn	kèn								
41	Bùi Văn Tích	1961	x		Xóm Úi, xã Lỗ Sơn	Chí đuốc				3		20	110		
42	Đình Công Thỉnh	1968	x		Xóm Thối Láo, xã Phú Vinh	Chí đuốc				2		30	50z		
43	Bùi Văn Thịnh	1970	x		Xóm Thâm, xã Suối Hoa	Đánh Trống, chiêng	Trống, chiêng			2		10	30		
44	Bùi Văn Thía	1971	x		Xóm Đùng, xã Gia Mô	Thổi sáo, kèn, trống	Sáo, kèn, trống			2		15	100		
45	Bùi Văn Từa	1953	x		Xóm Lò Mặn, xã Phong Phú	Thổi sáo, kéo nhị	Nhị, sáo			2		30	250		
46	Bùi Văn Út	1958	x		Xóm Rên, xã Gia Mô	Chí đuốc				2		10	100		
47	Bùi Thị Út	1962		x	Xóm Rên, xã Gia Mô	Mé Mụ				3		15	150		
48	Bùi Văn Vịnh	1966	x		Xóm Thung, xã Suối Hoa	Chí đuốc				2		10	50		
49	Bùi Văn Vịnh	1975	x		Xóm Bò, xã Phú Cường	Chí đuốc				3		10	30		

3. HUYỆN YÊN THỦY

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Trương Đức Dành	1966	x		Xóm Hơm, xã Đa Phúc	Chí Chuốc						20	50		
2	Bùi Văn Phúc	1972	x		Xóm Hơm, xã Đa Phúc		Kèn					20	100		
3	Trương Đức Quỳ	1967	x		Xóm Sào, xã Đa Phúc	Chí Chuốc						20	60		
4	Trương Đức Tiến		x		Xóm Hơm, xã Đa Phúc		Kèn					20	90		
5	Trương Đức Úc	1963	x		Xóm Nghĩa, xã Đa Phúc	Chí Chuốc						30	100		



DISTRICT...

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN CAO PHONG

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/ thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Clượng/thầy Môi)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng thực hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo Tang ma	Tất cả các xã trong huyện	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	Các tiết lễ: - Mo thầy - Thiên thần - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Ngắm đất nhìn Mường - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Nghìn họ - Cuối lia - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ăn thẻ - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời) - Xin tuông/ đuông - Trả nợ - Về lại nhà - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa thực hiện thường xuyên khi có tang lễ	Các tiết lễ: - Đẻ đất, đẻ trứng Điêng - Xin lửa - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tồng thôm) - Nhóm chợ chàng Khò chàng Khen - Đẻ Chum Khenh - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Càn - Vào Chiêng chạ, bắt còn (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian)	Các tiết lễ - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lự, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cản - Lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng - Tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tim muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Vườn hoa núi Cối - Đẻ nhà xe - Nhóm thả thả, nhóm nhà - Nhóm thang đồng - Nhóm nhà ông Keo Renh - Nhóm cây đa dốc Thè - Nhóm bến Rậm (đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành)	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo Tạ mộ	Tất cả các xã trong huyện	Dọn dẹp, chăm sóc mồ mả	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	Ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mũ thố)	Tất cả các xã trong huyện	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng		Ít thực hành, không thường xuyên		
4	Mo cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng không trăm, cúng hu tồông)	Tất cả các xã trong huyện	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng		Ít thực hành, không thường xuyên		

2. HUYỆN ĐÀ BẮC

1	Tang ma	Tu Lý, Hiền Lương, Vây Nưa, Thị trấn Cao Sơn	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	Các tiết lễ: - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tống thôm) - Nhòm chợ chàng Khò chàng Khen - Cuối lĩa - Mo thầy - Thiên thần	Các tiết lễ: - Đẻ Chum Khenh - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Cản - Vào Chiềng chạ, bắt còn chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian Các tiết lễ: - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lựt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cản - Lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng - Tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng		
---	---------	--	---	----------------	---------------------------	---------	--	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
		Tu Lý, Hiền Lương, Vây Nưa, thị trấn Cao Sơn	Làm thủ tục để người qua đời tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Nhòm Mường Bi - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Nghìn họ - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa hướng xuyên khi có tang lễ	- Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tìm muông, góp gươm giáo sẵn muông - Sẵn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Vườn hoa núi Cối - Đẻ nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Ngắm nhìn đất Mường - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thè - Nhòm bến Rậm - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ăn thè - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời) - Xin tương/ đuông - Trả nợ - Về lại nhà (chỉ còn thực hành trong một số ít gia đình có điều kiện về kinh tế và đồng anh em, họ hàng ở xã Phú Vinh)		
2	Mo Tạ mộ	Tu Lý, Hiền Lương, Vây Nưa, thị trấn, Cao Sơn	Dọn dẹp, chăm sóc mộ mã	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch (tháng 6, tháng 7 theo lịch mừng Mường Bi)	Ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mũ thố)	Tu Lý, Hiền Lương, Vầy Nưa, thị trấn, Cao Sơn	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
4	Cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng không trăm, cúng hu tống)	Tu Lý, Hiền Lương, Vầy Nưa, thị trấn, Cao Sơn	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng		Ít, không thường xuyên		

3. HUYỆN KIM BÔI

1	Mo Tang ma	Tất cả các xã trong huyện	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo		<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đê đất, đê trứng Đięng - Xin lửa - Đê bát - Đê sanh, ninh - Đê dầu, đèn - Đê đuông/ cường vải - Nhòm chợ chàng Khò chàng Khen - Đê Chum Khenh - Đê gà - Mo thầy - Đê Tá Cài - Đê Tá Cài - Vào Chiếng chạ, bắt còn <p>(Chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian)</p>	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia năm tháng, đê pèl, nước lựt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cạn - Lấy vợ cho lang Cun Cạn, đê Dịt Dạng - Tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dạng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng 	
---	------------	---------------------------	---	----------------	---------------------------	---------	--	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
									<ul style="list-style-type: none"> - Tìm muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bán chết con muông til wil tọng wọng - Vườn hoa núi Cối - Đẽ nhà xe - Nhóm thả thả, nhòm nhà - Nhóm thang đồng - Nhóm nhà ông Keo Renh - Nhóm cây đa dốc Thé - Nhóm bến Rậm (- đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành) 	
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Tất cả các xã trong huyện	Dọn dẹp, chăm sóc mồ mả	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	Ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mũ thổ)	Tất cả các xã trong huyện	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng		ít thực hành, không thường xuyên		
4	Mo cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng khồng trăn, cúng hu tồng)	Tất cả các xã trong huyện	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng			Không còn thực hành	

4. HUYỆN LẠC SƠN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Tang ma	Tất cả các xã trong huyện	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mo thầy - Thiên thần - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Ngắm đất nhìn Mường - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Nghìn họ - Cuỗi lla - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư (- tổ chức thường xuyên khi có tang lễ) 	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tổng thôm) - Nhòm chợ chàng Khò chàng Khen - Đẻ Chum Khenh - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Cài - Vào Chiếng chạ, bắt còn (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian) 	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lựt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cản - Lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng; - Tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng. - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng. - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tìm muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Đẻ nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thế - Nhòm bến Rậm (đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành) 	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo tạ mộ	Tất cả các xã trong huyện	Dọn dẹp, chăm sóc mồ mả	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	Ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
3	Gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mụ thố)	Tất cả các xã trong huyện	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
4	Cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng không trăng, cúng hu tống)	Tất cả các xã trong huyện	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng		Ít, không thường xuyên		

5. HUYỆN LẠC THỦY

1	Mo Tang ma	Thanh Nông, Hưng Thi, An Bình, Phú Nghĩa	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	Các tiết lễ: - Mo thầy - Thiên thần - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Ngắm đất nhìn Mường - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Nghin họ - Cuối lia - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư	Các tiết lễ: - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tống thôm) - Nhóm chợ chàng Khò chàng Khen - Đẻ Chum Khenh - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Cản	Các tiết lễ: - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lứt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cản - Lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng - Tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng	
---	------------	--	---	----------------	---------------------------	---------	--	--	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo Tang ma (tiếp)	Thanh Nông, Hưng Thi, An Bình, Phú Nghĩa	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	<ul style="list-style-type: none"> - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hâu kiện - Ẩn thẻ - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời) - Xin tuông/ đuông - Trả nợ - Về lại nhà - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa (thường xuyên khi có tang lễ) 	- Vào Chiêng chạ, bắt cò (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian)	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tim muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Đẽ nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thé - Nhòm bến Rậm (đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành) 	
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Thanh Nông, Hưng Thi, An Bình, Phú Nghĩa	Dọn dẹp, chăm sóc mộ mã	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng		Ít được thực hành, không còn thường xuyên		
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mụ thố)	Thanh Nông, Hưng Thi, An Bình, Phú Nghĩa	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng		Ít được thực hành, không còn thường xuyên		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
4	Cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng không trăm, cúng hu tống)	Thanh Nông, Hưng Thi, An Bình, Phú Nghĩa	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng				Đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành	

6. HUYỆN LƯƠNG SƠN

1	Mo Tang ma	Tất cả các xã trong huyện	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mo thầy - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Nghìn họ - Cuỗi lia - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa (thường xuyên khi có tang lễ) 	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngắm đất nhìn Mường - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tống thôm) - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ăn thẻ - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời) - Xin tuông/ đuông 	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên thần - Đẻ Chum Khenh - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cản - Lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng - Tìm chu, tìm lợi, chặt cây chu đồng - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng 	
---	------------	---------------------------	---	----------------	---------------------------	---------	--	---	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
								<ul style="list-style-type: none"> - Trả nợ - Về lại nhà - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Cắn - Vào Chiêng chạ, bắt còn (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tim muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Đẻ nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thé - Nhòm bến Rậm - Nhòm chợ chàng Khò chàng Khen (đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành) 	
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Tất cả các xã trong huyện	Dọn dẹp, chăm sóc mồ mã	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy mo, thầy Clượng		ít được thực hành, không còn thường xuyên		
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mục thổ)	Tất cả các xã trong huyện	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng		ít được thực hành, không còn thường xuyên		

7. HUYỆN MAI CHÂU

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo Tang ma	Xóm Pạnh xã Bao La, Xóm Mượt xã Cun Pheo, xã Ba Khan, xã Tân Mai, Xã Pù Bin, xã Noong Luông	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đê đất, đê trứng Đięng - Xin lửa - Đê bát - Đê sanh, ninh - Đê dầu, đèn - Đê đuông/ tuông vải (Đê tổng thôm) - Nhóm chợ chàng Khò chàng Khen - Cuối lia - Mo thầy - Thiên thần - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Nhóm Mường Bi - Đê gà - Kẹ - Cắt dây - Nghìn họ - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa (tổ chức thường xuyên khi có tang) 	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đê Chum Khenh - Đê gà - Mo thầy - Đê Tá Cài - Đê Tá Cắn - Vào Chiểng chạ, bắt cò (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian) <p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia năm tháng, đê pèl, nước lựt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Cắn - Lấy vợ cho lang Cun Cắn, đê Dịt Dàng - Tìm chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tìm muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Vườn hoa núi Cối - Đê nhà xe - Nhóm thả thả, nhóm nhà - Ngắm nhìn đất Mường - Nhóm thang đồng - Nhóm nhà ông Keo Renh - Nhóm cây đa dốc Thê - Nhóm bến Rậm - Hành trình từ nhà lên Thenh Mu - Hành trình từ Thenh Mu lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ăn thê - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời) - Xin tuông/ đuông - Trả nợ - Về lại nhà (chỉ còn thực hành trong một số ít gia đình có điều kiện về kinh tế và đông anh em, họ hàng ở xã Phú Vinh) 		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Xóm Pạnh xã Bao La, Xóm Mượt xã Cun Pheo, xã Ba Khan, xã Tân Mai, Xã Pù Bin, xã Noong Luông	Dọn dẹp, chăm sóc mồ má	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch (tháng 6, tháng 7 theo lịch mừng Bi)	Ở khu mộ địa của các gia đình/dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mụ thố)	Xóm Pạnh xã Bao La, Xóm Mượt xã Cun Pheo, xã Ba Khan, xã Tân Mai, Xã Pù Bin, xã Noong Luông	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
4	Mo cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng không trăm, cúng hu tởng)	Xóm Pạnh xã Bao La, Xóm Mượt xã Cun Pheo, xã Ba Khan, xã Tân Mai, Xã Pù Bin, xã Noong Luông	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng		ít, không thường xuyên		

8. HUYỆN TÂN LẠC

1	Mo Tang ma	Tất cả các xã trong huyện	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tống thôm) - Nhòm chợ chàng Khò - Chàng Khen - Cuối lìa - Mo thầy 	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đẻ Chum Khenh - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Càn - Vào Chiếng chạ, bắt còn (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian) <p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia năm tháng, đẻ pèi, nước lự, nước cạ - Làm nhà cho lang Cun Càn - Lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dị Dàng - Tìm chu, tìm lòi, chặt cây chu đồng 		
---	------------	---------------------------	---	----------------	---------------------------	---------	---	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							<ul style="list-style-type: none"> - Thiên thần - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Nhòm Mường Bi - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Nghìn họ - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa (thường xuyên khi có tang lễ) 	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dị Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tim muông, góp gươm giáo sẵn muông - Sẵn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Vườn hoa núi Cối - Đẻ nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Ngắm nhìn đất Mường - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thè - Nhòm bến Rậm - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ăn thè - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời; - Xin tuông/ đuông - Trả nợ - Về lại nhà (chỉ còn thực hành trong một số ít gia đình có điều kiện về kinh tế và đồng anh em, họ hàng ở xã Phú Vinh) 		
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Tất cả các xã trong huyện	Dọn dẹp, chăm sóc mộ mã	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch (tháng 6, tháng 7 theo lịch mường Bi)	Ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mụ thố)	Tất cả các xã trong huyện	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng	Thường xuyên			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Mo cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng khổng trăm, cúng hu tồông)	Tất cả các xã trong huyện	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng		Ít, không thường xuyên		

9. THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

1	Mo Tang ma	Sử Ngòi, Chăm Mát, Thống Nhất, Kỳ Sơn, Thịnh Lang, Hữu Nghị, Yên Mông, Thái Thịnh	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	Các tiết lễ: - Mo thầy - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Nghìn họ - Cuối lia - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa (thường xuyên khi có tang lễ)	Các tiết lễ: - Ngắm đất nhìn Mường - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dẫu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tống thôm) - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ấn thẻ - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời) - Xin tuông/ đuông - Trả nợ - Về lại nhà - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cài - Đẻ Tá Cản - Vào Chiểng chạ, bắt còn (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian)	Các tiết lễ: - Thiên thần - Đẻ Chum Khenh - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lứt, nước cặn - Làm nhà cho lang Cun Cản - Lấy vợ cho lang Cun Cản, đẻ Dịt Dàng - Tim chu, tìm lọi, chặt cây chu đồng - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tim muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng - Vườn hoa núi Cối - Đẻ nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thề - Nhòm bến Rậm - Nhòm chợ chàng Khò chàng Khen (đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành)	
---	------------	---	---	----------------	---------------------------	---------	--	--	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Sử Ngòi, Chăm Mát, Thống Nhất, Kỳ Sơn, Thịnh Lang, Hữu Nghị, Yên Mông, Thái Thịnh	Dọn dẹp, chăm sóc mộ mã	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	Ở khu mộ địa của các gia đình/dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng		Ít được thực hành, không còn thường xuyên		
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mũ thố)	Sử Ngòi, Chăm Mát, Thống Nhất, Kỳ Sơn, Thịnh Lang, Hữu Nghị, Yên Mông, Thái Thịnh	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng		Ít được thực hành, không còn thường xuyên		

10. HUYỆN YÊN THỦY

1	Mo Tang ma	Tất cả các xã trong huyện	Làm thủ tục để người qua đời đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Khi có tang lễ	Trong gia đình có tang lễ	Thầy Mo	Các tiết lễ: - Mo thầy - Thiên thần - Vào áo (nhập quan) - Dâng ăn uống - Ngắm đất nhìn Mường - Đẻ gà - Kẹ - Cắt dây - Nghìn họ - Cuối lia - Hành trình từ nhà lên Thenh Mư - Hành trình từ Thenh Mư lên Keo Renh - Từ nhà Keo Renh lên vua trời - Hầu kiện - Ăn the - Chào kiện (tạ ơn Vua Trời - Xin tuông/ đuông	Các tiết lễ: - Đẻ đất, đẻ trứng Đięng - Xin lửa - Đẻ bát - Đẻ sanh, ninh - Đẻ dầu, đèn - Đẻ đuông/tuông vải (Đẻ tống thôm) - Nhóm chợ chàng Khò chàng Khen - Đẻ Chum Khenh - Đẻ gà - Mo thầy - Đẻ Tá Cái - Đẻ Tá Càn - Vào Chiêng chạ, bắt còn (chỉ thực hành trong điều kiện còn thời gian)	Các tiết lễ: - Chia năm tháng, đẻ pèl, nước lụt, nước cạn - Làm nhà cho lang Cun Càn - Lấy vợ cho lang Cun Càn, đẻ Dịt Dàng - Tìm chu, tìm lội, chặt cây chu đồng - Kéo cây chu đồng làm nhà, đốt nhà Dịt Dàng - Xuất hiện con muông til wil tọng wọng - Tìm muông, góp gươm giáo săn muông - Săn muông, bắn chết con muông til wil tọng wọng	
---	------------	---------------------------	---	----------------	---------------------------	---------	--	---	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							<ul style="list-style-type: none"> - Trả nợ - Về lại nhà - Đi sông Tị (đi chợ) - Mo đi về mộ địa (thường xuyên khi có tang lễ) 		<ul style="list-style-type: none"> - Để nhà xe - Nhòm thả thả, nhòm nhà - Nhòm thang đồng - Nhòm nhà ông Keo Renh - Nhòm cây đa dốc Thé - Nhòm bến Rậm (đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành) 	
2	Mo tạ mộ (thanh minh)	Tất cả các xã trong huyện	Dọn dẹp, chăm sóc mộ mã	Khoảng tháng 2, tháng 3 âm lịch	Ở khu mộ địa của các gia đình/ dòng họ	Thầy Mo, thầy Clượng		ít được thực hành, không còn thường xuyên		
3	Mo gọi vía (vía hộp, vía the, vía mạnh, vía thầy, mụ thố)	Tất cả các xã trong huyện	Gọi vía (linh hồn) của những người đang sống	Bất kỳ	Trong nhà/ trong gia đình	Thầy Mo, thầy Clượng		ít được thực hành, không còn thường xuyên		
4	Mo cúng trừ tà (Cúng ma rừng, cúng ma nhà, cúng khồông trãm, cúng hu tồông)	Tất cả các xã trong huyện	Trừ các loại tà ma	Bất kỳ	Trong nhà hoặc ngoài ruộng	Thầy Clượng			Đã từng thực hành nhưng nay không còn thực hành	



DISTRICT...

No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN CAO PHONG

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuong (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Bùi Văn Bằng	Xóm Đồng Mới, xã Dũng Phong							01 rìu đá, 03 viên đá các loại, 01 răng nanh hổ, 01 sừng sơn dương, 01 rìu đồng,...	
2	Bùi Văn Chiền	Xóm Rú Mới, xã Hợp Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		2		01 mũi giáo, 04 viên sỏi, 01 bộ cào (03 thanh tre),...	
3	Bùi Quang Đạo	Xóm Rú Mới, xã Hợp Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		01 nanh lợn lòi, 01 nanh chó sói, 01 rìu đồng, 01 rìu đá, 01 viên thạch anh, 01 viên vàng sống, 10 viên đá cuội,...	
4	Bùi Văn Đông	Xóm Quà, xã Thạch Yên	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		02 rìu đá, 01 viên đá có lỗ, 07 viên đá cuội các loại, 01 nanh lợn rừng, 01 nanh hổ; ½ vòng tay đá, 02 đồng tiền xu,...	
5	Bùi Văn Đình	Xóm Má 1, xã Bắc Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		02 mũi giáo, 02 nanh lợn lòi, 01 sừng hoẵng, 01 rìu đồng, 01 vuốt gấu, 04 viên đá các loại,...	
6	Bùi Xuân Điền	Xóm Rú Mới, xã Hợp Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1			
7	Đình Công Huynh	Xóm Lãi, xã Tây Phong							01 rìu đồng, 01 rìu đá, 15 viên đá cuội các loại, 03 khâu dao, 02 nanh hổ, 01 sừng hươu; 01 bộ Cào (03 thanh tre),...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Bùi Văn Kệnh	Xóm Đứng Thá, xã Thu Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		2		02 sừng sơn dương, 02 nanh lợn lòi, 01 răng gấu, 20 nanh các loại, 10 riu, bốn đá, 10 viên đá cuội, 03 sừng hoẵng; 02 chân đại bàng,...	
9	Bùi Văn Nhân	Xóm Lãi, xã Tây Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		02 mũi giáo đồng, 01 riu đồng, 01 mai đá, 01 sừng Hoẵng, 02 chân cú Mèo, 01 mũi cày, 01 viên vàng sống (thiên thạch), 01 nanh lợn lòi, 01 cốt tút đạn, 05 viên đá cuội các loại, ½ vòng đá, 01 viên thạch anh,...	
10	Bùi Trung Thành	Xóm Rú Giữa, xã Hợp Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	1		1		03 nanh hổ, 02 viên vàng sống, 01 riu đồng, 01 riu đá, 05 viên đá các loại, 02 răng lợn lòi, 02 răng chó ma, 04 đồng tiền xu, 12 xương ống chân gà,...	
11	Bùi Xuân Trường	Xóm Trọ Ngoài 1, xã Nam Phong	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		7 cái riu đồng, 3 cái riu đá,...	
12	Bùi Văn Vượt	Xóm Đai, xã Thạch Yên	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		2		02 riu đá, 02 sừng hươu, 01 sừng nai, 01 răng nanh hổ, nanh đá, đá cuội các loại, 02 khâu dao, 01 bộ cào, 01 riu đồng,...	

2. HUYỆN ĐÀ BẮC

1	Bùi Văn Huận	Xóm Hào Phú, xã Tú Lý	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Sừng hươu, nanh hổ, nanh lợn rừng, riu đá, đá thạch anh, nhũ đá, ¼ vòng đá, vỏ sò, dao nhọn,...	
2	Bùi Văn Huế	Xóm Nà Chiếu, xã Cao Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Sừng hươu, răng nanh lợn rừng, sừng sơn dương, răng nanh các loại thú rừng khác, móng thú, chân gà, tổ tò vò, hòn bi, đá cuội suối, đồ riu đá, tiền đồng,...	
3	Nguyễn Hồng Kiên	Tiểu khu Mu, thị trấn Đà Bắc	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	1		1			
4	Đình Công Lệnh	Xóm Vây Ang, xã Vây Nưa	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Khâu dao, nanh lợn lòi, đá thạch anh hòn cuội suối, sừng hoẵng, đồ đá công cụ ghè đẽo thời nguyên thủy, riu đồng,...	
5	Hà Viết Lơ	Xóm Mái, xã Hiền Lương	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	1		1			
6	Xa Tiến Thọ	Xóm Dưng, xã Hiền Lương	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Nanh hổ, nanh lợn rừng, xương gà rừng, chân gà rừng, đồ đá thời nguyên thủy, viên đá xanh,...	

3. HUYỆN KIM BÔI

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Bùi Văn Ai	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		02 kiếm, 02 chuông, 03 bộ trang phục, 02 quạt giấy sừng hoẵng, hươu, trầm khết, xương gà rừng,...	
2	Bùi Văn Chích	Xóm Thung Mường, xã Tú Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	5		1		02 quạt giấy, riu đồng, đá, nồi khót (đá có lỗ), vàng sống, đá cuội, thạch anh, sừng hoẵng, hươu, nanh hổ, răng voi, chân gà rừng, tiền xu,...	
3	Bùi Văn Chính	Khu Bãi, Thị trấn Bo	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	5		2		01 quạt giấy, mũi giáo đồng, trầm khết, riu đá, đá cuội, thạch anh, sừng hươu, nanh gấu, hổ, vuốt hổ, răng hàm thú, nanh lợn lòi, mảnh răng voi,...	
4	Bùi Văn Chung	Xóm Gò Mu, xã Kim Bôi	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		01 cái giáo, 02 quạt giấy, xương ống chân gà rừng, đá cuội, trầm khết, đồng xu, mảnh vàng non, nanh lợn rừng, đá thạch anh, nam châm, riu đá có vai,...	
5	Nguyễn Văn Dần	Khu Sào, thị trấn Bo	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	4		1		01 cái giáo, 01 quạt giấy mũi giáo, trầm khết, vỏ sò, sừng nai, nanh và vuốt hổ,...	
6	Quách Văn Đào	Xóm Sào Bắc, xã Sào Báy	Thừa kế từ ông, cha để lại	4	4		2		01 cái giáo, 02 quạt giấy riu đồng, đá, mũi giáo, đá cuội, thạch anh, đồng tiền xu, vòng đá (bị vỡ ¼), nanh lợn rừng, răng cá đuối, răng voi,...	
7	Bùi Văn Hải	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		01 quạt giấy, răng nanh hổ, lợn rừng, chó sói, hoẵng, đá cuội, mảnh vàng sống, trầm khết đồng tiền xu, con dao nhỏ,...	
8	Bùi Văn Hưng	Xóm Dứng Ổi, xã Kim Bôi	Thừa kế từ ông, cha để lại	5	3		3		02 quạt giấy, xương ống chân gà rừng, xương mặt hổ, răng nanh voi, xương đầu và sừng cheo cheo, xương hổ, đá các loại,...	
9	Bùi Trung Hiếu	Xóm Ba Bị, xã Hùng Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		01 cái giáo, 02 quạt giấy,...	
10	Bùi Văn Khui	Xóm Rộc, xã Hùng Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		01 quạt giấy, đá cuội, trầm khết, nanh chó ma, vỏ sò, nam châm,...	
11	Bùi Văn Lệnh	Xóm Gò Khánh, xã Kim Bôi	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	5		1		01 bộ trang phục; 01 quạt giấy, đá cuội, nanh lợn rừng, mảnh xương hóa thạch, đá thạch anh,...	
12	Quách Xuân Lợi	Xóm Gò Mu, xã Kim Bôi	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	5		1		02 cái giáo; 01 quạt giấy, răng nanh, voi hóa thạch, sừng nai, tiền xu, viên đá cuội, răng nanh hổ,...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
13	Hà Công Quyên	Xóm Pang, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại						02 riu đồng, 05 sừng nai, 02 nanh hổ, 01 sừng sơn dương,...	
14	Bùi Văn Rệu	Xóm Vọ, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại						01 riu đá, 01 viên thạch anh, 01 quả trứng đá, 01 viên đá đánh lửa,...	
15	Bùi Văn Rôm	Xóm Cháo, xã Kim Bôi	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	7		2		02 quạt giấy sừng hoẵng, riu đồng, riu đá, đá các loại, nam châm,...	
16	Bùi Xuân Tươi	Xóm Bưư Cầu, xã Hùng Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		01 cái giáo, 01 quạt giấy, 01 mũi giáo, đá các loại, riu đồng, tiền xu đồng, sừng hoẵng, nanh chó sói, răng lợn lòi, hàm hổ, vuốt gấu, nanh hổ, vẩy tê tê, cào,...	
17	Bùi Văn Thạnh	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		01 quạt giấy, riu đá, 01 nanh hổ, đá cuội, bộ cào (03 thanh tre),...	
18	Quách Công Thương	Thôn Nam Bãi, xã Nam Thượng	Thừa kế từ ông, cha để lại	10	10		6		03 cái giáo, 05 quạt giấy sừng hoẵng, sơn dương, hươu, răng nanh hổ, voi, lợn lòi, chó sói, hàm đười ươi, hàm rái cá, xương ống chân gà rừng, vẩy tê tê, xương bị sét đánh,...	
19	Bùi Văn Thường	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại						02 nanh hổ, các loại đá cuội, trầm khết (riu đồng),...	
20	Bùi Văn Trúc	Xóm Sáng Trong, xã Đú Sáng	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	5		1		01 quạt giấy, răng lợn lòi, nanh hổ, chân con cheo cheo, ngà voi, đá cuội, thạch anh,...	
21	Bùi Văn Ươm	Xóm Nghĩa, xã Cuối Hạ	Thừa kế từ ông, cha để lại						02 quạt giấy, mũi giáo, xương ống chân gà rừng, vòng đá, đá cuội, trầm khết, đồng xu, mảnh vàng non, nanh hổ,...	

4. HUYỆN LẠC SƠN

1	Bùi Văn Bài	Xóm Bán, xã Định Cư	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Sừng nai: 05 Nanh động vật: 06 Xương động vật: 01 Mảnh đồ trang sức bằng mã não: 05 Lưỡi riu sắt: 03 Chuông 01 Tẩu thuốc: 01 Lưỡi riu đá: 03 Đá cuội: 35	
---	-------------	---------------------	----------------------------	---	---	--	---	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Bùi Văn Bè	Xã Tân Lập	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		1		Mảnh đồ trang sức đá: 03 Lưỡi rìu đá: 06 Đá thiên thạch: 01 Đá cuội: 14 Sừng động vật: 03 Nanh động vật: 02 Lưỡi rìu đồng, sắt: 02 Chuông 01 Mũ, áo, kiếm, quạt	
3	Bùi Văn Bích	Xóm Vát, xã Thượng Cốc	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Xương động vật: 02 Sừng nai: 05 Nanh động vật: 02 Mảnh đồ trang sức: 03 Lưỡi rìu sắt: 02 Chuông 01 Lưỡi rìu đá: 03 Đá cuội: 6 Mũ, áo, quạt, kiếm	
4	Bùi Văn Biên	Xã Tân Lập	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		1		Lưỡi rìu sắt: 01 Mũi giáo sắt: 01 Chuông đồng: 04 Lưỡi rìu đá: 08 Mảnh trang sức đá: 02 Đá cuội: 15 Sừng động vật: 03 Nanh động vật: 03 Mảnh xương động vật: 03 Mảnh mũi giáo sắt: 02 Chuông đồng: 03	
5	Bùi Văn Bờn	Xóm Yên Kim, xã Yên Nghiệp	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Lưỡi rìu sắt: 03 Chuông đồng: 02 Lưỡi rìu đá: 03 Mảnh trang sức đá: 05 Đá cuội: 20 Sừng động vật: 02 Nanh động vật: 05 Mảnh mũi giáo sắt: 02 Mũ, áo, quạt	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Bùi Văn Cẩm	Phố Chiềng Trào, thị trấn Vụ Bản	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Sừng động vật: 01 Nanh động vật: 03 Xương, răng động vật: 02 Lưỡi riu đá: 5 Mảnh trang sức đá: 4 Mảnh tước đá: 01 Đá đánh lửa: 4 Đá thiên thạch: 2 Chuông đồng: 02 Lưỡi riu đồng, sắt: 5 Đá cuội: 16 Mũ, áo, kiếm, quạt	
7	Bùi Văn Chung	Xóm Cháy, Thị trấn Vụ Bản	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Lưỡi riu đá: 4 Xương thú: 2 Nanh thú: 3 Đá cuội: 15 Riu sắt: 5 Chuông, mũ, áo	
8	Bùi Văn Dớt	Xóm Đóm, xã Định Cư	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Vỏ hạt rừng: 01 Nanh lợn rừng: 01 Xương động vật: 03 Đá thạch anh: 01 Mảnh công cụ sắt: 01. Lưỡi riu đá: 01 Mảnh trang sức đá: 03 Đá cuội: 16	
9	Bùi Văn Hải	Xã Xuất Hóa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Lưỡi riu đá: 10 Mảnh trang sức đá: 03 Mảnh tước đá: 01 Chuông đồng: 04 Mũi giáo sắt: 01	
10	Bùi Văn Hoàn	Xóm Đàng, xã Quyết Thắng	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		1		Lưỡi riu đá: 2 Xương thú: 2 Nanh thú: 1 Đá cuội: 8 Riu sắt: 2 Chuông, mũ, áo	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	Bùi Văn Huế	Xóm Tre, xã Thượng Cốc	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Nanh động vật: 03 Xương động vật: 03 Đá thạch anh: 03 Mảnh công cụ sắt: 03. Lưỡi rìu đá: 05 Mảnh trang sức đá: 03 Đá cuội: 16 Mũ, áo, quạt, kiếm	
12	Bùi Văn Hùng	Xóm Khao, xã Tân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		1		Sừng động vật: 02 Nanh động vật: 03 Xương động vật: 01 Mảnh đồ trang sức đá: 05 Lưỡi rìu sắt: 01 Mũi giáo sắt: 01 Mũi lượi cày: 01 Đá thiên thạch: 05 Chuông 01 Lưỡi rìu đá: 06 Đá cuội: 12 Mũ, áo, kiếm, quạt	
13	Bùi Văn Hờm	Xã Quyết Thắng	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Lưỡi rìu đá: 5 Mảnh trang sức đá: 03 Đá thạch anh: 02 Mảnh tước đá: 01 Lưỡi rìu đá: 04 Chuông đồng: 02 Mũi giáo sắt: 01 Xương, nanh, sừng động vật: 05	
14	Bùi Văn Kiên	Xóm Kháy, xã Tự Do	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Đá cuội: 35 Mảnh đồ trang sức đá: 06 Lưỡi rìu đá: 08 Sừng động vật: 02 Nanh động vật: 03 Xương động vật: 03 Lưỡi rìu đồng, sắt: 05 Chuông 01 Mũ, áo, kiếm, quạt	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
15	Bùi Văn Khoan	Xã Thượng Cốc	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Sừng động vật: 01 Nanh động vật: 02 Xương động vật: 03 Mảnh đồ trang sức đá: 02 Lưỡi rìu sắt: 01 Mũi lưỡi cày: 01 Chuông 01 Lưỡi rìu đá: 03 Đá cuội: 5 Mũ, áo, kiếm, quạt	
16	Quách Tự Lực	Xã Văn Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Lưỡi rìu đá: 03 Đá cuội: 8 Mảnh thiên thạch: 02 Lưỡi rìu sắt: 01 Mũi giáo sắt: 02 Chuông: 02 Nanh động vật: 02 Vỏ ốc: 01 Sừng nai: 02	
17	Bùi Văn Lương	Xóm Bái, xã Tuân Đạo	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Lưỡi rìu đá: 01 Đá cuội: 12 Chuông đồng 02 Lưỡi rìu đồng: 01	
18	Bùi Văn Minh	Xóm Mận Bùi, xã Văn Sơn	Một phần được thừa kế từ cha và ông ngoại; một phần do một số gia đình cho, biếu, tặng	5	4	5	3		Sừng động vật: 3 Nanh động vật: 17 Xương, răng động vật: 5 Lưỡi rìu đá: 12 Mảnh trang sức đá: 10 Mảnh tước đá: 01 Đá đánh lửa: 5 Đá thiên thạch: 10 Chuông đồng: 04 Mũi giáo sắt: 01 Lưỡi rìu đồng, sắt: 14 Đá cuội: 26 Mũ, áo, kiếm, quạt	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
19	Bùi Văn Mẹo	Xóm Mương, xã Định Cư	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3	3	2		Sừng động vật: 3 Nanh động vật: 8 Xương, răng động vật: 6 Lưỡi riu đá: 7 Mảnh trang sức đá: 9 Mảnh tước đá: 03 Đá đánh lửa: 3 Đá thiên thạch: 5 Chuông đồng: 03 Mũi giáo sắt: 03 Lưỡi riu đồng, sắt: 5 Đá cuội: 9 Mũ, áo, kiếm, quạt	
20	Bùi Văn Nhan	Xã Chí Đạo	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Sừng động vật: 03 Nanh động vật: 02 Xương, răng động vật: 02 Lưỡi riu đá: 7 Mảnh trang sức đá: 9 Mảnh tước đá: 03 Đá đánh lửa: 3 Đá thiên thạch: 01 Chuông đồng: 02 Mũi giáo sắt: 01 Lưỡi riu đồng, sắt: 3 Đá cuội: nhiều Mũ, áo, kiếm, quạt	
21	Bùi Văn Nòn	Xóm Khương, xã Bình Hẻm	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Sừng nai: 05 Nanh động vật: 06 Xương động vật: 01 Mảnh đồ trang sức đá: 02 Lưỡi riu sắt: 03 Đá thiên thạch: 01 Chuông 01 Lưỡi riu đá: 05 Đá cuội: 6 Mũ, áo, kiếm, quạt	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
22	Bùi Thế Ngưỡng	Xóm Chum, xã Hương Nhượng	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	1		1		Lưỡi rìu sắt: 02 Đá thạch anh: 01 Lưỡi rìu đá: 01 Đá cuội: 01 Công cụ đá: 01 Chuông: 01 Nanh động vật: 02 Xương động vật: 01 Sừng nai: 01 Công cụ sắt: 01	
23	Bùi Văn Quý	Xã Hương Nhượng	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Sừng động vật: 01 Nanh động vật: 04 Xương động vật: 01 Mảnh đồ trang sức đá: 03 Lưỡi rìu sắt: 03 Đá thiên thạch: 03 Đá thạch anh: 03 Chuông 01 Lưỡi rìu đá: 05 Đá cuội: 5 Mũ, áo, kiếm, quạt	
24	Bùi Văn Rùm	Xã Thượng Cốc	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Sừng hoẵng: 02 Nanh lợn lòi: 02 Lưỡi rìu đá: 03 Đá cuội: 16 Mảnh công cụ đá: 08 Mảnh trang sức đá: 04 Mũi giáo sắt: 01 Lưỡi rìu đồng: 01 Chuông đồng: 01 Mũ, áo, quạt, kiếm	
25	Bùi Văn Sinh	Xóm Trắng, xã Yên Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		2		Lưỡi rìu đá: 04 Đá cuội: 10 Đá thạch anh: 02 Mảnh thiên thạch: 01 Lưỡi rìu sắt: 02 Mũi giáo sắt: 01 Chuông: 03 Nanh động vật: 08 Vỏ sò: 01 Vỏ ốc: 01 Sừng nai: 01	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
26	Bùi Văn Thành	Xóm Trung Sơn, xa Ngọc Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Sừng động vật: 3 Nanh động vật: 2 Xương, răng động vật: 2 Lưỡi riu đá: 5 Mảnh trang sức đá: 01 Chuông đồng: 02 Mũi giáo sắt: 01 Lưỡi riu đồng, sắt: 3 Đá cuội: nhiều Mũ, áo, kiếm, quạt	
27	Bùi Văn Thành	Xã Hương Nhượng	Thừa kế từ ông, cha để lại				1		Lưỡi riu sắt: 03 Chuông đồng: 02 Lưỡi riu đá: 03 Mảnh trang sức đá: 05 Đá cuội: 20 Sừng động vật: 02 Nanh động vật: 05 Mảnh mũi giáo sắt: 02 Mũ, áo, quạt	
28	Bùi Văn Tiền	Xóm Cốc, xã Ngọc Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Nanh động vật: 8 Xương, răng động vật: 3 Lưỡi riu đá: 2 Mảnh trang sức đá: 3 Mảnh tước đá: 01 Đá đánh lửa: 1 Đá thiên thạch: 2 Chuông đồng: 02 Mũi giáo sắt: 01 Lưỡi riu đồng, sắt: 2 Đá cuội: 13 Mũ, áo, kiếm, quạt	
29	Bùi Văn Toán	Xã Ngọc Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Mảnh công cụ đá: 02 Đá thiên thạch: 03 Đá thạch anh: 02 Sừng hoẵng: 01 Nanh động vật: 08 Lưỡi riu đá: 03 Mảnh trang sức đá mã não: 02 Lưỡi riu sắt: 03 Chuông đồng: 01 Mũ, áo, quạt, kiếm	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
30	Bùi Văn Thơm	Xã Tân Lập	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Sừng động vật: 2 Nanh động vật: 3 Xương, răng động vật: 2 Lưỡi riu đá: 5 Mảnh trang sức đá: 4 Đá thiên thạch: 1 Đá thạch anh: 01 Mũi giáo sắt: 02 Lưỡi riu đồng, sắt: 02 Chuông đồng: 02 Đá cuội: nhiều Mũ, áo, kiếm, quạt	
31	Bùi Văn Thửn	Xã Văn Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Nanh động vật: 02 Xương động vật: 02 Mảnh đồ trang sức đá: 03 Lưỡi riu sắt: 02 Mũi giáo sắt: 02 Đá thiên thạch: 01 Chuông 01 Lưỡi riu đá: 03 Đá cuội: 18 Mũ, áo, kiếm, quạt	
32	Bùi Văn Vịnh	Xã Ngọc Lâu	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Mảnh trang sức đá: 01 Lưỡi riu đá: 02 Đá cuội: 08 Chuông đồng: 02	
33	Bùi Văn Von	Xóm Trung Sơn, xã Ngọc Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Lưỡi riu đá: 03 Đá cuội: 10 Sừng nai: 05 Nanh động vật: 03 Xương động vật: 01 Mảnh đồ trang sức: 02 Lưỡi riu đồng: 02 Chuông 01 Đá thiên thạch: 01 Mũ, áo, kiếm, quạt	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
34	Bùi Văn Xồng	Xóm Vó Cỏ, xã Mỹ Thành	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Sừng hoẵng: 03 Nanh lợn lòi: 05 Lưỡi riu đá: 08 Đá cuội: 8 Mảnh công cụ đá: 02 Mảnh trang sức đá: 03 Đá thiên thạch: 03 Lưỡi riu đồng: 01 Chuông đồng: 01 Mũ, áo, quạt, kiếm	

5. HUYỆN LẠC THỦY

1	Bùi Văn Cường	Xóm Liên Phú, xã Thống Nhất.	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Riêu đồng, nanh lợn lòi, sừng hoẵng, nanh hổ	
2	Bùi Văn Chiến	Thôn Cú Đẻ, xã Thống Nhất,	Thừa kế từ ông, cha để lại		1		1		Riêu đồng, trụ đá bằng thạch anh trắng, đá cuội, trầm sét, sừng hoẵng, xương động vật, riu đá, mũi giáo bằng sắt.	
3	Bùi Đức Diến	Thôn Ninh Ngoại, xã An Bình	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Đá cuội, riu đá, trụ đá bằng thạch anh, mũi giáo bằng đồng	
4	Lê Đình Dương	Thôn Thắng Lợi, Xã An Bình	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Riêu đá, trụ đá thạch anh, nanh lợn lòi	
5	Quách Tất Pháp	Xóm Ninh Nội, xã An Bình	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Nanh cú, sừng hoẵng, đá cuội	
6	Bùi Thanh Toàn	Thôn Minh Thành, xã Thống Nhất							Cảo	
7	Bùi Văn Xuất	Xóm Cú, xã Thống Nhất.							Nanh hổ, răng hổ, đá cuội, riu sắt	

6. HUYỆN LƯƠNG SƠN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nguyễn Văn Ẩn	Xóm Yên Lịch, Xã Thành Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại						Riêu đồng, mũi giáo đồng, xương hổ, móng hổ, đá cuội,...	
2	Bùi Ngọc Bằng	Xóm Thành Sơn, Xã Cao Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại						Nanh lợn lòi	
3	Nguyễn Thị Hình	Thôn Rỗng Cấn, Xã Lâm Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại						Nanh lợn lòi, đá cuội, trụ đá bằng thạch anh trắng, riêu đồng, riêu đá, mũi tên bằng sắt, một số hòn cuội có hình thù kỳ lạ,...	
4	Bùi Văn Lịnh	Thôn Rỗng Cấn, Xã Lâm Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại						Đá cuội, riêu đá, trụ đá bằng thạch anh, mũi giáo bằng đồng,...	
5	Bùi Văn Nhu	Thôn Vai Đào, Xã Cao Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại						Nanh lợn lòi, nanh hổ, mũi giáo bằng đồng,....	

7. HUYỆN MAI CHÂU

1	Bùi Văn Dũng	Xóm Pạnh, xã Bao La	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Sừng hoẵng, đồ đá công cụ ghè đẽo thời nguyên thủy, nanh thú rừng, đồ đồng,...	
2	Đình Công Náy	Xóm Khan Thượng, xã Sơn Thủy	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Sừng hoẵng, nanh lợn rừng, răng ma khó, công cụ nguyên thủy bằng đồ đồng, mũi tên bằng đồng,...	
3	Đình Công Từa	Xóm Khan Hạ, Xã Sơn Thủy	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Nanh thú rừng, sừng hoẵng, đá cuội, công cụ nguyên thủy bằng đồ đồng, mũi tên bằng đồng,...	
4	Đình Công Vinh	Xóm Mượt, xã Cun Pheo	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	3		1		Túi Khốt hiện có: Sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú rừng, răng lợn rừng, đá cuội, riêu đá, riêu đồng, cối giã trâu bằng đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng,...	

8. HUYỆN TÂN LẠC

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đình Công Ấch	Xóm Cá, Xã Quyết Chiến	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		1		Sừng hoẵng, nanh hổ, nanh gấu, riu đồng, đồ đá, tổ ve, răng ma rừng, đá thạch anh, đá con rồng, vòng đeo tay bằng đá nguyên thủy,...	
2	Đình Công Banh	Xóm Khạng, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Đồ đá thời nguyên thủy, đồ đồng, vàng đen, nanh hổ, sừng hươu đỏ, sừng hoẵng, vỏ hén, sò biển,...	
3	Bùi Văn Bằng	Xóm Chùa, Xã Tử Nê	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Sừng hoẵng, nanh lợn lòi, sừng đười ươi, vây tê tê, ốc chó, đồ đá, đồ đồng, sừng nai, chân gà rừng,...	
4	Bùi Văn Biểu	Xóm Thung, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, riu đồng đá cuội suối, mũi tên đồng, tổ tò vò, đá thạch anh, đá ngọc, hạt cườm vòng cổ, vỏ ốc,...	
5	Bùi Tân Bình	Xóm Kha Lạ, xã Phong Phú							Vòng gỗ đeo tay, nanh hổ, sừng hươu, sừng hoẵng, đá thạch anh, chân gà, đá cuội, tổ vò,...	
6	Bùi Đức Cả	Xóm Khi, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Nanh hổ, mũi tên đồng, sừng hoẵng, đồ đá, xương gà rừng, ốc chó, tổ ve,...	
7	Bùi Văn Can	Xóm Thăm, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Hiện vật đồng, nanh hổ, ngà voi, chân gà rừng, nanh mèo, vuốt mèo, hòn ốc chó suối, tổ tò vò, sừng hoẵng, mũi tên đồng, đồ đồng, đồ đá,...	
8	Bùi Văn Cưa	Xóm Mè, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Chân gà rừng, đồ đá, đồ đồng, vỏ hén, đá thạch anh, riu đồng, tổ vò, hạt vòng,...	
9	Bùi Văn Cợn	Xóm Bắc Thung, Xã Quyết Chiến	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Tổ vò, đá cuội, đồ ghè đeo bằng đá, hạt vòng, vuốt hổ, răng gấu, đồ đồng,...	
10	Cao Viết Công	Xóm Rên, xã Gia Mô	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		2		Sừng hoẵng, nanh hổ, chân gà rừng, đồ đồng, đồ đá, xương cột sống người, nanh gấu, đá thạch anh, bạc bọc nanh hổ,...	
11	Bùi Văn Chiến	Xóm Áo U, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		1		Dụng cụ đá thời nguyên thủy, nanh hổ, sừng hoẵng, đá thạch anh, giáo đồng,...	
12	Bùi Văn Chiến	Xóm Chuông, xã Mỹ Hòa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Vòng gỗ, riu đồng, nanh hổ, răng thú, đồ đá thời nguyên thủy,...	
13	Đình Công Chính	Xóm Đung, xã Phú Vinh	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Răng lợn lòi, răng lợn nước, sừng hoẵng, hạt vòng gỗ, anh hổ, vàng đen,...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	Đình Văn Chửng	Xóm Bệ, xã Lỗ Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Đá trắng, vàng đen, đồ đá thời nguyên thủy, vỏ ốc, đá thạch anh, sừng hoẵng đồ, nanh hổ, chân gà rừng, riu đồng,...	
15	Bùi Văn Dán	Xóm Úi, xã Lỗ Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại				1		Nanh hổ, nanh hoẵng, ốc, chỏ, đồ đồng, đồ đá,...	
16	Bùi Văn Dán	Xóm Đạ, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Đồ đá thời nguyên thủy, đồ đồng, riu đồng, tổ tò vò, nanh hổ, chân gà, vỏ ốc, đá suối,...	
17	Bùi Văn Don	Xóm Bãi Bệ, xã Lỗ Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Nanh hổ, ngà voi, sừng hoẵng đồ, trầm khét, công cụ bằng đá, đồng, dao, đá cuội,...	
18	Bùi Văn Doanh	Xóm Nhót, Thanh Hối	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Đồ đồng, đồ đá, đá cuội, răng hổ, vuốt hổ, sừng hoẵng, tò vò, riu đồng,...	
19	Đình Văn Diệu	Xóm Bò, xã Vân Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Đồ đồng, đồ đá, Nanh hổ, sừng hoẵng, mũi tên đồng, đá thạch anh, hòn cuội suối,...	
20	Đình Công Dực	Xóm Mừng Kè, xã Phú Vinh							Riu đồng, vòng gỗ thời nguyên thủy, vỏ ốc suối, đồ đá, sừng hoẵng, vuốt hổ,...	
21	Bùi Văn Đạt	Xóm Đá, xã Lỗ Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Trầm khét, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, nanh lợn lòi, nam châm,...	
22	Bùi Văn Ợo	Xóm Tân Lập, xã Lỗ Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		1		Sừng hoẵng, đá, nanh hổ, nanh sói, các loại đá cuội,...	
23	Bùi Văn Giảng	Xóm Quy Bái, Đông Lai	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	1		1		Sừng hoẵng, nanh lợn lòi, đồ đá, đồ đồng, nanh lợn rừng, chân gà, mũi tên đồng, ốc chỏ,...	
24	Bùi Văn Hải	Vìn Vín Bái, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Đá ghè đẽo, đồ đồng, đá thạch anh, nanh hổ,...	
25	Bùi Văn Hưng	Xóm Bạ, xã Mỹ Hòa	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		2		Chân gà rừng, đá cuội, móng hổ, chuông đồng, giáo đồng,...	
26	Bùi Văn Hiền	Xóm Đạ, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Hiện vật đá, nanh lợn rừng, sừng hoẵng nhặt được trong rừng, sừng đầu hoẵng, đồ đồng, nam châm, đạn súng, răng nanh gấu, răng voi, đá thạch anh, đá cuội suối, sừng cổ của con hổ, con hén bằng đá, răng cá sấu, răng chó sói, đá cặng cầm làm vĩa, vàng đen, đá trắng, viên đạn bằng chì,...	
27	Đình Công Kiên	Xóm Mừng Kè, xã Phú Vinh	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3	3	2		Ngà con lợn lòi, anh hổ, tổ ve, hiện vật đá, hiện vật đồng, hạt cườm ma uơi, mũi tên đồng,...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
27	Đình Công Kiên	Xóm Mường Kè, xã Phú Vinh	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3	3	2		Ngà con lợn lòi, anh hổ, tổ ve, hiện vật đá, hiện vật đồng, hạt cườm ma uroi, mũi tên đồng,...	
28	Bùi Văn Kiên	Xóm Bó, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Đồ đá, đồ đồng, sừng hoẵng,...	
29	Bùi Văn Kinh	Xóm Cò, Xã Nhân Mỹ							Nanh hổ, sừng hoẵng, đồ uống, đồ đá, đá suối, vỏ ốc, răng chó sói,...	
30	Bùi Văn Khấn	Xóm Lũy Ái, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		2		Chân gà rừng, đá thạch anh, riu đồng, đồ đá, riu đá, mũi tên đồng, vỏ ốc,...	
31	Quách Văn Khon	Khu Mường Bui, Thị trấn Mãn Đức	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Đồ đồng, riu đá, ngà lợn lòi, khuyên vòng cổ, đá cuội suối, vàng đen, sừng hoẵng,...	
32	Bùi Văn Khuya	Xóm Đá, xã Lỗ Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Sừng hoẵng, đá thạch anh, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, xương gà rừng, cựa gà, nanh chó sói,...	
33	Bùi Văn Léch	Xóm Bận Dọi, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Ngà lợn lòi, sừng hoẵng, đồ đá, răng hổ, xương gà rừng, đá suối,...	
34	Đình Thế Linh	Xóm Sóng, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Xương gà rừng, đồ đá, đồ uống, sừng hoẵng rừng, đá cuội, răng hổ, răng người bị sét đánh, riu đồng, nghệ đen, vẩy tê tê, vòng đeo tay bằng đá, đá thạch anh, xương sọ hổ,...	
35	Bùi Văn Lựng	Xóm Mường Lầm	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Hiện vật bằng đồng, sừng hoẵng, sừng sơn dương, đá thạch anh, nanh gấu, xương nai, đồ đá,...	
36	Bùi Văn Lương	Xóm Rên, xã Gia Mô	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Nêm đá, đá cuội, sừng hoẵng, nanh hổ, răng hổ, răng lợn rừng, công cụ đá, đồng, củ nghệ đen, củ gừng,...	
37	Bùi Văn Móc	Xóm Đá, Lỗ Sơn,	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Nanh hổ, nanh gấu, đá thạch anh, đồ đá hình rùa,...	
38	Bùi Văn Nậu	Xóm Đay, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		2		Riu đồng, vỏ ốc, chân gà, công cụ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, đá thạch anh, hạt vòng cổ,...	
39	Bùi Văn Nậy	Xóm Ngay, xã Mỹ Hòa	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Riu đồng, giáo đồng, đồ ghè đeo bằng đá, nanh hổ,...	
40	Bùi Văn Năng	Xóm Nhót, Thanh Hối	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Đá thạch anh, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, răng hoẵng,...	
41	Bùi Văn Nía	Xóm Áo U, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Sừng hoẵng ba chạc, tổ tò vò, hàm răng động vật, hạt vòng, vỏ hén, đá suối, đồ đồng, chân gà, vỏ ốc,...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
42	Bùi Văn Nịch	Xóm Bận Rọi, xã Nhân Mỹ							Chân móng vuốt điều hầu, sừng hoẵng, nanh lợn lòi, răng hổ, đồ đá, xương hươu, cườm đá, mỏ điều hầu, xương gà rừng, mũi dao cổ, đá suối,...	
43	Đình Công Ninh	Xóm Thôi Lão, xã Phú Vinh	Một phần được thừa kế từ cha và ông ngoại; một phần do một số gia đình cho, biếu, tặng	5	4	5	3		Túi khót hiện có: hạt vòng cổ thời nguyên thủy, sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú rừng, răng lợn rừng, đá cuội, riu đá, riu đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng,...	
44	Bùi Văn Niễn	Xóm Mường Cộ, Thị trấn Mãn Đức	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Riu đồng, đồ đá, công cụ đồng, sừng hoẵng, nanh hổ, vỏ ốc, đá cuội suối, đồng xu,...	
45	Bùi Văn Nội	Xóm Ong, xã Suối Hoa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Đồng đồng, đá suối, sừng hoẵng, sừng nai, nanh hổ, tổ tò vò, chân gà rừng, vỏ hến biển, đá thạch anh, vàng đen,...	
46	Bùi Văn Nhân	Xóm Kha lạ, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	1		1		Tổ tò vò, vỏ sò, đồ đá, công cụ đồ đồng, nanh lợn rừng, nanh hổ, răng mèo rừng, răng lợn lòi, hạt vòng cổ, nanh hoẵng, đá biển, cuội suối,...	
47	Bùi Văn Nhậu	Xóm Khiêng, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại				1		Nanh hổ, đồ đá, đồ đồng, đá thạch anh, vàng đen, chân gà rừng,...	
48	Cao Viết Nhảy	Xóm Rên, xã Gia Mô	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Đồ đồng, đồ đá, đá thạch anh, riu đồng, nanh hổ, chân gà rừng,...	
49	Đình Công Ninh	Xóm Cá, xã Quyết Chiến	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Đá thạch anh, đá cuội suối, nanh hổ, sừng hoẵng, riu đồng,...	
50	Đình Thanh Nhím	Xóm Giác, xã Phú Vinh	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Hạt vòng cổ thời nguyên thủy, sừng hoẵng rừng, tổ chim tò vò (vè lạng), răng thú rừng, răng lợn rừng, đá cuội, riu đá, riu đồng, chuông đồng, mũi giáo bằng đồng,...	
51	Đình Công Nhót	Xóm Chùa Bạ, Mỹ Hòa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Chuông đồng, mũi giáo bằng đồng, nanh hổ, vàng đen, riu đồng, đồ đá thời nguyên thủy, răng gấu, tổ chim tò vò,...	
52	Bùi Văn Nghĩa	Xóm Bái Trang, Đông Lai	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Đồ đá, đồ đồng, nanh lợn rừng, sừng hoẵng, chân gà, mũi tên đồng, đá thạch anh, ốc chỏ,...	
53	Bùi Văn Ợm	Khu Mường Định, Thị trấn Mãn Đức	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Đồ đồng, đồ đá, sừng hoẵng ba chạc, răng ma uơi, răng hổ, chân gà rừng,...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
54	Bùi Văn Phin	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Đồ đá, nanh lợn lòi, răng hổ, hạt vòng cổ, xương thú bằng đá, răng gấu, sừng hoẵng, vỏ sò biển, hạt chàm 3 chạc, đá cuội suối, tổ tò vò,...	
55	Bùi Văn Phia	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Đồ đá, răng hổ, vòng cổ thời đồ đá, củ ngái, răng gấu, sừng hoẵng, vỏ sò biển, tổ tò vò,...	
56	Đình Công Phóng	Xóm Cò, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Sừng nhung hươu, đồ đá, đồ đồng, nanh hổ, nanh gấu, đá thạch anh, hòn cuội suối, vòng cườm đeo cổ,...	
57	Bùi Văn Quyến	Xóm Cự, Xã Thanh Hối	Thừa kế từ ông, cha để lại		2		1		Nanh hổ, đồ đá, răng hoẵng, nanh lợn lòi, chân gà rừng vuốt hổ, vuốt gấu, đá thạch anh, hạt cườm, mũi tên đồng,...	
58	Bùi Văn San	Xóm Rọi, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		1		Đá cuội, nanh hổ, chiêm đồng, riu đồng, vỏ sò, riu đá,...	
59	Bùi Văn Sầu	Xóm Khôi, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		1		Đồ đá, riu đồng, vỏ sò biển, nanh hổ,...	
60	Đình Công Soạn	Xóm Khạng, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Đá thạch anh, sừng hoẵng, nanh hổ, đồ đá, đồ đồng, đá suối, vàng đen, nghệ đen,...	
61	Bùi Văn Sung	Xóm Mường Bui, Thị trấn Mãn Đức	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Công cụ đá thời nguyên thủy, đồ đồng, đồng xu, nanh hổ, nanh gấu, vuốt hổ, gà rừng,...	
62	Bùi Thanh Tiền	Xóm Cóc 1, Xã Ngọc Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	3	2		1		Đồ ghè đeo bằng đá, đồ đồng, nanh hổ, sừng hoẵng, riu đồng, đá cuội, vỏ sò biển,...	
63	Đình Công Tĩnh	Xóm Đon, xã Mỹ Hòa	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		1		Sừng nai cái, đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, vuốt gấu, sừng hoẵng,...	
64	Bùi Hồng Thạnh	Xóm Vin Bái, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Mũi tên đồng. đá thạch anh, công cụ ghè đeo bằng đá, răng hổ, nanh lợn lòi,...	
65	Bùi Văn Thắng	Xóm Bùi Nước, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Đồ đá, đồ đồng, nanh hổ, nanh gấu, đá thạch anh, hòn cuội suối, vòng cườm đeo cổ,...	
66	Bùi Duy Thiêm	Xóm Bái Trông Bạch, Đông Lai	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		2		Nanh hổ, sừng hoẵng, đá cuội, đồng xu, đồ đồng, chân gà rừng,...	
67	Bùi Văn Thọ	Xóm Bùi Nước, xã Nhân Mỹ	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Đá thạch anh, tổ vè, sừng hoẵng, đá cuội,...	
68	Bùi Văn Thực	Xóm Rên, xã Gia Mô	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	3		1		Trầm khét, riu trời, nanh hổ, nanh hoẵng, nanh lợn lòi chết sặc, công cụ bằng đá, bằng đồng,...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
69	Cao Viết Trường	Xóm Rên, xã Gia Mô	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Trầm khét, đồ đá, đồ đồng, nanh hổ, nanh gấu, nanh lợn rừng, xương người sét đánh, dao, chân gà rừng, chân gà rừng gắn mũi tên đồng, đá cuội,...	
70	Bùi Quốc Trường	Xóm Đứng, xã Gia Mô	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Đồ đồng, đồ đá, sừng hoẵng, ngà lợn lòi, xương gà rừng, cuội suối, mũi tên đồng,...	
71	Bùi Văn Lọc	Xóm Bơ, xã Phú Cường	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Nanh hổ, sừng hoẵng, đá suối có hình thù lạ, chân gà rừng, đồ đá ghè đéo, đồ đồng,...	
72	Đình Văn Út	Xóm Nghe, xã Văn Sơn	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Vàng đen, nanh gấu đồ đồng, đồ đá, nanh hổ, sừng hoẵng, mũi tên đồng, đá thạch anh, hòn cuội suối,...	
73	Bùi Văn Ươm	Xóm Bậy, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		1		Sừng hoẵng, vàng đen, nanh gấu, riu đồng, đồ đá, vỏ ốc biển, chân gà rừng, đá cuội suối,...	
74	Đình Công Văn	Xóm Mừng Kè, xã Phú Vinh	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Chân gà rừng, đồ đá thời nguyên thủy, riu đồng, ốc chỗ rừng,...	
75	Bùi Văn Xiêm	Khu Chiềng Khén, Thị trấn Mãn Đức	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Răng nanh lợn lòi, răng hổ, đồ rìn đồng, đồ đá ghè đéo, răng gấu, chàm sét, chân con bang, sừng hoẵng, khốt chân, chân gà rừng, đuôi cá đuối, vàng đen, sừng hoẵng năm trạng, mũi tên đồng, áp hổ, vuốt gấu, nanh chó rừng, viên đá thạch anh, chuông cổ,...	
76	Bùi Văn Xiên	Xóm Sơn Phú, xã Phong Phú	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Răng thú, đá cuội riu đồng, chuông đồng, giáo đồng,...	

9. THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

1	Lê Văn Ân	Xóm Vân Nam, xã Quang Tiến	Thừa kế từ ông, cha để lại							
2	Nguyễn Văn Bận	Mường Dao, xã Độc Lập	Thừa kế từ ông, cha để lại	2			1		Nanh hổ, nanh cú, đá cuội, đá thạch anh,...	
3	Nguyễn Văn Chiền	Đoàn Kết 1, xã Quang Tiến	Thừa kế từ ông, cha để lại	1			1		Mũi giáo bằng đồng, một số mảnh vỡ có chất liệu bằng đồng,...	
4	Đình Tiến Dũng	Tổ 2, Phường Quỳnh Lâm	Thừa kế từ ông, cha để lại							
5	Nguyễn Hữu Ích	Xóm Nội, xã Độc lập	Thừa kế từ ông, cha để lại	1			1		Nanh lợn lòi, sừng sơn dương, riu đá, sừng hoẵng, hàm răng dái cá, se sơi, mũi cày, đá thạch anh tím và trắng, quả cân đồng, xương hổ, móng và mỏ chim trèo, vảy tê tê, sừng hoẵng, đá cuội các loại	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Nguyễn Trọng Kính	Xóm Mè, xã Quang Tiến	Thừa kế từ ông, cha để lại	1						
7	Bạch Văn Liên	Tổ 8, Phường Thống Nhất	Thừa kế từ ông, cha để lại						Đá cuội, đánh lửa, sừng hoẵng, nanh động vật,...	
8	Quách Văn Nhất	Tổ 4, Phường Thái Bình	Thừa kế từ ông, cha để lại						Riêu đồng, đá cuội các loại, sừng hoẵng, nam châm, nanh lợn lòi, nanh động vật,...	
9	Nguyễn Văn Sự	Tổ 3, Phường Quỳnh Lâm	Thừa kế từ ông, cha để lại	1			1			
10	Bùi Văn Thanh	Tổ 7, Phường Thái Bình	Thừa kế từ ông, cha để lại	2			1		Đá cuội, riêu đá, mũi cày bằng sắt, khâu dao, nam châm, sừng hoẵng, nanh lợn rừng, nanh báo, nanh hổ,...	
11	Nguyễn Văn Tiệp	Tổ 1, Phường Dân Chủ	Thừa kế từ ông, cha để lại	2			1		Đá cuội các loại, sừng hoẵng, nanh động vật, trụ bằng đá thạch anh trắng,...	
12	Nguyễn Văn Thọ	Xóm Sòng, xã Độc lập	Thừa kế từ ông, cha để lại						Nanh lợn lòi, mũi giáo, nanh động vật, đá cuội, đá thạch anh,...	
13	Nguyễn Văn Quê	Tổ 4, Phường Quỳnh Lâm	Thừa kế từ ông, cha để lại	2			2		Riêu đá, xe chỉ, vỏ ốc, sừng hoẵng, nanh, vuốt động vật,...	

10. HUYỆN YÊN THỦY

1	Bùi Văn Bông	Xóm Lương Cao, xã Lạc Lương	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Lưỡi riêu đá: 3 Xương thú: 5 Nanh thú: 2 Đá cuội: 31 Đá thiên thạch: 1 Lưỡi riêu sắt: 2 Lưỡi riêu đồng: 1	
2	Trương Đức Dành	Xóm Hơm, Đa Phúc	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	3		1		Lưỡi riêu đá: 3 Xương thú: 6 Nanh thú: 2 Đá cuội: 18 Đá thiên thạch: 0 Riêu sắt: 3	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Bùi Văn Đử	Xóm Hợp Nhất, xã Bảo Hiệu	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Lưỡi rìu đá: 1 Xương thú: 0 Nanh thú: 0 Đá cuội: 19 Đá thiên thạch: 0 Lưỡi rìu sắt: 1 Lưỡi rìu đồng: 0	
4	Trương Đức Him	Xóm Hơm, xã Đa Phúc	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Lưỡi rìu đá: 3 Xương thú: 5 Nanh thú: 2 Đá cuội: 23 Đá thiên thạch: 2 Rìu sắt: 1	
5	Bùi Văn Môn	Xóm Đàm Bai, xã Đoàn Kết	Thừa kế từ ông, cha để lại	1	2		1		Lưỡi rìu đá: 1 Xương thú: 1 Nanh thú: 2 Đá cuội: 10 Đá thiên thạch: 1 Lưỡi rìu sắt: 1 Lưỡi rìu đồng: 0	
6	Trương Đức Min	Xóm Hơm, Đa Phúc	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		2		Lưỡi rìu đá: 1 Xương thú: 3 Nanh thú: 0 Đá cuội: 15 Đá thiên thạch: 1 Lưỡi rìu sắt: 0 Lưỡi rìu đồng: 1	
7	Bùi Văn Thập	Xóm Cương, xã Hữu Lợi	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Lưỡi rìu đá: 0 Xương thú: 2 Nanh thú: 1 Đá cuội: 12 Đá thiên thạch: 0 Lưỡi rìu sắt: 0 Lưỡi rìu đồng: 0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Bùi Văn Tiệu	Xóm Lương Cao, xã Lạc Lương	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	2		1		Lưỡi rìu đá: 1 Xương thú: 1 Nanh thú: 3 Đá cuội: 39 Đá thiên thạch: 0 Lưỡi rìu sắt: 1 Lưỡi rìu đồng: 0	
9	Bùi Văn Tiền	Xóm Lương Thành, xã Lạc Lương	Thừa kế từ ông, cha để lại	2	1		2		Lưỡi rìu đá: 2 Xương thú: 2 Nanh thú: 1 Đá cuội: 12 Đá thiên thạch: 0 Lưỡi rìu sắt: 2 Lưỡi rìu đồng: 1	
10	Trương Đức Xệch	Xóm Hơm, xã Đa Phúc							Lưỡi rìu đá: 5 Xương thú: 4 Nanh thú: 2 Đá cuội: 26 Đá thiên thạch: 5 Lưỡi rìu sắt: 2 Lưỡi rìu đồng: 0	

No.	Titles of the materials and documents	Name of authors	Types of the materials and documents	Number of pages/ Capacity of the materials and documents	Year of Publication (if any)	Publisher/Place of Publication (if any)	Archive location; Archivists; Address; Phone number	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

STT	Tên tư liệu	Tên tác giả	Dạng tư liệu	Số trang/ Dung lượng tư liệu	Năm xuất bản/ấn hành (nếu có)	Nhà xuất bản/Nơi ấn hành (nếu có)	Nơi lưu trữ, người lưu trữ, địa chỉ, số điện thoại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề đất đê nước (song ngữ Mường - Việt)	Vương Anh, Hoàng Anh Nhân	Sách đã xuất bản		1975	Ty Văn hóa Thanh Hóa		
2	Đề đất đê nước	Bùi Thiện, Thương Diễm, Quách Giao	Sách đã xuất bản		1976	Nhà Xuất bản Văn học		
3	Đang Văn Va	Đình Ân	Sách đã xuất bản		1986	Nhà Xuất bản Văn hóa		
4	Truyện thơ Mường	Bùi Thiện	Sách đã xuất bản		1987	Sở Văn hóa – Thông tin tỉnh Hà Sơn Bình		
5	Tỉnh Mường Hòa Bình	Pierre Grosin	Sách đã xuất bản		1992	Nhà xuất bản Lao động		
6	Mo lên trời	Hoàng Anh Nhân	Sách đã xuất bản		1994	Nhà Xuất bản Văn học		
7	Người Mường – địa lý, nhân văn và xã hội học	Jeanne Cuisinier	Sách đã xuất bản		1995	Nxb Lao động		
8	Mo mừng và nghi lễ tang ma	Đặng Văn Lung						
9	Người Mường ở Hòa Bình	Trần Từ	Sách đã xuất bản		1996	Hội Khoa học lịch sử Việt Nam		
10	Mo voái	Đình Ân	Sách đã xuất bản		1999	Nhà Xuất bản Văn hóa dân tộc		
11	Nghi lễ mo trong đời sống tinh thần của người Mường	Bùi Kim Phúc	Sách đã xuất bản		2004	Nhà xuất bản Khoa học xã hội		
12	Diễn xướng Mo Trượng Mỡi	Bùi Thiện	Sách đã xuất bản		2005	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc		
13	Lễ cầu mạnh khỏe	Bùi Thiện	Sách đã xuất bản		2005	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Những bình diện của cấu trúc Mo Mường	Bùi Văn Thành	Luận án Tiến sĩ		2009			
15	Tang lễ cổ truyền của người Mường	Bùi Huy Vọng	Sách đã xuất bản		2011	Nhà xuất bản Đại học quốc gia		
16	Mo Mường tập 1 Mo Mường tập 2 Mo Mường tập 3	Bùi Văn Nợi	Sách đã xuất bản		2011 2012 2013	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc		
17	Sử thi thần thoại Mường	Trương Sĩ Hùng	Sách đã xuất bản		2014	Nhà xuất bản Văn hóa thông tin		
18	Nghệ thuật diễn xướng Mo Mường	Kiều Trung Sơn	Sách đã xuất bản		2016	Nhà xuất bản Thế giới		
19	Mo Mường Hòa Bình		Sách đã xuất bản		2019	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình		

TỈNH NINH BÌNH
NINH BÌNH PROVINCE

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the rông/ràng (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm MŌ		Số năm làm nghề MŌ	Số lượng Lễ MŌ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các rŏng/ rŏng/ phần MŌ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khŏt mà thấy MŌ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			MŌ lên trời	MŌ nhìn họ	MŌ kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đinh Văn Nểu	1937	Bản Sau, xã Kỳ Phú,	12		40	Trên 100	x	x	x	Lông chim công (một nắm, chuông/lạc đồng (01 chiếc), cảo 2 (xin âm dương – 01 bộ), quạt giấy (01), quạt đuôi công (01), túi đựng trầu cho nŏ (01), túi ngải (01), mũ bông beo (01), áo, khăn đai, yếm (01), gươm (01), xương bò tót (01), sừng bò tót (01), răng nanh hổ (02), vàng thŏng/ viên đá nhỏ (01), lưŏi tầm sét/ riu đá (02).	04 học trò: - Đinh Văn Cân - Đinh Văn Bính - Đinh Văn Thông - Đinh Văn Mạc - Đinh Văn Thoát (người đŏng họ Bŏng Báo)	
2	Đinh Văn Tân	2/5/1965	Thôn Bái Cả, xã Cúc Phương	09		15	30	x	x	x	Kiểm (02), chuông (03), trang phục (01 bộ: mũ bông beo, quần áo, thắt lưng), xương gà (01 bó 12 đôi dùng để bŏi), đồng hồ (01), cảo (02 bộ), nanh lợn lŏi (02), lưŏi tầm sét (riu đá: 02), nam châm (01), túi ngải (01), hũng hoàng (01 lọ, trị rắn khi đi đêm), chân voi (01)		

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân MŌ còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần MŌ trong một lễ tang truyền thống xưa.

DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Roóng/ràng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN NHO QUAN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mo không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề Mo	Số lượng Lễ Mo tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các Rooney/ràng/ phần Mo trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mo hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đình Văn Nều	1937	Bản Sau, xã Kỳ Phú	12		12		40	Trên 100	1. Mo nỏ: cúng tổ sư 2. Mo lên cối 3. Mo kể chuyện: để đất để nước. 4. Mo lên trời, xin tương, chuộc số, về lại nhà 5. Mo nhòm: nhòm Mường, nhòm núi sông, phong cảnh 6. Vào chiềng chạ: thăm họ (phần âm), nhận họ hàng, xin đất 7. Mo Cuồi lia/Mo lia: chia tay và dặn dò người ở lại: con cháu, họ hàng, láng giềng, con vật, dụng cụ lao động... 8. Mo nghi lễ: đơm thuốc, cúng mát nhà, cúng thần chết, phân dây cắt đoạn, cời khăn ấn, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, giổ ngày.	Lông chim công (một nắm), Chuông/lạc đồng (01 chiếc), Cảo 2 (xin âm dương - 01 bộ) Quạt giấy (01), quạt đuôi công (01), túi đựng trâu cho nỏ (01), túi ngải (01), mũ bông beo (01), áo, khăn đai, yếm (01), gươm (01), xương bò tốt (01), sừng bò tốt (01), răng nanh hổ (02), vàng thỏi/ viên đá nhỏ (01), lười tằm sét/ riu đá (02)	04 học trò: - Đình Văn Cán - Đình Văn Bính - Đình Văn Thông - Đình Văn Mạc - Đình Văn Thoát (người dòng họ Đông Báo)	Phần Mo kể chuyện và Mo lên trời được lược bớt.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Đình Văn Siêm	1952	Bản Sau, xã Kỳ Phú	05		05		16	79	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo nỏ: cúng tổ sư 2. Mo lên cõi 3. Mo kể chuyện: để đất để nước. 4. Mo lên trời, xin tuông, chuộc số, về lại nhà 5. Mo nhòm: nhòm Mường, nhòm núi sông, phong cảnh 6. Vào chiềng chạ: thăm họ (phần âm), nhận họ hàng, xin đất 7. Mo Cuồi lía/Mo lía: chia tay và dặn dò người ở lại: con cháu, họ hàng, láng giềng, con vật, dụng cụ lao động... 8. Mo nghi lễ: đơm thuốc, cúng mát nhà, cúng thần chết, phân dây cắt đoạn, cời khăn ấn, thiên thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, giổ ngày 	Lông chim công (một nắm), chuông (01 chiếc), cào (xin âm dương), quạt, xâu tiền xu, mũ bông beo, áo, khăn đai, yếm, gươm, túi ngải	Đình Văn Nhảy (cháu trong dòng họ Bông Bào)	Không bỏ cuông Mo nào mà chỉ rút gọn nội dung các cuông cho phù hợp
3	Bùi Văn Xích	1953	Bản Sạng, xã Kỳ Phú	05		05		30	Trên 50	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo thầy: mời nỏ Mo 2. Mo kể chuyện: Để đất để nước 3. Mo lên trời: đi từ nhà lên trời, xin số, hầu kiện, xin tuông, về nhà, đi qua sông... 4. Mo nhòm: Mo nhòm nhà, nhòm bản Mường 5. Mo Cuối lía (từ biệt): con cái, họ hàng, làng xóm ... 6. Mo nghi lễ: vào áo (đạp khăn/xăng) dâng ăn uống, kẹo, cắt dây, mát nhà 7. Mo vào chiềng chạ: thăm họ, nhận họ hàng, người thân ở cõi âm... rồi về nhà. 	Cáo 3 (01), sừng tê giác (01), dao cắt ngải chuỗi nanh hùm (01), đá hòn (01), riu đá (01), tiền xu (04 đồng), dao đuôi hoẵng (01), nanh sói (01), ngải giữ mình (02 loại), gươm (02), quạt (01), trang phục (quần, áo, mũ bông beo, mũ nôi, khăn ấn, xiêm)	Không có.	Thầy Mo gốc từ Thanh Hóa, định cư tại xã Kỳ Phú Các bài Mo được rút gọn hoặc lược bỏ theo yêu cầu của gia chủ

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
4	Đình Văn Cân	1957	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	13		13		10	Trên 30	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo nỏ: cúng tổ sư 2. Mo lên cối 3. Mo kể chuyện: đê đất đê nước 4. Mo lên trời, xin tuông, chuộc số, về lại nhà 5. Mo nhòm: nhòm bản Mường, nhòm núi sông, phong cảnh... 6. Vào chiêng chạ: thăm họ (phần âm), nhận họ hàng, xin đất 7. Mo Cuồi lía/Mo lía: chia tay và dặn dò người ở lại: con cháu, họ hàng, láng giềng, con vật, dụng cụ lao động... 8. Mo nghi lễ: đơm thuốc, cúng mát nhà, cúng thần chết, phân dây cắt đoạn, cời khăn ần, thiền thần, vào áo, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, giỗ ngày 				Phần Mo nhòm ở đây thường gắn với các địa danh ở địa phương. - Không bỏ cuông Mo nào cả, chỉ lược bớt nội dung nếu không đủ thời gian.
5	Đình Văn Điền	1957	Thôn 1, xã Phú Long	07		07		45	Trên 30	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo cúng nỏ 2. Mo kể chuyện: Đê đất đê nước. 3. Mo lên trời: xin đuong, chuộc số 4. Mo nhòm: nhòm nhà, ngấm nhìn đất Mường, vào chạ đồng 5. Mo lía (Mo vải bura) 6. Mo nghi lễ: Thiền thần/ cời khăn ần, vào áo (xăng), dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, mát nhà... 	Tiền âm dương (02); cảo 3 (01), quạt giấy (01)		Ít phổ biến Mo kể chuyện, chủ yếu là làm vải bura, Mo nhòm, kẹ, cắt dây, mát nhà. - Nhiều năm không làm Mo, nhưng vẫn nhớ và có khả năng truyền dạy nghề Mo cho học trò	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
6	Đình Văn Diện	1961	Đội 1, thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	0		0		7	Trên 20	<p>1. Mo thầy: Mo dậy nỏ dậy vật thiêng</p> <p>2. Mo kê chuyện: Đê đất đê nước</p> <p>3. Mo lên trời: hầu kiện, xin đường, chuộc số</p> <p>4. Mo nhòm: Nhòm nhà, ngắm nhìn đất mường, nhòm nhà Keo Renh.</p> <p>5. Mo Cuối lia (Mo lia): Mo cho hồn ma tạm biệt gia đình, bạn bè, vật nuôi</p> <p>6. Mo nghi lễ: vào áo (xăng), dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, mát nhà, cúng vía...</p>	Chuông đồng (01), túi ngải (01), Dao các loại (dao cúng, dao cắt ngải, dao phòng thân), lưỡi tầm sét.	Không có.	Không có nỏ, học và xin nỏ từ thầy Mo Bùi Văn Quyết (cha của thầy Mo Bùi Văn Bảo).
7	Đình Văn Tân	2/5/1965	Thôn Bái Cả, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	09		09		15	30	<p>1. Mượn Mo, cúng nỏ, dạy khánh khốt</p> <p>2. Mo mở dây, mở khăn</p> <p>3. Mo còm bừa (cúng còm cho người chết)</p> <p>4. Mo lên trời: chuộc số, xin đường</p> <p>5. Mo nhìn: nhận họ hàng cõi âm và thăm mã đồng</p> <p>6. Mo kê chuyện: Đê đất đê nước</p> <p>7. Mo lia (từ biệt): con cháu, họ hàng, làng xóm...</p> <p>8. Mo nghi lễ: đập khăn/xăng, dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, mát nhà, cúng vía ...</p>	Kiểm (02), chuông (03), trang phục (01 bộ: mũ bông beo, quần áo, thắt lưng), xương gà (01 bó 12 đôi dùng để bói), đồng hồ (01), cáo (02 bộ), nanh lợn lòi (02), lưỡi tầm sét (riêu đá: 02), nam châm (01), túi ngải (01), hùng hoàng (01 lọ, trị rắn khi đi đêm), chân voi (01)	Chưa có học trò.	Không bỏ bài Mo nào, nếu không có thời gian thì rút ngắn các bài Mo, nếu gia chủ không yêu cầu thì sẽ bỏ Mo kê chuyện.
8	Bùi Văn Bảo	1968	Đội 1, thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	07		02		34	Trên 30	<p>1. Mo gọi nỏ/dậy nỏ, dậy khánh khốt</p> <p>2. Mo kê chuyện: Đê đất, đê nước, đê trũng Đięng</p> <p>3. Mo lên trời: hầu kiện, xin đường, chuộc số</p>	Cào 3 xin âm dương (02), kiếm (01), tiền âm dương (04 đồng), thanh gỗ mun (03), mâm cây mun (01),	Không có.	Gần 10 năm nay không làm Mo, chủ yếu làm đồng và cúng.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
8	Bùi Văn Bảo (tiếp)	1968	Đội 1, thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	07		02		34	Trên 30	3. Mo lên trời: hầu kiện, xin đuông, chuộc số 4. Mo nhóm: Nhóm nhà, ngắm nhìn đất bản Mường, nhóm Chạ Đổng, 5. Mo lia: vong hồn chia lia và dặn dò con cháu, người thân, bạn bè, vật nuôi ở lại... 6. Mo nghi lễ: dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, tháo khăn ấn, cúng mát nhà	ngải (3 loại), dao chữa bệnh (01), nanh hổ (01), sừng hoẵng (01), cây vang (01), quần áo (quần, áo, khăn, yếm, khăn khoác vai, khăn đội đầu, vải cắt bùa...)		
9	Đình Văn Hiên	1968	Thôn Đồng Tâm, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	05		05		20	Trên 50	1. Mượn Mo, cúng nỏ, dạy khánh khốt 2. Mo mở dây, mở khăng 3. Mo còm bừa (cúng còm cho người chết) 4. Mo lên trời: chuộc số, xin đuông 5. Mo nhóm/nhìn: nhận họ hàng cõi âm và thăm má đổng 6. Mo kể chuyện: Đẻ đất đẻ nước 7. Mo lia (tử biệt): con cháu, họ hàng, làng xóm... 8. Mo nghi lễ: vào áo (đạp khăng/xăng) dâng ăn uống, kẹ, cắt dây, mát nhà, cúng vía...	- Kiếm đuôi có gắn sừng hoẵng (01), mũ bóng beo (01), cảo 3 xin âm dương (01), lưới tầm sét (02: 1 rìu đá, 1 rìu sắt), sừng hoẵng (03), nanh lợn lòi (03), nam châm (01), dao nhỏ (02 – phòng thân và cắt ngải), đá thạch anh (03), nanh hổ (01), tiền xu (37), túi ngải (03).	01 (Quách) Bùi Văn Dương ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	

INVENTORY OF THE MO MƯỜNG

Form 2 - PEOPLE WHO PARTICIPATE IN FUNERAL RITUALS OF THE MƯỜNG PEOPLE (WHO ARE NOT THE MO PRACTITIONERS)

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Gender		Address/ Phone number	The role during the ritual practice				Does the family have a tradition of working with the profession		Number of years working with the profession	Number of the rituals practiced in funerals (estimated)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
			Male	Female		The Clượng sorcerer	Performers of the musical instruments		Dancers (if any)	How many generations	No				
							Type of the musical instruments	Number/Title of the practiced repertoires							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Giới tính		Địa chỉ/Số điện thoại	Vai trò khi thực hành lễ				Gia đình có truyền thống làm nghề không		Số năm làm nghề	Số lượng Nghi lễ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Thầy Clượng/ Chỉ đuốc/ Bà Mẹ Mụ/ Nghề làm nhà xe/ Nghề giúp làm Áo phủ quan tài	Người chơi nhạc cụ		Người múa chuyên trách (nếu có)	mấy đời	không				
							Loại nhạc cụ	Số lượng/Tên bài bản thực hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đình Văn Chủ	1954	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Thầy làng	Người cúng mời thành hoàng làng về chứng kiến việc làm Mo cho người chết, cúng các nghi lễ sau khi kết thúc mỗi công Mo	Các nghi thức và bài cúng mời thần linh, mời thành hoàng làng			x	3 năm	Trên 10 đám	Không có	Thời gian làm chủ làng theo quy định của bản (tối đa 3 năm, sau đó chuyển cho người khác theo thứ tự)

¹. Người đã qua chức Trùm nhưng chưa đến lượt làm Thầy làng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Bùi Văn Chiên		x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Trống, bốp	Các bài trống, bốp dùng trong đám ma			x	15	Khoảng 70 đám	Không có	Chỉ chơi nhạc cụ trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.
3	Đình Văn Chính	1965	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Khán ¹	Phụ lễ cho thầy làng trong đám ma	Các nghi thức và sắm sửa lễ vật cúng thành hoàng làng trong đám ma			x	Không xác định	Trên 20 đám	Không có	Thời gian làm Khán theo quy định thứ tự quy định của bản
4	Lê Văn Côi		x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Trống, phách	Các bài trống, phách dùng trong đám ma			x	25	Khoảng 120 đám	Không có	Chỉ chơi nhạc cụ trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.
5	Đình Văn Diễn	1983	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Sĩ lí	Đánh chiêng trong đám ma	Các bài chiêng trong đám ma			x	6 tháng	4 đám	Không có	Sĩ lí là người giúp việc, phụ lễ cho thầy Mo. Thời gian làm Sĩ lí theo quy định thứ tự của bản
6	Đình Xuân Diện	1982	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Cai nhì	Đánh chiêng trong đám ma	Các bài chiêng trong đám ma			x	1,5 năm	Khoảng 10 đám	Không có	Thời gian làm Cai nhất theo thứ tự quy định của bản.
7	Đình Xuân Doanh	1982	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Cai nhất	Đánh chiêng trong đám ma	Bài đánh chiêng trong đám ma			x	2 năm	Khoảng 14 đám	Không có	Thời gian làm Cai nhất theo thứ tự quy định của bản.

¹. Người đã qua chức Trùm nhưng chưa đến lượt làm Thầy làng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
8	Bùi Văn Đồng	1967	x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Kèn	Các bài kèn trong đám ma		2		20	Khoảng trên 100 đám	Không có	Chỉ thổi kèn trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.
9	Quách Văn Đức		x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Trống to	Các bài trống đánh trong đám ma			x	22	Khoảng trên 100 đám	Không có	Chỉ chơi nhạc cụ trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.
10	Đình Văn Dụng	1982	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Lệnh cả	Đánh chiêng cái trong đám ma	Bài đánh chiêng trong đám ma			x	3 năm	Khoảng 20 đám	Không có	Thời gian làm Lệnh cả theo thứ tự quy định của bản.
11	Đình Văn Hiền	1959	x		Thôn Đồng Quân, Cúc Phương, huyện Nho Quan	Thầy cúng chính và phụ cho thầy Mo				3		24	Không thể nhớ chính xác, ước khoảng 80 đám	Hiện tại chưa có	
12	Bùi Ngọc Lệ	1942	x		Bản Ao Lươn, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Thầy cúng chính				3		35	Khoảng trên 40 đám ma	Không có	
13	Bùi Văn Liệu	1959	x		Thôn 6, xã Phú Long, huyện Nho Quan		Trống	Các bài trống dành cho đám ma		2		40	Trên 100 đám ma	Không có	
14	Đình Văn Linh	1983	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Cai út	Đánh chiêng trong đám ma	Các bài chiêng trong đám ma			x	1 năm	Khoảng 7 đám	Không có	Cai út là phụ lễ trong đám tang. Thời gian làm Cai út theo thứ tự quy định trong bản.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
15	Phạm Văn Phi		x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Chiêng	Các bài chiêng dùng trong đám ma			x	17	Khoảng 80 đám	Không có	Chỉ chơi nhạc cụ trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.
16	Đình Văn Quảng	1982	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Lênh ba	Đánh chiêng trong đám ma	Bài đánh chiêng trong đám ma			x	2,5 năm	Khoảng 17 đám	Không có	Lênh ba là người phụ lễ trong đám tang. Thời gian làm Lênh ba theo thứ tự quy định của bản.
17	Đình Văn Sách	1966	x		Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	Trùm làng ²	Người giữ dàn chiêng của làng và cúng lễ khi tang chủ mượn chiêng hoặc phụ giúp các nghi lễ Thầy làng cúng trong đêm Mo	Sắm sửa và chuẩn bị lễ vật, hỗ trợ cho thầy làng cúng trong đêm Mo. Bài cúng mượn chiêng			x	1 năm	7 đám	Không có	Thời gian làm trùm theo quy định thứ tự quy định của bản.
18	Bùi Văn Thao	1971	x		Thôn Nga 2, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan	Thầy cúng chính				6		28	Không thể nhớ chính xác, ước khoảng 150 đám	Hiện tại chưa có	
19	Đình Văn Thiệp	1965	x		Thôn Nga 2, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan	Thầy cúng chính				2		15	Khoảng 25 đám	01: Đình Văn Hùng	

².Trùm làng lên từ chức Lênh cả, là người giúp việc cho Thầy làng trong các nghi lễ, là người thay mặt dân làng bố trí các lễ trong một năm cho làng, cũng là người giữ bộ chiêng làng trong một năm, từ mồng 7 tháng Giêng năm trước đến mồng 7 tháng Giêng năm sau.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
20	Bùi Văn Toán		x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Trống bé	Các bài trống đánh trong đám ma			x	20	Khoảng 90 đám	Không có	Chỉ chơi nhạc cụ trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.
21	Đình Văn Trọng	15/5/1972	x		Thôn Sấm 1, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan	Thầy cúng, chỉ chuốc, thầy kèn đám ma	Kèn	Các bài kèn trong đám ma, làm kèn			x	35	Không nhớ chính xác, ước khoảng 150 đám	Có 02 học trò nhưng hiện không theo nghề	25 năm làm chỉ chuốc, 35 năm thổi kèn đám ma
22	Đình Văn Ty	1927	x		Thôn Đồng Tâm, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan	Thầy Clượng	Bài cúng mượn chiêng			3		80	Không thể nhớ chính xác, khoảng trên 150 đám	01 Đình Văn Trinh (đã mất)	
23	Bùi Văn Vệ	1971	x		Thôn 1, Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan	Thầy cúng chính trong các nghi lễ cộng đồng, người sử dụng nhạc cụ trong đám ma	Trống	Các bài trống đám ma, tế lễ, hội làng. Các nghi thức cúng trong cộng đồng.			x	17	Khoảng 120 đám	Không có	
24	Bùi Văn Xô		x		Thôn Đồng Trung, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	Người chơi nhạc cụ trong đám ma	Trống, phách	Các bài trống, phách dùng trong đám ma			x	15	Khoảng 70 đám	Không có	Chỉ chơi nhạc cụ trong đám ma của người dân thôn Đồng Trung.

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/ the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/ thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Môi)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng thực hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Các xã: Kỳ Phú, Cúc Phương, Thạch Bình, Phú Long	Làm lễ để người chết đoạn tuyệt với thế giới người sống, gia nhập thế giới người chết	Trong đám tang người chết	Nhà thầy Mo, nhà có đám ma, đình làng	Thầy Mo/ thầy Clượng/ thầy Cúng/ thầy Từ, thầy Đồng	<p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơm thuốc - Cúng lia thân - Mượn Mo - Trình sư - Lễ cúng nỏ - Cởi khăn ần - Cắt dây - Đạp ma/nhập quan - Phân dây cắt đoạn - Vào Mo lên cối - Cuồng bắn mặt trời - Cúng cơm một lá cá một con - Cúng thần chết - Đi về - Bức xúc bu xu (Phu gánh đồ) - Vào chạ đồng - Đạp cối (xuống cối) - Cúng mát nhà - Tế chay - Cúng thành hoàng làng - Thế bữa giỗ (lần 1) Mời ăn (nhiêng ần) - Thế bữa giỗ (lần 2) - Cúng thần nghĩa địa - Mo mở dây (mở nài), mở khăng (quan tài) 	<p>Tiết lễ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kệ ít được thực hành. (Chỉ kệ khi người chết trẻ, chết tai nạn) <p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mo kể chuyện Đẻ đất đẻ nước - Mo lên trời - Đạp khăng - Mo Vải bura (dặn dò con cháu) (ít được thực hành hoặc thường lược bớt một số nội dung) 	Tại xã Phú Long, Tiết lễ: - Mo kể chuyện Đẻ đất đẻ nước không còn được thực hành	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
							<ul style="list-style-type: none"> - Mo cơm bừa /cúng cơm (lần 1) - Mo nam vong - Mo nhìn - Mo đim (Mo cơm bừa – bữa cơm thứ 2)/ Mo nhẩn, Mo lia - Dậy nỏ - Mượn Mo - Dậy khánh khót - Kẹ - Cúng nhập mộ - Cúng thành hoàng làng - Dâng ăn - Nhìn họ - Cúng mát nhà - Mo lia - Cúng thổ địa - Tạ thần linh <p>được thực hành thường xuyên khi có tang lễ</p>	<p>Tiết lễ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẹ ít được thực hành. (Chỉ kẹ khi người chết trẻ, chết tai nạn) <p>Các tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mo kể chuyện Đẻ đất đẻ nước - Mo lên trời - Đạp khăn - Mo Vải bừa (dặn dò con cháu) <p>(ít được thực hành hoặc thường lược bớt một số nội dung)</p>	<p>Tại xã Phú Long, Tiết lễ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mo kể chuyện Đẻ đất đẻ nước không còn được thực hành 	



No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Bùi Văn Bảo	Thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được dòng nỏ tổ tiên truyền lại và sưu tầm, sắm thêm	0	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông mức bông mao, mũ nồi, xiêm, khăn ấn)	0	Cỏ 3 (02), tiền âm dương (04 đồng), thanh gỗ mun (03), mâm cây mun (01), ngải (3 loại), dao chữa bệnh (01), nanh hổ (01), sừng hoẵng (01), cây vàng (01)	
2	Đình Văn Bính	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Tự sắm và sưu tầm	01	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ nồi, khăn ấn)		Tiền đồng (01 xâu), cỏ (01), bó lông công (01), gương ông nỏ (01), lông chim nho vại (01 ống)	
3	Đình Văn Cận	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Tự sắm	0	0	0	01 bộ (Áo, quần, mũ nồi, khăn ấn)	0	Cỏ (01), đồng xu âm dương (01), quạt giấy (02), mũ nồi	Dùng chung đồ tế khí với thầy Đình Văn Nều
4	Bùi Văn Dương	Bản Mét, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Do dòng nỏ tổ tiên truyền lại và tự sắm, sưu tầm thêm.	02	02	01	01 bộ (Áo, quần, mũ bông mức bông mao, mũ nồi, xiêm, khăn ấn)	0	Cỏ 3 (01), dao (04), tầm sét (02), đá thạch anh, sừng hoẵng (03), nanh hổ (01), răng voi (01), nanh lợn nòi, (01), ngải (01 túi có 09 loại), quạt các loại (01), khánh (01)	
5	Đình Văn Diện	Thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được truyền từ dòng nỏ nhà ông mo Bùi Văn Quyết (cha ông mo Bùi Văn Bảo)	01	0	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông mức bông mao, mũ nồi, xiêm, khăn ấn)	0	Túi ngải (01), dao các loại, lược tầm sét (02)	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Đình Văn Điền	Thôn 1, xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được dòng nỏ tổ tiên truyền lại	0	0	0	01 bộ (Áo, quần, mũ nôi)	0	Tiền âm dương (02), cảo 3 (01), quạt giấy (01)	Đồ đi làm Mo vẫn để tại nhà anh trai - ông Đình Văn Chiếm ở xã Cúc Phương (đã mất, nay con trai ông Chiếm đang giữ), khi nào đi Mo thì lên đó xin nỏ và mượn đồ về làm Mo
7	Đình Văn Hiến	Thôn Đồng Tâm, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được truyền lại từ dòng nỏ và tự sắm, sưu tầm thêm	01	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông mủn, mũ nôi, xiêm, khăn ấn)	0	Cảo 3 (01), lưới tầm sét (02), sừng hoẵng (03), nanh lợn nòi (03), nam châm (01), dao nhỏ (02), đá thạch anh (03), nanh hổ (01), tiền xu (37), túi ngải (03)	
8	Đình Văn Nểu	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Do đời trước truyền lại và tự sưu tầm, mua sắm thêm	01	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông beo, mũ nôi, xiêm, khăn ấn)	0	Lông chim công (01 nắm), cảo 2 (01), quạt giấy (01), quạt đuôi công (01), túi đựng trầu cho nỏ (01), túi ngải (01), xương bò tốt (01), sừng bò tốt (01), răng nanh hổ (02), vàng thỏi/ viên đá nhỏ (01), lưới tầm sét/ riu đá (02)	
9	Đình Nhảy	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Tự sắm và sưu tầm	01	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ nôi, khăn ấn)		Cảo 2 (01), tiền xu (01 xâu 27 đồng)	
10	Đình Văn Siêm	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Do đời trước truyền lại và tự sưu tầm, mua sắm thêm	01	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông beo, mũ nôi, xiêm, khăn ấn)	0	Lông chim công (một nắm), cảo (02), quạt (02), xâu tiền xu (01), túi ngải	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	Đình Văn Tân	Thôn Bái Cả, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được truyền lại từ dòng nỏ và tự sắm, sưu tầm thêm	02	03	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông mủ bông mao, mũ nôi, xiêm, khăn ấn)	0	Xương gà (01 bó 12 đôi dùng để bói), đồng hồ (01), cào 3 (02 bộ), nanh lợn nòi (02), lưới tầm sét (02), nam châm (01), túi ngải (01), hùng hoàng (01 lọ, trị rắn khi đi đêm); chân voi (01)	
12	Đình Văn Thông	Bản Sau, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Tự sắm và sưu tầm				01 bộ (Áo, quần, mũ nôi, khăn ấn)		Cào (03), quạt (02), tiền xu (01 râu 30 đồng), túi ngải (01), dao cắt ngải (01)	
13	Bùi Văn Vệ	Thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được dòng nỏ tổ tiên truyền lại và tự sắm thêm	0	0	0	01 bộ (Áo, quần, mũ nôi)	0	Đồng âm dương	Dùng chung đồ đi Mo với anh trai là thầy Mo Bùi Văn Bảo
14	Bùi Văn Xích	Bản Sặng, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Được truyền lại từ đời trước và tự sắm, sưu tầm thêm	02	01	0	01 bộ (Áo, quần, mũ bông beo, mũ nôi xiêm, khăn ấn)		Cào 3 (01), sừng tê giác (01), dao cắt ngải chuỗi nanh hùm (01), đá hòn (01), riêu đá (01), tiền xu (04), dao đuôi hoẵng (01), nanh sói (01), ngải giữ mình (02 loại), quạt giấy (01)	

No.	Titles of the materials and documents	Name of authors	Types of the materials and documents	Number of pages/ Capacity of the materials and documents	Year of Publication (if any)	Publisher/Place of Publication (if any)	Archive location; Archivists; Address; Phone number	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

STT	Tên tư liệu	Tên tác giả	Dạng tư liệu	Số trang/ Dung lượng tư liệu	Năm xuất bản/ấn hành (nếu có)	Nhà xuất bản/Nơi ấn hành (nếu có)	Nơi lưu trữ, người lưu trữ, địa chỉ, số điện thoại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tang ma của người Mường Kỳ Lão ở xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Dương Thị Dung	Luận văn	134	215	ĐH Văn hóa Hà Nội	ĐH Văn hóa Hà Nội	
2	Bước đầu tìm hiểu về dân ca Mường ở Nho Quan, Ninh Bình	Phạm Xuân Cẩn	Khóa luận	85	2010		ĐH Văn hóa Hà Nội	
3	Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình do Trương Đình Tường	Trương Đình Tường	Sách	690	2004	Nxb Thế giới	Thư viện Ninh Bình	
4	Một số giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc Mường ở huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Duy Bình, Đình Văn Viễn	Bài Hội thảo	8 trang	2022	Ninh Bình	Thư viện Ninh Bình	
5	- Sách cúng - Sách Mo	Bùi Văn Bảo	Viết tay	30	0	0	Thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	
6	- Sách Mo Mường - Sách cúng, - Sách xem ngày	Đình Văn Tân	Viết tay	50	0	0	Thôn Bái Cả, xã Cúc Phương, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	
7	- Sách cúng - Sách Mo	Đình Văn Siêm	Chép tay	40			Tại nhà Thầy Mo ở Bản Sau, xã Kỳ Phú, Nho Quan	
8	- Sách Mo	Đình Xuân Nhảy	Chép tay	40			Tại nhà Thầy Mo ở Bản Sau, xã Kỳ Phú, Nho Quan	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9	- Sách Mo - Sách Cúng	Đình Văn Nền	Chép tay	30			Tại nhà Thầy Mo ở Bản Sau, xã Kỳ Phú, Nho Quan	
10	- Sách Mo (gồm các bài Mo Mừng Kỳ Lão) - Sách cúng về 12 vị thần chết	Đình Văn Bích	Chép tay	40			Tại nhà Thầy Mo ở Bản Sau, xã Kỳ Phú, Nho Quan	
11	- Sách cúng - Sách Mo	Đình Văn Cản	Chép tay	40			Tại nhà Thầy Mo ở Bản Sau, xã Kỳ Phú, Nho Quan	

TỈNH PHÚ THỌ
PHÚ THỌ PROVINCE

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the <i>roóng/ràng</i> (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the <i>Khót</i> bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mơ		Số năm làm nghề Mơ	Số lượng Lễ Mơ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các Rooney/ răng/ phần Mơ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mơ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			Mơ lên trời	Mơ nhìn họ	Mơ kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Đình Thường	19/9/1958	Khu 2 xã Ngọc Đồng, huyện Yên Lập		03	36	108	x	x	x	Quạt, tiền âm dương, cáo, đĩa để cáo, hòn đá mài		

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân Mơ còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần Mơ trong một lễ tang truyền thống xưa.

DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Roóng/ràng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN TÂN SƠN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mơ không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề Mơ	Số lượng Lễ Mơ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các roóng/ràng/ phần Mơ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mơ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hà Văn Kiên	05/5/1934	Xóm Sậu, xã Kiệt Sơn	04			x	74 năm	Hơn 100 lễ	1. Khâm liệm 2. Cúng cơm 3. Chia cửa 4. Đưa hồn về trời 5. Đưa ma ra đồng xong về làm lễ mát nhà 6. Làm vía cho người già 7. Cúng mụ trẻ con (buộc chỉ)	01 con dao, 02 đồng cỏ để xin âm dương, 01 quả chuông nhỏ, 01 cái quạt		
2	Hà Văn Rạch	04/4/1937	Khu Chiềng 1, xã Thu Cúc	05			x	67 năm	Không làm mo tang ma		Quạt, cỏ, mảnh đồng	01 người cháu	
3	Hà Đình Quang	08/10/1937	Xóm Liện, xã Kiệt Sơn	04			x	40 năm	40-50 lễ	1. Khâm liệm 2. Cúng cơm 3. Chia cửa 4. Đưa hồn về trời 5. Đưa ma ra đồng xong về làm lễ mát nhà 6. Làm vía cho người già 7. Cúng mụ trẻ con (buộc chỉ)	01 con dao, 02 đồng cỏ để xin âm dương, 01 quả chuông nhỏ, 01 cái quạt		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4	Hoàng Trung Dừa	02/10/1949	Khu Quế, xã Thu Cúc	05			x	05 năm	50 lễ	1. Cúng khâm liệm 2. Gọi vía 3. Cúng cơm, chia của (nhập hồn vào quan) 4. Cắt tóc 5. Chia của 6. Nhập thổ 7. Cúng và Mo kể chuyện 8. Nội dung khác nhau thì lần điệu khác nhau (Mo vào áo 9. Mo cúng cơm 10. Mo chia của	Quạt, cào	Không	SĐT: 0339547471
5	Hà Đức Nhanh	03/5/1950	Xóm Dạ, xã Kiệt Sơn	03			x	20 năm	40-50 lễ	1. Khâm liệm 2. Cúng cơm 3. Chia của 4. Đưa hồn về trời 5. Đưa ma ra đồng xong về làm lễ mát nhà 6. Làm vía cho người già 7. Cúng mụ trẻ con (bước chỉ)	01 con dao, 02 đồng cào để xin âm dương, 01 quả chuông nhỏ, 01 cái quạt		
6	Hoàng Tuấn Minh	05/5/1954	Khu Ú, xã Thu Cúc	05			x	02 năm	60 lễ	1. Cúng khâm liệm 2. Gọi vía 3. Cúng cơm 4. Chia của	Cáo làm từ thân cây nửa 2 ngọn		
7	Hà Văn Tùng	17/5/1954	Xóm Liện, xã Kiệt Sơn	03			x	15 năm	40-50 lễ	1. Khâm liệm 2. Cúng cơm 3. Chia của 4. Đưa hồn về trời 5. Đưa ma ra đồng xong về làm lễ mát nhà 6. Làm vía cho người già 7. Cúng mụ trẻ con (bước chỉ)	01 con dao, 02 đồng cào để xin âm dương, 01 quả chuông nhỏ, 01 cái quạt		
8	Hà Minh Tông	02/6/1955	Khu Quế, xã Thu Cúc	5			x	06 năm	80 lễ	1. Cúng khâm liệm 2. Gọi vía 3. Cúng cơm, chia của (nhập hồn vào quan) 4. Cắt tóc 5. Nhập thổ 6. Mo kể chuyện	Cáo, quạt, dao nhỏ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
9	Hà Văn Chung	10/8/1963	Xóm Dạ, xã Kiệt Sơn	04			x	25 năm	Hơn 200 lễ	1. Khâm liệm 2. Cúng cơm 3. Chia cửa 4. Đưa hồn về trời 5. Đưa ma ra đồng xong về làm lễ mát nhà 6. Làm vía cho người già 7. Cúng mụ trẻ con (bước chỉ)	01 con dao, 02 đồng cỏ để xin âm dương, 01 quả chuông nhỏ, 01 cái quạt		
10	Hà Văn Quang	19/2/1964	Xóm Chiềng, xã Kiệt Sơn	02			x	05 năm	30	1. Khâm liệm 2. Cúng cơm 3. Chia cửa 4. Đưa hồn về trời 5. Đưa ma ra đồng xong về làm lễ mát nhà 6. Làm vía cho người già 7. Cúng mụ trẻ con (bước chỉ)	01 con dao (để cắt chỉ), 02 đồng cỏ để xin âm dương, 01 quả chuông nhỏ, 01 cái quạt		

2. HUYỆN YÊN LẬP

1	Đình Văn Ân	05/7/1947	Xóm Cà, xã Trung Sơn	05			x	42 năm	30 -40 lễ	1. Lễ đón vong 2. Lễ thờ cúng 3. Mát nhà			
2	Hà Minh Cẩn	27/2/1951	Xóm Dích, xã Trung Sơn	05			x	42 năm	20	1. Lễ đón vong 2. Lễ thờ cúng 3. Mát nhà	Tiền âm dương (tiền chinh), đĩa để tiền âm dương, quạt bằng vải	02 người (01 người em, 01 người cháu)	
3	Đình Công Khanh	21/7/1953	Xóm Thói, xã Trung Sơn	03			x	Trên 30 năm	25	1. Lễ đón vong 2. Lễ thờ cúng 3. Mát nhà	01 đôi tiền âm dương		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4	Nguyễn Đình Thường	19/9/1958	Khu 2 xã Ngọc Đồng	03			x	36	108 lễ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhập quan 2. Gọi hồn 3. Cúng cơm 4. Lễ động thân đưa hồn đi thăm nơi ăn chốn ở 5. Lên trời 6. Gọi hồn về làm lễ tang ma 7. Chia cửa 8. Nhập mộ 9. Mát nhà 10. Làm vía cho người già 11. Cúng mụ trẻ con (buộc chỉ) 12. Khi chôn cất xong 3 ngày thì làm vía xui 	Quạt, tiền âm dương, cáo, đĩa để cáo, hòn đá mài		
5	Trần Minh Chính	1960	Xóm Dù, xã Trung Sơn				x	25	20	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lễ đón vong 2. Lễ thờ cúng 3. Mát nhà 	Quạt bằng vải, tiền âm dương		
6	Đình Đỗ Mười	01/2/1969	Xóm Ngọt, xã Trung Sơn	04 đời			x	15 năm	300 lễ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cắt tóc 2. Để tang 3. Chia cửa cho người mất 4. Lễ khao làng 5. Lễ cúng thổ địa - cúng ngoài mộ 6. Mo mát nhà (xả xui) 7. Lễ vía rui (với trường hợp vợ hoặc chồng mất) 	Đồng tiền chính âm dương, sách chép tay, quạt bằng vải		
7	Hà Văn Nền	13/11/1972	Xóm Nĩa, xã Trung Sơn	04			x	16 năm	13 lễ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cắt tóc 2. Để tang 3. Chia cửa cho người mất 4. Lễ khao làng 5. Lễ cúng thổ địa - ngoài mộ 6. Mo mát nhà (xả xui) 7. Lễ vía rui (với trường hợp vợ hoặc chồng mất) 	Tiền âm dương (tiền chính từ ngày xưa để lại)		



DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Gender		Address/ Phone number	The role during the ritual practice				Does the family have a tradition of working with the profession		Number of years working with the profession	Number of the rituals practiced in funerals (estimated)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
			Male	Female		The Chượng sorcerer	Performers of the musical instruments		Dancers (if any)	How many generations	No				
							Type of the musical instruments	Number/Title of the practiced repertoires							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															

1. HUYỆN TÂN SƠN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Giới tính		Địa chỉ/Số điện thoại	Vai trò khi thực hành lễ			Gia đình có truyền thống làm nghề không		Số năm làm nghề	Số lượng Nghi lễ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Thầy Trưởng/ Chỉ chức/ Bà Mẹ Mụ/ Nghề làm nhà xe/ Nghề giúp làm Áo phủ quan tài	Người chơi nhạc cụ	Người múa chèo trách (nếu có)	mấy đời	không					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Phùng Văn Chớm	14/2/1961	x		Khu Kết, xã Lai Đồng		Kèn đại			06		12 năm	20 lễ/năm	Không	Thầy cúng, thổi kèn
2	Phùng Huy Cường	28/9/1955	x		Khu Vừng 1, xã Lai Đồng					04		20 năm	1-2 lễ/năm	Không	Thầy cúng
3	Đình Kim Liên	1933	x		Khu Đoàn, xã Lai Đồng					03		40 năm	1-2 lễ/năm	Không	Thầy cúng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Hà Đức Sơn	07/01/1933	x		Khu Đồng, xã Lai Đồng					04		50 năm	100 lễ	Không	Thầy cúng
5	Hà Văn Viên	18/5/1962	x		Khu Vừng 1, xã Lai Đồng					03		37 năm	10 lễ/năm	Không	Thầy cúng

2. HUYỆN THANH SƠN

1	Đình Như Huynh	04/3/1952	x		Khu Xem, xã Tát Thắng					03		10 năm	60 lễ	01 người: Bùi Văn Lộc, 61 tuổi, là em rể của ông Huynh	Thầy cúng
2	Đình Xuân Mong	4/10/1956	x		Khu 8, xã Tát Thắng							05	40 lễ	Không	Thầy cúng
3	Đình Văn Thành	20/8/1955	x		Khu 11, xã Tát Thắng							08	50 lễ	Không	Thầy cúng

3. HUYỆN YÊN LẬP

1	Nguyễn Trọng	30/12/1948	x		Khu 1 xã Ngọc Đồng		Đàn nhị	01 bản cho lễ tang ma		03		42 năm	40 - 50 lễ/năm		Trong lễ tang ma, gọi ông là Thầy giữ đầu ma.
---	--------------	------------	---	--	--------------------	--	---------	-----------------------	--	----	--	--------	----------------	--	---



DISTRICT...

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN TÂN SƠN

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Clượng/thầy Môi)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng thực hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Các xã: Thu Cúc, Kiệt Sơn	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên an lành, mát mẻ	Khi gia đình có chết, mời thầy Mo đến làm Mo tang ma. Thời gian làm Mo tang ma trong 2 ngày, trong thời gian lễ tang của gia chủ	Tại nhà có người chết và ngoài trời khi đưa tang ra đồng chôn cất	Thầy Mo		Hiện vẫn được thực hành nhưng không còn đầy đủ. Ngày xưa, nghi lễ Mo tang ma kéo dài 3 ngày đến 7 ngày ... và các bài Mo thực hiện thâu đêm. Ngày nay thực hiện theo quy định mới, việc tang kéo dài trong 2 ngày và không làm lễ thâu đêm.		
2	Mo cúng mụ	Xã Thu Cúc	Cầu cho trẻ ngoan, khỏe mạnh	Cúng chiều tối, thời gian Mo kéo dài khoảng 30 phút đến 1 tiếng	Tại nhà của gia chủ	Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			
3	Mo giải hạn (Dâng sao tổng hạn)	Xã Thu Cúc	Cầu giải hạn	Cúng trong nhà gia chủ.		Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			
4	Mo cầu thọ	Xã Trung Sơn, huyện Yên Lập; xã Thu Cúc	Cầu thọ cho người cao tuổi	Trong nhà, tại nhà gia chủ. Thời gian Mo kéo dài khoảng 1 đến 1 tiếng rưỡi	Tại nhà của gia chủ	Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			
5	Mo cưới	Xã Thu Cúc		Làm ở nhà trai, nhà gái trước thời điểm đón dâu, làm dâu)	Trong nhà	Thầy Mo				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Mo làm nhà mới	Xã Thu Cúc		Về nhà mới	Trong nhà	Thầy Mo				
7	Mo Động thổ	Xã Thu Cúc		Khi đào móng làm nhà mới	Ngoài trời	Thầy Mo				
8	Mo cúng mộ	Xã Thu Cúc		Khi động mồ mả, gia đình con cái gặp xui xẻo	Ngoài trời	Thầy Mo				

2. HUYỆN YÊN LẬP

1	Mo vía	Các xã Trung Sơn, Ngọc Đồng	Cầu cho người cao tuổi (từ 70 tuổi trở lên) được khỏe mạnh	Do gia đình yêu cầu, làm buổi sáng hoặc chiều. Thời gian Mo kéo dài khoảng 03 tiếng đồng hồ	Tại nhà của gia chủ	Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			Mo vía: có 06 bài Mo vía, không kể, dâng sao tổng hạn
2	Mo cúng mụ	Xã Trung Sơn	Cầu cho trẻ ngoan, khỏe mạnh	Cúng chiều tối. Thời gian Mo kéo dài khoảng 30 phút đến 1 tiếng	Tại nhà của gia chủ	Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			
3	Mo giải hạn (Dâng sao tổng hạn)	Xã Trung Sơn	Cầu giải hạn	Ngoài trời, tại nhà gia chủ		Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			
4	Mo cầu thọ	Xã Trung Sơn	Cầu thọ cho người cao tuổi	Trong nhà, tại nhà gia chủ. Thời gian Mo kéo dài khoảng 1 đến 1 tiếng rưỡi	Tại nhà của gia chủ	Thầy Mo	Thực hành thường xuyên			



DISTRICT...

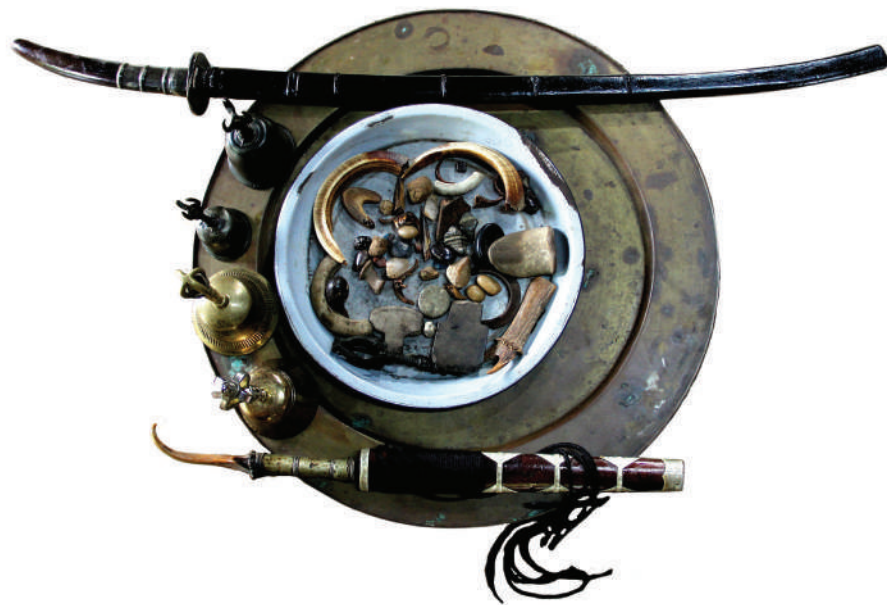
No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN TÂN SƠN

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hoàng Tuấn Minh	Khu Ú, xã Thu Cúc							01 con dao	
2	Hà Minh Tông	Khu Quê, xã Thu Cúc			01 chiếc chuông	01 chiếc chiêng			01 con dao, 01 chiếc cồng	
3	Hà Văn Rạch	Khu Chiêng 1, xã Thu Cúc				01 chiếc chiêng			01 mảnh đồng (gọi là rìu trời)	
4	Hà Văn Kiên	Xóm Sậu, xã Kiệt Sơn			01 quả chuông nhỏ		Bộ quần áo người Mường màu nâu		01 con dao, 02 đồng cảo để xin âm dương, 01 cái quạt	
5	Hà Văn Quang	Xóm Chiêng, xã Kiệt Sơn			01 quả chuông nhỏ		Bộ quần áo người Mường màu nâu		01 con dao, 02 đồng cảo để xin âm dương, 01 cái quạt	
6	Hà Đình Quang	Xóm Liện, xã Kiệt Sơn			01 quả chuông nhỏ		Bộ quần áo người Mường màu nâu		01 con dao, 02 đồng cảo để xin âm dương, 01 cái quạt	
7	Hà Đức Nhanh	Xóm Dạ, xã Kiệt Sơn			01 quả chuông nhỏ		Bộ quần áo người Mường màu nâu		01 con dao, 02 đồng cảo để xin âm dương, 01 cái quạt	
8	Hà Văn Tùng	Xóm Liện, xã Kiệt Sơn			01 quả chuông nhỏ		Bộ quần áo người Mường màu nâu		01 con dao, 02 đồng cảo để xin âm dương, 01 cái quạt	
9	Hà Văn Chung	Xóm Dạ, xã Kiệt Sơn			01 quả chuông nhỏ		Bộ quần áo người Mường màu nâu		01 con dao, 02 đồng cảo để xin âm dương, 01 cái quạt	

2. HUYỆN YÊN LẬP

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nguyễn Đình Thường	Khu 2 xã Ngọc Đồng	Ông nội ông Thường để lại						01 hòn đá mài dao	
			Bố ông Thường để lại	01 đao kiếm bằng gỗ	02 chuông đồng (1 chiếc nhỏ, 1 chiếc nhỏ)			03 sách chữ Hán Nôm, 01 bát đựng nước, 01 đĩa gieo quẻ		
			Cửa ông Thường				Bộ quần áo người Mường màu gụ	01 quạt bằng vải màu tím, 01 đôi cảo bằng tre		
2	Hà Văn Nền	Xóm Nai, xã Trung Sơn	Cửa bố để để lại					01 đôi đồng tiền âm dương (đồng tiền chính Khải Định thông bảo)		
3	Đình Đỗ Mười	Xóm Ngọt, xã Trung Sơn	Cửa bố để để lại					01 đôi đồng tiền xu (đồng tiền chính Khải Định thông bảo)		
4	Đình Văn Ân	Xóm Cả, xã Trung Sơn			01 chiếc chuông đồng nhỏ			01 đôi đồng tiền âm dương		
5	Hà Minh Cẩn	Khu Dích, xã Trung Sơn						01 đôi tiền âm dương, 01 đĩa đựng tiền âm dương, 01 đôi cảo bằng nứa		



No.	Titles of the materials and documents	Name of authors	Types of the materials and documents	Number of pages/ Capacity of the materials and documents	Year of Publication (if any)	Publisher/Place of Publication (if any)	Archive location; Archivists; Address; Phone number	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

STT	Tên tư liệu	Tên tác giả	Dạng tư liệu	Số trang/ Dung lượng tư liệu	Năm xuất bản/ấn hành (nếu có)	Nhà xuất bản/Nơi ấn hành (nếu có)	Nơi lưu trữ, người lưu trữ, địa chỉ, số điện thoại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Sổ chép tay các nghi lễ Mơ Mường			17 trang			Đình Đổ Mườì, Xóm Ngọt, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	Ghi chép lại, dạng phiên âm tiếng Mường

TỈNH SƠN LA
SON LA PROVINCE

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the roóng/ràng (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mơ		Số năm làm nghề Mơ	Số lượng Lễ Mơ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các roóng/ rảng/ phẩn Mơ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mơ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			Mơ lên trời	Mơ nhìn họ	Mơ kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đình Văn Sơ	1953	Bản Cao Đa, xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên,		02	20	Trên 100	x	x	x	Tổ ve rừng (1), riu đá (1), đồng tiền xu (35), đá (6)		
2	Đình Xuân Ngoan	1953	Bản Cù 2, xã Huy Tân, huyện Phù Yên		03	13	Hàng nghìn đám	x	x	x	Đá thạch anh (1), ống thổi (1), sừng hươu (1), vòng mã não (2), quạt (6), đĩa cân (1), riu đồng (2), rùa đá (1), chuông nhỏ (2), nhẫn mã não (1), nanh lợn rừng (3), đá (4), lục lạc (1)		

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân Mơ còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phẩn Mơ trong một lễ tang truyền thống xưa.

DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Rống/ràng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN BẮC YÊN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mộ không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề Mộ	Số lượng Lễ Mộ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các roóng/ràng/phần Mộ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mộ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đình Văn Sơ	1953	Bản Cao Đa, xã Phiêng Ban	02				20	Trên 100	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mộ kể chuyện cho người chết biết lý do tại sao lại chết 2. Mộ mời cơm 3. Mộ bày chay (mời ăn đồ chay, bánh kẹo) 4. Mộ mời người chết lên trời 5. Mộ đưa người chết đi gặp bà mụ 6. Mộ nhìn anh em họ hàng 7. Mộ đưa người chết về nhà 8. Mộ giao đồ cho người chết 9. Mộ giao người chết cho thổ địa nơi chôn cất 10. Mộ chỉ đường cho người chết 11. Mộ mời người chết về nhà 	Tổ ve rừng (1), riu đá (1), đồng tiền xu (35), đá (6)		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Mùi Văn Thử	1975	Bản Pe, xã Song Pa	03				22	80		Vuốt gà mái (2), nanh lợn rừng (2), nanh hổ (1), lông lợn rừng (2 túm), vỏ sò (4), sừng nai (2), riêu sét (1), sừng bò tốt (1), dao nhọn (1), đồng xu (3), móng gà mái, vuốt (2), đá (13), riêu đá (1), đá thạch anh (3)		Vì bố vẫn đang làm Mo nên bản thân chưa được trực tiếp làm Mo tang ma mà chỉ làm Mo phụ trong tang ma. Túi khốt được ông nội truyền lại do đời bố không làm được Mo ma

2. HUYỆN MỘC CHÂU

1	Mùi Văn Lương	1942	Bản Lòng Hồ, xã Tà Lại			01		15					
2	Mùi Văn Thanh	1944	Bản Lòng Hồ, xã Tà Lại	04				47	300	1. Mo mời người chết vào quan tài 2. Mo mời người chết ăn cơm 3. Mo giải hạn cho người chết 4. Mo kể chuyện về các đồ vật của ông Mo (quần, áo, mũ, kiếm, chuông...) 5. Mo kể chuyện buôn bán các đồ dùng để giao cho người chết 6. Mo kể chuyện về việc làm quan tài và giao cho người chết			Ông Mo không cho xem túi khốt

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										7. Mo gọi hồn người sống ra khỏi quan tài và gọi hồn người chết vào quan tài 8. Mo kể lý do tại sao người chết bị chết 9. Mo kể chuyện cái đèn 10. Mo xin thần linh bảo vệ thầy Mo 11. Mo mời người chết ăn cơm 12. Mo đưa người chết đi nhìn họ hàng 13. Mo đưa người chết ra chỗ chôn 14. Mo gọi hồn người sống về 15. Mo chỉ đường, chỉ lối cho người chết 16. Mo nguyện 17. Mo giao đất cho người chết 18. Mo đóng mộ, giao người chết cho thổ địa nơi chôn 19. Mo bàn giao đồ cho người chết			
3	Mùi Đức Văn	1947	Bản Suối Giăng, xã Quy Hương			01							
4	Đình Văn Quyết	1950	Bản Suối Giăng, xã Quy Hương			03							
5	Lường Văn Nhiên	1953	Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	03				25	179	1. Mời thầy 2. Đánh thức người chết dậy 3. Giao quan tài cho người chết 4. Gọi hồn vía về 5. Giao đồ đạc cho người chết 6. Dầm chân đánh thức hồn người chết dậy 7. Cúng tạ ơn đèn 8. Cúng tạ ơn thầy (người đã truyền nghề cho thầy Mo) 9. Đánh thức hồn người chết dậy, kể chuyện cho người chết	Sừng hoẵng (4), đá trời (1), tổ ve (1), đá cóc cách (7), hạt cườm (1), trống cái (2), mỏ chim rái cá (2), vuốt chim rái cá (1), nanh lợn rừng (1)		Ông là người Thái, tuy nhiên gia đình ông sinh sống cùng người Mường nên có truyền thống làm Mo Mường

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										10. Kể chuyện lý do tại sao bị chết. 11. Dẫn người chết lên trời. 12. Kể chuyện con gà 13. Mời người chết ăn cơm 14. Mời người chết mang đồ lên trời 15. Báo với người chuẩn bị lên trời 16. Báo người chết chào anh em, họ hàng, bà con dân bản, các vật nuôi, đồ vật để chuẩn bị lên trời 17. Dẫn người chết lên trời (mượn thuyền, đi thuyền, xuống sông ...) 18. Mời người chết ăn cơm và nhìn họ hàng 19. Mời người chết ăn bánh 20. Giao đồ cho người chết ngoài chỗ chôn.			
6	Đình Văn Ẹn	1961	Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp	01				20	20				
7	Mùi Văn Liệu	1966	Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp	04				05	30	1. Mời thầy 2. Đánh thức người chết dậy 3. Giao quan tài cho người chết 4. Gọi hồn vía về 5. Giao đồ đặc cho người chết 6. Dẫm chân đánh thức hồn người chết dậy 7. Cúng tạ ơn đền 8. Cúng tạ ơn thầy (người đã truyền nghề cho thầy Mo) 9. Đánh thức hồn người chết dậy, kể chuyện cho người chết. 10. Kể chuyện lý do tại sao bị chết	Sùng bò đồng (1), chuông đồng (2), mỏ điều hâu (3), chuông (1), đá cóc cách (4), sùng hoẵng (2), nanh lợn rừng, viên bi (2)		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										11. Dẫn người chết lên trời. 12. Kể chuyện con gà 13. Mời người chết ăn cơm 14. Mời người chết mang đồ lên trời 15. Báo với người chuẩn bị lên trời 16. Báo người chết chào anh em, họ hàng, bà con dân bản, các vật nuôi, đồ vật để chuẩn bị lên trời 17. Dẫn người chết lên trời (mượn thuyền, đi thuyền, xuống sông ...) 18. Mời người chết ăn cơm và nhìn họ hàng 19. Mời người chết ăn bánh 20. Giao đồ cho người chết ngoài chỗ chôn			
8	Mùi Văn Hiến	1966	Bản Kè Tèo, xã Nà Mường,	03				01	01	1. Mo mời thầy 2. Đánh thức người chết dậy 3. Gọi người chết vào quan tài 4. Giao đồ đặc cho người chết 5. Gọi hồn người sống ra khỏi quan tài và mời người chết vào quan tài. 6. Kể chuyện sinh ra của các đồ vật 7. Đưa người chết ra chôn			Ông Mo không cho xem túi Khốt, túi Khốt do ông Đinh Văn Mỏ truyền lại không phải do dòng họ truyền cho
9	Đình Văn En	1967	Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	04			0	20	80	1. Mời thầy 2. Đánh thức người chết dậy 3. Giao quan tài cho người chết 4. Gọi hồn vía về 5. Giao đồ đặc cho người chết 6. Dẫm chân đánh thức hồn người chết dậy 7. Cúng tạ ơn đên 8. Cúng tạ ơn thầy (người đã truyền nghề cho thầy Mo) 9. Đánh thức hồn người chết dậy, kể chuyện cho người chết	Nanh heo (2), Túi khốt (trong đó có: tổ ve rừng (1), lẹm (1), rìu đồng (1), đá trắng (1), đá cóc cách (4), đồng lục lạc (1), đồng âm dương (2), mỏ chim bông (2), tuồng phụ (đá cuội 1)	03	Gia đình có truyền thống làm Mo. Tuy nhiên được truyền Mo từ bên ngoài. Túi khốt được ông ngoại là Đình Văn Sơ truyền cho

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										10. Kể chuyện lý do tại sao bị chết 11. Dẫn người chết lên trời 12. Kể chuyện con gà 13. Mời người chết ăn cơm 14. Mời người chết mang đồ lên trời 15. Báo với người chuẩn bị lên trời 16. Báo người chết chào anh em, họ hàng, bà con dân bản, các vật nuôi, đồ vật để chuẩn bị lên trời 17. Dẫn người chết lên trời (mượn thuyền, đi thuyền, xuống sông ...) 18. Mời người chết ăn cơm và nhìn họ hàng 19. Mời người chết ăn bánh 20. Giao đồ cho người chết ngoài chỗ chôn			

3. HUYỆN PHÙ YÊN

1	Cầm Văn Sứn	1934	Bản Đung, xã Mường Lang			04						01	
2	Phùng Văn Chung	1936	Bản Chùng, xã Mường Bang	01				24	95	1. Mời người chết ăn cơm 2. Báo cáo cho người chết biết nội dung lễ tang 3. Giao đồ cho người chết 4. Mo gọi hồn người sống 5. Mo dặn dò con cháu 6. Mo đưa người chết ra chỗ chôn 7. Mo giao người chết cho thổ địa chỗ chôn 8. Mo mát nhà			Không còn túi khốt, do bị mất

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Hà Văn Ẩng	1939	Bản Do, xã Mường Do	02				22	20	1. Mo mời cơm 2. Mo kể lý do tại sao chết 3. Mo trả ơn 4. Mo kể công 5. Mo dặn dò 6. Giao của cho người chết 7. Mo đưa người chết đến chỗ chôn 8. Mo mát nhà			Đời bố đẻ không làm Mo, thầy Mo không có túi khốt
4	Hà Văn Nguyễn	1958	Bản Mỏ, xã Mường Lang	03				08	40	1. Mo kể lý do tại sao lại bị chết 2. Mo mời cơm 3. Mo cho người chết vào quan tài 4. Mo cắt tóc 5. Mo tần tạch (phân bừa mời cơm cho các con) 6. Mo giao đồ cho người chết 7. Mo mát nhà	Cảo (mảnh âm dương 2), quả chỉ (1), ốc gai (1), quạt (1), đồng tiền kẽm (3), hạt pi (1)		
5	Trần Văn Phần	1958	Bản Kẽm, xã Mường Lang			02						02	Gia đình có truyền thống làm Mo ma, tuy nhiên bố đẻ và bản thân lại không làm
6	Đình Xuân Ngoan	1964	Bản Cù 2, xã Huy Tân	03				13	Hàng nghìn đám	1. Mo mời người chết vào quan tài 2. Mo giao đồ cho người chết 3. Mo cắt dây (cắt nghiệp) 4. Mo mời người chết ăn cơm và bánh kẹo 5. Mo kể chuyện đê đất, đê nước 6. Mo nhìn họ hàng 7. Mo mời cơm tiễn người chết ra chỗ chôn 8. Mo giao đất cho người chết 9. Mo mát nhà, mát họ 10. Mo kiện lên trời	Đá thạch anh (1), ống thổi (1), sừng hươu (1), vòng mã não (2), quạt (6), đĩa cân (1), ngà lợn rừng (1), riu đồng (2), rùa đá (1), chuông nhỏ (2), nhãn mã não (1), nanh lợn rừng (3), đá (4), lục lạc (1)		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
										11. Mo đốt sô, đốt trạng 12. Mo buồn bông, bán hoa 13. Mo lên cửa trời, mượn quần áo 14. Mo trả đồ 15. Mo xin ra cửa trời để về dân gian 16. Mo đưa người chết ra chỗ chôn 17. Mo giao đồ đặc cho người chết 18. Mo vía cho gia đình người chết			
7	Hà Văn Ngữ	1968	Bản Bang, xã Mường Bang	03				21	36	1. Mo mời thầy 2. Mo mời cơm bữa đầu cho người chết 3. Mo nhìn họ hàng 4. Mo giao của cải cho người chết 5. Mo đưa người chết ra chỗ chôn 6. Mo giao người chết cho thần linh chỗ chôn 7. Mo gọi hồn người sống từ bãi tha ma về 8. Mo đóng cửa mã 9. Mo nhập gia tiên	Sừng hoẵng (1), chân điều hầu (1), vỏ ốc (1), nanh lợn rừng (1), chân gà rừng (2), chuông nhỏ (1), đồng đỏ (4), đồng âm dương (4), bạc trắng (7)		Chỉ cho xem một nửa túi khốt
8	Sa Văn Khánh	1984	Bản Nà Liu, xã Huy Hạ	05							Túi 1: Sừng hoẵng (2), nanh lợn rừng (2), khuyên tai thời đồ đá (1), cối đánh lửa (2), nhũ na (1), sò hóa thạch (1), móng gà rừng (1), nanh hổ (2), xá lý trần (1). Túi 2: Nanh lợn rừng (2), nanh hổ lớn (1), riêu đồng (2), xá lý của cây chuối (1), sừng hoẵng (2), đá (3), xá lý trần (1), khuyên tai thời đồ đá (1), nanh hổ nhỏ (1)		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
											Túi 3: Tách tít (1), gỗ hóa thạch (1), thủy tinh núi lửa (1), trứng gà trống (5), trứng đá (1), đá thạch anh (5), riêu đồng (1), gút trừ tà (1). Túi 4: Gửi nhà chú họ Đình Văn Thiệp		Gia đình có truyền thống làm Mo tang ma. Tuy nhiên do chưa đủ tuổi để có thể trực tiếp làm Mo ma nên phải gửi túi khốt tại nhà chú. Khi nào đủ tuổi (40 tuổi) thì lấy túi khốt về và được trực tiếp làm Mo tang ma

4. HUYỆN VÂN HỒ

1	Đình Văn Diễn	1960	Bản Lóng Khùa, xã Song Khùa	04				02	07	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mo mời cơm 2. Mo mời thầy 3. Mo mời người chết vào quan tài 4. Mo báo cho người chết biết là họ đã chết 5. Mo mượn Mo 6. Mo kể chuyện để đất đê nước 7. Mo giải hạn cho người chết 8. Mo chay 9. Mo mời người chết về 10. Mo đưa đi nhìn họ hàng 11. Mo mời người chết ra chỗ chôn 12. Mo giao đồ đặc cho người chết 13. Mo mời về nhà 	Nanh hà mã (2), răng hà mã (1), sừng hoẵng (3), chân người cổ (2), riêu đồng (1), nanh (3), ốc hóa thạch (1), đá cóc cách		
---	---------------	------	-----------------------------	----	--	--	--	----	----	---	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Đình Văn Sinh	1961	Bản Lóng Khùa, xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	02				04	50	1. Mo mời cơm 2. Mo mời thầy 3. Mo mời người chết vào quan tài 4. Mo báo cho người chết biết là họ đã chết 5. Mo mượn Mo 6. Mo kể chuyện để đất đẻ nước 7. Mo giải hạn cho người chết 8. Mo chay 9. Mo mời người chết về 10. Mo đưa đi nhìn họ hàng 11. Mo mời người chết ra chỗ chôn 12. Mo giao đồ đạc cho người chết 13. Mo mời về nhà	Nanh lợn lòi (3), tổ ve rừng (1), riu đồng (2), giáo (1), riu đá (1), nanh voi (1), sừng hoẵng đực (2), trứng rồng đá trắng (1), sừng bò tót (1), móng gấu (1), móng con cu li (1), nanh hoẵng (1), nanh hổ, dao nhọn (1)		



DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Gender		Address/ Phone number	The role during the ritual practice				Does the family have a tradition of working with the profession		Number of years working with the profession	Number of the rituals practiced in funerals (estimated)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
			Male	Female		The Clượng sorcerer	Performers of the musical instruments		Dancers (if any)	How many generations	No				
							Type of the musical instruments	Number/Title of the practiced repertoires							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															

1. HUYỆN BẮC YÊN

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Giới tính		Địa chỉ/Số điện thoại	Vai trò khi thực hành lễ			Gia đình có truyền thống làm nghề không		Số năm làm nghề	Số lượng Nghi lễ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Thầy Trưởng/ Chí chèo/ Bà Mẹ Mụ/ Nghề làm nhà xe/ Nghề giúp làm Áo phủ quan tài	Người chơi nhạc cụ		Người múa chuyên trách (nếu có)	mấy đời					không
							Loại nhạc cụ	Số lượng/ Tên bài bản thực hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Đình Văn Ái	1975	x		Bản Cao Đa 2,		Thổi khèn	03		02		05	07		Học từ bố vợ
2	Mùi Văn Cảnh	1972	x		Bản Pe, xã Song Pe		Mõ	03			x	12	80		
3	Đình Văn Chương	1966	x		Bản Pe, xã Song Pe		Chũm chọe	03			x	12	80		
4	Đình Văn Đăng	1961			Bản Pe, xã Song Pe		Chiêng	03			x	12	80		
5	Lường Thị Ân	1952		x	Bản Cao Đa 2				x	05		06	07		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Đình Văn Lâm	1971	x		Bản Cao Đa 2		Chùm chọe	03			x	05	05		
7	Đình Văn Nhảm	1958	x		Bản Pe, xã Song Pe		Thối khèn	03		02		05	20		Ông ngoại làm nghề và truyền cho cháu. Đời bố không làm
8	Đình Văn Thích	1970	x		Bản Pe, xã Song Pe		Thối khèn	03			x	04	30		
9	Mùi Văn Thử	1975	x		Bản Pe, xã Song Pe	x				03		12	70	01	
10	Đình Văn Tiếp	1979	x		Bản Cao Đa 2		Thối khèn	03		02		03	05		Học từ ông nội. Đời bố không làm
11	Đình Văn Tính	1974	x		Bản Cao Đa 2		Đánh trống	03			x	10	10		
12	Đình Văn Tương	1980	x		Bản Pe, xã Song Pe		Trống	03		02		10	70		Ông nội làm nghề và truyền cho cháu. Đời bố không làm

2. HUYỆN MỘC CHÂU

1	Đình Văn Dội	1963	x		Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	x				03		02	10		
2	Mùi Văn Dự	1982	x		Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp		Kèn	03		04		05	10		Là học trò của ông Mùi Văn Dừa.
3	Mùi Văn Dừa	1976	x		Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp		Kèn	03		03		26	90	01	Học trò là cháu ruột Mùi Văn Dự
4	Đình Văn Điển	1969	x		Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp		Xèng	03			x	10	30		
5	Mùi Văn Đức	1947	x		Bản Suối Giăng 1, xã Quy Hướng	x				03		04	07		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Đinh Văn Kếu	1958	x		Bản Tân Ka, xã Nà Mường		Chiêng	03			x	30	200		
7	Mùi Văn Khiên	1955	x		Bản Lòng Hồ, xã Tà Lạ		Chiêng	04			x	20	120		
8	Mùi Văn Lương	1942	x		Bản Lòng Hồ, xã Tà Lạ	x				03		15	65		3 đời bên ngoài
9	Đinh Văn Ngân	1959	x		Bản Tân Ka, xã Nà Mường		Trống	03		04		20	400		
10	Đinh Văn Nguyên	1959	x		Bản Tân Ka, xã Nà Mường		Kèn	03		04		20	400	01	
11	Đinh Văn Quyết	1950	x		Bản Suối Giăng 1, xã Quy Hướng	x					x	07	10		
12	Đinh Văn Tẹ	1967	x		Bản Nà Mường, xã Nà Mường		Trống	04			x	25	100		
13	Đinh Văn Tề	1964	x		Bản Tâm Phế, xã Tân Hợp		Trống	03			x	20	90		
12	Đinh Quý Thách	1968	x		Bản Nà Mường, xã Nà Mường		Kèn	04		02		25	100		
13	Mùi Văn Thiêng	1982	x		Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp		Kèn	06			x	05	50		
14	Mùi Văn Thoa	1980	x		Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp		Trống, kèn	06			x	06	40		
15	Mùi Văn Thường	1980	x		Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp		Trống	06			x	05	40		
16	Hà Văn Trình	1958	x		Bản Tâm Phế, xã Tân Hợp	x					x	04	50		

3. HUYỆN PHÙ YÊN

1	Sa Thị Duẩn	1987		x	Bản Nà Liu, xã Huy Hạ					x	05		04	01		
---	-------------	------	--	---	-----------------------	--	--	--	--	---	----	--	----	----	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Vi Văn Hình	1985	x		Bản Nà Liu, xã Huy Hạ		Khèn	3 bài - Mời ăn cơm, đưa quan tài đi chôn cất - Bài viếng - Trả ơn, cảm ơn người đến viếng		02		06	20		
3	Lường Văn Hưng	1937	x		Bản Nà Liu, xã Huy Hạ		Trống	03		03		78	2.000	01	
4	Sa Văn Khánh	1984	x		Bản Nà Liu, xã Huy Hạ	x				05		10	16		Đời bố không làm
5	Hà Văn Lãm	1973	x		Bản Do, xã Mường Do		Khèn	03			x	29	50		
6	Hà Văn Liên	1964	x		Bản Do, xã Mường Do		Trống	03			x	21	200		
7	Đình Thị Nghĩa	1966		x	Bản Cù 2, xã Huy Tân				x	05		09	01	01	
8	Trần Văn Phần	1958	x		Bản Kém, xã Mường Lang	x				02		20	20	02	Đời bố không làm
9	Hà Thị Thịnh	1968		x	Bản Chùng, xã Mường Bang				x	03		03	10		
10	Hà Tiến Trung	1976	x		Bản Lăn, xã Mường Do		Khèn	03		02		12	150		
11	Đình Văn Ước	1985	x		Bản Nà Liu, xã Huy Hạ	x				05		06	25		

4. HUYỆN VÂN HỒ

1	Đình Thị Chăm	1960		x	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa				x	04		33	05	01	
2	Đình Thị Hân	1983		x	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa				x	05		01	02		
3	Đình Văn Hạnh	1949	x		Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa		Chiêng	06			x	10	30		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
4	Đình Văn Hiền	1959	x		Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa		Kèn	06		04		35	330	01	
5	Đình Thị Ím	1982		x	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa				x	04		10	03		
6	Đình Thị Trắng	1961		x	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa				x	04		22	04	02	
7	Đình Văn Tự	1948	x		Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa	x	Trống	06			x	20	250		Vừa là thầy Clượng, vừa là thầy trống

DISTRICT...

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/ the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN BẮC YÊN

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Clượng/thầy Mối)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng thực hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo vía	Các xã: Phiêng Ban, Song Pe	Mo xin vía cho con người được khỏe mạnh	Thời điểm: khi trong nhà có người ốm đau. Thời gian Mo kéo dài 03 tiếng.	Trong nhà, cạnh giường ngủ, cửa sổ	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
2	Mo giải hạn	Xã Phiêng Ban	Cầu cho con người được mạnh khỏe, may mắn, không gặp chuyện xui xẻo, ốm đau	Thời điểm: trong gia đình có người bị tai nạn, gặp chuyện xui xẻo, ốm đau,... Thời gian Mo kéo dài 1 tiếng đến 3 tiếng	Trong nhà, ngoài sân	Thầy Mo	x			
3	Mo ngày tết	Các xã: Phiêng Ban, Song Pe	Mời ông bà tổ tiên về ăn, phù hộ độ trì cho con cháu trong gia đình luôn bình an, may mắn, mạnh khỏe, làm ăn phát đạt	Thời điểm: Tết. Thời gian Mo kéo dài từ 30 đến 45 phút	Ban thờ tổ tiên trong nhà	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
4	Mo thổ công thổ địa	Các xã: Phiêng Ban, Song Pe	Gọi thần thổ công, thổ địa về ăn; báo cáo cho gia đình nhập khẩu vào mảnh đất mới và xin thần linh cai quản mảnh đất phù hộ cho gia đình khỏe mạnh, làm ăn tốt đẹp	Thời điểm: chủ yếu từ mùng 1 - mùng 3 tết. Thời gian Mo kéo dài 40 phút	Ban thờ thổ công thổ địa ngoài sân hoặc cổng nhà	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Mo mát nhà	Các xã Phiêng Ban, Song Pe	Mời ông bà, tổ tiên về ăn cơm, phù hộ cho gia đình mạnh khỏe, mọi điều may mắn	Thời điểm: đầu năm. Thời gian Mo kéo dài 1 tiếng.	Ban thờ trong nhà	Thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	Tại xã Song Pe, Mo mát nhà được thực hiện thường xuyên	Tại xã Phiêng Ban, Mo mát nhà ít được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ		
6	Mo mụ	Các xã: Phiêng Ban, Song Pe	Mo lên trên mụ để phù hộ cho em bé khi lọt lòng, hay khóc, ốm đau được khỏe mạnh	Thời điểm: khi gia đình có em bé mới sinh, hay khóc hoặc ốm đau. Thời gian Mo kéo dài 20 phút	Trong nhà	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	Tại xã Song Pe, Mo mụ vẫn được thực hiện thường xuyên	Tại xã Phiêng Ban, Mo mụ ít được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ		
7	Mo xin số	Xã Phiêng Ban	Kéo dài tuổi thọ	Thời điểm: khi gia đình có người già, người cao tuổi bị ốm đau, bệnh tật. Thời gian Mo kéo dài 4 tiếng.	Trong nhà	Thầy Mo		x		

2. HUYỆN MỘC CHÂU

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo giải hạn (Mo giải hạn)	Các xã: Tân Hợp, Quy Hướng, Nà Mường, Tà Lại	Giải hạn cho người bị ốm đau, tai nạn... Xua đuổi những điều xấu, đem những điều may mắn đến cho người được giải hạn, cầu cho họ và gia đình có sức khỏe, may mắn, bình an trong cuộc sống	Thường tổ chức đầu năm mới, hoặc khi gia đình có nhu cầu. Mỗi lễ Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng (Tại xã Quy Hướng, thời gian Mo kéo dài ½ ngày)	Tại gia đình nhà tổ chức lễ giải hạn	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng	x	Tại xã Quy Hướng, Mo giải hạn ít được thực hiện trong nhân dân ở bản		Đối với một số hạn nặng gia đình sẽ thường tổ chức Mo tại sống, buổi sau đó di chuyển về nhà người tổ chức giải hạn Mo tiếp
2	Mo xin số (Mo xin khỏ)	Các xã Tân Hợp, Quy Hướng, Nà Mường, Tà Lại	Mo xin số là nghi lễ để xin thần linh cho tăng tuổi thọ của người sống. Nghi lễ được tổ chức khi gia đình có người già bị ốm đau, bệnh tật, người cao tuổi cần làm lễ xin số mới để kéo dài tuổi thọ	Tổ chức khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 3 đến 4 tiếng (Tại xã Tà Lại, Mo được thực hiện khi mặt trời lặn và kéo dài khoảng 1 tiếng)	Tại gia đình nhà tổ chức lễ giải hạn	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng	x	Tại xã Nà Mường, Quy Hướng, Mo xin số ít được thực hiện		
3	Mo ngày tết	Xã Tân Hợp	Là bài Mo mời tổ tiên về nhà ngày Tết; các con, cháu trong gia đình dâng lên ban thờ bánh kẹo, hoa quả, mâm cơm thắp hương. Thầy Mo đến cúng mời ông bà tổ tiên về ăn, phù hộ độ trì cho con cháu trong gia đình luôn bình an, may mắn, mạnh khỏe, làm ăn phát đạt, hạn xấu xua đi, may mắn tới đến	Tổ chức vào ngày 30 tết, mùng 1, 2, 3, 4, 5, 6 tết Thời gian Mo kéo dài từ 20 đến 30 phút.	Tại ban thờ tổ tiên của gia đình tổ chức Mo	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			Một ngày thầy Mo làm được cho 15 - 20 gia đình

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Mo vía (Mo Voái)	Các xã Tân Hợp, Quy Hướng, Nà Mường, Tà Lại	Gọi hồn, gọi vía người sống, người ốm đau bệnh tật trở về, cầu mong vía bảo vệ cho bản mệnh được mạnh khỏe	Tổ chức khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 20 đến 30 phút (Tại xã Tà Lại, Mo vía được thực hiện trong khoảng 3 tiếng)	Tại gia đình nhà tổ chức Mo	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng		x		
5	Mo mát nhà (Mo mach nhà)	Xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu Các xã Tân Hợp, Quy Hướng, Nà Mường, Tà Lại	Mo Mát nhà như một lễ giải hạn, để xua đuổi hóa giải những điều xấu, cầu cho con người, nhà cửa, cây trồng vật nuôi trong gia đình luôn luôn mạnh khỏe, tốt tươi, mọi điều may mắn	Thường được tổ chức vào dịp đầu năm tại nhà có nhu cầu, hoặc khi dựng nhà mới. Thời gian Mo kéo dài từ 45 phút đến 1 tiếng 30 phút	Tại hộ gia đình	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng	Tại xã Quy Hướng, Mo mát nhà được thực hiện thường xuyên	x		
6	Mo thổ công (Mo Sô Công)	Các xã Tân Hợp, Quy Hướng, Nà Mường, Tà Lại	Mo để báo cáo thần thổ công, thổ địa cho gia đình nhập khẩu vào mảnh đất mới và xin các vị thần linh cai quản mảnh đất phù hộ cho gia đình khỏe mạnh, làm ăn tốt đẹp	Tổ chức khi gia đình có nhu cầu. Thời gian Mo kéo dài từ 30 đến 50 phút	Được tổ chức tại mảnh đất đang sinh sống, làm việc hoặc mới mua	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng	Tại xã Nà Mường, Tà Lại, Mo thổ công được thực hiện thường xuyên	Tại xã Tân Hợp, Quy Hướng, Mo thổ công ít được thực hiện		
7	Mo đôi đũa (Mo tôi tua)	Xã Tân Hợp	Cầu mong thần linh phù hộ cho gia đình, làng bản yên ổn, mạnh khỏe	Thời gian Mo kéo dài khoảng 40 phút	Ban thờ đôi đũa	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
8	Mo Mụ (Mo mũ)	Xã Tân Hợp	Mo cho con trẻ mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn	Thời điểm: khi gia đình có em bé mới sinh, trẻ em hay khóc hoặc ốm đau. Thời gian Mo kéo dài khoảng 30 phút	Tổ chức khi gia đình có trẻ mới sinh và có nhu cầu cúng mụ cho bé	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng		x		

3. HUYỆN PHÙ YÊN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo giải hạn	Các xã: Mường Lang, Tân Lang, Huy Tân, Huy Hạ, Mường Gio, Mường Cơi	Giải hạn cho những người trong gia đình. Cầu sức khỏe, may mắn, không gặp chuyện xui xẻo, ốm đau	Thời điểm: Khi gia đình có nhu cầu Thời gian Mo kéo dài từ 1 đến 3 tiếng	Tại hộ gia đình	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			Tại xã Mường Gio, thầy Mo Hà Văn Ảnh thực hiện khoảng 20 lễ/1 năm
2	Mo vía	Các xã: Mường Lang, Huy Tân, Huy Hạ, Mường Gio, Mường Bang, Mường Cơi	Mo xin vía cho gia đình, con cháu được khỏe mạnh	Thời điểm: khi trong nhà có người ốm đau. Thời gian Mo kéo dài từ khoảng 1 đến 3 tiếng	Tại hộ gia đình	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Clượng	x			Tại xã Mường Gio, thầy Mo Hà Văn Ảnh thực hiện khoảng 20 lễ/1 năm
3	Mo mụ	Xã Mường Lang, Mường Gio, Tân Lang, Huy Tân, Huy Hạ, Mường Bang, Mường Cơi	Mo cho con trẻ mạnh khỏe, hay ăn chóng lớn	Thời điểm: khi gia đình có em bé mới sinh, hay khóc hoặc ốm đau. Thời gian Mo kéo dài 30 đến 40 phút	Trong nhà (chỗ em bé nằm)	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/thầy Clượng	x			Tại xã Mường Gio, thầy Mo thực hiện khoảng 10 lễ/1 năm
4	Mo mát nhà	Các xã: Tân Lang, Huy Tân, Huy Hạ, Mường Bang, Mường Gio, Mường Cơi, Mường Lang	Mo cho gia đình sạch sẽ, không có chuyện buồn sau khi làm lễ Mo ma, sau đó Mo thổ công thổ địa để ổn định gia đình. Xua đuổi những điều xấu, cầu mong những điều tốt đẹp đến cho gia chủ. Mời ông bà, tổ tiên về bàn thờ ở nhà mới	Thời điểm: khi gia đình có tang, gia đình có hạn, đầu năm. Thời gian Mo kéo dài từ 30 phút đến 2 tiếng	Tại hộ gia đình	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Mo thổ công, thổ địa	Các xã: Huy Tân, Mùòng Lang, Huy Hạ, Mùòng Bang, Mùòng Gio, Mùòng Cơi	Phù hộ cho gia đình khỏe mạnh, làm ăn tốt đẹp	Thời điểm: khi gia đình đi xem thầy thấy lịch thổ công thổ địa, khi làm nhà mới, rằm tháng 7, tết. Thời gian Mo kéo dài từ 20 đến 40 phút	Ban thờ thổ công ngoài sân	Thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
6	Mo xin số	Các xã: Mùòng Lang, Tân Lang, Mùòng Bang, Huy Hạ, Mùòng Gio, Mùòng Cơi	Kéo dài tuổi thọ	Thời điểm: khi gia đình có người lớn tuổi bị ốm đau. Thời gian Mo kéo dài từ 40 phút đến 3 tiếng	Tại hộ gia đình	Thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x	Tại xã Mùòng Gio, Mùòng Cơi, Mo xin số ít được thực hiện		
7	Mo ngày tết	Các xã: Mùòng Lang, Tân Lang, Huy Tân, Huy Hạ, Mùòng Bang, Mùòng Gio, Mùòng Cơi	Mo tết Nguyên đán. Mời ông bà tổ tiên về ăn, phù hộ độ trì cho con cháu trong gia đình luôn bình an, may mắn, mạnh khỏe, làm ăn phát đạt. Mo cho năm mới an lành, mùa màng bội thu, con người khỏe mạnh Khai hạ: cầu sức khỏe, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu	Thời điểm: từ mùng 1 đến mùng 7, 8 tết. Thời gian Mo kéo dài 20 phút.	Tại hộ gia đình	Thầy Mo/thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng				Không Mo cho từng gia đình mà làm lễ khai hạ cho cả xã. Lễ Mo được thực hiện vào mùng 7 khai hạ, tại miếu ở cửa hang. Thời gian Mo trong 1 buổi sáng

4. HUYỆN VÂN HỒ

1	Mo xin số	Xã Song Khũa	Kéo dài tuổi thọ	Thời điểm: Khi gia đình có người lớn tuổi ốm đau. Thời gian Mo khi mặt trời lặn, kéo dài khoảng 40 phút đến 1 tiếng)	Tại hộ gia đình	Thầy Mo/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
---	-----------	--------------	------------------	--	-----------------	--	---	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo vía	Xã Song Khủa	Động viên tinh thần người ốm	Thời điểm: khi trong nhà có người ốm đau. Thời gian Mo kéo dài từ 01 đến 03 tiếng	Tại hộ gia đình	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
3	Mo giải hạn	Xã Song Khủa	Giải hạn cho người bị ốm đau, tai nạn; cầu sức khỏe, may mắn,...	Thời điểm: trong gia đình có người bị tai nạn, gặp chuyện xui xẻo, ốm đau,.. Thời gian Mo kéo dài từ 1 đến 3 tiếng	Tại hộ gia đình	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			
4	Mo ngày tết	Xã Song Khủa	Mo tết Nguyên đán. Mo cho năm mới an lành, mùa màng bội thu, con người khỏe mạnh	Thời điểm: dịp tết Nguyên đán. Thời gian Mo kéo dài 20 phút	Tại hộ gia đình	Thầy Mo trong vai trò thầy Clượng	x			

DISTRICT...

No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN BẮC YÊN

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đình Văn Sơ	Bản Cao Đa, xã Phiêng Ban	Tự làm, sưu tầm	1	3	0	1	0	Mũ (1), quạt (3), túi khốt (1). Trong đó có: tổ ve rừng (1), riu đá (1), đồng tiền xu (35), đá (6)	
2	Mùi Văn Thử	Bản Pe, xã Song P	Ông nội: Mùi Văn Lào	2	3	0	2	0	OMũ (2), quạt (2), vuốt gà mái (2), nanh lợn rừng (2), nanh hổ (1), lông lợn rừng (2 túm), vỏ sò (4), sừng nai (2), riu sét (1), sừng bò tốt (1), dao nhọn (1), đồng xu (3), móng gà mái, vuốt (2), đá (13), riu đá (1), đá thạch anh (3)	

2. HUYỆN MỘC CHÂU

1	Đình Văn En	Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	Đình Văn Sơ - bản Pà Khả, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu	1	3	0	1	0	Mũ (3), quạt (3), nanh heo (2), Túi khốt (trong đó có: tổ ve rừng (1), lẹm (1), riu đồng (1), đá trắng (1), đá cóc cách (4), đồng lục lạc (1), đồng âm dương (2), mỏ chim bông (2), tuồng phụ (đá cuội -1)	
---	-------------	-------------------------	--	---	---	---	---	---	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Đình Văn Ẽn	Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp	Mua ở chợ và tự sưu tầm	1	3	0	1	0	Mũ (4), quạt (1), sừng hoẵng (4), đá trời (1), tổ ve (1), đá cóc cách (7), hạt cườm (1), trống cái (2), mỏ chim rái cá (2), vuốt chim giải cá (1), nanh lợn rừng (1)	
3	Mùi Văn Hiến	Bản Kè Tèo, xã Nà Mường	Ông: Đình Văn Mới	2	2	0	1	0	Túi khốt (1), quạt (1), mũ (1)	Không được mở túi khốt
4	Mùi Văn Liệu	Bản Nà Sánh, xã Tân Hợp	Bố đẻ Mùi Văn Hành	1	3	0	3	0	Mũ (3), quạt (3), sừng bò đồng (1), chuông đồng (2), mỏ điều hâu (3), chuông (1), đá cóc cách (4), sừng hoẵng (2), nanh lợn rừng, viên bi (2)	
5	Lường Văn Nhiên	Bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	Bố đẻ Lường Văn Bảy và bố nuôi Lường Văn Ếu	1	3	0	1	0	Mũ (4), quạt (1), sừng hoẵng (4), đá trời (1), tổ ve (1), đá cóc cách (7), hạt cườm (1), trống cái (2), mỏ chim rái cá (2), vuốt chim rái cá (1), nanh lợn rừng (1)	
6	Mùi Văn Thanh	Bản Lòng Hồ, xã Tà Lại	Bố đẻ: Mùi Văn Ngạo	1	3	0	1	0	Túi khốt (1), quạt (1), mũ (1)	Không được mở túi khốt

3. HUYỆN PHÙ YÊN

1	Hà Văn Ẩng	Bản Do, xã Mường Do	Tự làm, mua	1	0	0	0	0	Quạt (1), cảo (mảnh âm dương- 1)	
2	Phùng Văn Chung	Bản Chùng, xã Mường Bang	Tự sưu tầm, tự làm	1	1	0	0	1	Mũ (1), quạt (1), đồng âm dương (2)	
3	Sa Văn Khánh	Bản Nà Liu, xã Huy Hạ	Do dòng họ truyền lại	1	4	0	1	0	Mũ (1), túi khốt (4): - Túi 1: Sừng hoẵng (2), nanh lợn rừng (2), khuyên tai thời đồ đá (1), cối đánh lửa (2), nhũ na (1), sò hóa thạch (1), móng gà rừng (1), nanh hổ (2), xá lý trần (1). - Túi 2: Nanh lợn rừng (2), nanh hổ lớn (1), riu đồng (2), xá lý của cây chuối (1), sừng hoẵng (2), đá (3), xá lý trần (1), khuyên tai thời đồ đá (1), nanh hổ nhỏ (1) - Túi 3: Tách tít (1), gỗ hóa thạch (1), thủy tinh núi lửa (1), trứng gà trống (5), trứng đá (1), đá thạch anh (5), riu đồng (1), gút trừ tà (1) - Túi 4: Gửi nhà chú họ Đình Văn Thiệp	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Đình Xuân Ngoan	Bản Cù 2, xã Huy Tân	Do gia đình truyền lại	3	1	0	1	0	Mũ (1), túi khót. Trong đó: Đá thạch anh (1), ống thổi (1), sừng hươu (1), vòng mã não (2), quạt (6), đĩa cân (1), ngà lợn rừng (1), rìu đồng (2), rùa đá (1), chuông nhỏ (2), nhẵn mã não (1), nanh lợn rừng (3), đá (4), lục lạc (1)	
5	Hà Văn Nguyễn	Bản Mỏ, xã Mường Lang	Do gia đình truyền lại	2	2	0	0	0	Cáo (mảnh âm dương - 2), quả chỉ (1), ốc gai (1), quạt (1), đồng tiền kẽm (3), hạt pi (1)	
6	Hà Văn Ngữ	Bản Bang, xã Mường Bang	Bố đẻ: Hà Văn Hằng	1	2	0	1	0	Mũ (1), dao (1), quạt (1), thắt lưng (1), trống (1), kèn (1), túi khót. Trong đó: Sừng hoẵng (1), chân diều hâu (1), vỏ ốc (1), nanh lợn rừng (1), chân gà rừng (2), chuông nhỏ (1), đồng đỏ (4), đồng âm dương (4), bạc trắng (7)	
7	Trần Văn Phấn	Bản Kẽm, xã Mường Lang	Tự làm, tự nghiên cứu, sưu tầm	0	2	0	0	0	Thắt lưng vải (1), kiếm gỗ (1), quạt (1), đồng âm dương (2), sách	Chưa làm Mo ma
8	Cầm Văn Sươn	Bản Đung, xã Mường Lang	Tự làm, sưu tầm	1	2	0	0	0	Kiểm gỗ (1), Quạt (2)	Chưa làm Mo ma

4. HUYỆN VÂN HỒ

1	Đình Văn Diễn	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa	Đình Công Tĩnh	2	2	0	1	0	Mũ (1), túi khót (1) - quạt (1) trong đó: nanh hà mã (2), răng hà mã (1), sừng hoẵng (3), chân người cổ (2), rìu đồng (1), nanh (3), ốc hóa thạch (1), đá cóc cách.	
2	Đình Văn Sinh	Bản Lóng Khũa, xã Song Khũa	Đình Văn Ất	2	2	0	1	0	Mũ (1), quạt (1), nanh lợn lòi (3), túi khót (1) (trong đó có: tổ ve rừng (1), rìu đồng (2), giáo (1), rìu đá (1), nanh voi (1), sừng hoẵng đực (2), trứng rồng đá trắng (1), sừng bò tốt (1), móng gấu (1), móng con cu li (1), nanh hoẵng (1), nanh hổ, dao nhọn (1)	

No.	Titles of the materials and documents	Name of authors	Types of the materials and documents	Number of pages/ Capacity of the materials and documents	Year of Publication (if any)	Publisher/Place of Publication (if any)	Archive location; Archivists; Address; Phone number	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

STT	Tên tư liệu	Tên tác giả	Dạng tư liệu	Số trang/ Dung lượng tư liệu	Năm xuất bản/ấn hành (nếu có)	Nhà xuất bản/Nơi ấn hành (nếu có)	Nơi lưu trữ, người lưu trữ, địa chỉ, số điện thoại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mo đường lên trời (Mo ma)	Sưu tầm và dịch: Đình Văn Ân	Tài liệu in sách	671 trang	Xuất bản năm 2002	Văn hóa Dân tộc	Thư viện tỉnh Sơn La	
2	Mo ma khả lêng Plời	Sưu tầm và dịch: Đình Văn Ân và Đình Xuân Hạnh	Tài liệu in sách	700 trang	Xuất bản năm 2011	Nxb Lao động	Thư viện tỉnh Sơn La	
3	Mo lên trời: Bài ca đưa hồn người chết về cõi vĩnh hằng	Sưu tầm, phiên âm và phiên dịch: Hoàng Anh Nhân	Tài liệu in sách	651 trang	Xuất bản năm 2012	Nxb Thanh niên	Thư viện tỉnh Sơn La	
4	Tang lễ cổ truyền của người Mường (Q1)	Bùi Huy Vọng	Tài liệu in sách	530 trang	Xuất bản năm 2010	Đại học Quốc gia	Thư viện tỉnh Sơn La	
5	Tang lễ cổ truyền của người Mường (Q2)	Bùi Huy Vọng	Tài liệu in sách	271 trang	Xuất bản năm 2010	Đại học Quốc gia	Thư viện tỉnh Sơn La	
6	Phong tục làm chay: tục làm chay bảy cờ của người Mường (phần do Mơi làm chủ lễ)	Bùi Huy Vọng	Tài liệu in sách	519 trang	Xuất bản năm 2011	Khoa học xã hội	Thư viện tỉnh Sơn La	
7	Một số thủ tục làm mụ tập 1	Lò Xuân Dừa Trần Văn Phấn	Tài liệu in sách	147 trang	Năm 2014	Hội Văn nghệ dân gian VN - chi hội Sơn La	Hội Liên hiệp VHNT tỉnh và ông Lò Xuân Dừa, Trần Văn Phấn	
8	Thư mục tạp chí chuyên đề sắc màu văn hóa Mường	Thư Viện tỉnh Sơn La	Tài liệu in sách	168 trang	Năm 2015	Thư viện tỉnh	Sở VHTTDL tỉnh Sơn La	
9	Một số thủ tục làm mụ tập 2	Lò Xuân Dừa Trần Văn Phấn	Tài liệu in sách	459 trang	Năm 2017	Hội nhà văn	Hội Liên hiệp VHNT tỉnh và ông Lò Xuân Dừa, Trần Văn Phấn	
10	Mo Ma Mól Chiềng Sại - Bắc Yên - Sơn La	ThS. Đình Văn Cung	Tài liệu in sách		2021	Nxb Thanh Niên	Bảo tàng tỉnh	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	Mo Voái	Đình Văn Ân	Tài liệu in sách		1999	Nxb Văn hóa Dân tộc	Bảo tàng tỉnh	
12	Mo Mường	Bùi Văn Nội	Tài liệu in sách		1999	Nxb Văn hóa Dân tộc	Bảo tàng tỉnh	
13	Sách Mo Mường (Mo ma)	Đình Văn Sinh	Tài liệu đánh máy	108 trang	2016	Đình Văn Sinh, bản Lóng Khũa, xã Song Khũa, huyện Vân Hồ	Đình Văn Sinh, bản Lóng Khũa, xã Song Khũa, huyện Vân Hồ	
14	Mo để đất, để nước	Đình Văn Sinh	Tài liệu viết tay	03 trang	2016	Đình Văn Sinh, bản Lóng Khũa, xã Song Khũa, huyện Vân Hồ	Đình Văn Sinh, bản Lóng Khũa, xã Song Khũa, huyện Vân Hồ	
15	Đoạn Mo lên trời (Mo ma)	Mùi Văn Liệu	Tài liệu chép tay	11 trang	Chép năm 2016	Bổ đọc cho chép khi gần qua đời	Mùi Văn Liệu, bản Nà Sánh, xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu	
16	Sách Mo Mường (Mo ma)	Mùi Văn Hiến	Tài liệu chép tay (bản phô tô)	168 trang	Phô tô năm 2017	Đình Văn Nguyên, bản Tân Ca, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu	Mùi Văn Hiến, bản Kè Tèo, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu	
17	Sách Mo Mường (Mo ma)	Mùi Văn Lương	Tài liệu chép tay	258 trang	Chép năm 2017	Mùi Văn Lương, bản Lòng Hồ, xã Tà Lại, huyện Mộc Châu	Mùi Văn Lương, bản Lòng Hồ, xã Tà Lại, huyện Mộc Châu	
18	Chép lại các đoạn Mo và các loại Mo của người Mường bản Chùng, xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Phùng Văn Chung	Tài liệu chép tay	66 trang	Tác giả không nhớ		Ông Phùng Văn Chung đang lưu giữ	

TỈNH THANH HÓA
THANH HÓA PROVINCE

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Number of the roóng/ràng (Mo chapters)/Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced			Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				> 5 generations	< 5 generations			Mo going to the sky	Mo looking at relatives	Mo of story telling			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm Mộ		Số năm làm nghề Mộ	Số lượng Lễ Mộ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng các rương/ rương/ phần Mộ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được			Các hiện vật trong túi khốt mà thấy Mộ hay dùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay dùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				> 5 đời	< 5 đời			Mộ lên trời	Mộ nhìn họ	Mộ kể chuyện			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Đình Đương	1942	Thôn Yên Thắng, xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc		03	60	600				Đao Lù (3), khánh (03), khốt (5), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 6 đôi cảo	01	
2	Bùi Ngọc Dĩnh	1954	Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành	07		32	2304	x	x	x	Túi khốt 1 bộ: Mũ, áo choàng, khánh 2 cái, quạt, nanh, sừng thú rừng (hùm, lợn lòi, nai, trâu, hoẵng), thuổng, mai, dao, khăn, cờ	01	
3	Bùi Văn Kiên	1965	Thôn Phông Khánh, xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy	15		27	250	x	x	x	Kiểm, chuông, cảo...	03	
4	Trương Ngọc Đình	1967	Ngọc Sinh, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước		05	30	900				Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương), cánh én đồng ...	01	

¹. Danh xưng “bạc thầy” là do Nhóm kiểm kê đặt ra dành cho các nghệ nhân Mộ còn thuộc và có thể thực hành đầy đủ/gần như đầy đủ tiến trình và nội dung các phần Mộ trong một lễ tang truyền thống xưa.

DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Permanent Place of Residence	Does the family have a tradition of working with the Mo profession		Does the family have a tradition of working with the Clượng profession		Number of years working with the Mo profession	Number of the Mo rituals practiced in funerals (estimated)	Roóng/rằng (Mo chapters)/ Mo parts in funeral Mo that are known, remembered and can be practiced	Objects in the Khót bag that the Mo sorcerers use during the ritual practice (name, description, reason for use)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
				How many generations	No	How many generations	No						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													

1. HUYỆN BÁ THƯỚC

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Nơi thường trú	Gia đình có truyền thống làm MŌ không		Gia đình có truyền thống làm Clượng không		Số năm làm nghề MŌ	Số lượng Lễ MŌ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Các rŏng/ràng/ phần MŌ trong lễ tang ma còn thuộc nhớ và có thể thực hành được (kể tên)	Các hiện vật trong túi khŏt mà thấy MŌ hay đùng khi thực hành lễ (kể tên, miêu tả, lý do hay đùng)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú
				mấy đời	không	mấy đời	không						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Trương Viết Hiền	1934	Thôn Măng, xã Lương Ngoại	01				25	500	12 cuông/ràng	Kiểm, chuông, khŏt khếng đầy đủ		
2	Trương Văn Thảo	1938	Thôn Măng, xã Lương Ngoại	01				25	500	12 cuông/ràng	Kiểm, chuông, khŏt khếng đầy đủ		
3	Hà Thái Duyên	1941	Thôn Lau, xã Điền Thượng	01		1		20	100	1. MŌ lên trời 2. MŌ vải 3. MŌ nhìn 4. MŌ khuông khăn.	Kiểm, chuông, mũ		
4	Hà Oanh Thọ	1944	Thôn Riêng, xã Điền Lư			03			53	3 cuông/ràng	Kiểm, khŏt		
5	Bùi Thanh Tiền	1944	Thôn Võ, xã Điền Lư	03				10	02	12 cuông/ràng	Kiểm, khŏt		
6	Hà Văn Chương	1947	Thôn Cú, xã Thiết Ống	03				4	9	7 rŏng/ 22 phần MŌ	Khánh: 4, dao: 2, lông công: 1; mũ: 2, khoát: 1 bộ; nanh lŏi: 1 bộ, cào: 1 bộ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Bùi Ngọc Giao	1947	Thôn Hồ Quang, xã Điền Quang	5				15	300	1. Mo lên trời 2. Mo vải	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương)		
8	Trương Công Thế	1947	Thôn Sông Mã, xã Điền Lư	03				52	29	5 chuông/ràng	Kiểm, chuông khánh, khót		
9	Bùi Văn Lạc	1948	Thôn Vền Ấm Khà, xã Điền Quang	5				10	250	1. Mo lên trời 2. Mo vải	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương)		
10	Trương Hữu Tình	1951	Thôn Thung Tâm, xã Ái Thượng	03		03		12	200	1. Mo lên trời 2. Mo vải 3. Mo nhìn 4. Mo khuôn khăn	Kiểm, chuông, mũ		
11	Trương Công Miên	1952	Thôn Cò Lượn, xã Điền Trung	5		6		29	0	1. Các bài Mo làm vía 2. Mo mát 3. Mo giải hạn 4. Mo cúng thần hoàng 5. Mo côm mới	Kiểm 02 cái; chuông 03 cái, trang phục (áo, mũ) 01 bộ		
12	Phạm Hồng Thắng	1953	Thôn Nan, xã Điền Hạ	3		3		20	100	1. Mo lên trời 2. Mo vải 3. Mo nhìn 4. Mo khuôn khăn	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương) ...		
13	Bùi Phúc Chủ	1956	Thôn Lũng, xã Điền Quang	5				10	200	1. Mo lên trời 2. Mo vải	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương)		
14	Trương Xuân Cống	1957	Thôn Đạo, xã Lương Ngoại	2				18	200	7 ràng/ 22 phần Mo	Kiểm, chuông, khót khéng đầy đủ		
15	Phạm Đức Luyện	1957	Khu phố Đám, thị trấn Cành Nàng	4		4		22	33	7 ràng/ 22 phần Mo	Kiểm, chuông, khót khéng đầy đủ		
16	Bùi Văn Hiền	1958	Thôn Phú Sơn, xã Lương Trung	2				10	70	07 ràng/22 phần Mo	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương), cánh Én đồng ...		
17	Bùi Văn Rụng	1960	Thôn Tôm, xã Ái Thượng	05		05		28	500	1. Mo lên trời 2. Mo vải 3. Mo nhìn 4. Mo khuôn khăn	Kiểm, chuông, mũ		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
18	Trương Văn Tuy	1962	Chiềng Lãm, xã Điền Lư	04				40	55	16 cuông/ rắng	Kiểm, chuông, kèn		
19	Trương Văn Lượng	1963	Khu phố Chu, thị trấn Cành Nàng	7		7		26	80	7 rắng/ 22 phần Mo	Kiểm, chuông, khốt khếng đầy đủ		
20	Trương Văn Viết	1963	Thôn Ngọc Sinh, xã Lương Ngoại			3		30	0	1. Bài Mo làm vía 2. Mo mát 3. Mo giải hạn	Kiểm, chuông, khốt khếng đầy đủ		
21	Trương Văn Phần	1965	Khu phố Mòn, thị trấn Cành Nàng	4		4		20	0	1. Các bài Mo làm vía 2. Mo mát 3. Mo giải hạn trừ tà	Kiểm, chuông, khốt khếng đầy đủ		
22	Trương Ngọc Đình	1967	Thôn Ngọc Sinh, xã Lương Ngoại	5				30	900	22 cuông/rắng	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương), cánh Én đồng		
23	Trương Văn Chiến	1968	Thôn Riêng, xã Điền Lư	05		03		15	0	08 cuông/rắng	Kiểm, chuông, khánh, khốt		
24	Bùi Văn Phòng	1968	Thôn Quang Trung, xã Lương Trung	3				15	160	1. Mo lên trời 2. Mo vải ...	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương)		
25	Hà Văn Hợi	1969	Thôn Mít, xã Điền Quang	8				15	300	1. Mo lên trời 2. Mo vải	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương) ...		
26	Trương Văn Nhất	1971	Thôn Man Môn, xã Hạ Trung	1				9	150	07/22 rắng Mo	Kiểm, chuông, khốt		
27	Hà Văn Nhân	1976	Thôn Ấm, xã Lương Nội	5				27	200	1. Mo lên trời, 2. Mo vải ...	Kiểm, chuông, cảo (chọn âm dương) ...		

2. HUYỆN CẨM THỦY

1	Trương Bích Mai	1941	Thôn Song Nga, xã Cẩm Ngọc	6				28	1800	1. Mo nhìn 2. Mo thăm 3. Mo vải 4. Mo trâu 5. Mo lên trời	Quạt lông, áo choàng buộc khăn, mũ, dao lù (kiếm), chuông	0	
---	-----------------	------	-------------------------------	---	--	--	--	----	------	---	---	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Cao Ngọc Chinh	1970	Làng Ớn, xã Cẩm Quý	8				25	300	1. Mo dẫn nổ 2. Mo kê cường 3. Mo vải vờ 4. Mo lên trời 5. Mo dưới...		0	
3	Bùi Huy Tập	1960	Làng Muốt, xã Cẩm Thành	7				41	300	1. Mo lên trời 2. Mo vải 3. Mo lên...	Kiểm, chuông, cào (Chọn âm dương) ..	0	
4	Nguyễn Văn Hùng	1964	Thôn Quý Long, xã Cẩm Quý	6				15	125	1. Mo lên trời 2. Mo vải 3. Mo lên...	Kiểm, chuông, trang phục, quạt, bộ khốt (âm binh) bộ âm dương, cào		
5	Bùi Văn Kiên	1965	Thôn Phông Khánh, xã Cẩm Thành	15				27	250	1. Mo vải 2. Mo trâu 3. Mo lên và Mo nhấn	Kiểm, chuông, cào (chọn âm dương) ..	3;	
6	Phạm Trùng Khánh	1967	Thôn Bệt, xã Cẩm Thạch	3				10	2400	1. Mo dẫn nổ 2. Mo kê cường 3. Mo vải vờ 4. Mo lên trời 5. Mo dưới...	Kiểm, chuông, cào (chọn âm dương) ...	0	
7	Cao Ngọc Chung	1949	Thôn Quý Trung, xã Cẩm Quý	7				45	1200	1. Mo dẫn nổ 2. Mo kê cường 3. Mo vải vờ 4. Mo lên trời 5. Mo dưới...	Kiểm, chuông, trang phục, quạt, bộ khốt (âm binh) bộ âm dương, cào	2	
8	Lê Minh Vương	1972	Thôn Vàn Thung, xã Cẩm Thạch.			8		8	1920	1. Mo dẫn nổ 2. Mo kê cường 3. Mo vải vờ 4. Mo lên trời 5. Mo dưới...	Chuông khánh, chóong phết, quạt ...	0	
9	Phạm Hồng Quân	1975	Thôn Bệt, xã Cẩm Thạch	4				12	2880	1. Mo dẫn nổ 2. Mo kê cường 3. Mo vải vờ 4. Mo lên trời 5. Mo dưới...	Chuông khánh, chóong phết, quạt ...	0	
10	Hà Văn Lan	1985	Thôn Song Nga, xã Cẩm Ngọc	0				2	70	1. Mo nhìn 2. Mo thăm 3. Mo vải 4. Mo trâu 5. Mo lên trời	Quạt lông, áo choàng buộc khăn, mũ, dao lù (kiếm), chuông		

3. HUYỆN LANG CHÁNH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Lê Thanh Điều	1933	Khu phố Giảng, thị trấn Lang Chánh	1				17	14	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma			
2	Phạm Ngọc Sâm	1934	Khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lang Chánh			2		32	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới		0	
3	Phạm Văn Ký	1939	Khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lang Chánh			2		32	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới		0	
4	Lê Văn Nòi	1940	Khu phố Giảng, thị trấn Lang Chánh			1		15		1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	0	
5	Lê Định	1942	Thôn Tân Thành, xã Tân Phúc	4				30	80	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía 5. Mo làm mát	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót, quạt lông	0	
6	Phạm Văn Phương	1942	Làng Xuối Chông, xã Đồng Lương	3				10	27	1. Mo nhìn 2. Mo trên 3. Mo vãi 4. Mo lên trời...		0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Hà Thanh Ưng	1945	Thôn Khụ II, xã Giao Thiện	2				13	230	1. Mo nhìn 2. Mo lên 3. Mo ba ngã 4. Mát nhà 5. Làm vía 6. Khuôn Khăng	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót, quạt lông	2	
8	Lê Xuân Niền	1946	Thôn Sơn Thủy, xã Tân Phúc	1				30	182	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Mo làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma 6. Mo mát		3	
9	Lê Hồng Ân	1947	Thôn Tân Phong, xã Tân Phúc	1				20	100	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót, quạt lông	0	
10	Hà Văn Ba	1948	Khu I, xã Giao Thiện			1		09	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	1	
11	Lê Văn Sinh	1949	Làng Quốc Quên, xã Đồng Lương	3				15	25	1. Mo nhìn 2. Mo trâu 3. Mo vãi 4. Mo lên trời...		0	
12	Phạm Bá Cầm	1950	Khu I, xã Giao Thiện			1		05	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	1	
13	Lê Trọng Liên	1952	Khu phố Giảng, thị trấn Lang Chánh	1				15	305	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
14	Lương Văn Rành	1952	Khu I, xã Giao Thiện			1		07	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	1	
15	Lê Văn Thêm	1954	Thôn Sơn Thủy, xã Tân Phúc	8				10	100	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót, quạt lông	2	
16	Phạm Văn Nhì	1955	Làng Nghiu Tươi, xã Giao Thiện	2				33	50	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng	2	
17	Phạm Đức Thịnh	1955	Khu phố Oi, thị trấn Lang Chánh			9		10	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	0	
18	Phạm Văn Thống	1955	Làng Xuồm Chông, xã Đồng Lương	3				15	40	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	
19	Lê Văn Hóa	1957	Thôn Tân Phong, xã Tân Phúc	2				15	50	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	
20	Hà Văn Quyền	1958	Làng Trờ, xã Giao An			8		20	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	0	
21	Hà Văn Đỗ	1959	Khu phố Ảng, thị trấn Lang Chánh	3				10	210	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
22	Phạm Hồng Ơn	1959	Khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn Lang Chánh			2		20	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	0	
23	Phạm Ngọc Dương	1960	Làng Trô, xã Giao An	5				10	90	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót, quạt lông	0	
24	Hà Thanh Miêng	1960	Khu I, xã Giao Thiện			1		05	0	1. Các bài Mo làm mát 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	1	
25	Lê Văn Cương	1961	Làng Quốc Quên, xã Đồng Lương	3				9	15	1. Mo nhìn 2. Mo trên 3. Mo vãi 4. Mo lên trời...		0	
26	Lê Thanh Nhân	1963	Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	4				13	70	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	
27	Hà Văn Nho	1963	Làng Chiềng Nang, xã Giao An	5				25	170	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót, quạt lông	0	
28	Phạm Xuân Thu	1965	Làng Xuồm Chông, xã Đồng Lương	3				11	70	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng, khánh khót,	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
29	Hà Huy Hoàn	1965	Làng Cẩm Nê, xã Đồng Lương	3				9	7	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	
30	Bùi Văn Thảo	1965	Thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	3				30	56	1. Mo nhìn 2. Cúng 3. Làm vía	Bộ túi khốt	0	
31	Vi Tiến Thọ	1966	Thôn Tân Thủy, xã Tân Phúc			2		10	0	1. Các bài Mo làm mắt 2. Mo giải hạn 3. Mo vía 4. Mo cơm mới	Kiểm, chuông, quần áo, chiêng	0	
32	Lê Văn Lét	1967	Làng Quắc Quên, xã Đồng Lương	3				10	20	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	
3	Lê Văn Pánh	1971	Làng Quắc Quên, xã Đồng Lương	3				06	22	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn 3. Mo thăm 4. Làm vía giải hạn 5. Trừ tà ma		0	

4. HUYỆN MƯỜNG LÁT

1	Hà Văn Hoàn	1965	Bản Cấn, xã Tam Chung	4			0	15	300	1. Hòm khoăn 2. Mạy 3. Kháu mạy 4. Cay khay vong 5. Mu 6. Công khùn 7. Xăng nặm xăng vong 8. Quấn mỡ quấn ma 9. Xông pay ma	Nanh con HỔ, nanh con lợn lòi, lưới riu, các hòn đá nhỏ...	01	
---	-------------	------	--------------------------	---	--	--	---	----	-----	--	--	----	--

5. HUYỆN NGỌC LẶC

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Văn Cơ	1934	Thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ấn.	9				65	790	70 công/răng	Đao Lù (2), khánh (02), khót (9), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	0	
2	Phạm Văn Hoà	1935	Hạ Mỹ, xã Mỹ Tân	4				22	230	61 công/răng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (9), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (03), quạt lông vũ (01), 6 đôi cào	1	
3	Bùi Văn Linh	1941	Thôn Linh Sơn, xã Ngọc Sơn.	3				40	450	44 công/răng	Đao Lù (1), khánh (1), khót (7), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cào	1	
4	Phạm Quang Vinh	1941	Làng Quên, xã Phúc Thịnh.	2				40	580	58 công/răng	Đao Lù (5), khánh (03), khót (13), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	0	
5	Nguyễn Đình Đương	1942	Thôn YênThắng, xã Ngọc Trung.	3				60	600	73 công/răng	Đao Lù (3), khánh (03), khót (5), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 6 đôi cào	1	
6	Bùi Văn Quang	1942	Thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ấn.	9				60	800	78 công/răng	Đao Lù (1), khánh (1), khót (1), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 6 đôi cào	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Lê Đức Chiêu	1943	Làng Trạc, xã Phúc Thịnh.	5				32	300	51 công/răng	Đao Lù (1), khánh (03), khót (8), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	1	
8	Phạm Văn Thành	1943	Làng Nghiện, xã Cao Ngọc	4				23	160	58 công/răng	Đao Lù (2), khánh (4), khót (9), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (02), quạt lông vũ (01), 4 đôi cào	2	
9	Phạm Văn Tĩnh	1943	Làng Quên, xã Phúc Thịnh	2				40	460	58 công/răng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (5), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	0	
10	Phạm Xuân Thiện	1945	Khu phố Cao Phong, TT Ngọc Lặc	4				5	30	42 công/răng	Đao Lù (2), khánh (1), khót (4), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 2 đôi cào	5	
11	Bùi Ngọc Đình	1947	Làng Quên, xã Phúc Thịnh.	5				55	500	54 công/răng	Đao Lù (2), khánh (04), khót (6), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	0	
12	Bùi Văn Tản	1948	Thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ấn.	5				50	450	66 công/răng	Đao Lù (1), khánh (03), khót (4), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (0), 4 đôi cào	0	
13	Bùi Minh Thông	1948	Làng Đồng Đang, xã Nguyệt Ấn.	2				40	355	68 công/răng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (5), mũ vọ (02), áo tể (01), quạt giấy (02), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
14	Lê Văn Thục	1948	Làng Minh Lai, xã Minh Sơn	1				5	36	46 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (10), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (02), quạt lông vũ (01), 2 đôi cảo	0	
15	Phạm Văn Dần	1950	Thôn Vin Cạn, xã Cao Ngọc	3				25	150	51 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (02), khót (8), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (03), quạt lông vũ (01), 5 đôi cảo	3	
16	Phạm Văn Lục	1950	Thôn Lỗ, xã Cao Ngọc	9				42	210	71 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (02), khót (12), mũ vọ (01), áo tể (02), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 6 đôi cảo	2	
17	Lê Thanh Hà	1950	Thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn	9				20	180	62 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (04), khót (13), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cảo	6	
18	Phạm Như Thường	1951	Làng Kiên Minh, xã Kiên Thọ	6				5	30	43 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (02), khót (10), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 2 đôi cảo	3	
19	Phạm Văn Tơ	1952	Thôn Đông Sơn, xã Thuý Sơn	3				2	8	46 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (02), khót (11), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	1	
20	Phạm Văn Thân	1954	Thôn Thanh Sơn, xã Ngọc Sơn	3				45	360	40 cuông/rằng	Đao Lù (1), Khánh (1), Khót (15), Mũ, Vọ (01), Áo tể (01), Quạt giấy (02), quạt lông vũ (01), 2 đôi cảo	1	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
21	Hà Văn Quy	1954	Làng Thọ Phú, xã Kiên Thọ	5				2	15	46 công/ràng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (15), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (02), quạt lông vũ (01), 3 đôi cào	2	
22	Lê Thanh Nhấn	1957	Thôn Rẻ, xã Vân Am	3				14	130	60 công/ràng	Đao Lù (2), khánh (05), khót (11), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 5 đôi cào	02	
23	Lê Văn Ba	1960	Làng Thạch Yên, xã Thạch Lập	1				3	15	45 công/ràng	Đao Lù (3), khánh (03), khót (12), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cào	3	
24	Lê Văn Hùng	1960	Thôn Cao Sơn, xã Vân Am	3				12	115	51 công/ràng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (13), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (02), quạt lông vũ (02), 3 đôi cào	0	
25	Lê Văn Thiệp	1960	Làng Lau, xã Phùng Giáo	1				3	10	50 công/ràng	Đao Lù (1), khánh (01), khót (5), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (02), quạt lông vũ (0), 2 đôi cào	0	
26	Bùi Văn Thành	1960	Làng Chu, xã Phùng Minh.	6				43	500		Đao Lù (1), khánh (03), khót (11), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 2 đôi cào	0	
27	Bùi Văn Lanh	1961	Làng Chả Thượng, Mỹ Tân	4				20	145	56 công/ràng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (10), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cào	0	
28	Bùi Thế Lập	1962	Làng Mới, xã Mỹ Tân.	3				3	12	43 công/ràng	Đao Lù (2), khánh (02), khót (13), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cào	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
29	Phạm Văn Kiến	1962	Làng Rềnh, xã Đồng Thịnh	6				12	35	56 cuông/rằng	Đao Lù (1), khánh (03), khót (10), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (05), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	2	
30	Cao Văn Hiếm	1963	Làng Quang Phú, xã Quang Trung	9				23	230	48 cuông/rằng	Đao Lù (3), khánh (04), khót (15), mũ vọ (01), áo tể (02), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	2	
31	Phạm Quốc Thanh	1964	Làng Cốc, xã Phùng Minh.	9				41	246		Đao Lù (1), khánh (01), khót (5), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	0	
32	Lê Văn Thế	1965	Thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn	9				23	210	55 cuông/rằng	Đao Lù (1), khánh (03), khót (7), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	3	
33	Phạm Văn Tự	1965	Làng Chả Thượng, Mỹ Tân.	5				7	45	50 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (5), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	0	
34	Trần Trọng Hiên	1966	Thôn Mết, xã Vân Am	3				15	180	50 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (05), khót (6), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	02	
35	Phạm Văn Lực	1966	Làng Mỏ, xã Mỹ Tân.	6				8	85	52 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (04), khót (9), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
36	Phạm Văn Cơi	1968	Làng Bót, xã Minh Sơn	6				31	240	51 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (11), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (02), 4 đôi cảo	0	
37	Bùi Văn Thân	1968	Làng Chu, xã Phùng Minh.	9				18	175		Đao Lù (1), khánh (02), khót (7), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	2	
38	Trịnh Văn Tự	1969	Thôn Tiền Phong, xã Ngọc Sơn.	3				10	35	46 cuông/rằng	Đao Lù (1), khánh (03), khót (12), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	1	
39	Quách Văn Quyền	1973	Thôn Xuân Minh, xã Ngọc Trung	2				30	520	60 cuông/rằng	Đao Lù (1), khánh (03), khót (8), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	0	
40	Bùi Văn Ngần	1976	Làng Chả Thượng, Mỹ Tân.	3				7	35	56 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (17), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 4 đôi cảo	0	
41	Quách Văn Thượng	1976	Thôn Bái E, xã Quang Trung	3				2	6	41 cuông/rằng	Đao Lù (2), khánh (03), khót (10), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	3	
42	Phạm Ngọc Đức	1997	Thôn Vìn Cạn, xã Cao Ngọc	6				6	36	55 cuông/rằng	Đao Lù (1), khánh (04), khót (6), mũ vọ (01), áo tể (01), quạt giấy (01), quạt lông vũ (01), 3 đôi cảo	1	

6. HUYỆN NHƯ THANH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Quách Văn Khệt	1937	Thôn Bái Đa 1, xã Phượng Nghi	2				24	200	1. Mo nhìn 2. Mo lên		2	
2	Quách Văn Ui	1945	Thôn Rộc Môn, xã Mậu Lâm	04		04		30	500	1. Đê đất - đê nước" (hay còn gọi là Mo Trêu) và "Mo lên trời" (hay gọi là Mo dẫn đường) 2. Mo làm vía giải hạn 3. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng		
3	Bùi Nha Trang	1947	Thôn Bái Gạo I, xã Mậu Lâm	04		04		40	800	1. Đê đất - đê nước" (hay còn gọi là Mo Trêu) và "Mo lên trời" (hay gọi là Mo dẫn đường) Mo làm vía giải hạn 2. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng		
4	Quách Văn Phần	1948	Thôn Đồng Tiến, xã Mậu Lâm	04		04		30	500	1. Đê đất - đê nước" (hay còn gọi là Mo Trêu) và "Mo lên trời" (hay gọi là Mo dẫn đường) 2. Mo làm vía giải hạn 3. Trừ tà ma	Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo, chiêng		
5	Trương Văn Minh	1960	Thôn Đồng Phong, xã Phượng Nghi	4		4		25	210	1. Mo nhìn 2. Mo lên	Răng quỳ, răng hổ, răng lợn lòi, sừng hoẵng, tầm sét, hòn đá khét, hạt chu đồng, củ gừng, lá lạnh lẳng, dao nhọn, cào bằng cây nửa 2 ngọn.	2	
6	Quách Văn Hà	1961	Thôn đồng Quốc, xã Xuân Phúc	04				15	30	1. Mo nhìn 2. Mo lên	Kiểm 02 cái chuông, 03 cái cào, hai bộ áo, 01 cái mũ, 03 cái túi khót	01	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
7	Bùi Văn Bằng	1964	Thôn Đồng Mọc, xã Mậu Lâm	02		02		40	300	1. Đê đất - đê nước" (hay còn gọi là Mo Trêu) và "Mo lên trời" (hay còn gọi là Mo dẫn đường) 2. Mo làm vía giải hạn 3. Trừ tà ma			
8	Bùi Văn Mạnh	1965	Thôn Bái Con, xã Xuân Phúc	03				08	16	1. Mo ma 2. Mo làm vía			
9	Bùi Văn Bản	1966	Thôn Đồng Bóp, xã Mậu Lâm	03		03		20	150	1. Đê đất - đê nước" (hay còn gọi là Mo Trêu) và "Mo lên trời" (hay còn gọi là Mo dẫn đường) 2. Mo làm vía giải hạn 3. Trừ tà ma			
10	Bùi Văn Điền	1967	Thôn Bãi Hưng, xã Phượng Nghi	6		6		9	150	1. Mo nhìn 2. Mo lên	Răng quỳ, răng hổ, răng lợn lòi, sừng hoẵng, tầm sét, hòn đá khét, hạt chu đồng, củ gừng, lá lành lừng, dao nhọn, cỏ làm bằng cây nửa 2 ngọn.	0	
11	Bùi Văn Ký	1970	Thôn Đồng Mọc, xã Mậu Lâm	02		02		30	250	1. Đê đất - đê nước" (hay còn gọi là Mo Trêu) và "Mo lên trời" (hay còn gọi là Mo dẫn đường) 2. Mo làm vía giải hạn 3. Trừ tà ma			
12	Bùi Văn Thủy	1972	Thôn Cây Nghĩa, xã Xuân Thái	03				05	30	1. Mo nhìn 2. Mo lên	Sừng động vật, nanh, kiếm, quạt giấy, quần áo, mũ, viên đá		

7. HUYỆN NHƯ XUÂN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Bùi Mạnh Kế	1967	Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh	4		4		13	80	1. Kẹ 2. Cúng sắt nghỉ 3. Khuôn Khăng 4. Goái bừa 5. Mo Nhìn 6. Mo lên 7. Mát nhà 8. Làm vía 9. Hả (làm thuốc) 10. Bộ mệh 11. Rảng sường 12. Cúng Thổ Công 13. Không Nhà 14. Cúng mở cửa mã	Khót, khénh (chuông đồng), kiếm, quạt, cào		
2	Bùi Văn Hường	1973	Thôn Khe Khoai, xã Thượng Ninh	3		3		15	900	1. Kẹ 2. Khuôn Khăng 3. Mo nhập quan 4. Mo goái bừa 5. Mo kể chuyện 6. Mo giun 7. Mo nhìn 8. Mo lên 9. Mo làm vía 10. Cúng giải hạn 11. Hả (làm thuốc)	Kiểm, quạt, cào, khót, khénh (chuông đồng), nanh cọt, sường hoẵng, nanh lợn lòi, sường cheo,...	1	
3	Bùi Văn Tuất	1973	Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh	4		4		9	800	1. Mo nhìn 2. Mo lên 3. Mo ba ngã 4. Mát nhà 5. Làm vía 6. Khuôn Khăng	Cào, quạt, keo renh.		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4	Bùi Văn Thọ	1979	Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh	4		4		10	400	1. Cứng sắt nghĩ 2. Kẹ 3. Khuôn Khăng 4. Mo nhập quan 5.Mo nhìn 6. Mo lên 7. Hả (làm thuốc)	Khót, nanh cạp, sừng hoẵng, nanh lợn lòi, sừng cheo		

8. HUYỆN QUAN HÓA

1	Lương Văn Nhiên	1943	Bản Bâu, xã Nam Động	3				16	52	Thuộc và thực hành được	Khót, trứng đá, quàng quàng, chảo bằng đồng, riêu sét	05	
2	Lò Văn Hoàn	1958	Bản Ta Bán, xã Trung Sơn	3				16		Thuộc và thực hành được	Khót, trứng đá, quàng quàng, chảo bằng đồng, riêu sét	0	
3	Ngân Văn Chính	1963	Bản Khuông, xã Nam Xuân	3				17	42	Thuộc và thực hành được	Khót, trứng đá, quàng quàng, chảo bằng đồng, riêu sét	0	
4	Lương Văn Nhú	1963	Bản Lở, xã Nam Động	3				15	48	Thuộc và thực hành được	Quàng quàng, chảo bằng đồng, riêu sét	0	
5	Lục Văn Quá	1969	Bản Cua, xã Nam Tiến	1				20	05	Thuộc và thực hành được	Khót, trứng đá, quàng quàng, chảo bằng đồng, riêu sét	0	
6	Len Văn Yêu	1974	Bản Khang, xã Nam Tiến	1				18	30	Thuộc và thực hành được	Khót, trứng đá, quàng quàng, chảo bằng đồng, riêu sét	02	

9. HUYỆN QUAN SƠN

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Hà Văn Ngọc	1952	Thôn Na Hồ, xã Sơn Điện	1		2		7	56	Thuộc cả bài Mo	Dùng cả túi khốt	1	
2	Lương Văn Quế	1954	Thôn Xuân Sơn, xã Sơn Điện	1		2		15	120	Thuộc cả bài Mo	Dùng cả túi khốt	2	
3	Lương Văn Cường	1962	Thôn Xuân Sơn, xã Sơn Điện	1		2		6	42	Thuộc cả bài Mo	Dùng cả túi khốt	0	
4	Hà Văn Khuyên	1964	Thôn Na Hồ, xã Sơn Điện	1		1		4	38	Thuộc cả bài Mo	Dùng cả túi khốt	0	

10. HUYỆN THẠCH THÀNH

1	Lê Văn Nưng	1938	Thôn Đa Đụn, xã Thành Trực	4				55	350	1. Mo lên trời 2. Mo nhìn...	Túi khốt, quần áo Mo, mũ sừng Mo, khánh, chuông, quạt, mâm nỗ (sừng, dao, diu đá, rìu đồng, răng thú các loại, đồng tiền âm đương, dao....	2	
2	Bùi Văn Tấn	1944	Thôn Liên Sơn, xã Thạch Sơn	3		3		30	1050	1. Khấn lộc 2. Bóc mộ	Khánh, quạ lông chim, trang phục, kiếm	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
3	Đình Thế Vị	1950	Thôn Bông Bụt, xã Thành Công	4		4		40	200	1. Quét khăn 2. Khăn nỏ 3. Dây khót 4. Kẹ 5. Khăn tổ tiên nhà người chết 6. Cúng ma ra 7. Vải bừa 8. Mo đi 9. Đón vong 10. Vải bừa đim 11. Năm vong 12. Làm vía	Nanh lợn lòi, nanh hổ, kiếm, thuồng, khánh, âm dương, cang cầm, cào, quần áo, mũ, khăn ần, lông công, cò	4	
4	Bùi Văn Ngừ	1952	Thôn Luông, xã Thành Minh	2				31	500	1. Mo nhìn 2. Mo lên trời 3. Mo xin đuông 4. Mo xem si 5. Mo kiện 6. Mo ngồi...	Khăn cầm, khánh, quạt, mũ bông leo, áo Mo, 02 lông công, khăn trắng, sừng thú (hoảng, hùm), cây ngái, cây nghệ đen, gừng, riu đá, riu đồng	2	
5	Bùi Văn Mao	1952	Thôn Mục Long, xã Thành Minh	2				25	250	1. Mo nhìn 2. Mo lên trời	Khăn cầm, khánh, quạt, mũ bông leo, áo Mo, 02 lông công, khăn trắng, sừng thú (hoảng, hùm), cây ngái, cây nghệ đen, gừng, riu đá, riu đồng	0	
6	Bùi Kính Vịnh	1953	Thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng		x			12	0	1. Mo nhìn 2. Cúng 3. Làm vía	Bộ túi khót	0	
7	Bùi Ngọc Đình	1954	Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo	7		7		32	2304	Đủ các roóng Mo	Túi khót 1 bộ: Mũ, Áo choàng, Khánh (2 cái), Quạt, Nanh, sừng thú rừng (hùm, lợn lòi, nai, trâu, hoảng); (thuồng, mai, dao), khăn, cò		
9	Bùi Hiền Lương	1956	Thôn Đồng Ngư, xã Thành An	4		4		17	500	Mo nhìn, quét khăn, khăn nỏ, dây khót, Kẹ, Khăn tổ tiên nhà người chết, vải bừa, Mo đi, Đón vong, vải bừa đim, năm vong, làm vía	Quạt, nanh hổ, nanh lợn rừng, nanh thú, riu đá, riu đồng, khánh, thuồng, kiếm, quần áo, mũ, khăn ần, sừng hoảng, chân gà rừng, đá, dao nhọn	01	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
8	Nguyễn Đình Phúc	1954	Thôn Đăng Thượng, xã Thạch Lâm	8				54	2200	Đủ 14 loại: 1. Mo nhìn (trong nhà) 2. Mo lên trời 3. Mo thăm tru 4. Mo kéo tru 5. Mo chặt tru 6. Mo làm nhà quan 7. Mo nhìn (ngoài đường) 8. Mo chia cửa 9. Mo năm vong 10. Mo thu cổ 11. Mo làm mát nhà 12. Mo vía 13. Mo kẹ (trừ bệnh) 14. Mo cõi áo tháo tang...	Khánh chuông, đao lù, giáo dài, cảo, tiền xu âm dương, mũ áo, quạt...	6	
9	Bùi Hiền Lương	1956	Thôn Đồng Ngự, xã Thành An	4		4		17	500	1. Mo nhìn 2. Quét khăn 3. Khấn nỏ 4. Dậy khốt 5. Kẹ 6. Khấn tổ tiên nhà người chết 7. Vải bữa 8. Mo đi 9. Đón vong 10. Vải bữa đim 11. Năm vong 12. Làm vía	Quạt, nanh hổ, nanh lợn rừng, nanh thú, riu đá, riu đồng, khánh, thuồng, kiếm, quần áo, mũ, khăn ấu, sừng hoẵng, chân gà rừng, đá, dao nhọn	01	
10	Cao Đăng Thanh	1956	Thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng		x			2	0	1. Mo nhìn 2. Cúng 3. Làm vía	Bộ túi khốt	0	
11	Nguyễn Đình Khiên	1956	Thạch Lỗi, xã Thành Tân	5				40		1. Mo vào quan 2. Mo cúng cơm 3. Mo nhìn họ hàng bên ma 4. Mo quẩy 5. Chèo 6. Mo kể cuông (thập ân) 7. Mo căn dặn con cháu 8. Mo vái...	Kiểm dài bọc bằng nanh, sừng dùng để nạt nỏ (ma), áo dài, mũ chào mào, tầm sét bằng đá hoặc đồng, sừng hoẵng, hươu hoặc ngà voi	10	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
12	Tiết Bá Ninh	1957	Thôn Tượng Phong, xã Thạch Tượng	5				15	75	Tất cả các Rooney: 1. Cúng 2. Mo nhìn 3. Mo lên trời 4. Mo để đất để nước 5. Mo tiêu	Dao: chém ma đuổi ma đi. Chuông: gọi hồn ma, nanh lòi, nanh hùm, khánh 04 cái, quạt, áo Mo (áo choàng dài và áo khoác), mũ Mo (mũ đội khi ngồi 02 cái, mũ đứng vải 01 cái chào mào, lông công	0	
13	Nguyễn Văn Đình	1958	Thôn Đẳng Thượng, xã Thạch Lâm	0				16	12	1. Mo lên 2. Mo nhìn 3. Mo vải 4. Mo mát	Khánh chuông, dao lù, giáo dài, cào, tiền xu âm dương, mũ áo, quạt	0	
14	Đình Văn Dung	1959	Thôn Thành Trung, xã Thành Yên	02				15	200	1. Mo nhìn 2. Mo làm vía 3. Mo lên trời	Túi khốt, chuông, dao bằng sừng hoẵng, khánh, quạt	0	
15	Bùi Đức Lưu	1959	Thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	3				5	0	1. Mo nhìn 2. Làm vía	Bộ túi khốt	0	
16	Trương Đình Muộn	1961	Thôn Đồng Khanh, xã Thành Thọ	3		3		45	2.123	1. Mo nhìn	Túi khốt, 1 bộ dao kiếm, răng nạng hổ, lưới riêu bằng đồng, bằng đá, chuông đồng...	0	
17	Nguyễn Văn Tình	1962	Thôn Mục Long, xã Thành Minh	2				30	300	1. Mo nhìn 2. Mo lên 3. Mo mát	02 khánh, túi khốt, nanh báo, sừng hoẵng; quạt, dao lù, dao con; áo Mo, mũ Mo	0	
18	Bùi Văn Hồng	1963	Thôn Thành Trung, xã Thành Yên	02				20	300	1. Mo nhìn 2. Mo làm vía 3. Mo lên trời	Túi khốt, khánh, dao; kiếm, áo, mũ, sừng thú các loại, quạt...	0	
19	Đình Thế Nhị	1963	Thôn Trường Châu, xã Thành Công	4		4		44	220	1. Quét khăng 2. Khấn nổ 3. Dậy khốt 4. Kẹ 5. Khấn tổ tiên nhà người chết 6. Cúng ma ra 7. Vải bữa 8. Mo đi 9. Đón vong 10. Vải bữa đơm 11. Nắm vong 12. Làm vía	Nanh lợn lòi, nanh hổ, kiếm, thuồng, khánh, âm dương, cang cầm, cào, quần áo, mũ, khăn ần, lông công, cờ	4	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
20	Đình Văn Đăng	1964	Thôn Đồng Thành, xã Thành Yên		x			20	300	1. Mo nhìn 2. Mo làm vía 3. Mo lên trời	Chuông, dao bằng sừng hoẵng, khánh, quạt	0	
21	Bùi Văn Thảo	1965	Thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	3				30	56	1. Mo nhìn 2. Làm vía	Bộ túi khốt	0	
22	Bùi Văn Ánh	1967	Thôn Đồng Hưng, xã Thạch Sơn	3		3		15	850	1. Mo nhìn 2. Nược bựa	Khánh, quạt lông chim, trang phục, kiếm	0	
23	Đình Thế Diện	1978	Thôn Bông Bụt, xã Thành Công	5		5		03	200	1. Quét khăn 2. Khấn nỏ 3. Dây khốt 4. Kẹ 5. Khấn tổ tiên nhà người chết 6. Cúng ma ra 7. Vải bựa 8. Mo đi 9. Đón vong 10. Vải bựa đim 11. Nắm vong 12. Làm vía	Nanh lợn lòi, nanh hổ, kiếm, thuổng, khánh, âm dương, cang cầm, cào, quần áo, mũ, khăn ần, lông công, cò	0	
24	Bùi Văn Tân	1985	Thôn Nghen, xã Thành Minh	2				10	120	1. Mo lên 2. Mo nhìn 3. Mo vải 4. Mo mát	Túi khốt, khánh, quạt, dao, áo Mo, mũ Mo...	0	
25	Bùi Thanh Oai	1986	Thôn Đầm Hương, xã Thành Minh	3				05	150	1. Mo lên 2. Mo nhìn 3. Mo vải 4. Mo mát	Túi khốt đủ bộ: Khăn cầm, khánh, quạt, mũ bông leo, áo Mo, lông công, khăn trắng, sừng thú (hoẵng, hùm.); cây ngái, cây nghệ đen, riêu đá, riêu đồng...	0	

11. HUYỆN THƯỜNG XUÂN

1	Phạm Văn Ngân	1934	Thôn Trung Thành, xã Lương Sơn	2				30	90	50 củong/ràng	Chuông, viên đá, vàng, bạc, diu đá	0	
---	---------------	------	--------------------------------	---	--	--	--	----	----	---------------	------------------------------------	---	--



DISTRICT...

No.	Full name	Date of Birth (Age)	Gender		Address/ Phone number	The role during the ritual practice				Does the family have a tradition of working with the profession		Number of years working with the profession	Number of the rituals practiced in funerals (estimated)	Number of people who learn the Mo profession (if any)	Notes
			Male	Female		The Clượng sorcerer	Performers of the musical instruments		Dancers (if any)	How many generations	No				
							Type of the musical instruments	Number/Title of the practiced repertoires							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1															
2															

1. HUYỆN BÁ THƯỚC

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh (tuổi)	Giới tính		Địa chỉ/Số điện thoại	Vai trò khi thực hành lễ			Gia đình có truyền thống làm nghề không		Số năm làm nghề	Số lượng Nghi lễ tang ma đã thực hiện (ước tính)	Số lượng Học trò (nếu có)	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Thầy Trưởng/ Chí chuỗi/ Bà Mẹ Mụ/ Nghề làm nhà xe/ Nghề giúp làm Áo phủ quan tài	Người chơi nhạc cụ		Người múa chuyên trách (nếu có)	mấy đời					không
							Loại nhạc cụ	Số lượng/Tên bài bản thực hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Phạm Văn Báo	1969	x		Thị trấn Cảnh Nàng		Đánh Cồng			1		15	80	0	
2	Bùi Văn Cảnh	1969	x		Thôn Trung Thành, xã Lương Trung		Kèn	2			x	10	50		
3	Phạm Văn Cảnh	1964	x		Thôn Duồng, xã Điền Hạ		Trống	Đánh theo thầy Mo				8			
4	Trương Công Chiên	1963	x		Thôn Man Môn, xã Hạ Trung		Kèn			2			57		
5	Phạm Ngọc Chiêu	1967	x		Khu phố Đăm, thị trấn Cảnh Nàng		Đánh Trống			1		16	85	0	
6	Phạm Văn Cường	1952	x		Thị trấn Cảnh Nàng		Đánh Trống	Đánh theo thầy Mo		1		35	150	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
7	Hà Thái Duyên	1941	x		Thôn Lau, xã Điền Thượng	x	Đánh Trống, Chiêng				x	20	100	0	
8	Phạm Hồng Ích	1959	x		Thôn Nan, xã Điền Hạ		Chuông	Đánh theo thầy Mo, theo trống				10			
9	Trương Công Liếc	1961	x		Thôn Man Môn, xã Hạ Trung		Cồng			2		54			
10	Bùi Văn Năm	1975	x		Thôn Ben, xã Lương Nội.		Kèn	5			x	22	200	0	
11	Bùi Văn Quyết	1971	x		Thôn Nan, xã Điền Hạ		Kèn	Thổi theo thầy Mo				5			
12	Bùi Văn Rụng	1960	x		Làng Tôm, xã Ái Thượng	x	Chuông			5		28	500	1	
13	Bùi Nam Thanh	1958	x		Thôn Nan, xã Điền Hạ		Kèn	Thổi theo thầy Mo				12			
14	Trương Công Thế	1947	x		Thôn Sông Mã, xã Điền Lư	x	Trống, cồng	05	0	03		52	29	02	
15	Hà Oanh Thọ	1944	x		Thôn Riêng, xã Điền Lư	x	Trống, cồng	05	0	03		43	53	03	
16	Trương Hữu Tĩnh	1951	x		Làng Thung Tôm, xã Ái Thượng	x	Chuông			3		12	200	1	
17	Trương Công Trực	1961	x		Thôn Man Môn, xã Hạ Trung		Trống			2		46			
18	Trương Văn Tứ	1952	x		Thị trấn Cảnh Nàng		Kèn	Thổi theo thầy Mo		2		35	105	0	
19	Hà Văn Y	1977	x		Thôn Âm, xã Lương Nội		Kèn	5			x	28	300	0	

2. HUYỆN CẨM THỦY

1	Trương Bắc Kinh	1968	x		Thôn Muốt, xã Cẩm Thành		Cồng, trống, kèn		0	02		17			
2	Cao Hải Lý	1958	x		Thôn Quý Tân, xã Cẩm Quý	Giúp việc	Trống, cồng, kèn	mỗi loại nhạc cụ 4 bài	0	02		10	200	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Phạm Văn Nghi	1978	x		Thông Song, xã Cẩm Ngọc		Trống			03		04	50		
4	Quách Văn Nhiệm	1969	x		Thôn Đồng Lão, xã Cẩm Ngọc		Chiêng			01		03	100		
5	Nguyễn Văn Soái	1967	x		Thông Song Nga, xã Cẩm Ngọc		Kèn			01		20	1000		
6	Bùi Văn Sơn	1962	x		Thông song Nga, xã Cẩm Ngọc		Trống			01		04	50		
7	Hà Văn Thái	1964	x		Thôn Đồng Lão, xã Cẩm Ngọc		Trống			02		04	100		
8	Bùi Văn Tiến	1976	x		Thôn Cốc, xã Cẩm Thạch	x			0	03		08	242	0	
9	Cao Văn Tĩnh	1978	x		Thôn Muốt, xã Cẩm Thành		Cồng, trống, kèn		0	02			13	0	
10	Bùi Văn Trạm	1960	x		Thôn Muốt, xã Cẩm Thành		Cồng, trống, kèn		0	02			18	04	

3. HUYỆN LANG CHÁNH

1	Lê Văn Chính	1948	x		Thôn Sơn Thủy, xã Tân Phúc		Trống, chiêng			02		25	150	00	
2	Bùi Thị Cơi	1957		x	Làng Trờ, xã Giao An		Trống, chiêng			02		24	85	00	
3	Lê Thanh Điều	1933	x		Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	x	Trống, chiêng			02		17	14	00	
4	Hà Văn Do	1959	x		Khu phố Ảng, thị trấn Lang Chánh	x	Trống, chiêng			03		10	210	00	
5	Hà Huy Hoàng	1962	x		Thôn Cẩm Nê, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			04		05	06	00	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
6	Phạm Văn Kỳ	1939	x		Khu 2, xã Giao Thiện		Trống, chiêng			02		45	150		
7	Lê Văn Lét	1960	x		Thôn Quắc Quên, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			03		20	18	00	
8	Lê Trọng Liên	1952	x		Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	x	Trống, chiêng			02		15	305	02	
9	Lê Thanh Nhân	1963	x		Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	x	Trống, chiêng			04		13	70	02	
10	Phạm Văn Phương	1938	x		Thôn Cốc Mốc, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			04		30	68	03	
11	Lê Văn Thêm	1944	x		Thôn Cốc mốc, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			03		30	58	00	
12	Phạm Văn Thống	1952	x		Thôn Xuôm Chông, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			03		26	60	02	
13	Phạm Xuân Thu	1954	x		Thôn Xuôm Chông, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			04		28	78	02	
14	Lê Văn Xinh	1949	x		Thôn Quắc Quên, xã Đồng Lương	x	Trống, chiêng			04		29	25	00	

4. HUYỆN MƯỜNG LÁT

1	Hà Văn Hiến	1974	x		Bản Càn, xã Tam Chung	0	Trống, kèn, sáo	01	0	04		15	300	0	
---	-------------	------	---	--	--------------------------	---	--------------------	----	---	----	--	----	-----	---	--

5. HUYỆN NGỌC LẶC

1	Phạm Công Bảng	1981	x		Làng Bào, xã Phúc Thịnh		Trống	05		5		15	430	1	
2	Lương Văn Bảo	1959	x		Làng Me, xã Đồng Thịnh		Kèn	05		2		30	162	2	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Bùi Ngọc Châu	1962	x		Làng Rền, xã Đồng Thịnh		Trống, cồng	05		1		20	260	0	
4	Bùi Văn Đức	1971	x		Làng Quên, xã Phúc Thịnh		Cồng	05		1		12	250	0	
5	Bùi Văn Hành	1983	x		Thôn Ngủ Xê, xã Quang Trung		Kèn	05		2		10	150	1	
6	Đình Văn Hồng	1962	x		Thôn Ngủ Xê, xã Quang Trung		Trống, cồng	05		1		20	6	3	
7	Bùi Văn Lâm	1966	x		Thôn Tiên Phong, xã Ngọc Sơn		Kèn	05		3		25	350	1	
8	Bùi Văn Liên	1970	x		Làng Rền, xã Đồng Thịnh		Trống, cồng	05		2		10	110	1	
9	Lê Hồng Lý	1970	x		Thôn Giang Sơn, xã Thụy Sơn		Cồng	05		2		18	500	1	
10	Bùi Văn Thiết	1975	x		Thôn Minh Tiến, xã Ngọc Sơn		Trống	05		3		5	126	0	
11	Bùi Văn Thư	1971	x		Làng Quang Phú, xã Quang Trung		Trống, cồng	05		2		12	120	2	
12	Phạm Văn Toàn	1960	x		Làng Quên, xã Phúc Thịnh		Kèn	05		2		15	310	0	
13	Bùi Văn Tuấn	1955	x		Thôn Thanh Sơn, xã Ngọc Sơn		Cồng	05		1		10	110	1	
14	Lê Phúc Tuấn	1955	x		Thôn Giang Sơn, xã Thụy Sơn		Trống	05				10	165		

6. HUYỆN NHƯ THANH

1	Bùi Văn Bản	1966	x		Thôn Đồng Bóp, xã Mậu Lâm			04		03		20			
2	Bùi Văn Bằng	1964	x		Thôn Đồng Mộc, xã Mậu Lâm			04		02		40			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Bùi Văn Điền	1967	x		Thôn Bãi Hưng, xã Phương Nghi		Trống, kèn, chiêng, chập chặng			006		09	150		
4	Quách Văn Hà	1961	x		Thôn Đồng Quốc, xã Xuân Phúc		Kèn, trống, chiêng			04		15			
5	Quách Văn Khết	1937	x		Thôn Bái Đa 1, xã Phương Nghi		Trống, kèn, chiêng, chập chặng			02		24	200	02	
6	Bùi Văn Ký	1970	x		Thôn Đồng Mộc, xã Mậu Lâm			04		02		30		3	
7	Bùi Văn Mạnh	1965	x		Thôn Bái Con, xã Xuân Phúc		Kèn, trống, chiêng			03		08	16	1	
8	Trương Văn Minh	1960	x		Thôn Đồng Phong, xã Phương Nghi					04		25	210	02	
9	Quách Văn Phần	1948	x		Thôn Đồng Tiến, xã Mậu Lâm		Kiểm, nanh heo rừng, chuồn, quần áo	04		04		30			
10	Bùi Văn Thủy	1972	x		Thôn Cây Nghĩa, xã Xuân Thái		Trống, kèn, chiêng, chập chặng			03		05	30		
11	Bùi Nha Trang	1947	x		Bái Gạo I, xã Mậu Lâm		Kiểm, nanh heo chuông, quần áo.	04		04		12	40		
12	Quách Văn Ui	1945	x		Thôn Rộc Môn, xã Mậu Lâm		Kiểm, nanh heo rừng, chuông, quần áo	04		04		15	30		

7. HUYỆN NHƯ XUÂN

1	Quách Văn Cường	1985	x		Thôn Đông Xuân, xã Thượng Ninh		Trống			04		10	200		
2	Bùi Duy Đăng	1979	x		Thôn Đông Xuân, xã Thượng Ninh		Kèn			04		15	300		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3	Bùi Văn Đoài	1990	x		Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh		Chiêng			05		05	50		
4	Bùi Văn Mùi	1953	x		Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh	Thầy- Chuốc	Kèn			04		25	500	01	
5	Bùi Đức Nội	1970	x		Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh		Sập xèng			02		06	100		
6	Bùi Văn Sang	1972	x		Thôn Đồng Thanh, xã Thượng Ninh		Mỗ			04		25	400		

8. HUYỆN QUAN HÓA

1	Phạm Bá Bông	1967	x		Bản Ta Bán, xã Trung Sơn		Trống			02		16	17	06	
2	Lương Văn Hăng	1962	x		Bản Bâu, xã Nam Động		Trống			02		10	30		
3	Bùi Văn Hưng	1974	x		Bản Ta Bán, xã Trung Sơn		Trống			01		05	12		
4	Lương Văn Mun	1966	x		Bản Khuông, xã Nam Xuân		Chiêng	01		02		17	30	0	
5	Hà Văn Nghệp	1963	x		Bản Khang, xã Nam Tiến		Chiêng			03		20	27	04	
6	Lương Văn Nghị	1981	x		Bản Bâu, xã Nam Động	Giúp việc				01		05	30		
7	Phạm Thị Nguyễn	1967		x	Bản Ta Bán, xã Trung Sơn		Trống			01		06	15	05	
8	Lò Văn Sâm	1972	x		Bản Ta Bán, xã Trung Sơn		Trống			01		12	25	03	
9	Lò Văn Sơ	1966	x		Bản Khang, xã Nam Tiến		Trống			03		17	20	02	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
10	Lương Văn Thương	1966	x		Bản Khuông, xã Nam Xuân		Trống	01		02		17	30	0	
11	Lương Văn Tó	1955	x		Bản Bâu, xã Nam Động		Chiêng			03		10	30		
12	Vi Văn Toàn	1980	x		Bản Ta Bán, xã Trung Sơn		Trống			02		10	30	04	

9. HUYỆN QUAN SƠN

1	Lương Văn Cội	1962	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện		Kèn	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		01		14	46	01	
2	Lương Văn Đức	1976	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện,		Trống, chiêng	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		01		06	12	0	
3	Lương Văn Ệt	1961	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện		Trống, chiêng	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		01		12	40	0	
4	Lương Văn Hươn	1960	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện		Kèn	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		01		15	50	01	
5	Lương Văn Liên	1967	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện				Múa dao	01		14	25	0	
6	Lương Văn Nguồn	1971	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện		Trống, chiêng	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		01		10	35	0	
7	Lộc Văn Sơn	1961	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện		Trống, chiêng	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		02		15	55	0	
8	Lương Văn Thơ	1964	x		Bản Na Hồ, xã Sơn Điện	x	Kèn	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		02		16	70	0	
9	Hà Văn Thức	1952	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện		Trống, chiêng	Trầu, Tí kha, Wai, Ngô, Senh xé		01		20	80	02	
10	Lương Thanh Xuân	1964	x		Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	x			Múa dao	01		16	30	0	

10. HUYỆN THẠCH THÀNH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Nguyễn Văn Chỉnh	1952	x		Thôn Nghéo, xã Thạch Lâm		Trống, cồng	1				20	200		
2	Quách Công Chỉnh	1959	x		Thôn Đăng Thượng, xã Thạch Lâm		Trống, cồng	1				18	250		
3	Trương Văn Cường	1963	x		Thôn Cẩm Bộ, xã Thành Minh		Kèn					20	100	0	
4	Đình Văn Đăng	1964	x		Thôn Đồng Thành, xã Thành Yên		Đánh trống	3				20	400	0	
5	Bùi Văn Dích	1958	x		Thôn Thống Nhất, xã Thạch Lâm		Trống, cồng	1				15	200		
6	Nguyễn Văn Đình	1955	x		Thôn Thống Nhất, xã Thạch Lâm		Trống, cồng	1				22	400		
7	Đặng Ngọc Hiền	1969	x		Thôn Luông, xã Thành Minh		Trống con	5				10	200	0	
8	Quách Văn Hóa	1964	x		Thôn Thượng Quang, xã Thành Minh		Kèn, đánh trống	5				15	120	0	
9	Bùi Văn Hoàng	1950	x		Thôn Liên Sơn, xã Thạch Sơn	x	Kèn	3				30	700	0	
10	Bùi Văn Hùng	1950	x		Thôn Liên Sơn, xã Thạch Sơn	x	Chiêng	3				20	500	0	
11	Quách Văn Hùng	1960	x		Thôn Luông, xã Thành Minh		Chiêng	2				15	300	0	
12	Quách Văn Lối	1969	x		Thôn Mỹ Đàm, xã Thành Minh		trống	4				20	80	0	
13	Nguyễn Đình Sen	1981	x		Thôn Luông, xã Thành Minh		Trống cái	5				5	50	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Quách Văn Sinh	1970	x		Thôn Đồng Thành, xã Thành Yên		Thối kèn	3		02		20	400	0	
15	Bùi Văn Tấn	1944	x		Thôn Liên Sơn, xã Thạch Sơn	x	Trống	3				20	500	0	
16	Bùi Văn Thành	1956	x		Thôn Biện, xã Thạch Lâm		Trống, cồng	1				16	200		
17	Đặng Ngọc Thiệu	1976	x		Thôn Luông, xã Thành Minh		Bộc, chiêng	5				12	240	0	
18	Hà Văn Tươi	1975	x		Thôn Luông, xã Thành Minh		Cồng	5				10	200	0	
19	Đình Tiến Uy	1955	x		Thôn Yên Sơn 2, xã Thành Yên		Trống	3				10	200	0	
20	Bùi Đức Vượt	1972	x		Thôn Cẩm Bộ, xã Thành Minh		Thối Kèn, Đánh trống	14				35	180	0	
21	Trương Công Xứng	1956	x		Thôn Tự Cường, xã Thành Minh		Trống	5				20	60	0	
22	Quách Văn Y	1970	x		Thôn Mục Long, xã Thành Minh		Trống, thối kèn	5				20	1000		



DISTRICT...

No.	Name of the rituals	Locality where the rituals are practiced (hamlet, commune)	Purpose of the rituals	Time of the rituals	Space of the rituals	The ritual performers (the Mo sorcerer/the Mo sorcerer in the role of the Clượng sorcerer/the Clượng sorcerer/the Mỡi sorcerer)	Currently, the rituals are practiced frequently	The rituals are currently practiced little or not enough	The rituals had ever been practiced and are no longer practiced	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN BÁ THƯỚC

STT	Tên nghi lễ	Địa phương thực hành nghi lễ (thôn, xã)	Mục đích làm lễ	Thời điểm/thời gian làm lễ	Không gian làm lễ	Người thực hiện lễ (thầy Mơ/ thầy Mo trong vai trò thầy Clượng/ thầy Clượng/ thầy Mối)	Hiện vẫn đang thực hành thường xuyên	Hiện ít được thực hành hoặc thực hành không đầy đủ	Đã từng thực hành nhưng nay không còn nữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Các xã: Lương Trung, Thiết Ống, Hạ Trung, Kỳ Tân, Điền Thượng, Ái Thượng	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	x	Tại xã Thiết Ống, tiết lễ: Mo cắt dây ngoài đồng hiện nay ít được thực hiện. Các xã Hạ Trung, Kỳ Tân Mo tang ma được thực hiện không đầy đủ		
2	Mo đắp mả	Xã Lương Trung	Để người trong gia đình khỏi ốm đau	Khi trong nhà có người đau, ốm	Gia đình	Thầy Mo	x			
3	Mo vía	Các xã: Hạ Trung, Lương Trung, Lương Nội	Mo cúng vía, động viên tinh thần người ốm	Khi trong nhà có người đau, ốm; trẻ mới sinh, hết năm...	Gia đình, họ hàng	Thầy Mo làm vía	x	Tại xã Hạ Trung, Mo cúng vía ít được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ		
4	Mo mừng cơm mới	Xã Lương Trung	Làm cơm mới cho tổ tiên, cầu mong được phù hộ mùa màng bội thu	Sau khi thu hoạch lúa xong	Gia đình	Thầy Mo	x			

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Mo Lễ hội	Mo Lễ hội đền Páo	Xã Điền Lư	Cầu bình an	03/3 Âm lịch	Tại đền Páo của thôn	Thầy Mo	x			
		Mo trong Lễ hội thành hoàng làng	Xã Điền Quang	Cầu cho dân làng bình yên	10/3 Âm lịch	Tại đền thờ Tư Mã Hai Đào	Thầy Mo	x			
		Mo trong Lễ hội thần thiêng	Xã Điền Quang	Cầu cho quốc thái dân an	15 tháng Giêng hàng năm	Tại miếu thờ	Thầy Mo	x			

2. HUYỆN CẨM THỦY

1	Mo Tang ma	Các xã: Cẩm Ngọc, Cẩm Thạch, Cẩm Quý	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	Các tiết lễ: Mo vào Quan, Mo lên trời, Mo dẫn nỏ, Mo kẻ cương, Mo vải vỡ, Mo trên, Mo dưới, Mo gọi vía được thực hiện thường xuyên khi có đám tang	Các tiết lễ: - Thông qua ông chủ Mường ma - Mo nhìn (Đưa hồn người chết đi chơi, đi lên trời - Vải đầy (đưa người chết về với Mường ma) - Vải cổ cơm ít được thực hành hoặc thực hành chưa đầy đủ			
2	Mo mừng cơm mới	Xã Cẩm Quý	Mời tổ tiên về ăn cơm mới	Hàng năm sau khi gặt lúa xong	Trước bàn thờ gia tiên	Thầy Mo		x			
3	Mo mời gia tiên về ăn năm mới	Xã Cẩm Quý	Mời gia tiên về ăn năm mới (ăn tết)	Cuối năm (30 tết)	Trước bàn thờ gia tiên	Thầy Mo	x				
4	Mo đám cưới/ Mo dâu	Xã Cẩm Quý	Cúng báo cáo ông bà tổ tiên có con cháu nhập họ hoặc đi lấy chồng	Ngày diễn ra lễ cưới	Trong nhà	Thầy Mo		x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
5	Mo vía	Các xã Cẩm Quý, Cẩm Thành	Làm vía cho người sau khi khỏi ốm, bệnh, tai nạn. Xin vía cho gia đình, con cháu được khỏe mạnh	Sau khi khỏi ốm, bệnh, tai nạn hay thời điểm cuối năm hoặc là con cháu đi xây dựng gia đình lâu ngày về thăm nhà	Trước bàn thờ gia tiên Nhà xây: Gian trong nhà Nhà sàn: ở cửa sổ gian ngoài	Thầy Mo	x			
6	Mo trả nợ	Xã Cẩm Thành	Khi gia đình con cháu làm ăn lục đục, Mo trả nợ để xin lại vía cho con cháu trong gia đình mạnh khỏe, làm ăn thuận lợi	Khi gia đình, con cháu làm ăn lục đục	Giữa nhà chính	Thầy Mo	x			
7	Mo kéo si	Xã Cẩm Thành	Mo cho người già bị ốm được khỏe lại	Người già bị ốm nặng	Giữa nhà chính	Thầy Mo	x			
8	Mo tom ma	Xã Cẩm Thành	Đuổi tà ma để người bị ốm được khỏe lại	Người trong gia đình bị ốm	Ở ngoài rừng; ngã 3 đường khu gần nhà; Ở giữa nhà	Thầy Mo	x			
9	Mo đổi số	Xã Cẩm Thành	Mo cho người quá già đổi số để được sống khỏe	Người quá già trong gia đình được sống khỏe mạnh	Giữa nhà chính	Thầy Mo	x			
10	Mo Pồn Pông	Xã Cẩm Thành	Dâng hoa, dâng lễ để cầu cho con cháu bách gia, trăm họ mạnh khỏe, hạnh phúc	Thời điểm vào tháng 3 và tháng 7 Âm lịch	Làm lễ tại điện của nhà thầy	Thầy Mo	x			

3. HUYỆN LANG CHÁNH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Xã Tân Phúc, thị trấn Lang Chánh, xã Đồng Lương, xã Giao An	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	x			
2	Mo gọi Vía	Xã Giao Thiện, xã Tân Phúc, thị trấn Lang Chánh, xã Đồng Lương, xã Giao An	Động viên người ốm đau, sinh, mới đi xa về	Người mới ốm dậy, đi xa mới về, mới sinh	Tại gia đình	Thầy Mo, thầy cúng	x		x	
3	Mo mát nhà	Xã Giao Thiện, xã Tân Phúc, thị trấn Lang Chánh, xã Đồng Lương, xã Giao An	Khi về nhà mới, thầy Mo đến cúng để làm sạch đất ở cho gia chủ	Trong lễ về nhà mới, đám cưới	Tại gia đình	Thầy Mo, thầy cúng	x			

4. HUYỆN MƯỜNG LÁT

1	Mo tang ma	Xã Tam Chung	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	x			
2	Mo làm vía	Xã Tam Chung	Gọi hồn, gọi vía người mất	Buổi sáng, chiều hoặc tối khi có người mời.	Diễn ra trong gia đình làm lễ	Thầy Mo	x			
3	Mo cúng gia tiên	Xã Tam Chung	Cầu mong tổ tiên phù hộ làm ăn phát đạt, không ốm đau, bệnh tật	Buổi chiều tối, từ 17 - 18 giờ	Diễn ra trong gia đình làm lễ	Thầy Mo	x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Mo cúng ốm đau	Xã Tam Chung	Mong khỏe mạnh, hết ốm đau	Tổ chức tại gia đình có người ốm, vào bất kể thời gian nào trong ngày	Diễn ra trong gia đình làm lễ	Thầy Mo	x			

5. HUYỆN NGỌC LẶC

1	Mo tang ma	Tại các xã: Quang Trung, Phúc Thịnh, thị trấn Ngọc Lặc, Ngọc Sơn, Ngọc Trung, Kiên Thọ, Minh Sơn, Thạch Lập, Vân Am, Mỹ Tân, Thuý Sơn, Nguyệt Ấn, Phùng Minh, Đồng Thịnh, Cao Ngọc, Phùng Giáo	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	Các tiết lễ: - Mo Sứ thi dân tộc Mường trong lễ tang ma mới, gồm : Mo lên, Mo nhân, Mo trêu, Mo thăm, Mo mát... - Mo Sứ thi dân tộc Mường trong đám ma khô (sang mộ, hết tang cho người chết) được thực hiện thường xuyên khi có đám tang.			
2	Mo mát nhà	Tại các xã: Quang Trung, Phúc Thịnh, Thị trấn Ngọc Lặc, Ngọc Sơn, Ngọc Trung, Kiên Thọ, Minh Sơn, Thạch Lập, Vân Am, Mỹ Tân, Thuý Sơn, Nguyệt Ấn, Phùng Minh, Đồng Thịnh, Cao Ngọc, Phùng Giáo	Xua đuổi những điều xấu, cầu mong những điều tốt đẹp đến cho gia chủ	Thường vào đầu năm mới	Trong gia đình các chủ nhà người Mường	Thầy Mo		x		

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Mo vía		Các xã: Quang Trung, Phúc Thịnh, thị trấn Ngọc Lặc, Ngọc Sơn, Ngọc Trung, Kiên Thọ, Minh Sơn, Thạch Lập, Vân Am, Mỹ Tân, Thuý Sơn, Nguyệt Ấn, Phùng Minh, Đồng Thịnh, Cao Ngọc, Phùng Giáo	Xua đuổi những điều xấu, cầu mong những điều tốt đẹp cho trẻ nhỏ, người già và những người đang mắc bệnh	Các thời gian trong năm	Trong gia đình người Mường	Thầy Mo	x			
4	Mo lễ hội	Mo trong Lễ hội Bàn Bù, thị trấn Ngọc Lặc	Thị trấn Ngọc Lặc	Thực hiện nghi lễ tế Thần Tịch Quang Ngọc giám Thủy lồi Lưu Thanh Thủy thần	Từ ngày 18 đến 20 tháng Giêng Âm lịch hàng năm	Tại Cụm di tích thắng cảnh Bàn Bù, thị trấn Ngọc Lặc	Thầy Mo	x			
5		Lễ hội Mường Lập	Xã Thạch Lập	Thực hiện nghi lễ tế Thần hoàng	Từ ngày mùng 6 đến mùng 7 tháng Giêng Âm lịch hàng năm	Tại Mường Lập, xã Thạch Lập	Thầy Mo		x		
6	Mo cơm mới		Tại các xã: Quang Trung, Phúc Thịnh, TT Ngọc Lặc, Ngọc Sơn, Ngọc Trung, Kiên Thọ, Minh Sơn, Thạch Lập, Vân Am, Mỹ Tân, Thuý Sơn, Nguyệt Ấn, Phùng Minh, Đồng Thịnh, Cao Ngọc, Phùng Giáo	Làm cơm mới cúng tổ tiên và các thần cầu mong được phù hộ mùa màng bội thu, nhà nhà no đủ	Sau vụ mùa thu hoạch. Khoảng tháng 10 âm lịch hàng năm	Trong gia đình và các di tích (đình, đền)	Thầy Mo		x		

6. HUYỆN NHƯ THANH

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Mo tang ma	Các xã: Xuân Phúc, Xuân Thái, Phượng Nghi, Mậu Lâm	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	Các tiết lễ: Mo ma, Mo làm vía, Mo nhìn, Cúng dài, “Đề đất - đề nước” (hay còn gọi là Mo Trêu) và “Mo lên trời” (hay còn gọi là Mo dẫn đường). Mo làm vía giải hạn, trừ tà ma được thực hiện thường xuyên khi có đám tang			

7. HUYỆN NHƯ XUÂN

1	Mo tang ma	Xã Thượng Ninh	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	Các tiết lễ: Cúng nhập quan (Bữa bao vóc ạo) Cúng cơm sau khi nhập quan, Mo nhìn, Cúng cơm về nhà (Wái bữa lại nhà), Mo về rừng (Mo Bao động/ Mo đi), Kẹ (Chữa bệnh cho người đã chết), Khuôi khăng (Xua tà cho quan tài), Mo tháo tang, đoạn tang được thực hiện thường xuyên khi có đám tang			
---	------------	----------------	--	-------------------	------------------------	---------	--	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo cúng về nhà (Quái lại)	Xã Thượng Ninh	Gọi hồn người chết sau khi chôn cất về nhà lúc còn sống để chia của, dụng cụ lao động (Quần áo, lúa gạo, dao, cuốc, bừa, cày, thúng, mủng, dẫn, sàng...); Mát nhà làm vía mực đích tháo gỡ đi những điều không may mắn trong gia đình để gia đình dòng họ có tang, có sức khỏe, làm ăn may mắn, không ốm đau	Thời gian làm lễ vào ban ngày, phần cúng lễ ở trong nhà, vật của, dụng cụ dâng cúng để ngoài hè	Thực hiện nghỉ lễ trong nhà	Thầy Mo	x			

8. HUYỆN QUAN HÓA

1	Mo tang ma	Các xã: Nam Xuân, Nam Động, Trung Sơn, Nam Tiến	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	x			
2	Mo vía	Các xã: Nam Xuân, Nam Tiến	Gọi hồn, vía người ốm mong được mạnh khỏe	Ngày đẹp. Thời gian Mo kéo dài từ 7 đến 10 phút	Trong nhà	Thầy Mo	x			
3	Mo cơm mới	Các xã: Trung Sơn, Nam Động	Lễ cơm mới cảm ơn ông bà tổ tiên phù hộ cho mùa màng bội thu	Ngày đẹp, Mùa thu hoạch lúa	Gian chính giữa ngôi nhà sàn	Thầy Mo	x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Mo về nhà mới	Các xã: Nam Xuân, Nam Tiến, Trung Sơn	Mời tổ tiên về ở nhà mới. Cầu gia chủ mạnh khoẻ. Cầu cho mưa thuận gió hòa mùa màng bội thu	Ngày đẹp Thời gian Mo kéo dài khoảng 30 phút	Trong nhà	Thầy Mo	x			
5	Mo đám cưới	Các xã: Nam Xuân, Nam Động, Nam Tiến, Trung Sơn	Cúng báo cáo ông bà tổ tiên có con cháu nhập họ hoặc đi lấy chồng	Khi có đám cưới	Trong nhà	Thầy Mo	x			
6	Mo cúng thổ địa	Xã Nam Động	Cầu cho mưa thuận gió hòa mùa màng bội thu	Khi bắt đầu một mùa vụ cấy hái	Ngoài nhà, bãi đất chống và đẹp	Thầy Mo	x			
7	Mo giải hạn	Xã Nam Tiến	Giải đi cái xấu trong con người	Ngày đẹp	Ngoài trời	Thầy Mo	x			

9. HUYỆN QUAN SƠN

1	Mo đám vía (mó wai)	Xã Sơn Điện	Gọi vía cho cha mẹ, người sắp đi xa nhà, người bị ốm đau, tai nạn ... nhằm động viên tinh thần cho người được gọi vía	Khi có người cần gọi vía	Tại hộ gia đình	Thầy Clượng	x			
2	Mo cơm mới	Xã Sơn Điện	Báo cáo tổ tiên sau mùa thu hoạch lúa nương hàng năm	Sau mùa thu hoạch lúa nương	Tại hộ gia đình	Thầy Clượng	x			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Mo giải hạn	Xã Sơn Điện	Giải hạn cho người bị ốm đau, tai nạn..	Khi có người bị nạn, ốm đau..	Tại hộ gia đình	Thầy Clượng	x			
4	Mo kênh cốc	Xã Sơn Điện	Cúng tổ tiên đầu năm	Sau tết Âm lịch hàng năm	Tại hộ gia đình	Thầy Clượng	x			
5	Mo tết	Xã Sơn Điện	Mo tết Nguyên đán	Địp tết Nguyên đán	Tại hộ gia đình	Thầy Clượng	x			
6	Mo Cau tấu	Xã Sơn Điện	Trừ tà cho người bị ốm, đau	Khi có người bị ốm, đau...	Tại hộ gia đình	Thầy Clượng	x			

10. HUYỆN THẠCH THÀNH

1	Mo tang ma	Tại các xã: Thạch Lâm, Thạch Quảng, Thạch Tượng, Thạch Cẩm, Thạch Sơn, Thạch Bình, Thạch Đồng, Thạch Long, Thành Yên, Thành Mỹ, Thành Vinh, Thành Trực, Thành Minh, Thành Công, Thành Tân, Văn Du, Thành Tâm, Thành An, Thành Thọ, Thành Long, Thành Tiến, Ngọc Trạo	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	Các tiết lễ: Mo Sứ thi Đè đất để nước trong lễ tang, gồm : - Mo lên - Mo nhẩn - Mo trêu - Mo thăm được thực hiện thường xuyên khi có đám tang		Các tiết lễ: Mo Sứ thi Kể chuyện trong khi làm hết tang (Mo ma khô) không còn được thực hiện	
---	------------	--	--	-------------------	------------------------	---------	--	--	---	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo mát nhà	Tại các xã: Thạch Lâm, Thạch Quảng, Thạch Tượng, Thạch Cẩm, Thạch Sơn, Thạch Bình, Thạch Đồng, Thạch Long, Thành Yên, Thành Mỹ, Thành Vinh, Thành Trực, Thành Minh, Thành Công, Thành Tân, Vân Du, Thành Tâm, Thành An, Thành Thọ, Thành Long, Thành Tiến, Ngọc Trạo	Xua đuổi những điều xấu, cầu mong những điều tốt đẹp	Thường vào đầu năm mới	Trong gia đình	Thầy Mo		x		
3	Mo vía	Tại các xã: Thạch Lâm, Thạch Quảng, Thạch Tượng, Thạch Cẩm, Thạch Sơn, Thạch Bình, Thạch Đồng, Thạch Long, Thành Yên, Thành Mỹ, Thành Vinh, Thành Trực, Thành Minh, Thành Công, Thành Tân, Vân Du, Thành Tâm, Thành An, Thành Thọ, Thành Long, Thành Tiến, Ngọc Trạo	Xua đuổi những điều xấu, cầu mong những điều tốt đẹp cho trẻ nhỏ, người già và những người đang mắc bệnh	Trong năm	Trong gia đình người Mường	Thầy Mo		x		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Mo lễ hội (Mo trong Lễ hội Mường Đồn)	Xã Thành Mỹ	Thực hiện nghỉ lễ tế Thần Thành Hoàng	Từ ngày 14-18 tháng Giêng hàng năm	Tại Cụm di tích Đình Mường Đồn, xã Thành Mỹ.	Thầy Mo	x			
5	Mo cơm mới	Tại các xã: Thạch Lâm, Thạch Quảng, Thạch Tượng, Thạch Cẩm, Thạch Sơn, Thạch Bình, Thạch Đồng, Thạch Long, Thành Yên, Thành Mỹ, Thành Vinh, Thành Trực, Thành Minh, Thành Công, Thành Tân, Vân Du, Thành Tâm, Thành An, Thành Thọ, Thành Long, Thành Tiến, Ngọc Trạo	Làm cơm mới cúng tổ tiên và các thần cầu mong được phù hộ mùa màng bội thu, nhà nhà no đủ	Sau vụ mùa thu hoạch, Khoảng tháng 10 Âm lịch hàng năm	Trong gia đình và các di tích (đình, đền)	Thầy Mo		x		

11. HUYỆN THƯỜNG XUÂN

1	Mo tang ma	Xã Lương Sơn.	Làm các nghi lễ tang ma, đưa hồn ma về với tổ tiên	Khi có người chết	Gia đình có người chết	Thầy Mo	x			
---	------------	---------------	---	----------------------	---------------------------	---------	---	--	--	--

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2	Mo vía	Xã Lương Sơn	Động viên tinh thần	Trẻ mới sinh, người ốm, người già, hết năm...	Gia đình, họ hàng	Thầy Mo	x			
3	Mo cúng gia tiên	Xã Lương Sơn	Cầu mong tổ tiên phù hộ làm ăn phát đạt, không ốm đau, bệnh tật	Buổi chiều tối. Thời gian Mo kéo dài từ 17 - 18 giờ	Diễn ra trong gia đình làm lễ	Thầy Mo	x			

DISTRICT...

No.	Full name of individuals or organizations who are archiving the objects	Address	Origin of the objects (Who did these objects belong to?)	Name of the objects						Notes
				Swords (quantity)	Bells (quantity)	Gongs (quantity)	Costumes (quantity)	Pictures, photos (quantity)	Other objects (quantity)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										

1. HUYỆN BÁ THƯỚC

STT	Họ và tên cá nhân hoặc tên tổ chức đang lưu trữ hiện vật	Địa chỉ	Nguồn gốc hiện vật (hiện vật này trước đây là của ai? ở đâu)	Tên hiện vật						Ghi chú
				Kiểm (số lượng)	Chuông (số lượng)	Chiêng (số lượng)	Trang phục (số lượng)	Tranh, ảnh (số lượng)	Khác (số lượng)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trương Văn Chiến	Thôn Riêng, xã Điền Lư	Ông cha để lại và tự tạo	03	02	0	02	0	Khánh	
2	Hà Văn Chương	Thôn Cú, Thiết Ống	Gia truyền	1	4	2	2	0	0	
3	Bùi Phúc Chủ	Thôn Lùng, xã Điền Quang	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
4	Hà Văn Hợi	Thôn Mít, xã Điền Quang	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
5	Bùi Văn Hiền	Thôn Phú Sơn, xã Lương Trung	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
6	Bùi Ngọc Giao	Thôn Hồ Quang, xã Điền Quang	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
7	Bùi Văn Lạc	Thôn Vền Ấm Khà, xã Điền Quang	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
8	Phạm Đức Luyện	Khu phố Đám, thị trấn Cảnh Nàng	Được truyền lại từ 4 đời ông cha trước đây	03	03	0	01 bộ	0	Quạt 01	
9	Trương Văn Lượng	Khu phố Chu, thị trấn Cảnh Nàng	Được truyền lại từ 7 đời ông cha trước đây	02	03	0	01 bộ	0	Quạt 01	
10	Trương Công Miên	Thôn Cò Lượn, xã Điền Trung	Ông cha để lại	02	03		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
11	Hà Xuân Minh	Bít Bả, Điền Thượng	Cửa dòng họ truyền qua các đời thầy Mo	1	1		1		Quạt: 1	
12	Hà Văn Nhân	Thôn Âm, xã Lương Nội	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
13	Trương Văn Nhất	Thôn Man Môn, xã Hạ Trung	Ông cha từ thời xưa	01	01		01		Cáo, quạt, trang phục thầy Mo	
14	Trương Văn Phấn	Khu phố Mòn, thị trấn Cảnh Nang	Được truyền lại từ 4 đời ông cha trước đây	01	0	0	0	0	0	
15	Bùi Văn Phòng	Thôn Quang Trung, xã Lương Trung	Tổ tiên để lại	01	01		01		Quạt, đồng bạc, nanh hổ ...	
16	Trương Hữu Tinh	Thung Tâm, xã Ái Thượng	Cha ông để lại	1	1		1			
17	Bùi Thanh Tiên	Thôn Vố, xã Điền Lư	Ông cha để lại và tự tạo	0	0	01	01	0	0	
18	Trương Văn Tuy	Thôn Chiềng Lãm, xã Điền Lư	Ông cha để lại và tự tạo	02	03	0	02	0	Kèn	
19	Phạm Hồng Thắng	Thôn Nan, xã Điền Hạ	Gia truyền	03	03				Quạt, đồng bạc, nanh hổ	
20	Trương Công Thế	Sông Mã, xã Điền Lư	Ông cha để lại và tự tạo	0	0	0	01	0	0	
21	Hà Oanh Thọ	Thôn Riêng, xã Điền Lư	Ông cha để lại và tự tạo	01	0	0	01	0	0	
22	Bùi Văn Rụng	Thôn Tôm, xã Ái Thượng	Cha ông để lại	1	1		1			

2. HUYỆN CẨM THỦY

1	Cao Ngọc Chung	Thôn Quý Tân, xã Cẩm Quý	Tổ tiên truyền lại	03	05	0	01	0	Quạt, bộ khót, bộ âm dương, cáo.	
2	Cao Ngọc Chinh	Thôn Quý Tân, xã Cẩm Quý	Tổ tiên truyền lại	03	05	0	01	0	Quạt, bộ khót, bộ âm dương, cáo.	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Nguyễn Văn Hùng	Thôn Quý Long, xã Cẩm Quý	Tổ tiên truyền lại	01	02	0	01	0	Quạt, bộ âm dương, cào.	
4	Bùi Văn Kiên	Thôn Phông Khánh, xã Cẩm Thành	Cửa cổ Bùi Văn Trương, ở tỉnh Hòa Bình	03	05	05	07	17	07	
5	Phạm Trùng Khánh	Thôn Bẹt, xã Cẩm Thạch	Ông cha truyền lại	01	01	02	01	0	06	
6	Phạm Hồng Quân	Thôn Bẹt, xã Cẩm Thạch	Ông cha truyền lại	01	01	2	01	0	06	
7	Bùi Huy Tập	Thôn Muốt, xã Cẩm Thành	Cửa cổ Bùi Văn Lù, xã Điền Hạ, huyện Bá Thước	02	06	0	01	0	15	
8	Bùi Văn Tiến	Thôn Cốc, xã Cẩm Thạch	Ông cha truyền lại	01	01	01	01	0	06	
9	Phạm Minh Vương	Thôn Vân Thung, xã Cẩm Thạch	Ông cha truyền lại	01	01	08	01	0	08	

3. HUYỆN LANG CHÁNH

01	Hà Văn Do	Khu phố Ảng, thị trấn Lang Chánh	Gia truyền	03	05	00	01	0	0	
02	Phạm Ngọc Dương	Thôn Trô, xã Giao An	Gia truyền	10	02	0	02	0	0	
03	Lê Thanh Điều	Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	Gia truyền	02	02	01	01	0	0	
04	Lê Trọng Liên	Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	Gia truyền	02	02	0	01	0	0	
05	Lê Thanh Nhân	Khu phố Giáng, thị trấn Lang Chánh	Gia truyền	02	02	00	01	0	0	
06	Phạm Văn Nhi	Thôn Nghju Tươi, xã Giao Thiện	Gia truyền	01	02	01	01	0	0	
07	Hà Văn Nho	Thôn Chiềng Nang, xã Giao An	Gia truyền	01	02	04	01	0	0	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
08	Hà Văn Quyền	Thôn Trô, xã Giao An	Gia truyền	01	02	0	01	0	0	
09	Hà Thanh Ưng	Thôn Khụ 2, xã Giao Thiện	Gia truyền	01	02	01	01	0	0	

4. HUYỆN MƯỜNG LÁT

1	Hà Văn Hoàn	Bản Cân, xã Tam Chung	Truyền lại	02	02	0	02	0	01	
---	-------------	-----------------------	------------	----	----	---	----	---	----	--

5. HUYỆN NGỌC LẶC

1	Lê Văn Ba	Làng Thạch Yên, xã Thạch Lập	Tổ tiên để lại và tự tạo	3	3	0	1	0	3 đôi cào	
2	Bùi Văn Cơ	Thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ấn	Tổ tiên để lại	2	2	0	1	0	5 đôi cào	
3	Phạm Văn Cơi	Làng Bót, xã Minh Sơn	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	4 đôi cào	
4	Lê Đức Chiếu	Làng Trạc, xã Phúc Thịnh	Tổ tiên để lại	1	3	0	1	0	5 đôi cào	
5	Phạm Văn Dần	Thôn Vin Cạn, xã Cao Ngọc	Tổ tiên để lại	2	2	0	1	0	5 đôi cào	
6	Bùi Ngọc Đình	Làng Quên, xã Phúc Thịnh	Tổ tiên để lại	2	4	0	1	0	5 đôi cào	
7	Phạm Ngọc Đức	Thôn Vin Cạn, xã Cao Ngọc	Tổ tiên để lại	1	4	0	1	0	3 đôi cào	
8	Nguyễn Đình Đương	Thôn Yên Thắng, xã Ngọc Trung	Cha ông để lại	3	3	0	1	0	6 đôi cào	
9	Lê Thanh Hà	Thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn	Tổ tiên để lại	2	4	0	1	0	5 đôi cào	
10	Trần Trọng Hiên	Thôn Mết, xã Vân Am	Tổ tiên để lại	2	5	0	1	0	3 đôi cào	
11	Cao Văn Hiếm	Làng Quang Phú, xã Quang Trung	Tổ tiên để lại và tự tạo	3	4	0	2	0	4 đôi cào	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Phạm Văn Hòa	Thôn Hạ Mỹ, xã Mỹ Tân	Cha ông để lại	2	3	0	1	0	6 đôi cào	
13	Lê Văn Hùng	Thôn Cao Sơn, xã Vân Am	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	3 đôi cào	
14	Phạm Văn Kiến	Làng Rềnh, xã Đồng Thịnh	Gia truyền	1	3	0	1	0	3 đôi cào	
15	Bùi Văn Lanh	Làng Chả Thượng, xã Mỹ Tân	Gia truyền	2	3	0	1	0	4 đôi cào	
16	Bùi Thế Lập	Làng Mới, xã Mỹ Tân	Tổ tiên để lại	2	2	0	1	0	4 đôi cào	
17	Bùi Văn Linh	Thôn Linh Sơn, xã Ngọc Sơn	Gia truyền	1	1	0	1	0	3 đôi cào	
18	Phạm Văn Lực	Làng Mỏ, xã Mỹ Tân	Tổ tiên để lại	2	4	0	1	0	4 đôi cào	
19	Phạm Văn Lục	Thôn Lỏ, xã Cao Ngọc	Tổ tiên để lại	2	2	0	1	0	6 đôi cào	
20	Lê Thanh Nhẫn	Thôn Rê, xã Vân Am	Tổ tiên để lại	2	5	0	1	0	5 đôi cào	
21	Bùi Văn Ngần	Làng Chả Thượng, xã Mỹ Tân	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	4 đôi cào	
22	Hà Văn Quy	Làng Thọ Phú, xã Kiên Thọ	Ông cha để lại	2	3	0	1	0	3 đôi cào	
23	Quách Văn Quyền	Thôn Xuân Minh, xã Ngọc Trung	Tổ tiên để lại	1	3	0	1	0	4 đôi cào	
24	Bùi Văn Quang	Thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ấn	Gia truyền	1	1	0	1	0	6 đôi cào	
25	Bùi Văn Tấn	Thôn Nguyệt Thịnh, xã Nguyệt Ấn.	Ông cha để lại	1	3	0	1	0	4 đôi cào	
26	Phạm Văn Tơ	Thôn Đông Sơn, xã Thủy Sơn	Cha ông để lại	2	2	0	1	0	3 đôi cào	
27	Phạm Văn Tự	Làng Chả Thượng, xã Mỹ Tân	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	3 đôi cào	
28	Trịnh Văn Tự	Thôn Tiên Phong, xã Ngọc Sơn	Cha ông để lại	1	3	0	1	0	3 đôi cào	
29	Phạm Văn Tĩnh	Làng Quên, xã Phúc Thịnh	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	5 đôi cào	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
30	Bùi Văn Thân	Làng Chu, xã Phùng Minh	Tổ tiên để lại	1	2	0	1	0	4 đôi cào	
31	Phạm Văn Thân	Thôn Thanh Sơn, xã Ngọc Sơn	Tổ tiên để lại	1	1	0	1	0	2 đôi cào	
32	Phạm Quốc Thanh	Làng Cốc, xã Phùng Minh	Tổ tiên để lại	1	1	0		0	4 đôi cào	
33	Bùi Văn Thành	Làng Chu, xã Phùng Minh	Tổ tiên để lại	1	3	0	1	0	2 đôi cào	
34	Phạm Văn Thành	Làng Nghiện, xã Cao Ngọc	Ông cha để lại	2	4	0	1	0	4 đôi cào	
35	Lê Văn Thế	Thôn Minh Nguyên, xã Minh Sơn	Tổ tiên để lại	1	3	0	1	0	4 đôi cào	
36	Phạm Xuân Thiện	Khu phố Cao Phong, TT Ngọc Lặc	Tổ tiên để lại	2	1	0	1	0	2 đôi cào	
37	Lê Văn Thiệp	Làng Lau, xã Phùng Giáo	Tổ tiên để lại	1	1	0	1	0	2 đôi cào	
38	Bùi Minh Thông	Làng Đồng Đang, Nguyệt Ấn	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	5 đôi cào	
39	Lê Văn Thực	Làng Minh Lai, xã Minh Sơn	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	2 đôi cào	
40	Phạm Như Thường	Làng Kiên Minh, xã Kiên Thọ	Gia truyền	2	2	0	1	0	2 đôi cào	
41	Quách Văn Thượng	Thôn Bái E, xã Quang Trung	Tổ tiên để lại	2	3	0	1	0	3 đôi cào	
42	Phạm Quang Vinh	Làng Quên, Phúc Thịnh	Tổ tiên để lại	5	3	0	1	0	5 đôi cào	

6. HUYỆN NHƯ THANH

1	Bùi Văn Điền	Thôn Bãi Hưng, xã Phương Nghi	Do tổ tiên đười trước để lại	01	02	01	01			
2	Quách Văn Hà	Thôn Đồng Quốc, xã Xuân Phúc	04 đời	02 cái	03 cái	không	01 áo 03 mũ		02 quạt, cào 02, 02 quả trứng, trâu cau	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Quách Văn Kẹt	Thôn Bái Đa 1, xã Phương Nghi	Do tổ tiên đòi trước để lại	01	02	01	01			
4	Trương Văn Minh	Thôn Đồng Phong, xã Phương Nghi	Do tổ tiên đòi trước để lại	01	02	01	01			
5	Bùi Văn Mạnh	Thôn Bái Con, xã Xuân Phúc	3 đời (ông, bố, con)	02 cái - một cái làm lệnh - 01 cái làm phép	02 cái (01 nhỏ, 01 to)	01	Mũ 03 cái, áo 02 bộ, 01 khăn đỏ thắt lưng	0	2 lá cờ: 01 lá cờ con cá. 01 lá cờ con hươu	
6	Quách Văn Phấn	Thôn Đồng Tiến, xã Mậu Lâm	Từ dòng họ ở Hòa Bình truyền lại	01	01	01	01			
7	Bùi Văn Thủy	Thôn Cây Nghĩa, xã Xuân Thái	Được truyền lại từ rất lâu đời	02	02		01			
8	Bùi Nha Trang	Thôn Bái Gạo I, xã Mậu Lâm	Từ dòng họ tại Hòa Bình truyền lại	01	01	01	01			
9	Quách Văn Ui	Thôn Rộc Môn, xã Mậu Lâm	Từ dòng họ tại Hòa Bình truyền lại	01	01	01	01			

7. HUYỆN NHƯ XUÂN

1	Bùi Văn Hường	Thôn Khe Khoai, xã Thượng Ninh	Truyền lại từ ông Quách Văn Cung ở thôn Khe Khoai, xã Thượng Ninh	03	03	04	03		Khót, nanh cọp, trâm khét, răng ma ươi; sừng hoẵng, nanh lợn cổ xưa, khăn ấn, quạt và cào (quê âm dương)	
2	Bùi Mạnh Kế	Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh	Nguồn gốc từ Hòa Bình	02	02		02		Sừng hoẵng, nanh lợn, quạt và cào (quê âm dương)	
3	Quách Văn Lý	Thôn Đồng Ngán, xã Thượng Ninh	Truyền lại từ Bồ là: Quách Văn Lưu, thôn Đồng Ngán, xã Thượng Ninh, Như Xuân	01	02		01		Sừng hoẵng, răng đười ươi, riu khét; nanh lợn, quạt và cào	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Bùi Văn Tấu	Thôn Đức Thắng, xã Thượng Ninh	Được bố truyền lại là Quách Văn Đông ở thôn Đức Thắng, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân	01	01		01		Quạt và cảo (quê âm dương)	
5	Đình Văn Thu	Thôn Đồng Hà, xã Thượng Ninh	Truyền lại từ ông Quách Văn Dực ở Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân	02	03		02		Đá khót, nanh lồi, sừng hoẵng, sừng bò tốt, riêu khét, quạt và cảo (quê âm dương)	
6	Bùi Văn Thọ	Thôn Đồng Chành, xã Thượng Ninh	Nguồn gốc từ Hòa Bình	02		01			Nanh cọp, nanh lồi, sừng hoẵng; khót, sừng xèo; quạt và cảo (quê âm dương)	

8. HUYỆN QUAN HÓA

1	Ngân Văn Chính	Bản Khuông, xã Nam Xuân	Của cha ông đời trước để lại	01	03	0	01 bộ	0	1 quạt	
2	Lò Văn Hoàn	Bản Tà Bán, xã Trung Sơn	Của cha ông, để lại truyền nghề	01	02		01		Áo, mũ	
3	Ngân Văn Sung	Bản Khuông, xã Nam Xuân	Ông cha truyền lại	0	0	01	0	0	0	

9. HUYỆN QUAN SƠN

1	Lương Văn Nấn	Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	Của ông, cha để lại	01	02	0	0	0		
2	Hà Văn Ngọc	Bản Na Hồ, xã Sơn Điện	Của ông, cha để lại	01	01	0	01 bộ	0		
3	Lương Văn Pháo	Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	Của ông, cha để lại	01	01	0	0	0		

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Lương Văn Quế	Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	Cửa ông, cha để lại	01	02	0	01 bộ	0	Quạt và cảo (quẻ âm dương)	
5	Lương Văn Tình	Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	Cửa ông, cha để lại	01	02	0	0	0	Đá khót, nanh lòi, sừng hoẵng, sừng bò tốt, riêu khét, quạt và cảo (quẻ âm dương)	
6	Lương Văn Thơ	Bản Na Hồ, xã Sơn Điện	Cửa ông, cha để lại	01	01	0	0	0	Nanh cọp, nanh lòi, sừng hoẵng; khót, sừng xèo; quạt và cảo (quẻ âm dương)	
7	Hà Văn Uyên	Bản Xuân Sơn, xã Sơn Điện	Cửa ông, cha để lại	01	02	0	01 bộ	0		

10. HUYỆN THẠCH THÀNH

1	Bùi Văn Ánh	Thôn Đồng Hương, xã Thạch Sơn	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Quạt lông chim...	
2	Bùi Ngọc Dĩnh	Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	02	01	02		Túi khót 1 bộ: quạt, nanh, sừng thú rừng, thuồng, mai, dao, khăn, cờ	
3	Đình Thế Diện	Thôn Bông Bụt, xã Thành Công	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Nanh lợn lòi, nanh hổ, thuồng, khánh, âm dương, cang cầm, cảo, mũ, khăn ấn, lông công, cờ	
4	Đình Văn Dung	Thôn Thành Trung, xã Thành Yên	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Túi khót, dao bằng sừng hoẵng, quạt	
5	Đình Văn Đăng	Thôn Đồng Thành, xã Thành Yên	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Dao bằng sừng hoẵng, quạt...	
6	Nguyễn Văn Đình	Thôn Đăng Thượng, xã Thạch Lâm	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	02		Đao lù, giáo dài, cảo, tiền xu âm dương, quạt...	
7	Bùi Văn Hồng	Thôn Thành Trung, xã Thành Yên	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Túi khót, sừng thú các loại, quạt...	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	Nguyễn Đình Khiên	Thôn Thạch Lỗi, xã Thành Tân	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	02	01	02		Sừng dùng để nạt nỏ (ma), tầm sét bằng đá, đồng, sừng hoẵng, hươu	
9	Bùi Đức Lưu	Thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Bộ túi khọt, sừng các loại, dao	
10	Bùi Hiền Lương	Thôn Đồng Ngự, xã Thành An	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Quạt, nanh hổ, lợn rừng, nanh thú, diu đá, diu đồng, thuồng, mũ, khăn ấn, sừng hoẵng, chân gà rừng, dao	
11	Bùi Văn Mao	Thôn Mục Long, xã Thành Minh	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	02	01	02	03	Khăn cầm, quạt, mũ bông leo, 02 lông công, khăn trắng, sừng thú (hoẵng, hùm), cây ngái, cây nghệ đen, gừng, diu đá, riu đồng	
12	Trương Đình Muộn	Thôn Đồng Khanh, xã Thành Thọ	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Túi khọt, dao, răng nanh hổ, lưới riu bằng đồng, bằng đá...	
13	Tiết Bá Ninh	Thôn Tượng Phong, xã Thạch Tượng	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	02	04	01	02		Dao, chuông, nanh lợn lòi, nanh hùm; quạt, mũ Mo (mũ đội khi ngồi 02 cái, mũ đứng vãi 01 cái chào mào, lông công)	
14	Lê Văn Nung	Thôn Đa Đụn, xã Thành Trực	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	02	01	02		Túi khọt, quạt, mâm nỏ (sừng, dao, diu đá, diu đồng, răng thú các loại, đồng tiền âm dương, dao)	
15	Đình Thế Nhị	Thôn Trường Châu, xã Thành Công	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Nanh lợn lòi, nanh hổ, thuồng, khánh, âm dương, cang cầm, cào, mũ, khăn ấn, lông công, cò	
16	Bùi Văn Ngự	Thôn Luông, xã Thành Minh	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	02	02	02	03	Khăn cầm, quạt, mũ bông leo, lông công, khăn trắng, sừng thú (hoẵng, hùm), cây ngái, cây nghệ đen, gừng, diu đá, riu đồng	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
17	Bùi Thanh Oai	Thôn Đầm Hương, xã Thành Minh	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	02	02	03	Túi khốt, khăn cầm, quạt, mũ bông leo, lông công, khăn trắng, sừng thú (hoẵng, hùm..), cây ngái, cây nghệ đen, riu đá, riu đồng...	
18	Nguyễn Đình Phúc	Thôn Đấng Thượng, xã Thạch Lâm	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	02		Đao lù, giáo dài, cào, tiền xu âm dương, quạt....	
19	Bùi Văn Tân	Thôn Nghện, xã Thành Minh	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Túi khốt; quạt...	
20	Bùi Văn Tấn	Thôn Liên Sơn, xã Thạch Sơn	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Quạt lông chim...	
21	Nguyễn Văn Tình	Thôn Mục Long, xã Thành Minh	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	02	02	01	02	03	Túi khốt, nanh báo, sừng hoẵng, quạt, dao lù, dao con...	
22	Cao Đấng Thanh	Thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Bộ túi khốt và sừng các loại thú, dao	
23	Bùi Văn Thảo	Thôn Tượng Sơn, xã Thạch Tượng	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Bộ túi khốt, sừng các loại thú, dao	
24	Đình Thế Vị	Thôn Bông Bụt, xã Thành Công	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01	03	Nanh lợn lòi, nanh hổ, thuồng, khánh, âm dương, cang cầm, cào, mũ, khăn ấn, lông công, cò	
25	Bùi Kính Vịnh	Thôn Tượng Liên, xã Thạch Tượng	Được truyền lại và mua thay thế, bổ sung	01	01	01	01		Bộ túi khốt và sừng các loại, dao	

11. HUYỆN THƯỜNG XUÂN

1	Phạm Văn Ngân	Trung Thành, xã Lương Sơn	Đời bố để lại	01	03	03	1 quạt, 1 áo			
---	---------------	---------------------------	---------------	----	----	----	--------------	--	--	--

No.	Titles of the materials and documents	Name of authors	Types of the materials and documents	Number of pages/ Capacity of the materials and documents	Year of Publication (if any)	Publisher/Place of Publication (if any)	Archive location; Archivists; Address; Phone number	Notes
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								

STT	Tên tư liệu	Tên tác giả	Dạng tư liệu	Số trang/Dung lượng tư liệu	Năm xuất bản/ấn hành (nếu có)	Nhà xuất bản/Nơi ấn hành (nếu có)	Nơi lưu trữ, người lưu trữ, địa chỉ, số điện thoại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Mo Sử thi dân tộc Mường	Vương Anh (Chủ biên)	Sách	2215 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm	1997	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng tư liệu nghiên cứu lịch sử, Trung tâm nghiên cứu lịch sử và Bảo tồn di sản văn hóa Thanh Hóa	
2	Nghệ thuật diễn xướng Mo Mường	PGS. TS Kiều Trung Sơn (Chủ biên), Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	383 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2017	Nhà xuất bản Mỹ Thuật	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa.	
3	Diễn xướng Nghi lễ Di sản Văn hóa đặc sắc của Dân tộc Mường.	Bùi Thiện (Sưu tầm, biên dịch, giới thiệu), Hà Lý (tuyển chọn)	Sách	663 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2020	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa.	
4	Văn hóa dân gian Mo Mường	Bùi Huy Vọng, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	431 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2015	Nhà xuất bản Khoa học xã hội.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa.	
5	Tư liệu tín ngưỡng dân gian Mường Thanh Hoá, tập 1 – Lễ Ma	Hoàng Anh Nhân, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	254 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2011	Nhà xuất bản Lao động.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa.	
6	Sử thi Mường (Quyển 2)	Phan Đăng Nhật (Chủ biên), Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	541 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2013	Nhà xuất bản Khoa học xã hội.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa.	
7	Tuyển tập sưu tầm- nghiên cứu văn hóa dân gian Thanh Hóa	Hoàng Anh Nhân	Sách	1.298 trang. Khổ sách: 19 x 27cm.	2015	Nhà xuất bản Thanh Hóa.	Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hóa Thanh Hóa. Trương Thị Tuyết, 0904983866	
8	Mo Mường tập 1	Bùi Văn Nội, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	757 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2012	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
9	Mo Mường tập 2	Bùi Văn Nợi, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	935 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2012	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa	
10	Mo Mường tập 3	Bùi Văn Nợi, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	549 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	2013	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa	
11	Nghiên cứu văn nghệ dân gian Việt Nam: Tuyển chọn một số công trình - tập 1	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	683 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	1997	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa	
12	Nghiên cứu văn nghệ dân gian Việt Nam: Tuyển chọn một số công trình - tập 2	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.	Sách	870 trang. Khổ sách: 14,5 x 20,5cm.	1997	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc	Phòng Địa chí, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thanh Hóa	
13	Tiếp cận với văn hóa bản Mường	Vương Anh	Sách	175 trang. Khổ sách: 13x19cm.	2001	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
14	Truyện cổ dân tộc Mường	Hoàng Anh Nhân - Vương Anh	Sách	182 trang. Khổ sách: 14,5x20,5cm.	2010	Nhà xuất bản Thanh Hóa	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
15	Truyện cổ dân tộc Mường	Hoàng Anh Nhân - Vương Anh	Sách	184 trang. Khổ sách: 14,5x20,5cm.	2011	Nhà xuất bản Thanh Hóa	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
16	Văn hóa dân gian Mường Thanh Hóa	Cao Sơn Hải	Sách	1412 trang. Khổ sách: 19x27cm.	2017	Nhà xuất bản Thanh Hóa	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
17	Truyền thuyết dựng bản - lập mường Thanh Hóa	Ngô Hoài Chung (Chủ biên)	Sách	367 trang. Khổ sách: 14,5x20,5cm.	2007	Sở Văn hoá Thông tin Thanh Hóa	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
18	Người Mường ở Việt Nam	Trung tâm KHXH và Nhân văn quốc gia Việt Nam - Báo ảnh Việt Nam	Sách ảnh	151 trang. Khổ sách: 23,5x28,5cm.	1999	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
19	Cõi người qua tín ngưỡng Mường Trong	Hoàng Anh Nhân	Sách	336 trang. Khổ sách: 14,5x20,5cm.	2008	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
20	Những bài ca đám cưới người Mường Thanh Hóa	Cao Sơn Hải	Sách	314 trang. Khổ sách: 13x19cm.	2003	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc	Phòng Tư liệu, Bảo tàng tỉnh Thanh Hóa	
21	Địa chí huyện Bá Thước	Nhóm tác giả trường Đại học Hồng Đức và Bảo tàng lịch sử quốc gia	Sách	899 trang. Khổ sách: 19 x 27cm.	2015	Nhà xuất bản Lao động.	Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hoá Thanh Hóa. Vũ Thị Hương, 0915992731	
22	Địa chí huyện Mường Lát	ThS Ngô Xuân Sao và PGS.TS Mai Hồng Hải đồng chủ biên	Sách	875 trang. Khổ sách: 19 x 27cm.	2020	Nhà xuất bản Khoa học xã hội.	Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử và Bảo tồn Di sản Văn hoá Thanh Hoá. Vũ Thị Hương, 0915992731	

MỤC LỤC

• Báo cáo kết quả kiểm kê Di sản Mo Mường năm 2023.....	7
• Summary of the inventory results on the Mo Mường in 2023	27
SỐ LIỆU TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ DI SẢN MO MƯỜNG NĂM 2023	
SUMMARY DATA INVENTORY RESULTS OF THE MO MƯỜNG IN 2023	
• Summary table of the results of the Mo Mường	52
• Bảng tổng hợp chung kết quả kiểm kê di sản Mo Mường	53
• Summary data inventory table of “the Mo masters”	54
• Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê về nghệ nhân Mo Mường “bạc thầy”	55
• Summary data inventory table of the Mo practitioners	56
• Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê về nghệ nhân Mo Mường.....	57
• Summary data inventory table of the people who participate in funeral rituals of the Mường people (who are not the Mo practitioners)	58
• Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê về người tham gia thực hành nghi lễ tang ma của dân tộc Mường (không phải là thầy Mo)	59

- Summary data inventory table of the Mo rituals and beliefs in localities 60
- Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê về nghi lễ tín ngưỡng có tên gọi Mo tại các địa phương 61
- Summary data inventory table of the relevant objects of the Mo Mường..... 62
- Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê về hiện vật liên quan đến Mo Mường..... 63
- Summary data inventory table of relevant materials and documents of the Mo Mường ritual..... 64
- Bảng tổng hợp kết quả kiểm kê về tư liệu liên quan đến Mo Mường 65
- Summary data inventory table of the Mo Mường materials and documents at Vietnamese Institute for Musicology 66
- Bảng tổng hợp số liệu kiểm kê tư liệu về Mo Mường tại kho lưu trữ của Viện Âm nhạc..... 67

SỐ LIỆU KIỂM KÊ DI SẢN MO MUỜNG TẠI 7 TỈNH, THÀNH PHỐ NĂM 2023

THE INVENTORY DATA OF THE MO MUỜNG IN SEVEN PROVINCES AND CITIES IN 2023

* Tỉnh ĐẮK LẮK	71
* Thành phố HÀ NỘI	97
* Tỉnh HÒA BÌNH	117
* Tỉnh NINH BÌNH	255
* Tỉnh PHÚ THỌ	281
* Tỉnh SƠN LA	305
* Tỉnh THANH HÓA	341

KIỂM KÊ DI SẢN MƠ MƯỜNG
INVENTORY OF THE MO MƯỜNG
2023

Chịu trách nhiệm nội dung/ In charge of Content

PHẠM MINH HƯƠNG

Tổ chức thực hiện/ Implementing Organizer

NGUYỄN THỦY TIÊN

Biên tập nội dung/ Content Editors

PHẠM MINH HƯƠNG

NGUYỄN THỦY TIÊN

NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

LƯƠNG THỊ HỒNG THẨM

VŨ THÚY KIỀU OANH

Dịch tiếng anh/ Translator

BÙI THỊ NGỌC HÒA

Trình bày kỹ thuật/Book design and layout

ĐINH KHÁNH LINH

Trình bày bìa/ Cover

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG